BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Lịch sử 12

thuongmaitruongxua.vn

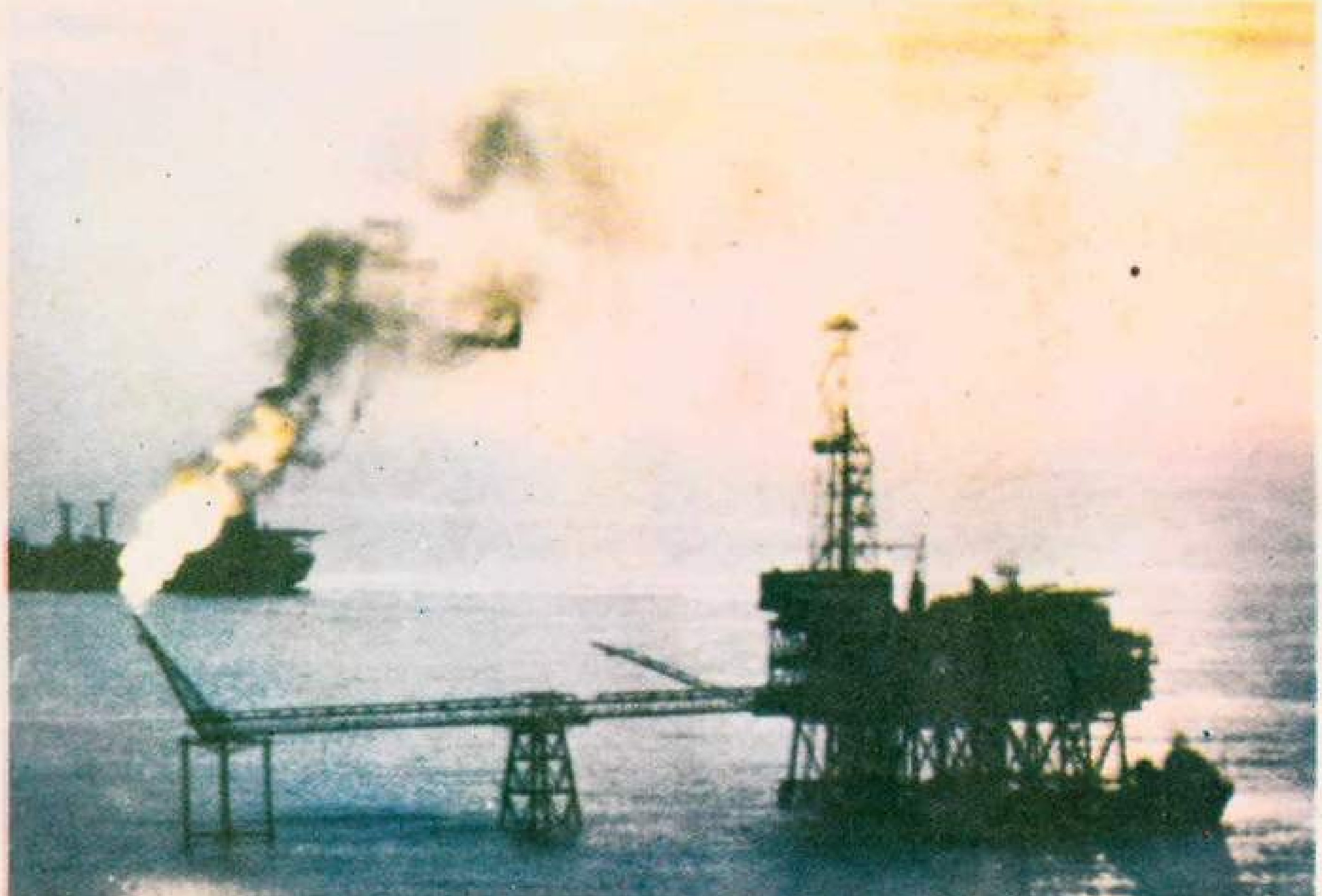

TẬP HAI

GD

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐINH XUÂN LÂM (chủ biên)
NGUYỄN XUÂN MINH - TRẦN BÁ ĐỆ

Lịch sử
12

TẬP HAI

ruongxua.vn

(Tái bản lần thứ 8)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :
NGÔ TRẦN ÁI
VŨ DƯƠNG THỤY

Biên tập lần đầu :
TRƯƠNG QUANG QUẬT

Biên tập tái bản :
LÊ ĐÌNH HÀ

Sửa bản in :
PHAN TỰ TRANG

Sắp chữ :
PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

9(075) / GD - 00 — 831/242 - 99 — Mã số : 3H209t0

thuongmaitr

Chương I

VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Bài 1

NHỮNG BIẾN CHUYỂN VỀ KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM TỪ 1919 ĐẾN 1930

truongxua.vn

1. Chương trình khai thác thứ hai của thực dân Pháp

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918), đế quốc Pháp tuy là một nước thắng trận, nhưng bị tàn phá nặng nề, nền kinh tế bị kiệt quệ. Để bù đắp các thiệt hại to lớn do chiến tranh gây ra, bọn tư bản độc quyền ở Pháp vừa tăng cường bóc lột nhân dân lao động trong nước, vừa ráo riết đẩy mạnh khai thác các thuộc địa. "Chương trình khai thác thứ hai" chúng thi hành ở Đông Dương – trong đó có Việt Nam – chính nhằm vào mục đích đó.

Sau chiến tranh, để khai thác được nhiều hơn kho tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân công rẻ mạt và nắm lại thật chặt thị trường Việt Nam, chúng chủ trương tăng cường đầu tư vào Việt Nam. Chỉ trong vòng 6 năm (1924 – 1929), tổng số vốn đầu tư vào Đông Dương đã tăng gấp 6 lần số vốn đầu tư trong 20 năm trước chiến tranh (1898 – 1918). Chúng bỏ vốn nhiều nhất vào *nông nghiệp* (chủ yếu là đồn điền cao su) và *khai mỏ* (chủ yếu là mỏ than)*. Năm 1927, số vốn

---

(*) Vì cao su và than là hai mặt hàng thị trường nước Pháp và thị trường thế giới có yêu cầu lớn sau chiến tranh

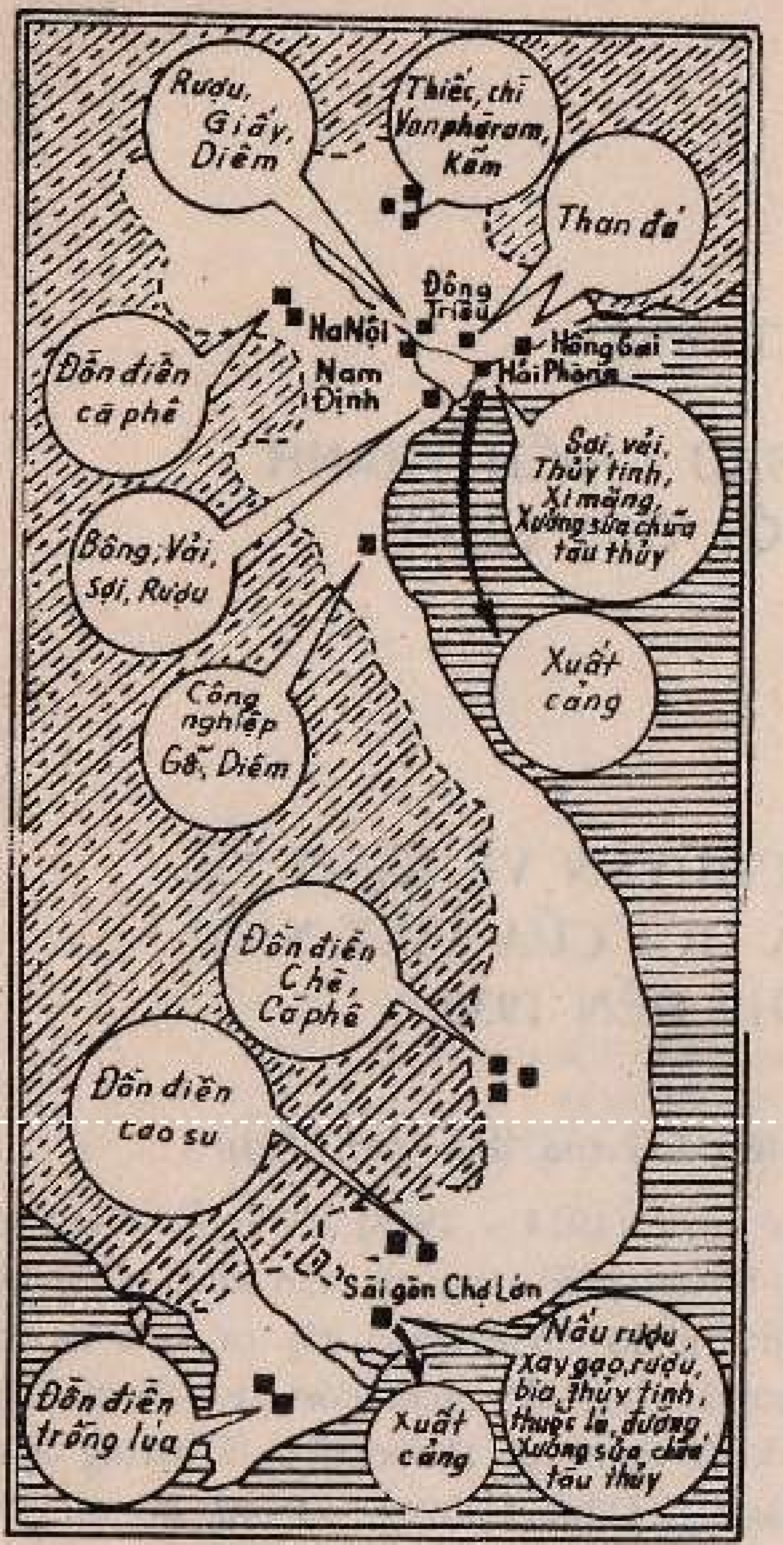

Hình 1 – Nguồn lợi của tư bản thực dân Pháp ở Việt Nam trong cuộc khai thác lần 2

đầu tư vào nông nghiệp lên tới 400 triệu phơ-răng, gấp 10 lần trước chiến tranh. Diện tích trồng cao su tăng từ 15 ngàn hec-ta năm 1918 lên tới 120 ngàn hec-ta năm 1930. Nhiều công ti cao su lớn ra đời : công ti Đất đỏ, công ti Misơlanh, công ti trồng trọt cây nhiệt đới v.v..

Sau nông nghiệp, tư bản Pháp chú trọng đến khai mỏ. Các công ti than có từ trước nay đều được bỏ vốn thêm và hoạt động mạnh hơn. Đồng thời, nhiều công ti than mới nối tiếp nhau ra đời (Công ti than Hạ Long – Đồng Đăng ; công ti than và kim khí Đông Dương ; công ti than Tuyên Quang, công ti than Đông Triều v.v.). Tư bản Pháp cũng mở thêm một số cơ sở công nghiệp chế biến (các nhà máy sợi Hải Phòng, Nam Định ; rượu Hà Nội, Nam Định, Hà Đông ; diêm Hà Nội, Hàm Rồng, Bến Thủy; đường Tuy Hòa ; gạo Chợ Lớn v.v.).

Sau chiến tranh, thương nghiệp cũng phát triển hơn. Để nắm chặt thị trường Việt Nam (và Đông Dương) cho tư bản độc quyền Pháp, chúng ban hành đạo luật đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài nhập vào, chủ yếu là của Trung Quốc và Nhật Bản. Hàng Pháp nhập vào nhờ vậy tăng lên rất nhanh, trước chiến tranh mới chiếm 37% tổng số hàng nhập thì chỉ mấy năm sau chiến tranh đã vọt lên tới 62%.

thuongmaitr

Giao thông vận tải cũng được đầu tư để phát triển thêm, phục vụ đắc lực cho khai thác và chuyên chở nguyên vật liệu cũng như cho lưu thông hàng hóa trong nội địa và với nước ngoài. Đường sắt xuyên Đông Dương được nối liền nhiều đoạn như Đồng Đăng – Na Sầm (1922), Vinh – Đông Hà (1927).

Ngân hàng Đông Dương đại diện thế lực của tư bản tài chính Pháp có cổ phần trong hầu hết các công ti và xí nghiệp lớn, do đó về thực tế nó đã nắm quyền chỉ huy các ngành kinh tế ở Đông Dương.

Nhìn chung, các ngành kinh tế của tư bản Pháp ở Đông Dương sau chiến tranh đều có bước phát triển mới.

Nhưng chính sách khai thác thuộc địa của chúng về căn bản vẫn không thay đổi : hết sức hạn chế sự phát triển công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp nặng như các ngành luyện kim, cơ khí, hóa chất v.v. nhằm cột chặt Đông Dương vào nền công nghiệp của nước Pháp, và biến Đông Dương thành thị trường độc chiếm của tư bản Pháp.

Còn phải kể tới thủ đoạn bóc lột vơ vét nhân dân ta bằng cách đánh thuế nặng (thuế ruộng đất, thuế thân, thuế rượu, thuế muối, thuế thuốc phiện và hàng trăm thứ thuế khác). Chính nhờ vào các khoản thu đó mà ngân sách Đông Dương từ năm 1912 đến năm 1930 đã tăng lên gấp 3 lần.

truongxua.vn

?
- *Tại sao đế quốc Pháp lại đẩy mạnh khai thác Việt Nam ngay sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ?*
- *Chương trình khai thác Việt Nam lần thứ hai của đế quốc Pháp có những điểm gì mới ?*

2. Các chính sách về chính trị, văn hóa - giáo dục

Sau chiến tranh, chính sách cai trị thuộc địa của đế quốc Pháp ở Đông Dương vẫn không hề thay đổi. Chúng thi hành một chính sách chuyên chế triệt để, mọi quyền hành trong nước đều thâu tóm trong tay người Pháp, bọn vua quan Nam triều chỉ là những tên bù nhìn tay sai. Nhân dân ta không được hưởng một chút quyền tự do dân chủ nào, mọi hành động yêu nước đều bị chúng thẳng tay đàn áp, khủng bố. Đế quốc Pháp thi hành chính sách "chia để trị" : chia nước ta thành 3 kì với 3 chế độ khác nhau, đồng thời còn chia rẽ giữa các dân tộc đa số và thiểu số, giữa lương và giáo. Bộ máy cường hào của giai cấp địa chủ phong kiến ở nông thôn bị chúng triệt để lợi dụng vào việc củng cố uy quyền và bảo vệ sự thống trị của chúng. Chúng còn mở rộng Hội

đồng quản hạt Nam Kì, lập các Viện dân biểu Bắc Kì và Trung Kì để cho một số địa chủ và tư sản người Việt tham gia, nhằm lôi kéo họ đi với chúng.

Về mặt văn hóa – giáo dục, chúng triệt để thi hành chính sách văn hóa nô dịch, nhằm gây tâm lí tự ti, vong bản, ra sức khuyến khích các hoạt động mê tín, dị đoan, các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, đĩ điếm v.v. trong nhân dân. Trường học được mở nhỏ giọt, chủ yếu là các trường tiểu học, các trường trung học chỉ mở ở một số thành phố lớn (Hà Nội, Sài Gòn, Huế...) ; còn các trường đại học và cao đẳng ở Hà Nội thực chất chỉ là những trường chuyên nghiệp. Rõ ràng là đế quốc Pháp chỉ cần đào tạo một đội ngũ công chức và công nhân lành nghề để phục vụ cho công cuộc đẩy mạnh khai thác, bóc lột và củng cố bộ máy cai trị ở thuộc địa.

Sách, báo xuất bản công khai cũng được lợi dụng triệt để vào việc tuyên truyền chính sách "khai hóa" của bọn thực dân và gieo rắc ảo tưởng hòa bình hợp tác với bọn thực dân cướp nước và vua quan bù nhìn bán nước.

? *– Các thủ đoạn chính trị, văn hóa – giáo dục của đế quốc Pháp sau chiến tranh có những đặc điểm gì, và nhằm vào mục đích gì ?*

thuongmaitr

3. Xã hội Việt Nam phân hóa sâu sắc hơn sau chiến tranh

Sau chiến tranh, dưới ảnh hưởng của chính sách khai thác được đẩy mạnh trên quy mô lớn, sự phân hóa giai cấp trong xã hội Việt Nam ngày càng sâu sắc. Mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp xã hội có địa vị và quyền lợi khác nhau nên cũng có thái độ chính trị khác nhau trong cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp đang ngày càng phát triển.

Giai cấp địa chủ phong kiến ở nông thôn là chỗ dựa của chủ nghĩa đế quốc. Sự câu kết ngày càng thêm chặt chẽ giữa hai thế lực phản động trên đã tạo cơ hội cho chúng chia nhau chiếm đoạt ruộng đất của nông dân, đồng thời đẩy mạnh bóc lột về kinh tế và tăng cường kìm kẹp, đàn áp về chính trị đối với nông dân. Cố nhiên cũng có một bộ phận, nhất là địa chủ vừa và nhỏ, có tinh thần yêu nước nên có tham gia các phong trào yêu nước khi có điều kiện.

Giai cấp tư sản tiếp nối quá trình tập hợp từ trong đợt khai thác thứ nhất trước chiến tranh và suốt 4 năm chiến tranh, tầng lớp tư sản

ngày càng thêm đông, nhưng cũng phải đến mấy năm sau khi chiến tranh kết thúc thì giai cấp tư sản mới ra đời. Họ phần đông là những tiểu chủ đứng trung gian làm thầu khoán, cung cấp nguyên vật liệu hay đại lí hàng hóa cho tư bản Pháp. Khi đã kiếm được số vốn khá, họ đứng ra kinh doanh riêng và trở thành những nhà tư sản (như Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Hữu Thu v.v.). Sau chiến tranh, họ háo hức bỏ vốn kinh doanh vào một số ngành công thương, đáng kể có các công ti Tiên Long thương đoàn (Huế), Hưng hiệp hội xã (Hà Nội)..., xưởng chế xà phòng của Trương Văn Bền (Sài Gòn), công ti nấu rượu Nam Đồng Ích (Thanh Hóa), công ti điện của Phan Tùng Long – Lê Phát An (Nam Bộ)... Cũng có người bỏ vốn vào ngành khai thác mỏ (Bạch Thái Bưởi) và ngành trồng cao su (Lê Phát Vĩnh, Trần Văn Chương v.v.).

Ngân hàng Việt Nam do một số địa chủ và tư sản Nam Kì bỏ vốn thành lập.

Giai cấp tư sản Việt Nam vừa mới ra đời đã bị tư bản Pháp chèn ép, kìm hãm nên số lượng ít, thế lực kinh tế yếu, nặng về thương nghiệp, không thể đương đầu nổi với sự cạnh tranh của tư bản Pháp. Phát triển đến một mức nào đó thì họ phân hóa thành hai bộ phận : tầng lớp tư sản mại bản có quyền lợi gắn liền với đế quốc nên câu kết chặt chẽ về chính trị với chúng ; tầng lớp tư sản dân tộc có khuynh hướng kinh doanh độc lập nên ít nhiều có tinh thần dân tộc, dân chủ chống đế quốc và phong kiến, nhưng cũng có thái độ không kiên định, dễ thỏa hiệp, cải lương khi đế quốc mạnh.

Các tầng lớp tiểu tư sản bao gồm những người buôn bán, chủ xưởng nhỏ đến các viên chức, trí thức, học sinh, sinh viên.

Sau chiến tranh, do sự phát triển của các ngành kinh tế, đặc biệt là sự mở rộng các cơ quan hành chính, văn hóa, giáo dục, số lượng đội ngũ tiểu tư sản tăng nhanh, trên cơ sở đó *giai cấp tiểu tư sản* ra đời. Họ cũng bị tư bản Pháp ráo riết chèn ép, bạc đãi, khinh rẻ, đời sống bấp bênh, dễ bị xô đẩy vào con đường phá sản và thất nghiệp. Trong khi đó, bộ phận trí thức, sinh viên, học sinh lại có điều kiện tiếp xúc với các trào lưu tư tưởng văn hóa tiến bộ bên ngoài nên có tinh thần hăng hái cách mạng, và là một lực lượng quan trọng trong cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta.

Giai cấp nông dân chiếm trên 90% số dân, bị đế quốc phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề bằng các thủ đoạn sưu cao, thuế nặng, tô tức,

phu phen, tạp dịch, cướp đoạt ruộng đất. Họ bị bần cùng hóa và phá sản trên quy mô lớn, nhưng chỉ có một bộ phận nhỏ rời làng đi tìm việc làm, được thu nhận vào trong các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, còn phần đông vẫn phải quay về làng sống cuộc đời tá điền cực nhọc với chủ ruộng mới ngay trên mảnh ruộng cũ của mình. Trong hoàn cảnh đó, giai cấp nông dân Việt Nam là lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng.

Giai cấp công nhân ra đời rất sớm, ngay trong thời kì khai thác thứ nhất của đế quốc Pháp (trước chiến tranh). Nó phát triển khá nhanh trong thời kì khai thác thứ hai của đế quốc Pháp cả về số lượng và chất lượng.

Trước chiến tranh, tổng số công nhân các ngành mới có trên dưới 10 vạn, sau chiến tranh tính đến năm 1929 lên tới 22 vạn, phần lớn tập trung tại các trung tâm kinh tế quan trọng của đế quốc Pháp là các vùng mỏ, đồn điền cao su, và các thành phố công nghiệp như Hà Nội, Sài Gòn – Chợ Lớn, Hải Phòng, Nam Định.

Ngoài những đặc điểm chung của giai cấp công nhân quốc tế (đại biểu cho lực lượng sản xuất tiến bộ nhất của xã hội, điều kiện lao động và sinh sống tập trung...), giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng : bị 3 tầng áp bức bóc lột của đế quốc, phong kiến, tư sản người Việt ; có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân ; kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng và bất khuất của dân tộc.

Đặc biệt, giai cấp công nhân Việt Nam vừa lớn lên đã tiếp thu ngay được ảnh hưởng mạnh mẽ của phong trào cách mạng thế giới sau chiến tranh, nhất là ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga và của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Hoàn cảnh và đặc điểm ra đời và phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam làm cho giai cấp đó sớm trở thành một lực lượng chính trị độc lập, thống nhất, tự giác trong cả nước, để trên cơ sở đó nhanh chóng vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng nước ta.

?

1. Tình hình phân hóa xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ?

2. Thái độ chính trị và khả năng cách mạng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam sau chiến tranh ?

Bài 2

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

1. Ảnh hưởng của tình hình thế giới đến Việt Nam sau chiến tranh

Trong lúc xã hội Việt Nam đang phân hóa kịch liệt dưới ảnh hưởng của đợt khai thác sau chiến tranh của đế quốc Pháp thì ảnh hưởng của cách mạng thế giới – chủ yếu là ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga – cũng dội vào và có tác dụng thúc đẩy cách mạng Việt Nam chuyển sang một thời kì mới.

Cách mạng tháng Mười Nga thành công (11 – 1917), ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản và chế độ phong kiến tồn tại lâu đời ở nước Nga sụp đổ. Sự kiện đó có một ý nghĩa lịch sử to lớn. Lần đầu tiên trong lịch sử, trên một đất nước rộng lớn chiếm 1/6 diện tích thế giới, công nhân và nông dân đã nắm chính quyền và bắt tay xây dựng chế độ mới xã hội chủ nghĩa.

ruongxua.vn

Dưới ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông và phong trào công nhân ở các nước tư bản đế quốc phương Tây đã có sự gắn bó mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

Làn sóng cách mạng đã dâng cao trên toàn thế giới, lan rộng từ Âu sang Á, từ Mĩ sang Phi, và trong cao trào đó, giai cấp vô sản trẻ tuổi các nước đã bắt đầu bước lên vũ đài chính trị. Trong hoàn cảnh lịch sử mới, những lực lượng cách mạng của giai cấp vô sản các nước đều tìm con đường tập hợp nhau lại để thành lập những tổ chức riêng của mình đứng trên lập trường của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Các đảng cộng sản trong các nước tư bản, cũng như trong các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, nối tiếp nhau ra đời. Tháng 2 – 1919, Đệ tam quốc tế (Quốc tế cộng sản) được thành lập ở Matxcơva, đánh dấu một giai đoạn mới trong quá trình phát triển của phong trào cách mạng thế giới. Tiếp đó, Đảng Cộng sản Pháp ra đời năm 1920, rồi Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1921, càng thuận lợi cho việc truyền bá tư tưởng Mác – Lênin vào Việt Nam.

? – *Tình hình thế giới sau chiến tranh đã ảnh hưởng tới cách mạng Việt Nam ra sao ?*

2. Phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 - 1926)

Những năm sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào dân tộc dân chủ ở nước ta đang trên đà phát triển mạnh mẽ, với sự tham gia của nhiều tầng lớp nhân dân, dưới nhiều hình thức phong phú và sôi nổi, trước hết là ở các thành thị.

Giai cấp tư sản dân tộc muốn nhân đà làm ăn thuận lợi vươn lên giành lấy vị trí khá hơn trong nền kinh tế Việt Nam. Họ đã phát động những phong trào chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa (1919), đấu tranh chống độc quyền thương cảng Sài Gòn và độc quyền xuất cảng lúa gạo Nam Kì của tư bản Pháp (1923)... Cùng với những hoạt động kinh tế, giai cấp tư sản cũng đã dùng báo chí để bênh vực quyền lợi cho mình. Một số tư sản và địa chủ lớn trong Nam (đại biểu là Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long v.v.) tổ chức *Đảng Lập hiến* để tập hợp lực lượng, rồi đưa ra một số khẩu hiệu đòi tự do dân chủ để tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng mà làm áp lực đối với Pháp. Nhưng khi được thực dân Pháp nhượng bộ cho ít quyền lợi (như cho tham gia Hội đồng quản hạt Nam Kì) thì lại sẵn sàng thỏa hiệp với chúng nên bị phong trào quần chúng vượt qua.

Các tầng lớp tiểu tư sản trí thức (gồm sinh viên trường Cao đẳng Hà Nội, học sinh, giáo viên, nhà văn, nhà báo v.v.) được tập hợp trong những tổ chức chính trị như *Việt Nam nghĩa đoàn*, hội *Phục Việt*, hội *Hưng Nam*, đảng *Thanh niên* v.v. với nhiều hoạt động phong phú và sôi nổi (mít tinh, biểu tình, bãi khóa v.v.). Họ đã ra những tờ báo tiến bộ *Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê* v.v. ; lập ra nhà xuất bản tiến bộ *Cường học thư xã, Nam đồng thư xã* v.v.. Trong cao trào yêu nước dân chủ công khai hồi đó có hai sự kiện nổi bật là cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925) và đám tang Phan Châu Trinh (1926).

Trước khi ngọn lửa đấu tranh dân tộc bùng cháy thì tháng 6 – 1924 tiếng bom của Phạm Hồng Thái vang nổ tại Sa Diện (Quảng Châu, Trung Quốc) vừa có ý nghĩa mở màn cho thời đại đấu tranh mới của dân tộc, vừa có tác dụng cổ vũ, thúc đẩy phong trào tiến lên. "Việc đó

tuy nhỏ nhưng nó báo hiệu bắt đầu thời đại đấu tranh dân tộc như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân"(1).

? – *Mục tiêu và tính chất của các phong trào đấu tranh trong cao trào yêu nước dân chủ công khai ?*

– *Mặt tích cực và mặt hạn chế của các phong trào trên ?*

3. Phong trào công nhân 1919 - 1925

Cùng với cuộc vận động yêu nước đòi tự do dân chủ, phong trào đấu tranh của công nhân cũng có bước phát triển mới. Những năm đầu, các cuộc đấu tranh của công nhân tuy còn lẻ tẻ và tự phát, nhưng đã nói lên rằng ý thức giai cấp đang phát triển nhanh chóng làm cơ sở cho các tổ chức và phong trào chính trị cao hơn về sau. Ngay từ năm 1920, công nhân Sài Gòn – Chợ Lớn đã thành lập công hội (bí mật) do Tôn Đức Thắng đứng đầu(2).

Các cuộc đấu tranh của công nhân và thủy thủ Pháp cũng như của công nhân và thủy thủ Trung Quốc tại các cảng lớn Hương Cảng, Áo Môn, Thượng Hải (1921) dội về cũng góp phần cổ vũ, động viên công nhân Việt Nam hăng hái đấu tranh.

truongxua.vn

Mở đầu là cuộc đấu tranh của công nhân viên chức các sở công thương của tư nhân ở Bắc Kì đòi chủ phải cho nghỉ ngày chủ nhật có trả lương (1922). Cùng năm đó còn có cuộc bãi công của thợ nhuộm ở Chợ Lớn (11 –1922). Sang năm 1924, có nhiều cuộc bãi công của công nhân các nhà máy dệt, rượu, xay gạo ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương v.v.. Quan trọng hơn là cuộc bãi công của thợ máy xưởng Ba Son (sửa chữa và đóng tàu thủy của hải quân Pháp) ở cảng Sài Gòn để ngăn cản tàu chiến Pháp chở lính sang tham gia đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân và thủy thủ Trung Quốc (8 –1925).

Cuộc bãi công Ba Son chấm dứt thắng lợi đánh dấu một bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam, giai cấp công nhân nước ta từ đây bước đầu đi vào đấu tranh tự giác.

Qua cuộc bãi công này, thấy rõ tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga đã thấm sâu hơn một bước vào giai cấp công nhân Việt Nam và đã bắt đầu biến thành hành động của công nhân Việt Nam.

---

(1) Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, in lần thứ 2, NXB Sự thật, H.N. 1976, tr. 64.

(2) Người thợ máy từng tham gia vụ binh biến năm 1918 trên tàu chiến Pháp ở Biển Đen để phản đối đế quốc Pháp năm 1918 can thiệp vào Cách mạng Nga.

? – *Những nguyên nhân nào đã làm cho phong trào công nhân nước ta phát triển lên một bước cao hơn từ sau chiến tranh ?*

–*Tại sao lại cho rằng cuộc bãi công Ba Son (8–1925) là một mốc quan trọng trên con đường phát triển của phong trào công nhân nước ta sau chiến tranh ?*

4. Nguyễn Ái Quốc và việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin về trong nước (1919 - 1925)

Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, các nước đế quốc thắng trận họp ở Vecxai (gần thủ đô Pari) ngày 18–6–1919 để chia lại thị trường thế giới. Lúc này, Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước sống ở Pháp đã đưa tới hội nghị bản yêu sách đòi chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam. Những yêu sách nói trên không được chấp nhận nhưng đòn tấn công trực diện đầu tiên đó của nhà cách mạng trẻ tuổi vào bọn trùm đế quốc đã có tiếng vang lớn đối với nhân dân Việt Nam, nhân dân Pháp và nhân dân các thuộc địa Pháp. Một bài học lớn đã được rút ra : "Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc, cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới"(1).

Tháng 7–1920, Nguyễn Ái Quốc đọc được bản Luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa, khẳng định lập trường kiên quyết ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông của Quốc tế cộng sản. Từ đó, ông hoàn toàn tin theo Lênin, dứt khoát đứng về Quốc tế thứ ba.

Tại Đại hội của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua (12–1920), ông bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba và lập ra Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện Nguyễn Ái Quốc tham gia Đảng Cộng sản Pháp – và là người cộng sản Việt Nam đầu tiên đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động của ông, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lênin và đi theo con đường cách mạng vô sản. Sự kiện đó cũng đánh dấu bước mở đường giải quyết cuộc khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc Việt Nam.

Năm 1921, được sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc cùng một số người yêu nước của các thuộc địa Pháp sáng lập ra

(1) Hồ Chí Minh *Tuyển tập*, Tập I (1920 – 1954), NXB Sự thật, H.N. 1980, tr.223.

Hình 2 – Nguyễn Ái Quốc tại đại hội của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua

Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pari để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân, thông qua tổ chức đó đem chủ nghĩa Mác–Lênin đến các dân tộc thuộc địa. Tờ báo *Người cùng khổ* do ông làm chủ nhiệm kiêm chủ bút đã vạch trần chính sách đàn áp, bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc nói chung và của đế quốc Pháp nói riêng, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức nổi dậy đấu tranh tự giải phóng. Ông còn viết nhiều bài cho các báo *Nhân đạo* (của Đảng Cộng sản Pháp), *Đời sống công nhân* (của Tổng Liên đoàn lao động Pháp) v.v. và cuốn sách nổi tiếng *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Mặc dù bị nhà cầm quyền Pháp tìm mọi cách ngăn chặn, cấm đoán, các sách báo nói trên vẫn được bí mật chuyển về Việt Nam.

Nhân dân ta, trước hết là những người tiểu tư sản trí thức yêu nước, tiến bộ, nhờ đọc các sách báo tiến bộ đó mà hiểu rõ hơn bản chất của chủ nghĩa đế quốc nói chung và chủ nghĩa thực dân Pháp nói riêng,

ruongxua.vn

hiểu được Cách mạng tháng Mười Nga và đã hướng về chủ nghĩa Mác–Lênin.

Tháng 6–1923, Nguyễn Ái Quốc rời nước Pháp sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân và được bầu vào Ban chấp hành. Sau đó, ông ở lại Liên Xô một thời gian, vừa làm việc, vừa nghiên cứu học tập, làm việc ở Quốc tế cộng sản, viết bài cho báo *Sự thật*, tạp chí *Thư tín quốc tế*. Tại Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ V (1924), ông trình bày lập trường, quan điểm của mình về vị trí, chiến lược của cách mạng các nước thuộc địa ; về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa ; về vai trò và sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa.

Những quan điểm cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng giải phóng thuộc địa trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản mà Nguyễn Ái Quốc đã tiếp nhận được dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác–Lênin và đã có công truyền bá vào nước ta từ sau chiến tranh là một bước chuẩn bị quan trọng về chính trị và tư tưởng cho sự thành lập chính đảng vô sản ở nước ta trong giai đoạn tiếp sau.

?

1. Con đường tìm chân lí của Nguyễn Ái Quốc có gì là độc đáo, khác với con đường truyền thống của lớp người trước ?

2. Tại sao lại nói Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời chính đảng vô sản ở Việt Nam ?

thuongmaitr

Bài 3

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM TRƯỚC THÀNH LẬP ĐẢNG (1925 - 1930)

I - HỘI VIỆT NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN VÀ TÂN VIỆT CÁCH MẠNG ĐẢNG RA ĐỜI

1. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, tiền thân của chính đảng vô sản

Sau một thời gian ở lại Liên Xô để học tập và nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng đảng kiểu mới, Nguyễn Ái Quốc lên đường về tới

Quảng Châu (Trung Quốc) vào ngày 11–11–1924. Ông đã tiếp xúc với các nhà cách mạng Việt Nam có mặt tại đây, cùng một số thanh niên hăng hái mới từ trong nước sang theo tiếng gọi của tiếng bom Sa Diện (6 – 1924), để thành lập *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên,* trong đó có tổ chức *Cộng sản đoàn* làm nòng cốt, rồi truyền bá chủ nghĩa Mác–Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị điều kiện cho việc thành lập chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam (6 – 1925)[1].

Nguyễn Ái Quốc trực tiếp mở nhiều lớp huấn luyện chính trị để đào tạo một số thanh niên Việt Nam trở thành những cán bộ cách mạng, từ năm 1924 đến năm 1927 đã đào tạo được 75 hội viên. Một số được chọn đi học trường Đại học phương Đông ở Liên Xô, một số được cử đi học quân sự ở Liên Xô hay Trung Quốc, còn phần lớn lên đường về nước hoạt động. Ngay sau khi Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ra đời, tuần báo *Thanh niên* được xuất bản làm cơ quan tuyên truyền của Hội[2]. Các bài giảng trong các lớp đào tạo cán bộ ở Quảng Châu cũng được tập hợp lại in thành sách *Đường cách mệnh* (đầu năm 1927).

Trong tác phẩm này, Nguyễn Ái Quốc vạch ra những phương hướng cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

truongxua.vn

Từ tác phẩm toát ra một yêu cầu cấp thiết hành động. Ba tư tưởng cơ bản được nêu lên : cách mạng là sự nghiệp của quần chúng đông đảo nên phải động viên, tổ chức và lãnh đạo quần chúng vùng dậy đánh đổ các giai cấp áp bức, bóc lột ; cách mạng phải có đảng của chủ nghĩa Mác–Lênin lãnh đạo ; cách mạng trong nước cần phải đoàn kết với giai cấp vô sản thế giới và là một bộ phận của cách mạng thế giới. Mục đích của cuốn sách là để nói cho đồng bào ta biết rõ : "Vì sao chúng ta muốn sống thì phải cách mệnh – Vì sao cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người. – Đem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi. – Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ. – Ai là bạn ta ? Ai là thù ta ? – Cách mệnh thì phải làm thế nào".

---

(1) Vừa về tới Quảng Châu (Trung Quốc), và trước khi thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Nguyễn Ái Quốc đã cùng các nhà cách mạng Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ, Thái Lan, Inđônêxia, Malaixia sáng lập ra Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

(2) Số 1 tuần báo *Thanh niên* ra ngày 21 –6 –1925.

Đường cách mệnh được viết ra chính là để trang bị cho cán bộ và nhân dân ta hồi đó những hiểu biết "rất giản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 với 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì cả"(1) nhưng rõ ràng là rất cần thiết cho thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Suốt trong hai năm 1926 – 1927, tác phẩm *Đường cách mệnh*, tuần báo *Thanh niên* đã được bí mật chuyền từ Trung Quốc về trong nước, vào đúng lúc phong trào yêu nước và dân chủ đang sôi nổi từ Nam ra Bắc trên cơ sở giai cấp công nhân đang lớn mạnh nhanh chóng nên càng có điều kiện đi sâu vào quần chúng, mở đường cho sự du nhập chủ nghĩa Mác–Lênin và sự thành lập Đảng.

Năm 1926, các tổ chức cơ sở trong nước của *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên* được xây dựng ở nhiều trung tâm kinh tế chính trị quan trọng. Số hội viên tăng nhanh, năm 1928 mới có 300 thì năm sau đã lên tới 1700 hội viên. Cho đến trước Đại hội đại biểu lần thứ nhất (5 – 1929), *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên* đã có tổ chức cơ sở ở hầu khắp cả nước. Ngoài ra, còn tổ chức một số đoàn thể quần chúng như công hội, nông hội, hội học sinh, hội phụ nữ...

Năm 1928, *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên* có chủ trương "vô sản hóa" đưa hội viên vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền cùng sống và lao động với công nhân để tự rèn luyện, đồng thời để truyền bá chủ nghĩa Mác–Lênin. Phong trào "vô sản hóa" đã góp phần thực hiện việc kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước, thúc đẩy nhanh sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thời kì này cũng có những sự kiện lớn bên ngoài vang dội đến Việt Nam. Cách mạng dân tộc dân chủ ở Trung Quốc phát triển mạnh mẽ (Quảng Châu là trung tâm). Đại hội lần thứ 5 của Quốc tế cộng sản họp 1924 ra những nghị quyết quan trọng về phong trào cách mạng các nước thuộc địa. Tiếp đến vụ phản biến của Tưởng Giới Thạch và sự thất bại của Công xã Quảng Châu năm 1927, cung cấp một bài học kinh nghiệm nóng hổi về tính hai mặt của giai cấp tư sản và về vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong cách mạng dân tộc dân chủ ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Tình hình trên đã tác động mạnh mẽ đến bộ phận tiên tiến trong lực lượng cách mạng nước ta là Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, và thông qua đó tác động đến sự giác ngộ

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Tập II (1925 – 1930), NXB Sự thật, H.N. 1981, tr. 181.

thuongmaitr

chính trị của giai cấp công nhân nước ta, tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân phát triển mạnh hơn nữa.

Trong hai năm 1926 – 1927 đã liên tiếp bùng nổ nhiều cuộc bãi công của công nhân, viên chức, học sinh học nghề. Lớn nhất là các cuộc bãi công của 1000 công nhân nhà máy sợi Nam Định, của 500 công nhân đồn điền cao su Cam Tiêm, tiếp theo là của công nhân đồn điền cà phê Rayna (Thái Nguyên), đồn điền cao su Phú Riềng.

Trong hai năm 1928 – 1929, phong trào công nhân trên đà phát triển đã mang tính thống nhất trong toàn quốc. Có tới 40 cuộc đấu tranh nổ ra từ Bắc chí Nam, lớn nhất là các cuộc bãi công ở nhà máy xi măng, nhà máy sợi Hải Phòng, nhà máy sợi Nam Định, nhà máy diêm, nhà máy cưa Bến Thủy và nhà máy xe lửa Trường Thi (Vinh), nhà máy sửa chữa ôtô Avia Hà Nội, mỏ than Hòn Gai, nhà máy Ba Son (Sài Gòn), đồn điền Phú Riềng...

Các cuộc đấu tranh đó đã mang tính chất chính trị, vượt ra ngoài phạm vi một xưởng, bước đầu liên kết được nhiều ngành, nhiều địa phương. Tình hình đó chứng tỏ trình độ giác ngộ của công nhân đã nâng lên rõ rệt tuy chưa được đều khắp.

truongxua.vn

Cùng với phong trào công nhân, phong trào nông dân, phong trào tiểu tư sản và các tầng lớp nhân dân yêu nước khác cũng phát triển, kết thành một làn sóng cách mạng dân tộc dân chủ khắp cả nước trong đó giai cấp công nhân đã trở thành một lực lượng chính trị độc lập.

2. Tân Việt cách mạng đảng và sự phân hóa của tổ chức đó

Cũng trong thời kì Hội Việt Nam cách mạng thanh niên thành lập ở nước ngoài, rồi phát triển cơ sở về trong nước thì *Tân Việt cách mạng đảng* cũng được thành lập ở trong nước. Trong phong trào yêu nước dân chủ mạnh mẽ của những năm đầu thập kỉ 20, nhóm sinh viên trường cao đẳng Hà Nội và nhóm tù chính trị cũ ở Trung Kì hợp lại thành hội *Phục Việt*. Bị lộ sau khi rải truyền đơn đòi nhà cầm quyền Pháp thả nhà yêu nước Phan Bội Châu (11-1925), hội Phục Việt đổi tên thành hội *Hưng Nam*. Sau đó, trong quá trình giao thiệp với Hội Việt Nam cách mạng thanh niên để bàn việc hợp nhất hai tổ chức không thành, hội Hưng Nam còn hai lần đổi tên thành *Việt Nam cách mạng đảng* (1926), *rồi Việt Nam cách mạng đồng chí hội* (1927). Cuối cùng mới quyết định lấy tên là Tân Việt cách mạng đảng (7-1928).

Đảng Tân Việt tập hợp những trí thức nhỏ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước. Địa bàn hoạt động của đảng chủ yếu ở Trung Kì. Tân Việt ra đời và hoạt động trong điều kiện Hội Việt Nam cách mạng thanh niên phát triển mạnh, lí luận và tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin có ảnh hưởng mạnh mẽ, cuốn hút nhiều đảng viên trẻ, tiên tiến đi theo Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Nội bộ của Tân Việt đã diễn ra một cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng tư tưởng cách mạng và cải lương, cuối cùng xu hướng cách mạng theo quan điểm vô sản chiếm ưu thế. Một số đảng viên tiên tiến của Tân Việt đã chuyển sang Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Số tiên tiến còn lại thì tích cực chuẩn bị để tiến tới thành lập một chính đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác – Lênin.

?

- *Hoàn cảnh ra đời của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập hội ?*
- *Tân Việt cách mạng đảng đã phân hóa như thế nào dưới tác động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ?*

thuongmaitr

II - VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG VÀ KHỞI NGHĨA YÊN BÁI

1. Việt Nam quốc dân đảng thành lập

Không bao lâu sau khi Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và Tân Việt cách mạng đảng ra đời thì *Việt Nam quốc dân đảng* cũng được thành lập (25–12–1927).

Cơ sở hạt nhân đầu tiên của đảng là *Nam đồng thư xã,* một nhà xuất bản tiến bộ do Phạm Tuấn Tài lập ra vào đầu năm 1927. Lúc đầu Nam đồng thư xã chỉ là một nhóm thanh niên yêu nước chưa có đường lối chính trị rõ rệt. Nhưng về sau, do sự phát triển mạnh mẽ của phong trào dân tộc dân chủ, cộng với ảnh hưởng các trào lưu tư tưởng từ bên ngoài dội vào, đặc biệt là ảnh hưởng của cách mạng Trung Quốc với chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn (một trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản thịnh hành ở Trung Quốc bấy giờ), dẫn tới sự ra đời Việt Nam quốc dân đảng vào cuối năm 1927. Địa bàn hoạt động chính của đảng này là Bắc Kì. Việt Nam quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu (xứ Nhu) và Phó Đức Chính sáng lập ra là một đảng chính trị theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản

tiêu biểu cho bộ phận tư sản dân tộc Việt Nam. Mục tiêu của đảng là nhằm đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, sau cùng thiết lập dân quyền. Đảng viên của đảng gồm sinh viên, học sinh, công chức, tư sản lớp dưới, người làm nghề tự do, cả một số nông dân khá giả, thân hào, địa chủ ở nông thôn và binh lính cùng hạ sĩ quan người Việt trong quân đội Pháp. Về tổ chức, Việt Nam quốc dân đảng có 4 cấp, từ trung ương xuống đến chi bộ cơ sở, nhưng chưa bao giờ trở thành hệ thống trong cả nước. Đã thế lại ít có cơ sở quần chúng nên chỉ hoạt động được trong một số địa phương nhỏ hẹp, không phát triển thành một phong trào rộng lớn được.

Thành phần phức tạp, tổ chức lỏng lẻo, kết nạp thiếu thận trọng, đó là những cơ hội cho bọn mật thám, tay sai của Pháp cũng chui được vào tổ chức. Vì vậy, thực dân Pháp đã theo dõi được hoạt động của đảng, chỉ chờ có dịp là ra tay khủng bố đàn áp.

2. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930)

Ngày 9-2-1929, ở Hà Nội xảy ra vụ giết chết Badanh (Bazin) là tên trùm mộ phu cho các đồn điền cao su. Thực dân Pháp liền tổ chức nhiều cuộc vây ráp lớn, không trừ một tổ chức cách mạng nào, gây ra những tổn thất lớn cho phong trào cách mạng đang tiến lên.

ruongxua.vn

Riêng Việt Nam quốc dân đảng, số đảng viên bị bắt có tới gần 1000 người, nhiều cơ sở các nơi bị phá vỡ, cán bộ từ trung ương đến địa phương hầu hết đều sa lưới.

Bị động trước tình thế, mặc dù hệ thống tổ chức của đảng chưa kịp xây dựng và củng cố lại, các yếu nhân của đảng còn lại đã quyết định dốc hết lực lượng còn lại vào trận bạo động cuối cùng, may ra thì "thành công" nếu không thì cũng "thành nhân".

Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam quốc dân đảng nổ ra đêm 9-2-1930 ở Yên Bái. Sau đó là *Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình*. Ở Hà Nội cũng có ném bom phối hợp.

Tại Yên Bái, quân khởi nghĩa chiếm được trại lính, giết và làm bị thương một số sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp, nhưng không làm chủ được tỉnh lị nên hôm sau đã bị quân Pháp phản công và tiêu diệt. Còn ở các nơi khác, nghĩa quân cũng chỉ tạm thời làm chủ mấy huyện lị nhỏ, sau đó đã nhanh chóng bị địch chiếm lại. Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam

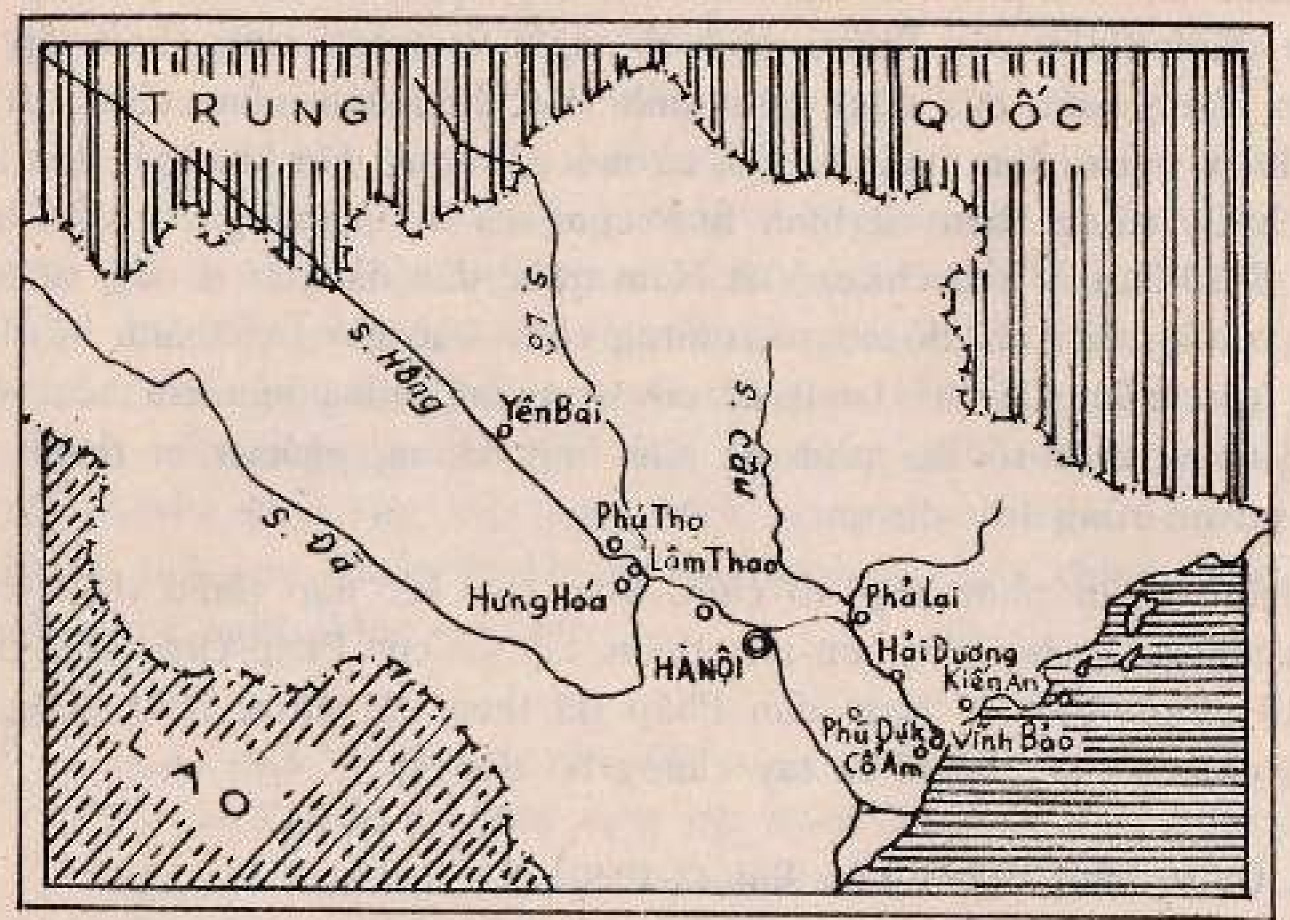

Hình 3 – Cuộc khởi nghĩa Yên Bái (1930).

thuongmaitr

quốc dân đảng đã bị thất bại nhanh chóng và bị đàn áp man rợ. Nguyễn Thái Học cùng 12 đồng chí khi lên máy chém đã hiên ngang hô to : "Việt Nam vạn tuế" (muôn năm).

3. Nguyên nhân thất bại của cuộc khởi nghĩa

Khởi nghĩa Yên Bái tuy thất bại, nhưng đã góp phần cổ vũ lòng yêu nước và chí căm thù của nhân dân ta đối với bè lũ cướp nước và tay sai. Hành động yêu nước cách mạng của các chiến sĩ nghĩa quân bấy giờ được nhân dân trong nước và các lực lượng tiến bộ ngoài nước nhiệt liệt ủng hộ. Trong phong trào đấu tranh Xô viết Nghệ Tĩnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, có nêu lên khẩu hiệu ủng hộ khởi nghĩa Yên Bái. Đảng Cộng sản Pháp nhiều lần đấu tranh trong Nghị viện và ủng hộ một số kiều bào Việt Nam tại Pari biểu tình chống lại những hành động tàn sát các chiến sĩ Yên Bái của đế quốc Pháp.

Cuộc khởi nghĩa thất bại nhanh chóng vì nhiều nguyên nhân. Về khách quan, lúc ấy đế quốc Pháp còn mạnh, đủ sức đàn áp một cuộc đấu tranh vũ trang vừa cô độc vừa non kém như khởi nghĩa Yên Bái. Về chủ quan, Việt Nam quốc dân đảng là tổ chức phát động cuộc khởi

nghĩa lại non yếu và không vững chắc về tổ chức và lãnh đạo. Phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng tư sản dưới ngọn cờ của Việt Nam quốc dân đảng đã không đáp ứng được yêu cầu khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân ta, không đủ sức vượt qua sự đàn áp khủng bố của kẻ thù để tồn tại. Vai trò lịch sử của Việt Nam quốc dân đảng trong phong trào dân tộc vừa mới xuất hiện đã tan rã và chấm dứt với sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái.

?

– Các điều kiện dẫn tới việc thành lập Việt Nam quốc dân đảng và những non yếu của tổ chức đó về chính trị, tư tưởng, tổ chức và phương thức hoạt động ?

– Các nguyên nhân và ý nghĩa của sự thất bại cuộc khởi nghĩa Yên Bái ?

III - BA TỔ CHỨC CỘNG SẢN NỐI TIẾP RA ĐỜI TRONG NĂM 1929

Từ cuối năm 1928 đến đầu năm 1929, phong trào dân tộc và dân chủ ở nước ta, đặc biệt là phong trào công nông theo con đường cách mạng vô sản, đã phát triển mạnh mẽ. Trước tình hình đó, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên không còn đủ sức để lãnh đạo nữa. Cần phải thành lập một Đảng Cộng sản để tổ chức và lãnh đạo giai cấp công nhân, giai cấp nông dân cùng các lực lượng yêu nước và cách mạng khác đấu tranh chống đế quốc và phong kiến tay sai, giành lấy độc lập và tự do.

uongxua.vn

Cuối tháng 3–1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Bắc Kì, trong đó có Ngô Gia Tự và Nguyễn Đức Cảnh đã họp ở số 5D phố Hàm Long (Hà Nội) để lập ra chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam gồm có 7 người, tích cực chuẩn bị tiến tới thành lập một Đảng Cộng sản thay thế cho Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Tại Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (5–1929) khi kiến nghị của mình đưa ra về việc thành lập Đảng Cộng sản không được chấp nhận, đoàn đại biểu Bắc Kì bèn rút khỏi hội nghị về nước[1], rồi ra lời kêu gọi công nhân, nông dân, các tầng lớp nhân dân cách mạng nước ta ủng hộ chủ trương thành lập Đảng Cộng sản.

---

(1) Đại hội họp ở Hương Cảng (Trung Quốc). Lúc này Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Xiêm (Thái Lan hiện nay) nên không dự đại hội.

Hình 4 – Trụ sở chi bộ cộng sản đầu tiên, số 5D Hàm Long – Hà Nội

Ngày 17 – 6 –1929, đại biểu các tổ chức cơ sở cộng sản ở miền Bắc họp đại hội quyết định thành lập *Đông Dương cộng sản đảng*, thông qua tuyên ngôn, điều lệ của đảng, ra báo *Búa liềm* làm cơ quan ngôn luận.

Đông Dương cộng sản đảng ra đời đáp ứng đúng yêu cầu bức thiết của quần chúng nên được nhiệt liệt hưởng ứng, uy tín và tổ chức của đảng phát triển rất nhanh, nhất là Bắc Kì và Bắc Trung Kì.

Tiếp đó, các hội viên tiên tiến trong bộ phận Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Trung Quốc và ở Nam Kì cũng quyết định lập An Nam cộng sản đảng (7–1929).

Sự ra đời của Đông Dương cộng sản đảng (6-1929) và An Nam cộng sản đảng (7-1929) đã tác động mạnh mẽ đến sự phân hóa của Tân Việt cách mạng đảng. Các đảng viên tiên tiến của đảng Tân Việt từ lâu đã chịu ảnh hưởng của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên cũng tách ra để thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn (9-1929).

Thế là chỉ trong vòng không đầy 4 tháng (từ tháng 6 đến tháng 9 -1929) đã có 3 tổ chức Đảng Cộng sản ở Việt Nam lần lượt tuyên bố thành lập.

? *1. Tại sao có sự đấu tranh giữa hai khuynh hướng khác nhau xung quanh vấn đề thành lập Đảng Cộng sản vào năm 1929 ?*

2. Ý nghĩa của việc thành lập ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam ?

uongxua.vn

Chương II

CUỘC CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM (1930-1945)

Bài 4

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

1. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930)

Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản lúc bấy giờ là một xu thế tất yếu của cách mạng Việt Nam. Các tổ chức cộng sản trên đã nhanh chóng xây dựng cơ sở đảng trong nhiều địa phương, và trực tiếp tổ chức, lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân. Phong trào công nhân kết hợp chặt chẽ với phong trào đấu tranh của nông dân chống sưu cao thuế nặng, chống cướp ruộng đất, phong trào bãi

khóa của học sinh, bãi thị của tiểu thương, tạo thành một làn sóng đấu tranh cách mạng dân tộc dân chủ khắp cả nước.

Nhưng trong một nước có ba tổ chức cộng sản hoạt động riêng rẽ, công kích lẫn nhau, tranh giành ảnh hưởng của nhau, gây nên một trở ngại lớn cho phong trào cách mạng. Tình hình đó nếu để kéo dài sẽ có nguy cơ dẫn đến sự chia rẽ lớn. Yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam lúc này là phải có một Đảng Cộng sản thống nhất trong cả nước.

Trước tình hình đó, Quốc tế cộng sản đã giao cho Nguyễn Ái Quốc chịu trách nhiệm thống nhất các lực lượng cộng sản ở Việt Nam để thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất.

Từ ngày 3 đến 7-2-1930, hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã họp ở Cửu Long (Hương Cảng). Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế cộng sản chủ trì hội nghị[(1)]. Tham gia hội nghị có 2 đại biểu Đông Dương cộng sản đảng, 2 đại biểu An Nam cộng sản đảng[(2)].

Sau 5 ngày làm việc khẩn trương, hội nghị đã hoàn toàn nhất trí tán thành thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là *Đảng Cộng sản Việt Nam* ; thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt* của Đảng và *Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng* do Nguyễn Ái Quốc dự thảo. Hội nghị tháng 2-1930 của đại biểu các tổ chức cộng sản ở Đông Dương để hợp nhất Đảng có ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng. *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* và *Lời kêu gọi* được hội nghị thông qua là *Cương lĩnh* đầu tiên của Đảng.

Những văn kiện của Cương lĩnh đầu tiên đó của Đảng đã vạch rõ cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn : cách mạng tư sản dân quyền (sau này gọi là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân) và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai giai đoạn cách mạng đó kế tiếp nhau, không có bức tường nào ngăn cách. Cương lĩnh viết : "Chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"[(3)].

---

(1) Nguyễn Ái Quốc từ Xiêm (Thái Lan) về Hương Cảng (Trung Quốc) triệu tập hội nghị.

(2) Đại biểu của Đông Dương cộng sản liên đoàn không sang kịp.

(3) Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Tập II (1925 -1930). NXB Sự thật. H.N. 1981. tr. 295.

Như vậy là ngay từ đầu, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thấu suốt con đường phát triển tất yếu của cách mạng nước ta là con đường kết hợp và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền ở nước ta là đánh đổ bọn đế quốc Pháp ; bọn phong kiến và giai cấp tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam được độc lập ; dựng lên chính phủ công nông binh ; tổ chức ra quân đội công nông ; tịch thu hết sản nghiệp lớn của bọn đế quốc ; tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và bọn phản cách mạng đem chia cho dân cày nghèo ; tiến hành cách mạng ruộng đất, đem lại ruộng đất cho nông dân... Các nhiệm vụ đó bao hàm cả nội dung dân tộc và dân chủ, chống đế quốc và chống phong kiến, nhưng nổi bật lên là nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai phản động, giành độc lập tự do cho toàn thể dân tộc. Lực lượng để đánh đổ đế quốc và phong kiến là công nông. Đồng thời "phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ đi về phe vô sản giai cấp. Còn đối với... phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam mà chưa lộ rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít ra cũng làm cho họ trung lập"(1).

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, đứng về phía mặt trận cách mạng gồm các dân tộc thuộc địa bị áp bức và giai cấp công nhân trên thế giới.

Cương lĩnh khẳng định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam – đảng của giai cấp vô sản và là đội tiền phong của giai cấp vô sản và lấy chủ nghĩa Mác–Lênin làm nền tảng tư tưởng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng phải có trách nhiệm thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng, phải thu phục cho được đại đa số dân cày và phải dựa vững vào hạng dân cày nghèo, đồng thời phải liên minh với các giai cấp cách mạng và tầng lớp yêu nước khác, đoàn kết họ, tổ chức họ đấu tranh chống đế quốc và phong kiến.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo là một cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, nhuần nhuyễn về quan điểm giai cấp, thấm đượm tính dân tộc và tính nhân văn. Độc lập dân tộc và tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này.

---

(1) Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Tập II (1925 –1930). NXB Sự thật. H.N. 1981. tr. 298.

Sau hội nghị hợp nhất, Đông Dương cộng sản liên đoàn đã yêu cầu gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 24-2-1930, yêu cầu đó được chấp nhận. Như vậy chỉ trong một thời gian ngắn, cả 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã được hợp nhất thành một đảng thống nhất : Đảng Cộng sản Việt Nam.

?

– *Tại sao lại có hội nghị thành lập Đảng 3-2-1930 ?*

– *Căn cứ vào đâu để khẳng định Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là đúng đắn và sáng tạo ?*

2. Luận cương chính trị năm 1930

Đảng Cộng sản Việt Nam vừa mới ra đời đã bước ngay vào cuộc thử thách trên cương vị tiên phong lãnh đạo cuộc đấu tranh mới của dân tộc. Giữa lúc cao trào cách mạng của quần chúng đang diễn ra quyết liệt, Ban chấp hành trung ương lâm thời của Đảng đã họp hội nghị toàn thể lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc) vào tháng 10-1930. Hội nghị đã quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương, cử ra Ban chấp hành trung ương chính thức và cử Trần Phú làm Tổng bí thư, để đáp ứng yêu cầu của cả ba dân tộc trên bán đảo Đông Dương lúc đó đoàn kết lại dưới ngọn cờ lãnh đạo tập trung thống nhất để chống kẻ thù chung là đế quốc Pháp.

thuongmaitr

Hội nghị cũng thông qua *Luận cương chính trị* của Đảng Cộng sản Đông Dương do Trần Phú khởi thảo.

Căn cứ vào đặc điểm của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia lúc đó là thuộc địa đế quốc Pháp, mâu thuẫn giai cấp ngày càng diễn ra gay gắt, Luận cương khẳng định tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền. Cách mạng tư sản dân quyền là thời kì dự bị để làm xã hội cách mạng, sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi thì sẽ tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kì tư bản mà tiến thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng này là phải đánh đổ thế lực phong kiến, đánh đổ cách bóc lột theo lối tiền tư bản, thực hành cách mạng thổ địa cho triệt để và đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau vì "có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá tan

Hình 5 – Trần Phú (năm 1930)

được giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa được thắng lợi ; mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới "đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa"[1].

Luận cương cũng khẳng định : "Trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp và nông dân là hai động lực chính, nhưng vô sản có cầm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được"[2]. Đồng thời cũng nhấn mạnh : "Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường lối chính trị đúng, có kỉ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng,

(1, 2) Văn kiện Đảng (1930–1945). Tập I. Sđd. tr. 68.

ruongxua.vn

và từng trải đấu tranh mà trưởng thành. Đảng là đội tiền phong của vô sản giai cấp, lấy chủ nghĩa Các Mác và Lênin làm gốc mà đại biểu quyền lợi chính và lâu dài chung cho cả giai cấp vô sản ở Đông Dương, và lãnh đạo vô sản giai cấp Đông Dương ra tranh đấu để đạt được mục đích cuối cùng của vô sản là chủ nghĩa cộng sản"[1].

Để thực hiện được nhiệm vụ của Đảng trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền, Đảng phải coi trọng vận động tập hợp lực lượng đại đa số quần chúng, lãnh đạo đấu tranh đòi các quyền lợi trước mắt, đưa dần quần chúng lên trận tuyến cách mạng và đến khi tình thế cách mạng xuất hiện thì phát động quần chúng võ trang bạo động, đánh đổ chính quyền của giai cấp thống trị và giành lấy chính quyền cho công nông. Đảng phải liên lạc mật thiết với vô sản và các dân tộc thuộc địa, nhất là vô sản Pháp.

Những nội dung cơ bản nêu trên cho thấy *Luận cương chính trị* đã xác định được nhiều vấn đề chiến lược cách mạng. Nhưng có một số hạn chế nhất định, như : chưa vạch rõ được mâu thuẫn chủ yếu của một xã hội thuộc địa nên không nêu cao được vấn đề dân tộc lên hàng đầu, mà nặng về vấn đề đấu tranh giai cấp, về vấn đề cách mạng ruộng đất; đánh giá không đúng khả năng cách mạng của giai cấp tiểu tư sản và khả năng liên minh có điều kiện với giai cấp tư sản dân tộc ; không thấy được khả năng phân hóa và lôi kéo một bộ phận giai cấp địa chủ trong cách mạng giải phóng dân tộc.

Luận cương chính trị đã bộc lộ một số nhược điểm mang tính chất "tả khuynh" giáo điều, phải trải qua quá trình thực tiễn đấu tranh cách mạng, các nhược điểm trên mới dần dần được khắc phục.

?

– Những điểm chủ yếu trong nội dung Luận cương chính trị tháng 10–1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương ?

– Trong nội dung Luận cương đó có một số nhược điểm hạn chế gì ?

3. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 10-1930 lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương) ra đời năm 1930 là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân

---

(1) Văn kiện Đảng (1930–1945) Tập I. Sdd. tr. 74.

tộc và giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới. Đảng là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong những năm 20 của thế kỉ này.

Việc thành lập Đảng là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử của giai cấp công nhân và của cách mạng Việt Nam. "Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng"(1), chấm dứt thời kì khủng hoảng về vai trò lãnh đạo trong phong trào cách mạng Việt Nam. Từ đây, cách mạng Việt Nam đã thuộc quyền lãnh đạo tuyệt đối của giai cấp công nhân mà đội tiên phong là Đảng Cộng sản. Cũng từ đây, cách mạng Việt Nam thật sự trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của dân tộc Việt Nam.

?

1. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng ?

2. Thử so sánh một số điểm chủ yếu trong nội dung cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và Luận cương chính trị năm 1930 để thấy rõ sự đúng đắn của văn kiện trước và sự hạn chế của văn kiện sau

uongxua.vn

Bài 5

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1931 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH PHỤC HỒI LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG

I - VIỆT NAM TRONG THỜI KÌ KHỦNG HOẢNG KINH TẾ THẾ GIỚI (1929 - 1933)

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 –1933) từ các nước tư bản đã lan nhanh sang các nước thuộc địa và phụ thuộc, trong đó có Việt Nam. Đế quốc Pháp đã tìm mọi cách để trút gánh nặng của cuộc khủng hoảng lên vai nhân dân các nước thuộc địa của chúng. Nền kinh tế Việt

(1) Hồ Chí Minh –*Toàn tập* (1958 –1960). Tập VIII, NXB Sự thật, H.N. 1989, tr. 591.

Nam, vốn hoàn toàn phụ thuộc vào đế quốc Pháp, càng phải chịu những hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng.

Việt Nam là một nước nông nghiệp nên cuộc khủng hoảng bắt đầu từ trong nông nghiệp. Lúa là nguồn lợi và là mặt hàng xuất khẩu chính không bán được ra thị trường thế giới nên bị hạ giá trầm trọng và làm ảnh hưởng đến các ngành kinh tế khác. Giá lúa hạ xuống 68% trong thời kì 1929 –1934. Ruộng bỏ hoang rất nhiều, riêng ở Nam Kì có tới 249400 hec–ta không cầy cấy. Giá nông phẩm nói chung chỉ bằng 2/10 hay 3/10 so với giá trước kia.

Công nghiệp cũng bị suy sụp. Xuất nhập khẩu đình đốn. Hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ.

Nhân dân lao động – đặc biệt là công nhân và nông dân – vì vậy phải gánh chịu nhiều tác hại nhất. Công nhân không có việc làm, số người thất nghiệp ngày một đông, số người còn việc làm thì tiền lương bị giảm. Riêng ở Bắc Kì đã có 25 000 công nhân thất nghiệp. Nông dân tiếp tục bị bần cùng hóa và phá sản trên quy mô lớn. Ruộng đất nhanh chóng bị thâu tóm vào tay địa chủ Pháp – Việt các loại. Các tầng lớp tiểu tư sản thành thị cũng điêu đứng. Các nghề thủ công bị phá sản nặng nề, nhà buôn nhỏ phải đóng cửa, viên chức bị sa thải ; học sinh ra trường không có việc làm. Ngay cả một số đông tư sản dân tộc cũng lâm vào tình thế gieo neo, sập tiệm, đóng cửa hiệu. Đã thế, sưu thuế mỗi ngày một tăng thêm tới gấp 2–3 lần so với trước. Rồi hạn hán, bão lụt lại liên tiếp xảy ra. Trong khi đó, về mặt chính trị, nhất là từ sau khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam quốc dân đảng thất bại, đế quốc Pháp ra sức đẩy mạnh chính sách khủng bố trắng hòng dập tắt phong trào cách mạng vừa bùng nổ. Riêng năm 1930, ở Nam Kì có hơn 17 000 người bị kết án, trong số đó hơn 400 án đại hình.

Ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế và chính sách đàn áp khủng bố khốc liệt của đế quốc Pháp không làm nhụt tinh thần cách mạng của nhân dân ta, trái lại càng làm cho nhân dân ta thêm căm thù và quyết tâm, tranh đấu giành quyền sống của mình.

Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định : "Sự áp bức và bóc lột vô nhân đạo của đế quốc Pháp đã làm cho đồng bào ta hiểu rằng có cách mạng

thuongmaitr

thì sống, không có cách mạng thì chết. Chính vì vậy mà phong trào cách mạng ngày càng lớn mạnh"[1].

Chính vào lúc đó, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đã kịp thời lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta vùng lên trong cuộc đấu tranh quyết liệt chống đế quốc và phong kiến.

? *– Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 –1933) đã tác động đến tình hình kinh tế và xã hội Việt Nam ra sao ?*

II - PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1931 VỚI ĐỈNH CAO XÔ VIẾT NGHỆ - TĨNH

1. Phong trào công nhân và nông dân trong nửa đầu năm 1930

Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, phong trào đấu tranh của quần chúng trên đà phát triển đã bùng lên mạnh mẽ từ năm 1929 trên khắp cả ba miền Bắc – Trung – Nam. Từ tháng 2–1930 đã nổ ra cuộc bãi công của 3 000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng. Tiếp đó, trong tháng 4 là các cuộc bãi công của 4000 công nhân nhà máy sợi Nam Định, của hơn 400 công nhân nhà máy diêm và nhà máy cưa Bến Thủy, nhà máy xi măng Hải Phòng, ở hãng dầu Nhà Bè (Sài Gòn), đồn điền Dầu Tiếng v.v.. Phong trào đấu tranh của nông dân đã diễn ra ở nhiều địa phương như Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh v.v.. Truyền đơn, cờ đỏ búa liềm của Đảng Cộng sản đã xuất hiện trên các đường phố Hà Nội và ở một số địa phương khác. Những cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động chống đế quốc và phong kiến tay sai, trong đó giai cấp công nhân đóng vai trò tiên phong, là màn đầu của một cao trào cách mạng mới ở Việt Nam do Đảng Cộng sản tổ chức và lãnh đạo.

ruongxua.vn

Phong trào đấu tranh đặc biệt mạnh mẽ bắt đầu từ tháng 5. Ngày Quốc tế lao động 1–5–1930, lần đầu tiên công nông và dân chúng Đông Dương, dưới sự lãnh đạo của Đảng tỏ rõ dấu hiệu đoàn kết với vô sản thế giới và biểu dương lực lượng của mình. Từ thành phố đến nông thôn, trên cả ba miền đất nước, đã xuất hiện nhiều truyền đơn, cờ

(1) Hồ Chí Minh – *Toàn tập*. Tập II (1925–1930). NXB Sự thật. H.N. 1981. tr. 304.

Đảng, mít tinh, bãi công, biểu tình, tuần hành v.v.. Các cuộc đấu tranh của công nhân đã nổ ra trong các xí nghiệp ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hồng Gai, Cẩm Phả, Vinh – Bến Thủy, Sài Gòn – Chợ Lớn v.v..

Các cuộc đấu tranh của nông dân cũng nổ ra ở nhiều địa phương thuộc các tỉnh Thái Bình, Hà Nam, Kiến An, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Định và hầu như trên khắp các tỉnh Nam Kì. Không khí ngày 1–5 sôi nổi từ Bắc chí Nam, từ thành thị tới nông thôn và kéo dài cho hết tháng 5, bất chấp thực dân Pháp điên cuồng ra tay bắt bớ, giam cầm, tra tấn những người tham gia phong trào. Từ sau ngày 1–5, làn sóng đấu tranh tiếp tục dâng cao. Riêng tháng 5–1930 trong cả nước có 16 cuộc đấu tranh của công nhân, 34 cuộc đấu tranh của nông dân, 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị. Đế quốc Pháp ở Đông Dương và cả ở bên Pháp đều tỏ ra bối rối trước cao trào cách

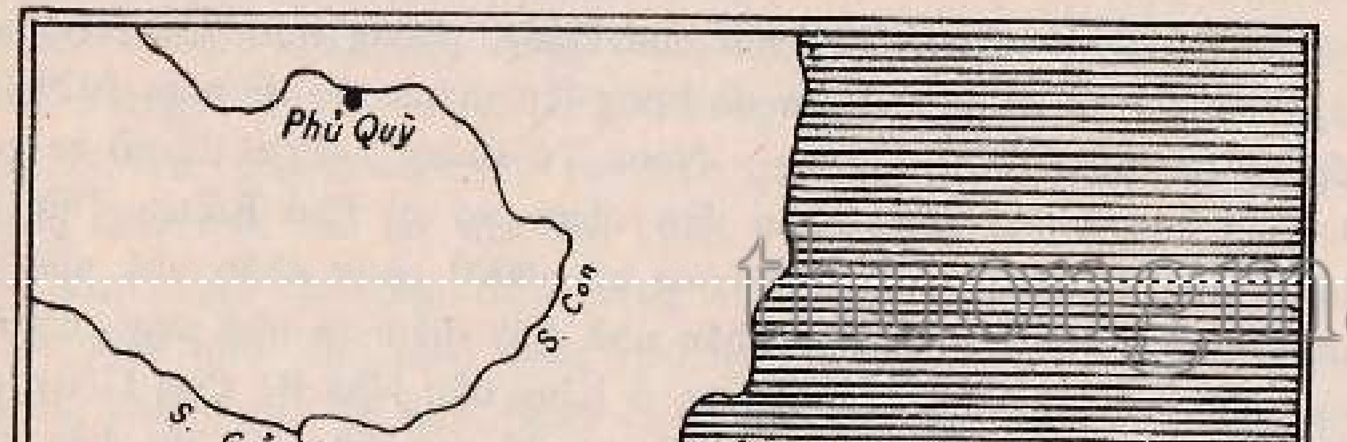

Hình 6 – Phong trào Nghệ Tĩnh (1930–1931).

mạng ở nước ta hồi bấy giờ. Ngày 31-5-1930, Hội đồng nội các Pháp đã phải họp để nhận định tình hình và tìm cách đối phó.

Nghệ-Tĩnh là nơi phong trào phát triển mạnh mẽ nhất. Mở đầu cao trào nhân ngày Quốc tế lao động 1-5-1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ cộng sản tỉnh Nghệ An, công nhân nhà máy diêm, nhà máy cưa Bến Thủy cùng hàng ngàn nông dân các vùng lân cận thị xã Vinh rầm rộ biểu tình thị uy, phất cao cờ đỏ búa liềm, giương cao khẩu hiệu đòi tăng tiền lương, bớt giờ làm, giảm sưu thuế, thi hành luật lao động, chống khủng bố chính trị. Đế quốc Pháp cho binh lính xả súng vào đoàn biểu tình, làm 7 người chết, 18 người bị thương, và bắt hơn 100 người. Cùng ngày hôm đó, 3 000 nông dân huyện Thanh Chương biểu tình phá đồn điền Kí Viện (Nguyễn Trường Viện), cắm cờ búa liềm lên nóc nhà và tịch thu ruộng đất chia cho nông dân. Quân Pháp và lính khố xanh kéo tới đàn áp, làm 18 người trúng đạn chết, 30 người bị thương, một số đông bị bắt.

Trên đà phát triển mạnh mẽ đó, ngày 1-8-1930 bùng nổ cuộc tổng bãi công của toàn thể công nhân khu công nghiệp Vinh – Bến Thủy nhân Ngày quốc tế chống chiến tranh đế quốc, đánh dấu "một thời kì mới, thời kì đấu tranh kịch liệt đã đến"(1). Ở nông thôn Nghệ An và Hà Tĩnh, nhiều cuộc đấu tranh quy mô lớn của nông dân dưới hình thức biểu tình có vũ trang tự vệ đã nổ ra. Nông dân huyện Nam Đàn kéo lên huyện lị đưa yêu sách, phá nhà lao giải thoát cho những người bị bắt (30-8) ; nông dân huyện Thanh Chương bao vây và đốt trụ sở huyện (1-9) ; nông dân huyện Can Lộc biểu tình lên huyện đòi giảm thuế thân, giảm tô, bỏ thuế chợ, thuế đò (7-9). Từ Nam Đàn, Thanh Chương, Can Lộc phong trào cách mạng của quần chúng đã lan rộng ra hầu khắp các huyện trong hai tỉnh(2). Khâm sứ Trung Kì trong báo cáo gửi về chính phủ Pháp, phải thú nhận phong trào biểu tình của cộng sản đã đặt nhà cầm quyền Pháp vào tình trạng đôi đường khó xử ; hoặc là nghiêm trị thì không sao tránh khỏi làm cho chính phủ bị phản đối, chưa nói gì đến dư luận ở châu Âu, mà ngay cả những người bản xứ có thiện cảm với mình nhất (tức người Pháp) và như thế có thể bị cô lập khỏi chính phủ Nam triều ; hoặc tỏ thái độ khoan hồng độ lượng thì sợ có thể bị dư luận cho chúng ta (chỉ người Pháp) là bất lực và yếu đuối"(3).

uongxua.vn

(1) Báo *"Người lao khổ"* cơ quan ngôn luận của xứ ủy Trung Kì, số 13, ngày 18-9-1930.

(2) Trong 2 tháng 6 và 7 -1930, riêng Nghệ Tĩnh có 11 cuộc biểu tình lớn với hàng vạn người tham gia. Còn trong cả nước từ tháng 6 đến tháng 8-1930 đã nổ ra 121 cuộc đấu tranh, trong đó có 22 cuộc của công nhân, 95 cuộc của nông dân.

(3) Báo cáo của Khâm sứ Trung Kì là Saten (Châtel) gửi chính phủ Pháp.

? – *Vì sao phong trào cách mạng trong nửa đầu năm 1930 của toàn quốc và riêng ở Nghệ Tĩnh đã lên cao như vậy ?*

2. Chính quyền Xô Viết Nghệ -Tĩnh

Tháng 9–1930, phong trào công nông đã phát triển tới đỉnh cao. Khẩu hiệu đấu tranh chính trị được kết hợp với các khẩu hiệu kinh tế. Hình thức đấu tranh đã diễn ra quyết liệt, quần chúng đã vũ trang tự vệ, biểu tình thị uy vũ trang, tiến công vào cơ quan chính quyền địch ở địa phương.

Đế quốc Pháp và tay sai điên cuồng khủng bố đàn áp. Ngày 12–9–1930, để hưởng ứng cuộc đấu tranh của nông dân các huyện và cuộc bãi công của công nhân Vinh – Bến Thủy, phản đối chính sách khủng bố của bọn thực dân và tay sai, một cuộc biểu tình khổng lồ tới 2 vạn người đã nổ ra ở Hưng Nguyên (Nghệ An).

Đế quốc Pháp cho máy bay tới ném bom, 217 người chết và 125 người bị thương. Như lửa đổ thêm dầu, ngay tối hôm sau, một đoàn biểu tình kéo đến phá huyện lị Nam Đàn, cắt dây điện tín và xung đột với lính khố xanh. Tiếp đó, suốt trong 2 tháng 9 và 10 – 1930, ở các huyện Thanh Chương, Diễn Châu (Nghệ An), Hương Sơn (Hà Tĩnh) v.v., nông dân đã vũ trang khởi nghĩa, kéo đến phá huyện lị, nhà giam, nhà ga xe lửa, cắt dây điện tín, phá đồn điền của bọn thực dân Pháp. Công nhân Vinh – Bến Thủy bãi công suốt trong hai tháng liền để ủng hộ phong trào nông dân và phản đối chính sách khủng bố của địch.

Trước khí thế đấu tranh của quần chúng, bộ máy chính quyền của đế quốc và phong kiến tay sai ở nhiều huyện bị tê liệt, ở nhiều xã bị tan rã. Trước tình hình đó, các tổ chức Đảng ở địa phương đã lãnh đạo quần chúng thực hiện quyền làm chủ, tự đứng ra quản lí lấy đời sống của mình. Các ban chấp hành nông hội xã do các chi bộ Đảng lãnh đạo đứng ra quản lí mọi mặt đời sống chính trị và xã hội ở nông thôn, mặc nhiên làm nhiệm vụ của chính quyền nhân dân theo hình thức Xô viết. Lần đầu tiên nhân dân ta thật sự nắm chính quyền ở địa phương.

Chính quyền cách mạng đã kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, bãi bỏ các thứ thuế do đế quốc và phong kiến đặt ra, đồng thời thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân, chia lại ruộng đất công cho nông dân, bắt địa chủ giảm tô, xóa nợ, khuyến khích nhân dân học

chữ quốc ngữ, bài trừ mê tín dị đoan và các hủ tục v.v.. Các tổ chức quần chúng, từ những hình thức thấp như phường, ban, hội tương tế, hội thể dục đến các hình thức cao như nông hội, công hội, hội phụ nữ giải phóng, đoàn thanh niên phản đế, hội học sinh, hội cứu tế đỏ v.v., nhất là nông hội, đều phát triển rất mạnh. Việc tuyên truyền giáo dục ý thức chính trị cho quần chúng bằng hội nghị, mít tinh, sách báo cách mạng được đặc biệt chú trọng và tổ chức rộng rãi. Mỗi làng có tổ chức các đội tự vệ vũ trang với bất cứ loại vũ khí nào. Nhờ đó trật tự trị an làng xóm được bảo đảm, nạn trộm cướp không còn.

Tuy mới thành lập ở một số xã, thời gian tồn tại chỉ được 4–5 tháng, nhưng Xô viết Nghệ – Tĩnh đã tỏ rõ bản chất cách mạng và tính ưu việt của nó. Đó là một chính quyền của dân, do dân và vì dân, nên đã đem lại nhiều lợi ích căn bản cho nhân dân.

Hoảng sợ trước phong trào quần chúng lên cao và trước ảnh hưởng của Đảng Cộng sản ngày càng lớn mạnh, đế quốc Pháp đã khủng bố cực kì tàn bạo. Sau vụ ném bom tàn sát đẫm máu cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 ở Hưng Nguyên, chúng điều động lính Pháp và lính khố xanh về đóng chốt tại thành phố Vinh – Bến Thủy là trung tâm phong trào cách mạng Nghệ – Tĩnh. Đồng thời, chúng đóng nhiều đồn bốt trong hai tỉnh để sẵn sàng đàn áp, khủng bố phong trào. Cùng với việc cho quân lính đi bắn giết dân chúng, đốt phá, triệt hạ làng mạc, chúng còn ra sức sử dụng những thủ đoạn chia rẽ, dụ dỗ, mua chuộc. Vì vậy, nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng bị phá vỡ, hàng vạn cán bộ, đảng viên và chiến sĩ yêu nước bị bắt, bị tù đày hoặc bị giết.

Từ giữa năm 1931, phong trào tạm thời lắng xuống và cuộc đấu tranh chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn gây dựng lại các cơ sở tổ chức của Đảng và quần chúng, để khôi phục lại phong trào.

Cao trào cách mạng 1930–1931, đặc biệt là phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh, là một sự kiện lịch sử trọng đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Kế tục truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc, lại được tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác –Lênin soi đường, nhân dân lao động nước ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương đã vùng lên với một khí thế tấn công cách mạng chưa từng thấy, giáng một đòn quyết liệt vào bè lũ đế quốc và phong kiến tay sai. Qua thực tiễn đấu tranh thấy rõ được dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân

và nông dân đoàn kết với các tầng lớp nhân dân khác có khả năng lật đổ nền thống trị của đế quốc và phong kiến để xây dựng một cuộc sống mới.

Đó là cuộc diễn tập đầu tiên của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám sau này.

"Tuy đế quốc Pháp đã dập tắt phong trào đó trong một biển máu, nhưng Xô viết Nghệ – Tĩnh đã chứng tỏ tinh thần oanh liệt và năng lực cách mạng của nhân dân lao động Việt Nam. Phong trào tuy thất bại, nhưng nó rèn luyện lực lượng cho cuộc Cách mạng tháng Tám thắng lợi sau này"[1].

?

– *Căn cứ vào đâu để khẳng định rằng Xô viết Nghệ Tĩnh là hình thức sơ khai của chính quyền công nông ở nước ta, và đó thật sự là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng ?*

– *Cao trào cách mạng 1930–1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh đã cho ta những bài học kinh nghiệm gì ?*

III - SỰ PHỤC HỒI LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG SAU KHỦNG BỐ TRẮNG CỦA ĐẾ QUỐC PHÁP

thuongmaitr

Từ cuối năm 1931, cách mạng Việt Nam bước vào thời kì vô cùng khó khăn. Đế quốc và phong kiến tay sai thẳng tay thi hành một chính sách khủng bố cực kì tàn bạo. Hàng ngàn chiến sĩ cộng sản, hàng vạn người yêu nước bị bắt, bị giết hoặc bị tù đày. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở trung ương và địa phương lần lượt bị phá vỡ. Phong trào nói chung có lắng xuống, nhưng sức sống của Đảng không thể bị tiêu diệt. Trong nhà tù, các đảng viên cộng sản và những người yêu nước vẫn nêu cao khí phách, kiên cường bất khuất, đấu tranh kiên trì bảo vệ lập trường, quan điểm cách mạng của Đảng, biến nhà tù thành trường học cách mạng và vẫn tìm cách liên hệ với cơ sở Đảng ở bên ngoài. Các chi bộ Đảng trong các nhà tù lãnh đạo tù nhân đấu tranh chống chế độ hà khắc của nhà tù, mở lớp huấn luyện, bồi dưỡng cho đảng viên lí luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, ra báo *Đuốc đưa đường*, *Con đường chính nghĩa* ở nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội), báo *Ý kiến chung* ở nhà tù Côn Đảo...

(1) Hồ Chí Minh – *Tuyển tập*, Tập II (1955–1969) NXB Sự thật, H.N. 1980, tr.154.

Số đảng viên còn lại ở bên ngoài vẫn âm thầm tìm cách gây dựng lại các tổ chức cơ sở của Đảng và quần chúng.

Bất chấp sự khủng bố, đánh phá ác liệt của địch, các tổ chức cơ sở của Đảng ở Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng, Thanh Hóa, Quảng Trị v.v. vẫn tồn tại và kiên trì bám chắc quần chúng để hoạt động. Đồng thời còn lợi dụng các tổ chức công khai, hợp pháp của kẻ thù để đẩy mạnh đấu tranh. Tại các thành phố Hà Nội, Sài Gòn, một số đảng viên cộng sản đã tranh thủ các khả năng đấu tranh hợp pháp để ra tranh cử vào các hội đồng thành phố. Thông qua đó, đã lợi dụng được diễn đàn công khai để tuyên truyền cổ động quần chúng theo các khẩu hiệu của Đảng. Trong các cuộc tranh luận công khai về " Duy vật hay duy tâm" "Nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh", các đảng viên cộng sản có dịp trực tiếp tuyên truyền giới thiệu quan điểm của Đảng về văn hóa nghệ thuật, trên cơ sở đó, góp phần tháo gỡ bế tắc cho văn nghệ sĩ và hướng họ vào con đường phục vụ cách mạng. Trong bối cảnh đó, từ năm 1933 về sau, một số cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ đòi quyền lợi hàng ngày đã nối tiếp nhau nổ ra ở Nam Kì, Tây Nguyên và những nơi khác.

uongxua.vn

Cuối năm 1934 đầu năm 1935, hệ thống tổ chức Đảng trong nước nói chung đã được khôi phục. Các xứ ủy Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì lần lượt được lập lại. Các đoàn thể như công hội, nông hội và các tổ chức của các lực lượng xã hội khác cũng được lập lại. Như vậy là khắp nơi trong nước phong trào đã dần dần được hồi phục, để đến tháng 3-1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc) chuẩn bị cho một cao trào cách mạng mới.

?

1. Căn cứ vào đâu để khẳng định rằng phong trào cách mạng nước ta từ năm 1933 đã phát triển trở lại ?

2. Qua thời kì cao trào cũng như thời kì thoái trào, vai trò lãnh đạo của Đảng đã thể hiện như thế nào ?

Bài 6

CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ 1936-1939

1. Tình hình thế giới và trong nước sau khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933

Tình hình thế giới

Cuộc khủng hoảng kinh tế trong những năm 1929–1933 đã làm cho mâu thuẫn xã hội vốn có trong các nước tư bản chủ nghĩa càng thêm sâu sắc và phong trào cách mạng của quần chúng dâng lên mạnh mẽ. Giai cấp tư sản lũng đoạn ở nhiều nước mưu tìm lối thoát ra khỏi khủng hoảng bằng cách thiết lập chế độ phát xít, một chế độ độc tài tàn bạo nhất, sô vanh nhất, đế quốc chủ nghĩa nhất của bọn tư bản tài chính. Chúng ra sức xóa bỏ mọi quyền tự do dân chủ của nhân dân trong nước và ráo riết chuẩn bị chiến tranh mới để chia lại thị trường và các vùng thuộc địa trên thế giới. Chúng cũng nuôi mưu đồ tấn công Liên Xô là thành trì cách mạng thế giới, hi vọng đẩy lùi phong trào cách mạng vô sản đang phát triển mạnh trong nước chúng và trên toàn thế giới. Chủ nghĩa phát xít Đức, Italia, Nhật cùng bè lũ tay chân của nó ở một số nước (Pháp, Tây Ban Nha v.v.) trở thành mối nguy cơ lớn đe dọa hòa bình và an ninh quốc tế.

Đứng trước nguy cơ đó, Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ 7 (7–1935) họp ở Matxcơva[1] xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới không phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung, mà là chủ nghĩa phát xít. Đại hội đề ra chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước, nhằm tập hợp rộng rãi các lực lượng dân chủ đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh do chúng gây ra.

Năm 1936, Mặt trận nhân dân Pháp do Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt, thắng cử vào Nghị viện và lên cầm quyền. Thắng lợi đó đã tạo điều kiện chính trị thuận lợi cho cuộc đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân ở các nước trong hệ thống thuộc địa của đế quốc Pháp, trong đó có Việt Nam.

---

(1) Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong dẫn đầu đã tham dự Đại hội.

Ngày

Tình hình trong nước

Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp đã ban bố những chính sách tự do dân chủ áp dụng phần nào cho các nước thuộc địa. Một số tù chính trị ở Việt Nam được thả ra đã nhanh chóng tìm cách hoạt động trở lại.

Lúc đó, ở nước ta hậu quả kéo dài của khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 đã tác động sâu sắc không chỉ đến đời sống của các giai cấp và tầng lớp nhân dân lao động mà cả đến những nhà tư sản, địa chủ hạng vừa và nhỏ. Trong khi đó, bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương vẫn tiếp tục thi hành chính sách bóc lột, vơ vét và khủng bố, đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân.

Căn cứ vào tình hình trên và tiếp thu đường lối của Quốc tế cộng sản, Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định rằng kẻ thù cụ thể trước mắt của nhân dân Đông Dương lúc này chưa phải là thực dân Pháp nói chung, mà là bọn phản động Pháp cùng bè lũ tay sai không chịu thi hành ở các thuộc địa chính sách của Mặt trận nhân dân Pháp. Từ đó quyết định tạm thời hoãn các khẩu hiệu "đánh đổ đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập", "tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày" và nêu những nhiệm vụ trước mắt của nhân dân Đông Dương là : chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

truongxua.vn

Để thực hiện nhiệm vụ đó, Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương được thành lập, đến tháng 3 – 1938 được đổi thành Mặt trận dân chủ Đông Dương, nhằm tập hợp mọi lực lượng yêu nước, dân chủ tiến bộ, đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và bọn phản động Pháp, giành tự do dân chủ, cải thiện dân sinh và bảo vệ hòa bình thế giới. Về hình thức và phương pháp đấu tranh, những khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai được triệt để lợi dụng để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức, giáo dục quần chúng và mở rộng phong trào đấu tranh của quần chúng.

? *– Bối cảnh lịch sử của cao trào dân chủ 1936 – 1939 ?*

– So với thời kì 1930 – 1931, chủ trương, sách lược cách mạng của Đảng và hình thức đấu tranh trong thời kì này có gì khác ? Vì sao ?

2. Mặt trận dân chủ Đông Dương và phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ

Chủ trương mới của Đảng phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng bức thiết của quần chúng, nên đã dấy lên trong cả nước một cao trào đấu tranh mạnh mẽ, sôi nổi hướng vào các mục tiêu trước mắt là tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

Từ giữa năm 1936, được tin chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp sắp cử một phái đoàn sang điều tra tình hình thuộc địa Đông Dương, Đảng chủ trương phát động một phong trào đấu tranh công khai rộng lớn của quần chúng. Mở đầu là cuộc vận động lập Ủy ban trù bị Đông Dương đại hội, nhằm thu thập nguyện vọng của quần chúng, tiến tới triệu tập *Đông Dương đại hội* (8-1936). Hưởng ứng chủ trương trên, các "Ủy ban hành động" nối tiếp nhau ra đời ở nhiều địa phương trong cả nước. Quần chúng khắp nơi sôi nổi tổ chức các cuộc mít tinh, hội họp, diễn thuyết để thu thập "dân nguyện", đưa yêu sách đòi chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp phải trả lại tự do cho tù chính trị, thi hành luật lao động ngày làm 8 giờ và đảm bảo số ngày nghỉ có lương trong năm cho công nhân, cải thiện đời sống của nhân dân...

thuongmaitr

. Tiếp đến đầu năm 1937, nhân dịp đón phái viên của chính phủ Pháp và toàn quyền mới xứ Đông Dương[1], lực lượng quần chúng rộng lớn càng có dịp được biểu dương mạnh mẽ qua các cuộc mít tinh, biểu tình, đưa "dân nguyện", trong đó công nhân và nông dân là lực lượng đông đảo và hăng hái nhất. Nhờ khéo lợi dụng các hình thức đấu tranh hợp pháp, phong trào quần chúng đấu tranh theo những khẩu hiệu đòi tự do, dân chủ, cải thiện đời sống đã phát triển liên tục, rộng rãi, khắp cả thành thị và nông thôn. Ngoài các yêu sách chung, mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp còn đưa ra các yêu sách riêng của mình. Công nhân đòi tự do lập nghiệp đoàn, tăng lương, bớt giờ làm, thi hành luật lao động, thực hiện bảo hiểm xã hội, chống đuổi thợ, chống đánh đập, cúp phạt... Nông dân đòi chia lại ruộng công, chống sưu cao, thuế nặng, chống phù thu lạm bổ[2], đòi giảm tô, giảm tức.... Công chức, học sinh, tiểu thương, tiểu chủ đòi đảm bảo quyền lợi lao động, ban bố các quyền tự do dân chủ, miễn giảm các thứ thuế....

---

(1) Phái viên của chính phủ Pháp là Gôđa (Justin Godart) và toàn quyền mới của Đông Dương là Brêviê (Jules Brévié).

(2) Các khoản thu dôi ra, phân bổ đóng góp quá nặng.

Một phong trào đấu tranh của quần chúng dưới các hình thức bãi công, bãi thị, bãi khóa, mít tinh, biểu tình đã nổ ra mạnh mẽ nhất là ở các thành phố, khu mỏ, và đồn điền cao su (Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng, Hòn Gai, Cẩm Phả, Vinh – Bến Thủy v.v.). Đặc biệt là phong trào công nhân với cuộc tổng bãi công của công nhân Công ti than Hòn Gai tháng 11-1936 và cuộc bãi công của công nhân xe lửa Trường Thi tháng 7-1937, được công nhân xe lửa miền Nam Đông Dương phối hợp. Trên cơ sở đó đến ngày Quốc tế lao động 1–5–1938 tại quảng trường nhà Đấu Xảo – Hà Nội[1] đã diễn ra cuộc mít tinh khổng lồ của 2 vạn rưỡi người, hô vang các khẩu hiệu đòi tự do lập hội ái hữu, nghiệp đoàn, đòi thi hành triệt để luật lao động, đòi giảm thuế, chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, ủng hộ hòa bình, chống nạn sinh hoạt đắt đỏ.

Hình 7 – Cuộc mít tinh ở Đấu Xảo – Hà Nội

(1) Nơi tổ chức các cuộc triển lãm, hội chợ. Nay là khu vực Cung văn hóa lao động Việt Xô.

Cùng với việc lãnh đạo đấu tranh về kinh tế – chính trị, công tác tuyên truyền cổ động cũng được đẩy mạnh. Nhiều tờ báo công khai của Đảng, của Mặt trận dân chủ Đông Dương và các đoàn thể quần chúng đã ra đời (*Tiền phong, Dân chúng, Lao động, Bạn dân, Tin tức, Nhành lúa* v.v.). Một số sách chính trị phổ thông giới thiệu chủ nghĩa Mác – Lênin và chính sách của Đảng cũng được lưu hành rộng rãi (cuốn *Vấn đề dân cày của* Qua Ninh và Vân Đình)(1).

Trong những năm 1937–1938, Đảng Cộng sản Đông Dương còn lợi dụng khả năng hợp pháp để tham gia các cuộc tranh cử, đưa người của Đảng và của Mặt trận dân chủ Đông Dương vào Hội đồng quản hạt Nam Kì, các Viện dân biểu Bắc Kì và Trung Kì, Hội đồng kinh tế – lí tài Đông Dương nhằm mở rộng công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng, vạch trần chính sách thuộc địa phản động của thực dân Pháp, đấu tranh cho quyền lợi của quần chúng.

Từ cuối năm 1938, Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp do Đảng xã hội Pháp đứng đầu ngày càng thiên về hữu, theo đà bọn thực dân phản động Pháp ngóc đầu dậy phản công lại Mặt trận dân chủ Đông Dương, ra mặt ngăn cấm những hoạt động cách mạng và khủng bố những chiến sĩ tham gia phong trào. Phong trào đấu tranh công khai vì vậy thu hẹp dần, và đến tháng 9–1939 khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ thì chấm dứt hẳn.

thuongmaitr

? – *Trong cao trào dân chủ 1936 – 1939, có những sự kiện nào tiêu biểu nhất ?*

3. Kết quả và ý nghĩa của phong trào

Cuộc vận động dân chủ 1936–1939 thực sự là một cao trào cách mạng dân tộc, dân chủ rộng lớn. Trong khi lãnh đạo phong trào quần chúng, trình độ chính trị và công tác của cán bộ và đảng viên đã được nâng cao một bước rõ rệt. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong nhân dân. Quan trọng hơn là tình hình chính trị lúc bấy giờ có thể hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp đã tạo điều kiện cho tư tưởng Mác – Lênin cũng như đường lối chính sách của Đảng và của Quốc tế cộng sản được phổ biến, tuyên truyền và giáo

(1) Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp.

dục sâu rộng. Các sách báo của Đảng và của Mặt trận dân chủ đã có tác dụng lớn trong việc động viên giáo dục, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh, đồng thời đập tan những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc và những hành động phá hoại của bè lũ phản động các loại, làm cho chúng càng bị cô lập. Trong hoàn cảnh đó, tổ chức của Đảng được củng cố và phát triển.

Qua phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân, đội quân chính trị quần chúng gồm hàng triệu người ở thành thị và nông thôn được Đảng tập hợp, xây dựng, giáo dục, đồng thời cũng bồi dưỡng được một đội ngũ cán bộ cách mạng đông đảo, dày dạn trong đấu tranh, có nhiều kinh nghiệm.

Rõ ràng cao trào dân chủ 1936 – 1939 là một cuộc diễn tập thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

?

1. Kết quả và ý nghĩa của cao trào cách mạng 1936 – 1939 đối với tiến trình cách mạng nước ta ?

2. Tại sao lại nói cao trào dân chủ 1936 – 1939 là cuộc diễn tập thứ hai của Cách mạng tháng Tám 1945 ?

uongxua.vn

Bài 7

CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1939 - 1945)

I - TÌNH HÌNH VIỆT NAM TRONG CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ở châu Âu quân đội phát xít Đức kéo vào nước Pháp, bọn tư bản phản động Pháp hoàn toàn đầu hàng làm tay sai cho chúng (6–1940). Ở Viễn Đông, quân phiệt Nhật cũng đẩy mạnh xâm lược Trung Quốc và cho quân tiến sát biên giới Việt Trung.

Thực dân Pháp ở Đông Dương đứng trước hai nguy cơ : Một là ngọn lửa cách mạng giải phóng của nhân dân Đông Dương sớm muộn

sẽ cháy bùng lên thiêu đốt chúng ; hai là sự đe dọa trắng trợn của phát xít Nhật đang lăm le hất cẳng chúng. Để đối phó lại tình hình khốn đốn đó, một mặt chúng đã thi hành chính sách thời chiến, trắng trợn phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta, chĩa mũi nhọn vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Hàng ngàn vụ khám xét, bắt bớ đã diễn ra khắp nơi, lệnh "tổng động viên" được ban bố cùng với chính sách" kinh tế chỉ huy "được thi hành nhằm tăng cường vơ vét sức người và sức của ở thuộc địa để cung ứng cho cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa(1). Chính sách phản động trên của thực dân Pháp đã đẩy nhân dân ta vào cảnh sống ngột ngạt về chính trị, bần cùng về kinh tế. Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp và tay sai càng trở nên gay gắt hơn.

Mặt khác, thực dân Pháp đã chọn con đường thỏa hiệp với phát xít Nhật. Ngày 20-6-1940, Nhật buộc Pháp phải đóng cửa biên giới Việt Trung, không để Đồng minh chuyên chở vũ khí, hàng hóa xuyên qua Bắc Kì vào nội địa Trung Quốc. Tháng 8 năm đó, bọn Pháp ở Đông Dương phải kí hiệp ước thừa nhận cho Nhật có những đặc quyền ở Đông Dương.

thuongmaitr

Chỉ một tháng sau, lại phải kí hiệp ước thuận cho Nhật dùng ba sân bay ở Bắc Kì (Gia Lâm, Cát Bi, Phủ Lạng Thương) đóng 6000 quân ở phía Bắc sông Hồng và dùng các con đường ở Bắc Kì để vận chuyển binh lính vào nội địa Trung Quốc. Phát xít Nhật vừa bắt ép thực dân Pháp đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, vừa tìm cách lôi kéo một số phần tử cơ hội trong đám địa chủ và tư sản làm tay sai phục vụ cho mưu đồ xâm lược của chúng. Bọn này nấp dưới hình thức đảng phái chính trị (Đại Việt, Phục Quốc, ...) hoặc tôn giáo để hoạt động, ra sức tuyên truyền lừa bịp về văn minh và sức mạnh của Nhật, về thuyết "Đại Đông Á", ráo riết dọn đường cho Nhật hất cẳng Pháp.

? – *Tình hình Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ hai có gì mới ?*

---

(1) Hơn 7 vạn thanh niên Việt Nam bị bắt sang Pháp làm bia đỡ đạn.

II - CHỦ TRƯƠNG THÀNH LẬP MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT PHẢN ĐẾ ĐÔNG DƯƠNG (11-1939)

Ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng Cộng sản Đông Dương đã cảnh cáo bọn thực dân Pháp về nguy cơ xâm lược của phát xít Nhật, đòi chúng mở rộng các quyền tự do, dân chủ, cải thiện đời sống cho nhân dân và cùng nhân dân Đông Dương chống Nhật. Nhưng chúng đã không đáp ứng yêu cầu chính đáng đó, lại còn điên cuồng đàn áp cách mạng. Chỉ riêng trong tháng 9-1939 ở Bắc Kì đã có đến 1051 vụ khám xét và bắt bớ. Đảng Cộng sản Đông Dương đã rút vào hoạt động bí mật và chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, phát triển cơ sở cách mạng ở nông thôn, đồng thời cũng rất chú trọng đến cả đô thị. Hội nghị lần thứ 6 (11 – 1939) của Ban chấp hành trung ương đảng nhận định trong điều kiện lịch sử mới, vấn đề giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu và cấp bách nhất của cách mạng Đông Dương. Mọi vấn đề cách mạng khác – kể cả vấn đề ruộng đất – đều phải nhằm mục đích đó mà giải quyết, tạm gác lại khẩu hiệu cách mạng ruộng đất và thay bằng các khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay nặng lãi, tịch thu ruộng đất của bọn thực dân đế quốc và bọn địa chủ tay sai đem chia cho dân cày nghèo. Khẩu hiệu thành lập chính quyền Xô viết công nông cũng được thay bằng khẩu hiệu : "Chính phủ cộng hòa dân chủ". Để thực hiện nhiệm vụ trung tâm đó, hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương nhằm đoàn kết rộng rãi các tầng lớp, các giai cấp, các dân tộc, kể cả các cá nhân yêu nước ở Đông Dương ; chĩa mũi nhọn đấu tranh vào kẻ thù chủ yếu trước mắt là chủ nghĩa đế quốc phát xít, giành lại độc lập hoàn toàn cho các dân tộc ở Đông Dương. Hội nghị còn khẳng định chiến tranh đế quốc và họa phát xít sẽ gây phẫn uất trong nhân dân và cách mạng sớm muộn phải bùng nổ.

ruongxua.vn

Hội nghị Trung ương lần thứ 6 đã đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược cách mạng, giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất, mở đường đi tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

?

- *Phân tích các điều kiện dẫn tới sự ra đời của Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương ?*
- *Nhiệm vụ cách mạng trung tâm của thời gian này là gì ? Hội nghị Trung ương lần thứ 6 đã có quyết định gì mới ?*

III - NHỮNG PHÁT SÚNG ĐẦU TIÊN BÁO HIỆU THỜI KÌ ĐẤU TRANH MỚI

1. Khởi nghĩa Bắc Sơn (27-9-1940)

Ngày 22-9-1940, quân Nhật đánh vào Lạng Sơn. Quân đội Pháp trên đường thua chạy đã rút qua châu Bắc Sơn. Thừa cơ hội đó, nhân dân Bắc Sơn đã nổi dậy tước khí giới của tàn quân Pháp để tự võ trang cho mình, giải tán chính quyền địch và thành lập chính quyền cách mạng (27-9). Nhưng mấy hôm sau, Nhật đã thỏa hiệp để cho Pháp quay trở lại đàn áp, dồn dân, bắt giết cán bộ, đốt phá nhà cửa, cướp đoạt tài sản của nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương, nhân dân đã đấu tranh quyết liệt chống khủng bố, tổ chức các toán vũ trang đi lùng bắt và trừng trị bọn tay sai của địch. Nhờ đó, cơ sở cuộc khởi nghĩa vẫn được duy trì, quân khởi nghĩa tiến dần lên lập căn cứ quân sự. Một ủy ban chỉ huy được thành lập để phụ trách mọi mặt công tác cách mạng. Những tài sản của đế quốc và tay sai đều bị tịch thu đem chia cho dân nghèo và các gia đình bị thiệt hại. Quần chúng phấn khởi gia nhập đội quân cách mạng rất đông. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập.

Thực dân Pháp sau khi củng cố lực lượng đã ráo riết tấn công cách mạng. Chính quyền của chúng dần dần được lập lại ở các nơi. Ngày 20-10-1940, chúng đánh úp Vũ Lăng, đội quân cách mạng trang bị kém cỏi, lại thiếu kinh nghiệm chiến đấu nên đã tan vỡ.

Giặc Pháp đàn áp cực kì dã man. Riêng ở Lạng Sơn, sau khi được phát xít Nhật trao lại thị xã, chúng đã bắn chết hàng trăm người, trong đó có cả phụ nữ và trẻ em, rồi vùi xác vào những hố đào sẵn. Nhưng nhân dân Bắc Sơn anh dũng đâu chịu khuất phục. Trung ương Đảng họp rút kinh nghiệm về cuộc khởi nghĩa, quyết định duy trì và củng cố lực lượng võ trang Bắc Sơn.

Đội du kích Bắc Sơn từ đó lớn dần lên, sang năm 1941 thì hợp với quân khởi nghĩa Võ Nhai, Tràng Xá (Thái Nguyên) để thành đội quân du kích đầu tiên đánh Pháp, đuổi Nhật trong thời kì Việt Minh sau này.

thuongmaitr

2. Khởi nghĩa Nam Kì (23-11-1940)

Bọn quân phiệt Xiêm (Thái Lan) được phát xít Nhật xúi giục, giúp đỡ đã lợi dụng cơ hội Pháp bại trận ở châu Âu và yếu thế ở Đông Dương để khiêu khích và gây xung đột dọc đường biên giới Lào Campuchia. Để chống lại, thực dân Pháp đã bắt binh lính Việt Nam ra mặt trận chết thay cho bọn chúng (11-1940). Nhân dân Nam Kì rất bất bình, đặc biệt nhiều binh lính đã đào ngũ, hoặc bí mật liên lạc với Đảng bộ cộng sản Nam Kì. Tình thế cấp bách khiến cho Đảng bộ Nam Kì phải quyết định khởi nghĩa tuy chưa có sự chuẩn y của Trung ương Đảng, lệnh đình chỉ phát động khởi nghĩa của Trung ương Đảng từ ngoài Bắc vào chậm(1). Nhưng trước ngày khởi sự thì một số cán bộ chỉ huy bị bắt, do đó kế hoạch khởi nghĩa bị lộ. Thực dân Pháp thiết quân luật, giữ binh lính người Việt trong trại và tước hết khí giới của họ, đồng thời ra lệnh giới nghiêm và bủa lưới săn lùng các chiến sĩ cách mạng.

Theo kế hoạch đã định, cuộc khởi nghĩa vẫn bùng nổ vào đêm 22 rạng sáng ngày 23–11–1940 ở hầu khắp các tỉnh của Nam Kì. Nghĩa quân triệt hạ nhiều đồn bốt giặc, phá nhiều đường giao thông, thành lập chính quyền nhân dân và tòa án cách mạng ở nhiều vùng trong các tỉnh Mĩ Tho, Gia Định, Bạc Liêu. Trong cuộc khởi nghĩa, lá cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên đã xuất hiện.

Thực dân Pháp và tay sai đàn áp cuộc khởi nghĩa một cách vô cùng tàn khốc. Chúng cho máy bay giội bom và bắn phá nhiều làng mạc, có thôn xóm không còn ai sống sót. Các cảnh đốt nhà, cướp của, giết người, hãm hiếp phụ nữ diễn ra khắp nơi. Chỉ trong vòng 40 ngày, riêng ở 4 tỉnh Gia Định, Mĩ Tho, Long Xuyên, Cần Thơ đã có gần 6000 vụ bắt người. Giặc Pháp đã lấy dây thép xâu tay nhiều người vào nhau, rồi bắt đứng phơi nắng đến chết khô ; hoặc chất họ lên sà lan đưa ra nhấn chìm ngoài biển cả. Một số cán bộ ưu tú của Đảng Cộng sản Đông Dương bị bắt từ trước cuộc khởi nghĩa cũng nhân dịp này bị chúng đưa ra xử bắn (Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai...).

---

(1) Hội nghị TƯ ĐCSĐD tháng 11–1940 sau khi phân tích tình hình các mặt đã quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa ở Nam Kì. Ngày 22 – 11 phái viên của Trung ương là Phan Đăng Lưu mang theo lệnh hoãn khởi nghĩa về tới Sài Gòn nhưng lệnh phát động nổi dậy đã được ban bố, không thể hoãn lại được.

Cơ sở đảng bị tổn thất nặng, nhưng một số cán bộ và nghĩa quân đã kịp thời rút vào rừng và chấn chỉnh đội ngũ để chờ cơ hội hoạt động trở lại.

3. Cuộc binh biến Đô Lương (13-1-1941)

Phong trào cách mạng dâng cao đã ảnh hưởng đến tinh thần giác ngộ của binh lính người Việt trong quân đội Pháp. Tại Nghệ An, binh lính người Việt hết sức bất bình vì bị bắt sang Lào làm bia đỡ đạn cho Pháp chống Thái Lan.

Ngày 13-1-1941, dưới sự chỉ huy của Đội Cung (Nguyễn Văn Cung) binh lính đồn chợ Rạng đã nổi dậy. Tối hôm đó, họ đánh chiếm đồn Đô Lương, rồi lên ô tô kéo về Vinh định phối hợp với số binh lính ở đây giết giặc chiếm thành. Nhưng kế hoạch không thực hiện được. Đội Cung bị Pháp bắt. Ra sức dụ dỗ mua chuộc không được, giặc Pháp xoay ra tra tấn cực hình, nhưng trước sau Đội Cung vẫn nhất định không khai ai cả và nhận hết trách nhiệm về mình. Chúng đưa ông ra xử tử cùng với 10 đồng chí của ông, kết án khổ sai và đưa đi đầy nhiều người khác.

Cuộc binh biến Đô Lương là một hành động yêu nước của binh lính người Việt trong quân đội Pháp. Đảng Cộng sản Đông Dương hoan nghênh tinh thần yêu nước của Đội Cung và các đồng chí của ông.

thuongmaitr

4. Ý nghĩa và bài học của ba sự kiện trên

Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và cuộc binh biến Đô Lương nổ ra vào lúc kẻ thù còn tương đối mạnh, lực lượng cách mạng chưa được tổ chức và chuẩn bị đầy đủ nên trước sau đều thất bại.

Tuy vậy, các sự kiện oanh liệt đó đã nêu cao tinh thần anh dũng bất khuất của nhân dân Việt Nam, giáng những đòn phủ đầu chí tử vào thực dân Pháp, đồng thời nghiêm khắc cảnh cáo phát xít Nhật vừa mới đặt chân vào Đông Dương. Ba cuộc khởi nghĩa liên tiếp nổ ra đã nâng cao tinh thần dân tộc, "đã làm bở vía quân thù"(1)

Các cuộc khởi nghĩa và binh biến nói trên - đặc biệt là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn - đã để lại cho Đảng Cộng sản Đông Dương những bài học bổ ích về khởi nghĩa vũ trang, về xây dựng lực lượng vũ trang, và chiến tranh du kích, trực tiếp chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám về sau.

---

(1) Báo "Cờ giải phóng" của Trung ương Đảng, năm 1942.

? – *Tóm tắt diễn biến cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và cuộc binh biến Đô Lương ?*

– *Nguyên nhân và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa và binh biến trên ?*

IV - NHẬT NHẢY VÀO ĐÔNG DƯƠNG (9-1940)

1. Nhật - Pháp ra sức bóc lột nhân dân Đông Dương

Sau khi đầu hàng Nhật ở Lạng Sơn (9-1940), rồi mở cửa cho chúng vào Đông Dương, thực dân Pháp đã suy yếu rõ rệt. Bọn Nhật tiếp tục lấn bước để biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của chúng. "*Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương* (23-7-1941) thừa nhận cho Nhật có quyền đóng quân trên toàn cõi Đông Dương. Chỉ bảy ngày sau, chính phủ Pháp lại trực tiếp kí với Nhật một hiệp ước thừa nhận chúng có quyền sử dụng tất cả sân bay và cửa biển ở Đông Dương vào mục đích quân sự (29-7-1941). Đến khi Nhật phát động chiến tranh Thái Bình Dương (7-12-1941), chúng bắt thực dân Pháp ở Đông Dương kí thêm một hiệp ước cam kết hợp tác với Nhật về mọi mặt, như tạo mọi sự dễ dàng cho việc hành binh, cung cấp lương thực, bố trí doanh trại, giữ gìn trật tự xã hội ở Đông Dương để đảm bảo hậu phương an toàn cho quân đội Nhật. Kể từ đây, trong thực tế, Pháp và Nhật đã câu kết chặt chẽ với nhau trong việc áp bức, bóc lột nhân dân Đông Dương.

Các công ti tư bản Nhật đưa vốn vào Đông Dương ngày một nhiều và hoạt động trong nhiều ngành công nghiệp và thương mại (Công ti thương mại và công nghiệp Đông Dương, Công ti Đại Nam...). Về công nghiệp, Nhật bỏ vốn chủ yếu vào khai mỏ (quặng sắt, măng gan, phốt pho v.v.). Về thương mại, từ 1942 là khách hàng độc nhất của Đông Dương, Nhật bán ít mà chủ yếu là mua. Chúng buộc chính quyền Pháp phải cung cấp các nhu yếu phẩm như gạo, ngô cho chúng. Để có đủ số thóc, gạo cung cấp cho Nhật, thực dân Pháp bắt nhân dân ta phải bán thóc theo diện tích cày cấy. Tàn ác và dã man hơn nữa, chúng còn bắt nhân dân ta nhổ lúa, phá hoa màu để trồng đay, thầu dầu..., lấy nguyên liệu cần thiết cho chiến tranh. Rõ ràng là phát xít Nhật từ khi đặt chân lên Đông Dương đã trực tiếp hoặc gián tiếp qua tay Pháp bòn rút triệt để các nguyên liệu và thực phẩm của đất nước và nhân dân ta nhằm phục vụ cho chiến tranh ăn cướp của chúng.

truongxua.vn

Mặc dù bị Nhật ức hiếp, tước đoạt mọi bề, thực dân Pháp đã có nhiều thủ đoạn gian xảo để vẫn thu được lợi nhuận cao nhất. Trước hết, chúng thi hành chính sách "kinh tế chỉ huy" mà thực chất là một thủ đoạn lợi dụng thời chiến để nắm độc quyền toàn bộ nền kinh tế Đông Dương và tăng cường tệ đầu cơ tích trữ để vơ vét bóc lột nhân dân ta được nhiều hơn. Thủ đoạn thứ hai là tăng thuế, đặc biệt là các thứ thuế gián thu, riêng các khoản thuế rượu, muối và thuốc phiện từ 1939 – 1945 đã tăng lên gấp 3 lần.

Một thủ đoạn tàn ác nữa là thu mua thực phẩm, chủ yếu là lúa gạo, theo lối cưỡng bách, với giá rẻ mạt, một phần để cung đốn cho Nhật, một phần để tích trữ chuẩn bị chiến tranh. Chính thủ đoạn tàn ác này đã gây ra nạn khan hiếm thực phẩm nghiêm trọng trên thị trường và là nguyên nhân trực tiếp làm cho hơn 2 triệu đồng bào ta ở miền Bắc chết đói trong mấy tháng đầu năm 1945.

2. Những thủ đoạn chính trị lừa bịp của Nhật Pháp

Để che đậy những hành vi cướp bóc tàn bạo và âm mưu xâm lược của chúng, đồng thời để có chỗ dựa khi nhảy lên độc chiếm Đông Dương, phát xít Nhật đã đưa ra nhiều thủ đoạn chính trị thâm độc. Chúng cho người bí mật tập hợp những phần tử trí thức, nhân sĩ phần nào bất mãn với thực dân Pháp (như Trần Trọng Kim, Nguyễn Xuân Chữ...) hoặc những tên gián điệp cũ của Pháp (như Nguyễn Thế Nghiệp...) và giúp bọn đó thành lập những đảng thân Nhật (như *Đại Việt dân chính, Đại Việt quốc xã, Việt Nam ái quốc, Phục quốc, Đại Việt quốc gia liên minh* v.v.). Chúng còn lợi dụng cả các đạo giáo có xu hướng chống Pháp ở Nam Kì (như Cao Đài, Hòa Hảo). Chúng thống nhất các phe phái trên thành một đoàn thể thân Nhật có tên chung là "Việt Nam phục quốc đồng minh hội", và ráo riết sửa soạn nặn ra một chính phủ bù nhìn làm tay sai cho chúng.

Đồng thời, chúng tung ra luận điệu lừa bịp như "Khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á", cho xuất bản nhiều sách học tiếng Nhật, mở lớp dạy tiếng Nhật, tổ chức trao đổi trí thức, học sinh và sinh viên giữa Đông Dương và Nhật... để tuyên truyền cho văn hóa và sức mạnh "vô địch của Nhật", gạt dần ảnh hưởng của Pháp trong nhân dân Đông Dương.

thuongmaitr

Để đối phó với cả hai thế lực đang uy hiếp và sẵn sàng đánh đồ chúng là phát xít Nhật và cách mạng Đông Dương, thực dân Pháp thi hành chính sách hai mặt : Một mặt chúng vẫn tiếp tục đàn áp, khủng bố, bắt bớ các chiến sĩ cách mạng và nhân dân yêu nước của ta. Các sách báo tiến bộ đều bị kiểm duyệt gắt gao và cấm đoán nghiêm ngặt, tác giả các sách báo đó đều bị cầm tù ; các "Hội đồng dân biểu" từ hồi Mặt trận dân chủ Đông Dương đều bị giải tán v.v.. Mặt khác, chúng đưa ra nhiều thủ đoạn lừa bịp, hòng làm cho nhân dân ta lầm tưởng chúng là "bạn", chớ không phải là "thù". Chúng cho một số người Việt Nam có bằng cấp cao được làm chức chủ sự, sĩ quan, thanh tra, cảnh sát... trước đó chỉ người Pháp hay người vào làng Tây mới được làm. Chúng mở thêm một vài trường cao đẳng (cao đẳng Khoa học, cao đẳng Kiến trúc, cao đẳng Nông Lâm, cao đẳng Thể dục...), lập *Đông Dương học xá* cho một số sinh viên lưu trú với mục đích lôi kéo, dụ dỗ trí thức, thanh niên. Đồng thời, cũng giống như chính phủ đầu hàng Đức ở bên Pháp, chúng còn đưa ra các khẩu hiệu bịp bợm như "*Cách mạng quốc gia*", "*Pháp Việt phục hưng*", "*Cần lao - Gia đình - Tổ quốc*", "*Đoàn kết và cường tráng để phục vụ*" nhằm tuyên truyền, lôi kéo đông đảo thanh niên học sinh trung thành với Pháp. Dưới những khẩu hiệu "lập lờ" đó, tuy chúng có để cho thanh niên ta tổ chức kỉ niệm các anh hùng dân tộc (*Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung* v.v.), hát những bài ca khích lệ tinh thần yêu nước chống xâm lược (*Chi Lăng, Bạch Đằng giang, Tiếng gọi thanh niên* v.v.) nhưng đồng thời chúng cũng hướng thanh niên ta tôn sùng các anh hùng dân tộc Pháp như Gian Đa (Jeanne d'Arc) thậm chí cả tên phát xít, phản động đầu hàng như Pêtanh (Pétain). Chúng khuấy lên một phong trào thanh niên giả tạo với những cuộc đại hội điền kinh, biểu diễn thể thao – thể dục toàn Đông Dương, rước đuốc và đua xe đạp xuyên Đông Dương, nhằm lôi kéo thanh niên xa rời nhiệm vụ cứu nước. Nhưng tất cả những trò bịp bợm đó của chúng đều chẳng đưa lại kết quả bao nhiêu vì bộ mặt xấu xa, tàn ác của chúng đã quá lộ liễu, làn sóng cách mạng đã dâng lên từ những năm đầu chiến tranh thế giới và đang sắp nhấn chìm chúng.

3. Tình cảnh nhân dân Việt Nam dưới hai tầng áp bức Pháp-Nhật

Dưới hai tầng áp bức, bóc lột nặng nề Pháp – Nhật, các tầng lớp nhân dân nói chung, nhất là nông dân, bị đẩy đến tình trạng cực khổ, điêu đứng.

truongxua.vn

Cuộc sống của *người nông dân* thời đó thật sự khốn quẫn. Bị tước đoạt đến hạt gạo mà họ năm nắng, mười sương mới kiếm được, hay mảnh vải mà họ phải thức khuya dậy sớm để dệt thành, họ sống cầm hơi với hớp cháo cám nhạt, và trần mình chịu rét lúc đêm đông.

Trong tổng số gần 2 triệu người chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945, đa số là nông dân, thiết tưởng điều đó cũng dễ hiểu.

Đời sống của *giai cấp công nhân* (kể cả thợ thủ công) cũng điêu đứng nhiều bề. Các tệ nạn cúp phạt, giảm lương, tăng giờ làm, đánh đập..., thậm chí dãn thợ, sa thải... thường xuyên đe dọa, uy hiếp họ.

Các *tầng lớp tiểu tư sản* cũng sống rất bấp bênh. Đối với bộ phận công chức các sở công tuy thực dân Pháp có tăng lương cho họ vì giá sinh hoạt tăng nhanh, hay phát thẻ cung cấp một số mặt hàng cần thiết (vải, đường, gạo...) nhưng một vài điều "ưu đãi" đó không thể bù đắp nổi những thiếu hụt trong đời sống vì giá sinh hoạt ngày càng cao vọt. Còn đối với các tầng lớp trí thức làm nghề tự do, các tiểu thương, tiểu chủ... thì tình cảnh càng vô cùng gieo neo, điêu đứng. Các nạn thất nghiệp, buôn bán thua lỗ, sập hiệu... sẵn sàng chờ đón họ.

Ngay cả *giai cấp tư sản và giai cấp địa chủ*, chỉ trừ một bọn có quyền lợi gắn chặt với Pháp–Nhật thì càng chớp thời cơ để làm ăn lớn, phát tài to, còn lại nói chung đều ít nhiều bị sa sút hay phá sản.

Nói tóm lại, trừ bọn đại địa chủ, tư sản mại bản, quan lại cường hào tham nhũng và bọn đầu cơ tích trữ, còn mọi tầng lớp nhân dân đều rên xiết dưới hai tầng áp bức bóc lột tàn tệ của bè lũ Nhật–Pháp. Vì vậy, nhân dân ta đều sôi sục căm thù chúng, sẵn sàng nổi dậy khi thời cơ tới. Cả nước Việt Nam như một đồng cỏ khô, chỉ một tàn lửa nhỏ rơi vào là sẽ bùng lên thiêu cháy bè lũ cướp nước và tay sai.

?

- *Thực dân Pháp đã đầu hàng rồi câu kết từng bước với phát xít Nhật từ sau năm 1940 như thế nào ?*
- *Các thủ đoạn cướp bóc, vơ vét về kinh tế của Nhật, Pháp và ảnh hưởng của các thủ đoạn đó đến nhân dân ta như thế nào ?*
- *Nhật và Pháp đã thi hành những thủ đoạn chính trị gì để lừa bịp nhân dân ta ? Có gì giống nhau và khác nhau trong mục đích của chúng ?*

thuongmaitr

V - MẶT TRẬN VIỆT MINH RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH

Cuộc chiến tranh thế giới đã bước sang năm thứ ba. Sau khi lần lượt đánh bại các nước đế quốc Pháp, Bỉ, Hà Lan và chiếm phần lớn lục địa châu Âu, tháng 6–1941, phát xít Đức mở cuộc tấn công Liên Xô. Cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô bắt đầu. Tính chất cuộc chiến tranh từ đây thay đổi về căn bản. Trên thế giới đã hình thành hai trận tuyến : một bên là các lực lượng dân chủ do Liên Xô đứng đầu và một bên là khối phát xít Đức, Italia, Nhật. Ngay từ đầu, cuộc đấu tranh của nhân dân ta là một bộ phận cuộc đấu tranh của các lực lượng dân chủ.

Trước tình hình thế giới và trong nước ngày càng khẩn trương, ngày 28–1–1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8. Hội nghị họp từ ngày 10 đến ngày 19–5 tại Pác Bó (Cao Bằng), nêu rõ ở Việt Nam lúc này mâu thuẫn đòi hỏi phải giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn đế quốc phát xít Pháp – Nhật. Từ đó, hội nghị chủ trương trước hết phải làm sao giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách Pháp – Nhật. "Nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"(1). Vì vậy hội nghị quyết định tiếp tục tạm gác khẩu hiệu "đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày", thay bằng các khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công tiến tới thực hiện "người cày có ruộng". Hội nghị chủ trương thành lập *Việt Nam độc lập đồng minh* (gọi tắt là Việt Minh) bao gồm các tổ chức quần chúng lấy tên là hội cứu quốc nhằm "liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, gái trai, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn"(2).

Hội nghị Trung ương lần thứ 8 có một tầm quan trọng đặc biệt. Nó hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng đã đề ra từ Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11–1939). Nó đã có tác

(1) Văn kiện Đảng (1930 –1945), Tập III, BNCLSĐTƯ xuất bản, H.N. 1977, tr. 195 – 196.
(2) Văn kiện Đảng (1930 –1945), Tập III, BNCLSĐTƯ xuất bản, H.N.1977, tr. 436.

truongxua.vn

dụng quyết định trong việc vận động toàn Đảng, toàn dân ta tích cực chuẩn bị tiến tới Cách mạng tháng Tám.

Mặt trận Việt Minh chính thức thành lập (19-5-1941), chỉ sau một thời gian ngắn đã có uy tín và ảnh hưởng sâu rộng trong nhân dân. Sau hội nghị Trung ương, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp–Nhật : "Trong lúc quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy, chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng"(1).

Công tác xây dựng lực lượng cách mạng tiến tới vũ trang khởi nghĩa khi thời cơ tới được đặc biệt coi trọng. Ngay từ cuối năm 1940, sau khi khởi nghĩa Bắc Sơn thất bại, theo chủ trương của Đảng một bộ phận lực lượng vũ trang khởi nghĩa chuyển sang xây dựng thành các đội du kích, hoạt động ở căn cứ địa Bắc Sơn – Vũ Nhai, sau thống nhất lại thành đội *Cứu quốc quân*. Để đối phó với sự vây quét của địch, *Cứu quốc quân* đã phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (từ 7-1941 đến 2-1942), sau đó phân tán thành nhiều bộ phận để chấn chỉnh lực lượng và tiến hành công tác vũ trang tuyên truyền, gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn.

Trong thời gian trên, Cao Bằng được coi là nơi thí điểm của cuộc vận động xây dựng các hội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Đến năm 1942, khắp 9 châu của Cao Bằng đều có hội cứu quốc, trong đó có 3 châu "hoàn toàn" nghĩa là mọi người đều gia nhập tổ chức Việt Minh, xã nào cũng có Ủy ban Việt Minh. Rồi Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Ủy ban Việt Minh lâm thời tỉnh Cao – Bắc – Lạng được thành lập. Sang năm 1943, Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng lập ra 19 ban xung phong "Nam tiến" để liên lạc với căn cứ địa Bắc Sơn – Vũ Nhai và phát triển lực lượng cách mạng xuống các tỉnh miền xuôi.

Trong khi chú trọng xây dựng lực lượng chính trị trong quần chúng cơ bản ở nông thôn và thành thị, Đảng Cộng sản Đông Dương vẫn không xem nhẹ việc tranh thủ tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân khác như sinh viên, học sinh, trí thức, tư sản dân tộc vào mặt trận cứu nước. Năm 1943, Đảng đưa ra bản *Đề cương văn hóa Việt Nam*, vận động thành lập *Hội văn hóa cứu quốc Việt Nam* (cuối 1944) và *Đảng dân chủ Việt Nam*

(1) Hồ Chí Minh *Tuyển tập*, Tập I, NXB Sự thật. H.N. 1980, tr. 322.

thuongmaitr

đứng trong Mặt trận Việt Minh (6-1944). Đảng cũng chủ trương tăng cường công tác vận động binh lính người Việt trong quân đội Pháp và tranh thủ cả những ngoại kiều ở Đông Dương có tinh thần chống phát xít chủ yếu là người Pháp thuộc phái kháng chiến và Hoa kiều chống Nhật.

Báo chí của Đảng và của Mặt trận Việt Minh (*Giải phóng, Cờ giải phóng, Chặt xiềng, Cứu quốc, Việt Nam độc lập, Kèn gọi lính* v.v.) phát triển rất phong phú, đã góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, đấu tranh chống mọi thủ đoạn chính trị, văn hóa của địch, thu hút đông đảo quần chúng vào hàng ngũ cách mạng.

Từ giữa năm 1944, tình hình nước ta và trên thế giới phát triển gấp rút, có lợi cho cách mạng. Cuộc chiến tranh chống phát xít bước vào giai đoạn kết thúc, quân đội Liên Xô phản công quân Đức trên nhiều mặt trận và đẩy lùi chúng ra khỏi biên giới. Chủ nghĩa phát xít đang đứng trước nguy cơ bị thất bại hoàn toàn. Chính phủ Pêtanh thân Đức ở Pháp đổ. Quân Nhật đang thua đậm ở Thái Bình Dương.

Ngày 7-5-1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị cho các cấp sửa soạn khởi nghĩa và kêu gọi nhân dân "sắm vũ khí đuổi thù chung". Không khí chuẩn bị khởi nghĩa sôi sục trong khu căn cứ.

truongxua.vn

Tại *Vũ Nhai* (Thái Nguyên), một cuộc khởi nghĩa đã nổ ra quá sớm (11-1944) ngoài kế hoạch chung, làm cho lực lượng cách mạng ở đây gặp những tổn thất lớn, nhưng sau đó đã theo chỉ thị của Trung ương chuyển thành chiến tranh du kích để bảo toàn lực lượng.

Ở *Cao - Bắc - Lạng*, cũng trong thời gian trên, một cuộc khởi nghĩa vũ trang sắp được phát động thì lãnh tụ Hồ Chí Minh mới từ Trung Quốc về[1] đã kịp thời chỉ thị hoãn khởi nghĩa vì chưa đúng thời cơ, nhờ đó đã tránh khỏi những tổn thất lớn. Sau đó, theo chỉ thị của Người, đội *Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* được thành lập (22-12-1944) nhằm phát động một phong trào đấu tranh kết hợp cả chính trị và quân sự để thúc đẩy quá trình cách mạng tiến lên mạnh mẽ hơn nữa. Chỉ hai ngày sau khi ra đời, đội Việt

---

(1) Tháng 8 – 1942, với tên mới Hồ Chí Minh, Người sang Trung Quốc để liên lạc với các lực lượng cách mạng của người Việt Nam và lực lượng dân chủ chống phát xít quốc tế. Nhưng Người đã bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam giữ hơn 1 năm mãi tới tháng 9 – 1943 mới được trả lại tự do. Chưa có điều kiện về nước, Người ở lại Trung Quốc hoạt động một thời gian mới trở lại Cao Bằng.

Nam tuyên truyền giải phóng quân đã đánh thắng liên tiếp hai trận ở *Phay Khắt và Nà Ngần* (Cao Bằng).

Hình 8 – Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân

Phát huy thắng lợi đầu tiên, đội quân giải phóng đã đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền, kết hợp chính trị và quân sự, xây dựng cơ sở cách mạng, góp phần củng cố và mở rộng căn cứ Cao – Bắc – Lạng, cổ vũ và thúc đẩy phong trào cách mạng quần chúng trong cả nước. Bọn địch ở các đồn hoang mang lo sợ. Một số Việt gian ra đầu thú hoặc xin trả lại của cải đã cướp đoạt của nhân dân.

Đồng thời ở Thái Nguyên, đội *Cứu quốc quân* phát động chiến tranh du kích, hạ đồn chợ Chu, tiến đánh Chiêm Hóa, và tràn về các vùng Tam Đảo, Vĩnh Yên, Phú Thọ. Chính quyền nhân dân được thành lập suốt một vùng rộng lớn, phía nam xuống tận tỉnh lị Thái Nguyên và

Vĩnh Yên. Tới đầu tháng 5-1945, hai đội *Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* và *Cứu quốc quân* gặp nhau và sẽ tiến tới hợp nhất thành *Việt Nam giải phóng quân*.

Như vậy là bên cạnh lực lượng chính trị hùng hậu của quần chúng đang phát triển mạnh, lực lượng vũ trang cũng ra đời và đang trưởng thành nhanh chóng trong chiến đấu để làm chỗ dựa cho cách mạng.

Tình hình thời cuộc lúc này rất khẩn trương. Tháng 10-1944, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã gửi thư cho đồng bào toàn quốc nêu rõ : "Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt... Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh"[1].

?

- *Căn cứ vào tình hình như thế nào mà Đảng Cộng sản Đông Dương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết, và chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh ?*
- *Ý nghĩa và tầm quan trọng của Hội nghị Trung ương lần thứ 8 ?*
- *Từ năm 1941 đến 1945, lực lượng chính trị và vũ trang của cách mạng đã được xây dựng và phát triển như thế nào ?*

truongxua.vn

VI - CAO TRÀO KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM 1945

1. Nhật đảo chính Pháp (9 - 3 - 1945)

Vào đầu năm 1945, cuộc chiến tranh thế giới bước vào giai đoạn kết thúc. Trên chiến trường châu Âu, phát xít Đức đã bị quét sạch khỏi lãnh thổ Liên Xô, nhiều nước Đông Âu đã được giải phóng, thủ đô Béclin sắp thất thủ. Đồng thời, quân Anh – Mĩ đổ bộ lên đất Pháp, mở mặt trận mới đánh Đức. Nước Pháp được giải phóng, chính phủ kháng chiến Đờ Gôn (De Gaulle) về Pari.

Ở mặt trận Thái Bình Dương, phát xít Nhật cũng rất khốn đốn trước các đòn tấn công dồn dập của Anh – Mĩ ở các nơi, trên bộ cũng như trên mặt biển.

Thực dân Pháp ở Đông Dương nhân cơ hội cũng ngóc đầu dậy. Chúng ráo riết hoạt động, đợi khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật thì sẽ nổi dậy hưởng ứng để giành lại địa vị thống trị cũ. Mâu thuẫn đối kháng giữa Nhật và Pháp ở Đông Dương càng trở nên

(1) Hồ Chí Minh *Tuyển tập*. Tập I. Sđd, tr. 344.

gay gắt. Phát xít Nhật biết vậy, nhưng vẫn tìm cách tạm thời hòa hoãn với Pháp vì một cuộc xung đột quyết liệt bùng nổ vào lúc này rất bất lợi cho chúng. Nhưng "sự hòa hoãn này có khác chi một cái nhọt bọc chứa chất bên trong biết bao nhiêu vi trùng và máu mủ, chỉ chờ dịp chín mõm là vỡ tung ra"(1).

Tình thế thất bại gần kề của phát xít Nhật buộc chúng phải làm cuộc đảo chính lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương và trừ nguy cơ bị quân Pháp đánh vào sau lưng khi quân Đồng minh đổ bộ lên Đông Dương. Đêm mồng 9 -3 -1945, Nhật nổ súng lật đổ Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Quân Pháp chống cự rất yếu ớt, chỉ sau một vài giờ chống trả đã nhanh chóng đầu hàng. Sau khi hất cẳng Pháp, Chính phủ Nhật hoàng tuyên bố giúp cho nền độc lập của các dân tộc Đông Dương (!) và đẩy bọn Việt gian thân Nhật nhảy ra sân khấu chính trị lớn tiếng hô to : "Việt Nam độc lập" (!). Nhưng những việc làm của bè lũ chúng ngay sau đó đã bác bỏ những lời tuyên bố huênh hoang, bịp bợm của chúng. Bốn ngày sau cuộc đảo chính, mọi việc hầu như không có gì thay đổi, triều đình Huế vẫn được giữ nguyên, còn Nam Kì vốn là thuộc địa và Bắc Kì với Trung Kì vốn là nửa thuộc địa, nửa bảo hộ của Pháp thì nay có các võ quan và chính khách Nhật giữ các chức thống đốc, thống sứ và khâm sứ thay cho người Pháp trước đó. Rồi một thời gian sau, chính quyền cũ bị bãi bỏ. Bọn thân Nhật Trần Trọng Kim đứng ra lập chính phủ mới, bù nhìn Bảo Đại được khoác danh hiệu "Quốc trưởng". Bọn thân Nhật cũng muốn dựa vào thế lực của bọn quan thầy mới để hoạt động, làm ra vẻ "ái quốc, ái quần" (yêu nước, yêu dân) ; nhưng chúng nhanh chóng tỏ ra bất lực, vì thực tế là viên "Tối cao cố vấn Nhật" đã thay viên Toàn quyền cũ của Pháp ở Đông Dương để định đoạt mọi việc. Chúng trở thành những tên tay sai ngoan ngoãn để cho chủ mới là Nhật càng thêm dễ dàng lừa bịp và vơ vét, bóc lột nhân dân ta thậm tệ hơn. Nạn thu thóc, phá màu trồng đay... vẫn tiếp tục, nạn đói vẫn kéo dài trầm trọng. Thêm vào đó, bọn Nhật trong cơn giãy chết đã có hàng loạt hành động dã man đối với nhân dân ta : đưa quân tấn công vào căn cứ Việt Minh ở Việt Bắc, bắt người giam cầm tra tấn, đánh đập, bắn giết, hãm hiếp, cướp bóc v.v.. Chúng âm mưu nhổ tận rễ các mầm mống cách mạng và gieo rắc không khí khủng bố, đàn áp khủng khiếp trong nhân dân. Vì vậy, chỉ sau một

(1) Báo *Cờ giải phóng*, số 7, ngày 28 – 9 – 1944.

thuongmaitr

thời gian rất ngắn, bộ mặt giả nhân giả nghĩa của phát xít Nhật cũng như bộ mặt tay sai bỉ ổi của bọn bù nhìn thân Nhật đã bị bóc trần. Nhân dân ta ngày càng thêm căm thù Nhật và chán ghét bọn bù nhìn tay sai của chúng.

2. Cao trào kháng Nhật cứu nước tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám

Ngay khi tiếng súng đảo chính của Nhật vừa bắt đầu nổ, Ban thường vụ Trung ương Đảng đã họp mở rộng. Sau khi phân tích nhận định tình hình mới, hội nghị đã ra chỉ thị : "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*". Chỉ thị xác định kẻ thù chính cụ thể trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương lúc này là phát xít Nhật. Vì vậy, phải thay khẩu hiệu "*đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp*" bằng khẩu hiệu "*đánh đuổi phát xít Nhật*", và đưa ra khẩu hiệu "*thành lập chính quyền cách mạng*" để chống lại chính phủ bù nhìn thân Nhật. Hội nghị quyết định phát động một cao trào "*Kháng Nhật cứu nước*" mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa.

uongxua.vn

Tiếp đó, Mặt trận Việt Minh ra "hịch" kêu gọi đồng bào toàn quốc đẩy mạnh cao trào kháng Nhật, cứu nước. Lời hịch thôi thúc mọi người đứng lên hành động :

... "Hỡi quốc dân đồng bào !

Vận mệnh dân tộc ta đang treo trên sợi tóc. Nhưng cơ hội ngàn năm có một đang lại !

... Giờ kháng Nhật cứu nước đã đánh. Kíp nhằm theo lá cờ đỏ sao vàng năm cánh của Việt Minh !

Tiến lên !
Xông tới !
Cứu nước, cứu nhà !..."(1)

Từ giữa tháng 3-1945 trở đi, cách mạng đã chuyển sang cao trào, phong trào đấu tranh vũ trang và những cuộc khởi nghĩa từng phần liên tiếp nổ ra ở nhiều địa phương. Ở khu căn cứ địa Cao – Bắc – Lạng, *Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* và *Cứu quốc quân* đã phối hợp với lực lượng chính trị của quần chúng giải phóng hàng loạt xã, châu,

(1) Văn kiện Đảng (1930 –1945). Tập III. BNCLSĐTƯ xuất bản, H.N.1977, tr. 510 –511.

huyện. Đi tới đâu, đội quân cách mạng đều mở rộng công tác vũ trang tuyên truyền và thành lập chính quyền nhân dân ở đó, đồng thời phát triển và củng cố các hội, đoàn cứu quốc, tổ chức huấn luyện quân sự và chính trị cho nhân dân. Trên đà đó, phong trào kháng Nhật cứu nước dâng lên rất mạnh trong cả nước. Đã nổ ra nhiều cuộc mít tinh biểu tình, diễn thuyết xung phong ở các chợ, bến đò, xí nghiệp, trường học, rạp chiếu bóng... Ở nhiều địa phương, quần chúng cách mạng đã cảnh cáo bọn quan lại, tổng lí cường hào cố ý chống lại cách mạng, trừng trị bọn Việt gian. Ở nhiều thị xã, thành phố và ngay cả ở Hà Nội, các đội danh dự Việt Minh đã táo bạo trừ khử một số tên tay sai đắc lực của địch, kích thích tinh thần cách mạng của quần chúng. Lẻ tẻ ở một số nơi đã nổ ra những cuộc chặn đánh các toán quân Nhật trên đường hành quân của chúng.

Ở Quảng Ngãi (Trung Kì), anh em tù chính trị ở nhà lao Ba Tơ đã nổi dậy, chiếm đồn binh giặc, thành lập chính quyền cách mạng, tổ chức đội "du kích Ba Tơ". Hàng ngàn chiến sĩ cách mạng bị giam giữ trong các nhà tù ở các nơi nhân cơ hội Nhật – Pháp bắn nhau đã vượt ngục ra ngoài hoạt động. Ở Nam Kì, phong trào Việt Minh hoạt động mạnh, nhất là ở Mĩ Tho và Hậu Giang.

thuongmaitr

Giữa lúc cao trào kháng Nhật cứu nước đang cuồn cuộn dâng lên thì *Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kì* họp (15-4-1945). Hội nghị quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang thành *Việt Nam giải phóng quân* ; phát triển hơn nữa lực lượng vũ trang và nửa vũ trang ; mở trường đào tạo cán bộ quân sự và chính trị ; đề ra nhiệm vụ cần kíp phải tích cực phát triển chiến tranh du kích, xây dựng căn cứ địa kháng Nhật để chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ.

Ủy ban quân sự cách mạng Bắc Kì được thành lập, có nhiệm vụ chỉ huy các chiến khu miền Bắc và giúp đỡ cho toàn quốc về mặt quân sự. Tiếp đó, *Khu giải phóng Việt Bắc* ra đời (4-6-1945) bao gồm hầu hết các tỉnh miền thượng du (Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Giang) và một số vùng lân cận thuộc các tỉnh miền trung du (Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên). *Ủy ban lâm thời khu giải phóng* đã thi hành 10 chính sách của Việt Minh nhằm đem lại quyền lợi cho nhân dân. Khu giải phóng trở thành căn cứ địa chính của cả nước và là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới.

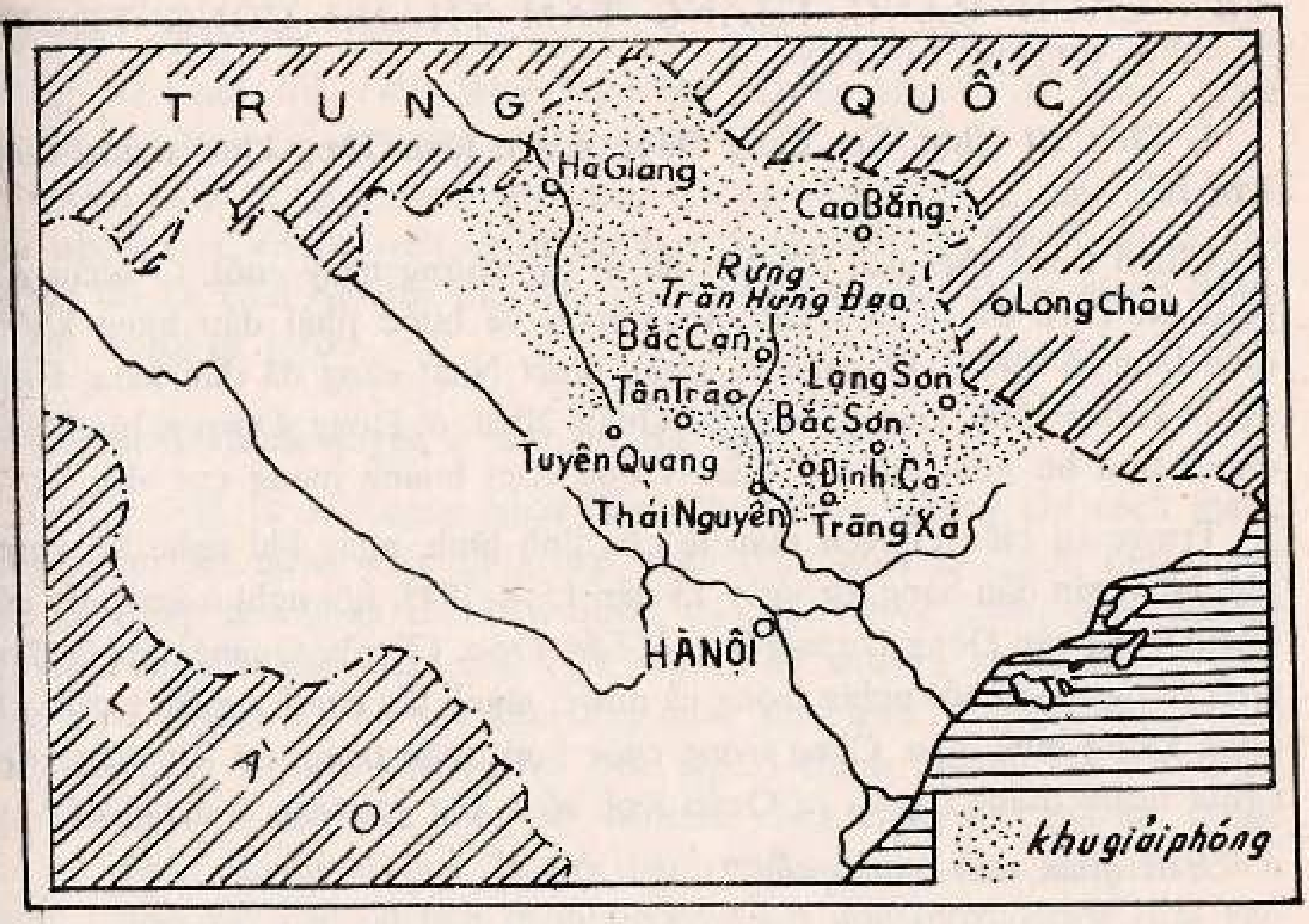

truongxua.vn

Hình 9 – Khu giải phóng Việt Bắc.

Phong trào quần chúng trong cả nước đang trên đà phát triển mạnh mẽ ở cả nông thôn và thành thị vào giữa lúc nạn đói diễn ra nghiêm trọng hơn ở các tỉnh miền Bắc và Bắc Trung Bộ. Hậu quả bi thảm của chính sách bóc lột vơ vét tàn bạo của bọn đế quốc phát xít Pháp–Nhật, là nạn đói đã làm cho hơn 2 triệu người chết, chưa kể hàng triệu người khác cũng đang sống ngắc ngoải. Khẩu hiệu *"Phá kho thóc, giải quyết nạn đói"* được kịp thời đưa ra đã dấy lên cả một phong trào đánh chiếm kho thóc của Nhật để chia cho dân. Một bầu không khí tiền khởi nghĩa sôi động và hào hùng đang lan tràn cả nước báo trước giờ hành động quyết định sắp tới.

?

- *Tại sao Nhật lại đảo chính Pháp ? Và bọn Pháp ở Đông Dương đã thất bại nhục nhã ra sao ?*
- *Các chính sách và thủ đoạn của Nhật sau ngày đảo chính về kinh tế và chính trị ?*
- *Đảng Cộng sản Đông Dương đã có những chủ trương và khẩu hiệu gì để đẩy cách mạng tiến tới ?*

VII - CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG TRONG CẢ NƯỚC

1. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố

Chiến tranh thế giới thứ hai đã đi tới những ngày cuối. Ở châu Âu, phát xít Đức đã bị tiêu diệt hoàn toàn và buộc phải đầu hàng không điều kiện (5-1945). Ở châu Á, quân phiệt Nhật cũng đã đầu hàng Đồng minh không điều kiện (8-1945). Quân Nhật ở Đông Dương bị tê liệt, chính phủ bù nhìn tay sai Trần Trọng Kim hoang mang cực độ.

Trước sự biến chuyển mau lẹ của tình hình, ngay khi nghe tin chính phủ Nhật xin đầu hàng, từ ngày 13 đến 15-8-1945, hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở *Tân Trào*, (Tuyên Quang) quyết định phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng minh vào. Cũng trong cuộc họp quan trọng đó, *Ủy ban khởi nghĩa* được thành lập và ra Quân lệnh số 1 kêu gọi toàn dân nổi dậy :

"*Hỡi quân dân toàn quốc !*

...Phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân đội Nhật đã bị tan rã tại khắp các mặt trận. Kẻ thù chúng ta đã ngã gục.

Giờ tổng khởi nghĩa đã đánh !

... Chúng ta phải hành động cho nhanh với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng !

Tổ quốc đang đòi hỏi những hi sinh lớn lao của các bạn ! Cuộc thắng lợi hoàn toàn nhất định sẽ về ta !"(1).

Tiếp theo hội nghị toàn quốc của Đảng, *Đại hội quốc dân* cũng họp ở Tân Trào (16-8-1945), gồm đại biểu ba xứ thuộc đủ các giới, các đoàn thể, các dân tộc, tiêu biểu cho ý chí và nguyện vọng của toàn dân. Lần đầu tiên, lãnh tụ Hồ Chí Minh ra mắt các đại biểu của quốc dân.

Đại hội đã nhất trí tán thành quyết định tổng khởi nghĩa, thông qua 10 chính sách của Việt Minh lập *Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam* (tức là Chính phủ lâm thời sau này) do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, quy định quốc kì và quốc ca. Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư tới đồng bào cả nước kêu gọi nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

---

(1) Văn kiện Đảng (1930 – 1945), Tập III, BNCLSĐTƯ xuất bản, H.N.1977, tr. 410–411

thuongmaitr

"Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên ! Tiến lên ! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên !"[1].

Chiều ngày 16 – 8, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đội quân giải phóng do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào về giải phóng thị xã Thái Nguyên mở đầu cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

2. Giành chính quyền ở thủ đô Hà Nội

Ở Hà Nội, từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp, không khí cách mạng càng thêm sôi động. Các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên hăng hái gia nhập các đoàn thể cứu quốc, các đội tự vệ chiến đấu. Những gia đình có con em tham gia Việt Minh đều khuyến khích không chút ngăn cản. Nhiều nhà tư sản sẵn sàng mua "tín phiếu" ủng hộ Việt Minh. Báo chí cách mạng *(Cứu quốc, Độc lập...)* thỉnh thoảng lại xuất hiện ngay trong bàn giấy các công sở. Một số công chức và cảnh sát thuộc các cơ quan của địch cũng đã trở thành quần chúng cảm tình của cách mạng ; nhờ vậy các tài liệu bí mật và vũ khí đạn dược được đưa vào thành phố một cách dễ dàng. Các đội "*tuyên truyền xung phong*" của Việt Minh hoạt động hầu khắp thành phố. Các "*đội danh dự*" của Việt Minh thẳng tay trừ khử những tên tay sai đắc lực của Nhật trong cơn giãy chết đang lồng lộn phá hoại cách mạng.

ruongxua.vn

Ngày 15 – 8, lệnh khởi nghĩa về tới Hà Nội. Tối hôm đó, đội tuyên truyền xung phong của Việt Minh tổ chức diễn thuyết công khai ở 3 rạp hát lớn trong thành phố. Ngày 16 – 8, truyền đơn, biểu ngữ kêu gọi khởi nghĩa xuất hiện khắp nơi. Chính quyền bù nhìn và bọn thân Nhật lung lay đến tận gốc rễ, khâm sai Phan Kế Toại của chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim từ chức. Nhưng chiều ngày 17, phe bù nhìn thân Nhật còn tổ chức một cuộc mít tinh tại Nhà hát lớn ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim. Đảng bộ Hà Nội của Đảng Cộng sản Đông Dương đã bí mật huy động quần chúng trong các tổ chức cứu quốc ở nội ngoại thành, chủ yếu là công nhân, thanh niên và tự vệ cứu quốc, biến cuộc mít tinh thân Nhật thành cuộc mít tinh ủng hộ Việt Minh, sau đó biến nó thành một cuộc biểu tình tuần hành qua các phố, có cờ đỏ sao vàng dẫn đầu, vừa cổ động chương trình Việt Minh, vừa hô hào nhân dân tham gia khởi nghĩa.

---

(1) Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Tập I, Sđd, tr. 348.

Đến sáng ngày 19 – 8, cả thủ đô tràn ngập khí thế cách mạng.

Đồng bào thủ đô rầm rập kéo tới quảng trường Nhà hát lớn dự cuộc mít tinh lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức. Đại biểu Việt Minh đọc tuyên ngôn, chương trình của Việt Minh và kêu gọi nhân dân đứng dậy giành chính quyền. Bài hát "Tiến quân ca" lần đầu tiên vang lên giữa trời thu lộng gió thủ đô[1].

Cuộc mít tinh nhanh chóng chuyển thành biểu tình, chia ra nhiều đoàn đi chiếm phủ khâm sai, tòa thị chính, trại lính bảo an, sở cảnh sát, và các công sở của chính quyền bù nhìn. Trước khí thế quần chúng khởi nghĩa, tuy Nhật có hơn một vạn quân ở Hà Nội mà không dám chống lại. Cuộc khởi nghĩa đã thắng lợi hoàn toàn ở thủ đô Hà Nội.

Sự kiện này có tác dụng cổ vũ to lớn đối với phong trào cả nước.

Hình 10 – Cuộc mít tinh tại Nhà hát lớn – Hà Nội (19 – 8 – 1945)

(1) Tác giả bài *"Tiến quân ca"* là nhạc sĩ Văn Cao.

3. Giành chính quyền trong toàn quốc

Ngay từ những ngày đầu tháng 8, một không khí gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa đã sục sôi trong cả nước. Điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi, nhiều tỉnh tuy chưa nhận được lệnh của Trung ương, nhưng do thấm nhuần tinh thần các nghị quyết của Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra từ trước, nhất là tinh thần bản chỉ thị *"Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"* và căn cứ vào tình hình diễn biến trong hàng ngũ kẻ thù, Nhật và bù nhìn tay sai hoang mang cực độ, đã khởi nghĩa kịp thời, chủ động, sáng tạo, linh hoạt, giành thắng lợi mau lẹ.

Từ ngày 14 – 8 đến ngày 18 – 8, nhiều xã, huyện thuộc các tỉnh từ Bắc vào Nam đã nối tiếp nhau chớp thời cơ nổi dậy giành chính quyền. Bốn tỉnh giành được chính quyền ở tỉnh lị sớm nhất trong cả nước là Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam (18 – 8).

Đến khi tin Nhật đầu hàng tung ra, lệnh khởi nghĩa truyền xuống và tin thủ đô Hà Nội giải phóng báo về thì cuộc khởi nghĩa trong cả nước đã lan nhanh như một dây thuốc nổ. Tiếp sau Hà Nội, Huế thành lũy hàng trăm năm của phong kiến triều Nguyễn và thủ phủ của chính quyền bù nhìn trung ương cũng lọt vào tay nhân dân cách mạng (23 – 8) ; ngày 25 – 8 đến lượt Sài Gòn thành lũy cuối cùng của chế độ thực dân bị sụp đổ. Thắng lợi của các cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn đã có tác dụng vô cùng quan trọng và có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám trong phạm vi cả nước. Chỉ trong vòng 15 ngày (từ 14 đến 28 – 8), cuộc Tổng khởi nghĩa đã thành công hoàn toàn. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, chính quyền cả nước thật sự thuộc về tay nhân dân ta.

Ngày 2 – 9 – 1945, tại quảng trường Ba Đình, trước hàng chục vạn đồng bào thủ đô, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trịnh trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố trước quốc dân và thế giới rằng nước *Việt Nam dân chủ cộng hòa* đã ra đời. Bản Tuyên ngôn khẳng định :

"... *Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do ! dân tộc đó phải được độc lập !*

... *Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem*

Hình 11 – Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập (2 – 9 – 1945)

tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"(1).

Cuộc mít tinh kết thúc bằng một cuộc biểu tình tuần hành vĩ đại trên các đường phố rợp cờ đỏ sao vàng và vang tiếng hát Tiến quân ca.

4. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thành công, những bài học kinh nghiệm

Cách mạng tháng Tám là một sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Nó đã phá tan hai tầng xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp

(1) Hồ Chí Minh – Tuyển tập, Tập I, Sđd, tr. 352 – 354.

kéo dài hơn 80 năm và của phát xít Nhật, đồng thời nó còn lật nhào chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại ngót ngàn năm. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, nước ta từ một nước thuộc địa đã trở thành một nước độc lập dưới chế độ dân chủ cộng hòa đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ thành người dân độc lập, tự do, làm chủ nước nhà.

Cách mạng tháng Tám thắng lợi đánh dấu một bước tiến nhảy vọt trong lịch sử tiến hóa của dân tộc Việt Nam. Một kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc đã mở ra, kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, kỉ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Về mặt quốc tế, Cách mạng tháng Tám là thắng lợi đầu tiên trong thời đại mới của một dân tộc nhược tiểu đã tự giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân. Thắng lợi đó đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới, đặc biệt là nhân dân châu Á và châu Phi.

Cách mạng tháng Tám thành công rực rỡ do các nguyên nhân sau đây :

– Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước sâu xa, đã đấu tranh kiên cường bất khuất từ ngàn xưa cho độc lập tự do. Dưới chế độ áp bức, bóc lột tàn bạo của đế quốc Pháp và phát xít Nhật, nhân dân ta thấy rõ chỉ có một con đường là vùng dậy đấu tranh đập tan xích xiềng nô lệ thì mới có độc lập, tự do, hạnh phúc. Vì vậy khi Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh phất cao ngọn cờ cứu nước thì mọi người hăng hái hưởng ứng, nhất tề xông lên lúc thời cơ tới.

– Đảng Cộng sản Đông Dương đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo Cách mạng tháng Tám, trải qua hai cuộc diễn tập 1930 – 1931 và 1936 – 1939, đã động viên giác ngộ, tổ chức được các tầng lớp nhân dân, phát động được lực lượng to lớn của công nông, thực hiện được khối liên minh công nông vững chắc, trên cơ sở đó đã tập hợp được mọi lực lượng yêu nước trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, lại biết kết hợp tài tình đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, đấu tranh du kích với khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, tiến lên phát động tổng khởi nghĩa cả ở nông thôn và thành thị, đánh đổ toàn bộ bộ máy của đế quốc và phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân.

– Cách mạng tháng Tám thắng lợi một cách tương đối nhanh chóng và ít đổ máu một phần nhờ có hoàn cảnh thuận lợi của Chiến tranh thế giới thứ hai. Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh đã đánh bại phát xít Đức – Nhật góp phần quyết định vào thắng lợi chung của các lực lượng hòa bình dân chủ trên thế giới. Đó là cơ hội ngàn năm có một để nhân dân ta vùng lên giành độc lập.

Những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám vô cùng phong phú và quý báu :

– Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp đúng đắn, sáng tạo nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, đưa nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai lên hàng đầu, nhằm tập trung lực lượng để thực hiện cho kì được yêu cầu cấp bách của cách mạng là giải phóng dân tộc giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

– Đánh giá đúng và biết tập hợp, tổ chức lực lượng các giai cấp cách mạng, trong đó công nông là đội quân chủ lực. Trên cơ sở khối công nông liên minh, biết khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù rồi tiến lên đánh bại chúng.

– Nắm vững và vận dụng sáng tạo quan điểm bạo lực cách mạng và khởi nghĩa vũ trang, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị ; kết hợp chiến tranh du kích, đấu tranh chính trị và khởi nghĩa từng phần ở nông thôn với đấu tranh chính trị và khởi nghĩa ở đô thị để khi có thời cơ thì phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền.

?

1. Phân tích và chứng minh sự lãnh đạo kịp thời, sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và của lãnh tụ Hồ Chí Minh trong Cách mạng tháng Tám.

2. Ý nghĩa lịch sử, các nguyên nhân thành công, những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám ?

thuongmaitr

Chương III

CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 - 1946)

Bài 8

CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 - 1946)

1. Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám

Sau khi ra đời, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đứng trước một tình thế hết sức hiểm nghèo. Chỉ 10 ngày sau khi cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thành công, những đội quân của các nước trong phe Đồng minh đã lũ lượt kéo vào nước ta.

ruongxua.vn

Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch ồ ạt vào Hà Nội và hầu khắp các tỉnh. Núp dưới danh nghĩa đại diện lực lượng Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, quân Tưởng nuôi dã tâm : tiêu diệt Đảng Cộng sản Đông Dương, phá tan Việt Minh, lật đổ chính quyền cách mạng và lập một chính quyền phản động làm tay sai cho chúng. Vì vậy, khi vào nước ta, họ kéo theo bọn tay chân nằm trong các tổ chức phản động : Việt Nam quốc dân đảng (Việt Quốc) và Việt Nam cách mạng đồng minh hội (Việt Cách). Dựa vào quân Tưởng, bọn tay sai đã dựng chính quyền phản động ở một số nơi như : Yên Bái, Vĩnh Yên, Móng Cái. Hàng ngày, họ gây ra các vụ cướp bóc, giết người, tuyên truyền kích động quần chúng chống lại chính quyền cách mạng...

Cũng dưới danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, quân đội của đế quốc Anh đã dọn đường cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Đông Dương.

Lợi dụng tình hình trên, tất cả các lực lượng phản cách mạng ở miền Nam, như Đại Việt, Tơrốtxkít, bọn phản động trong các giáo phái ngóc đầu dậy làm tay sai cho Pháp, ra sức chống phá cách mạng. Trên đất nước ta lúc đó còn 6 vạn quân Nhật. Trong khi chờ giải giáp, một nửa lực lượng này đã thực hiện lệnh của đế quốc Anh, cầm súng đánh lại lực lượng vũ trang của ta, tạo điều kiện cho thực dân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng.

Giữa lúc khó khăn chồng chất như vậy, tiềm lực mọi mặt của nhà nước cách mạng lại chưa được củng cố. Nền kinh tế nước ta chủ yếu là nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Hậu quả nạn đói do Nhật – Pháp gây ra cuối năm 1944 đầu năm 1945 vẫn chưa được khắc phục. Tiếp đó, nạn lụt lớn tháng 8 – 1945 làm vỡ đê 9 tỉnh Bắc Bộ, khiến cho mùa màng thu được rất thấp. Sau lụt lớn là hạn hán kéo dài, làm cho 50% ruộng đất không thể cày cấy được. Sản xuất công nghiệp đình đốn, hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt. Nạn đói mới đang đe dọa nghiêm trọng đến đời sống nhân dân.

Ngân sách Trung ương lúc này chỉ có 1 230 000 đồng, trong đó gần một nửa là rách nát, không thể lưu hành được. Nhà nước cách mạng lại chưa kiểm soát được Ngân hàng Đông Dương. Thêm vào đó, quân Tưởng tung ra trên thị trường các loại tiền "quốc tệ", "quan kim" đã mất giá trị, càng làm cho nền tài chính nước ta thêm rối loạn.

Các di sản văn hóa lạc hậu của chế độ thực dân, phong kiến để lại rất nặng nề : hơn 90% dân số không biết chữ, các tệ nạn xã hội như mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc, nghiện hút... còn rất phổ biến.

Tất cả tình hình trên đã đặt nước Việt Nam đứng trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc". Tuy nhiên, trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, nước ta cũng có những thuận lợi rất cơ bản. Nhân dân lao động đã giành được quyền làm chủ và bước đầu được hưởng những quyền lợi do chính quyền cách mạng đem lại nên vô cùng phấn khởi và gắn bó với chế độ mới. Phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đang hình thành. Phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ phát triển ở nhiều nước tư bản. Đó đều là những nhân tố quan trọng, có tác dụng cổ vũ, động viên nhân dân ta rất nhiều trong cuộc đấu tranh nhằm thực hiện nhiệm vụ trước mắt là "củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, diệt trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân" – như bản chỉ thị "Kháng chiến – Kiến quốc" (25 – 11 – 1945) đã đề ra.

? – *Tại sao lại nói rằng, ngay sau khi thành lập, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ở vào tình thế "ngàn cân treo sợi tóc" ?*

2. Củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, xây dựng nền móng của chế độ mới

Chỉ một tuần lễ sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, Chính phủ cách mạng lâm thời công bố lệnh Tổng tuyển cử trong cả nước và ngày 20 – 9 ra sắc lệnh thành lập Ủy ban dự thảo hiến pháp.

Ngày 6 – 1 – 1946, dưới các khẩu hiệu "Ủng hộ tổng tuyển cử", "Đoàn kết chống xâm lăng", vượt qua mọi hành động chống phá của kẻ thù, hơn 90% cử tri trong cả nước, lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, nô nức cầm lá phiếu đi bầu những đại biểu chân chính của mình vào cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước. 333 đại biểu khắp Bắc–Trung–Nam, tượng trưng cho khối đoàn kết toàn dân, được bầu vào Quốc hội.

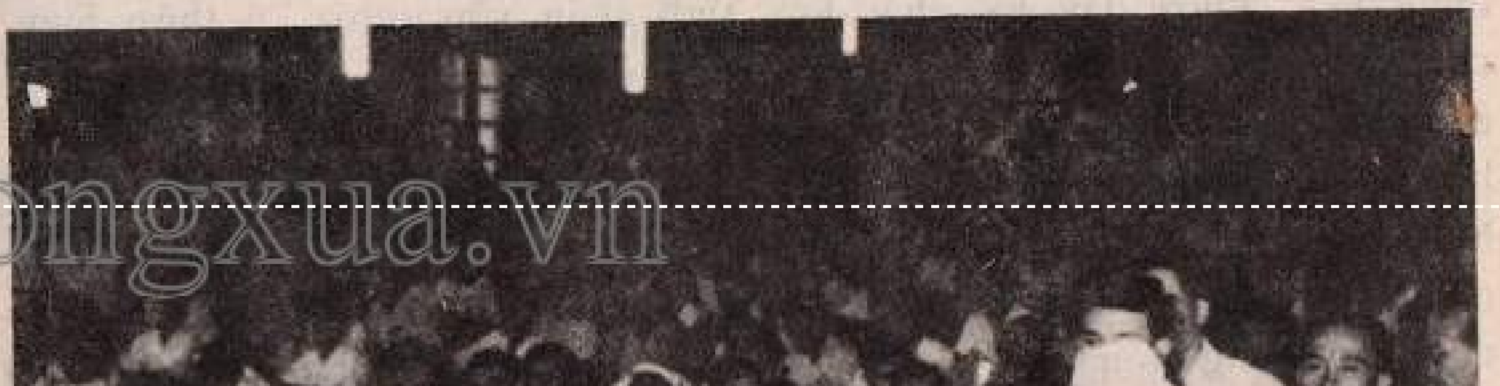

uongxua.vn

Hình 12 – Cử tri đi bầu cử

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trúng cử ở thủ đô Hà Nội, với trên 90% số phiếu. Ngày 2–3–1946, tại phiên họp đầu tiên ở Hà Nội, Quốc hội nhất trí xác nhận thành tích của Chính phủ lâm thời trong những ngày đầu xây dựng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đồng thời lập ra Ban dự thảo hiến pháp và thông qua danh sách chính phủ chính thức do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

Sau ngày bầu Quốc hội, khắp các địa phương từ tỉnh đến xã ở Trung Bộ và Bắc Bộ đều tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu. Ủy ban hành chính các cấp cũng được thành lập, thay thế cho các Ủy ban nhân dân. Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân bước đầu được củng cố và kiện toàn.

Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là một đòn giáng mạnh vào âm mưu chia rẽ, lật đổ và xâm lược của đế quốc và tay sai. Thắng lợi đó góp phần nâng cao uy tín của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trên trường quốc tế ; khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, ý thức làm chủ và nghĩa vụ của mỗi người công dân đối với nhà nước cách mạng. Cuộc tổng tuyển cử là một cuộc vận động chính trị rộng lớn, biểu lộ sức mạnh và ý chí sắt đá của khối đoàn kết toàn dân. Mặt khác, thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử và bầu cử Hội đồng nhân dân tạo cơ sở pháp lí vững chắc cho nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

? – *Ý nghĩa chính trị của cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp ?*

3. Diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết khó khăn về tài chính

Muốn tiến tới tiêu diệt giặc ngoại xâm, trước mắt phải lo giải quyết nạn đói. Nghe theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và noi gương Người : "Cứ 10 ngày nhịn ăn 1 bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo", đồng bào cả nước đều lập các hũ gạo tiết kiệm và không dùng gạo, ngô để nấu rượu. Truyền thống đồng cam, cộng khổ, thương yêu đùm bọc lẫn nhau của đồng bào được khơi dậy mạnh mẽ. Nhiều nơi, đồng bào còn tổ chức "ngày đồng tâm" để có thêm gạo cứu đói.

Để giải quyết căn bản nạn đói, việc tăng gia sản xuất được đẩy mạnh. Với khẩu hiệu : "Không một tấc đất bỏ hoang !", "Tấc đất tấc vàng !", hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Tăng gia sản xuất ! Tăng gia sản xuất ngay ! Tăng gia sản xuất nữa !", phong trào thi đua sản xuất được dấy lên ở khắp các địa phương. Diện tích ruộng đất hoang hóa được nhanh chóng đưa vào gieo trồng các loại cây lương thực và hoa mầu. Toàn bộ đê đập ở 9 tỉnh bị phá vỡ trong trận lụt hồi tháng 8-1945 được bồi đắp lại. Giai cấp công nhân, các đơn vị bộ đội, cán bộ, viên chức nhà nước, học sinh, trí thức, công thương v.v. tự nguyện tổ chức thành từng đoàn, từng đội đi về nông thôn giúp nông dân đắp đê phòng lụt, khai hoang, phục hóa.

Chính quyền cách mạng còn tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho nông dân nghèo ; chia lại ruộng công theo nguyên tắc công bằng và dân chủ ; ra thông tư giảm tô 25% ; ra sắc lệnh bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lí khác.

Nhờ có những biện pháp tích cực trên đây, sản xuất nông nghiệp được nhanh chóng khôi phục : sản lượng ngô, khoai, sắn và các cây lương thực khác tăng lên[1]. Nạn đói được đẩy lùi.

truongxua.vn

Xóa nạn mù chữ và nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân lao động cũng là một trong những nhiệm vụ cấp bách đã được phiên họp đầu tiên (3-9-1945) của Hội đồng Chính phủ nêu lên. Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập cơ quan Bình dân học vụ và kêu gọi toàn dân tham gia phong trào xóa nạn mù chữ. Đến đầu tháng 3-1946, riêng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên. Các trường tiểu học[2], trung học[3] phát triển mạnh. Nội dung và phương pháp giáo dục bước đầu được đổi mới theo tinh thần dân tộc và dân chủ.

Để khắc phục tình trạng trống rỗng về ngân sách, Chính phủ kêu gọi tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân. Hưởng ứng xây dựng "Quỹ độc lập" và phong trào "Tuần lễ vàng" do Chính phủ phát động,

---

(1) Năm 1945, sản lượng lúa mùa ở Bắc Bộ đạt 1 155 000 tấn (năm 1944 là 832 000 tấn) riêng sản lượng ngô năm 1946 đạt 217 020 tấn (năm 1939 là 140 000 tấn)

(2) Từ sau Cải cách giáo dục năm 1950, gọi là trường cấp I, tương đương với 5 năm dưới của trường phổ thông cơ sở hiện nay.

(3) Cũng từ năm 1950, gọi là trường cấp II và cấp III tương đương với 4 năm của trường trung học cơ sở và 3 năm trường trung học phổ thông hiện nay.

Hình 13 – Lớp Bình dân học vụ

đồng bào cả nước hăng hái đóng góp tiền của, vàng, bạc, kể cả những vật kỉ niệm quý giá trong đời tư, như nhẫn cưới, hoa tai... để ủng hộ chính quyền cách mạng. Chỉ trong một thời gian ngắn, đồng bào cả nước đã góp được 20 triệu bạc và 370 kg vàng. Ngày 31-1-1946, Chính phủ ra sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam và đến ngày 23-11-1946, Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.

?

- *Tại sao lại nói nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là nhà nước của dân, do dân và vì dân ?*
- *Ý nghĩa của những kết quả đạt được trong việc giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính ?*

4. Nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược

Với dã tâm quay trở lại xâm lược nước ta, ngay sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, chính phủ Đơ Gôn (De Gaulle) quyết định thành lập

thuongmaitr

một đạo quân viễn chinh sang Đông Dương, dưới quyền chỉ huy của tướng Lơcơléc (Leclerc) ; đồng thời cử đô đốc Đácgiăngliơ (D' Argenlieu) sang làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương.

Ngày 2-9-1945, khi nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng ngày độc lập, thực dân Pháp nấp trong nhà thờ lớn xả súng bắn ra làm 47 người chết, nhiều người bị thương.

Ngày 6-9, quân Anh đến Sài Gòn, kéo theo sau là một đại đội thuộc trung đoàn bộ binh thuộc địa số 5 làm nhiệm vụ tiền trạm cho quân Pháp. Vừa đến Sài Gòn, chúng yêu cầu ta giải tán lực lượng vũ trang, thả hết tù binh Pháp do Nhật giam giữ sau ngày 9-3-1945 ; trang bị vũ khí cho số này và cho quân Pháp chiếm đóng bến tàu, cùng một số nơi quan trọng trong thành phố.

Đêm 22 rạng 23-9-1945, được sự giúp đỡ của quân Anh, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

Quân và dân Sài Gòn – Chợ Lớn anh dũng đánh trả bọn xâm lược bằng mọi hình thức và mọi thứ vũ khí, như triệt nguồn tiếp tế của địch ở trong thành phố, tổng bãi công, bãi thị, bãi khóa, dựng chướng ngại vật và chiến lũy trên khắp đường phố. Một loạt nhà máy, kho tàng của địch ở Sài Gòn bị đánh phá. Điện, nước bị cắt. Các chiến sĩ lực lượng vũ trang của ta đột nhập sân bay Tân Sơn Nhất, đốt cháy tầu Pháp vừa cập bến Sài Gòn, phá khám lớn v.v.. Quân Pháp sống trong một thành phố bị bao vây, không điện nước, không nguồn tiếp tế và luôn bị quân, dân ta tập kích, tiêu hao, tiêu diệt.

truongxua.vn

Ngày 5-10-1945, tướng Lơcơléc (Leclerc) đến Sài Gòn cùng với nhiều đơn vị bộ binh và xe bọc thép mới từ Pháp sang tăng viện. Có sự hỗ trợ của Anh và Nhật, quân Pháp phá vòng vây xung quanh Sài Gòn – Chợ Lớn, đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Vì chưa có thời gian chuẩn bị, hơn nữa lực lượng vũ trang tập trung ở Nam Bộ lại rất phức tạp, nên cuộc kháng chiến tại đây lúc đầu gặp nhiều khó khăn. Lợi dụng chỗ yếu của ta, thực dân Pháp đánh rộng ra nhanh chóng, lập hội tề[1] ở những vùng chúng chiếm đóng.

Cuối tháng 10-1945, hội nghị Xứ ủy mở rộng được triệu tập. Sau khi kiểm điểm, rút kinh nghiệm chỉ đạo kháng chiến, hội nghị quyết định

(1) Hội tề là tổ chức chính quyền cấp xã do Pháp đặt ra và áp dụng đầu tiên ở Nam Bộ.

phương hướng giải quyết những vấn đề cấp bách của tình hình là chấn chỉnh tổ chức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng cơ sở bí mật trong vùng địch tạm chiếm, khôi phục chính quyền của ta ở những nơi bị tan vỡ. Sau hội nghị, cán bộ và đảng viên trung kiên đã vượt qua mọi khó khăn gian khổ, kiên trì đi sâu, bám sát quần chúng, gây dựng lại phong trào, phát triển cơ sở chính trị và vũ trang.

Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến, đồng thời tích cực chuẩn bị đối phó với âm mưu của Pháp mở rộng chiến tranh ra cả nước. Hàng vạn thanh niên nô nức lên đường nhập ngũ. Hầu hết các tỉnh ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đều thành lập từ 1 đến 2 chi đội, gửi vào Nam giết giặc. Những cán bộ và chiến sĩ hăng hái, có ít nhiều kinh nghiệm chiến đấu, những vũ khí và trang bị tốt nhất của ta lúc đó đều dành cho bộ đội Nam tiến. Nhân dân Bắc Bộ, Trung Bộ còn thường xuyên tổ chức quyên góp tiền bạc, quần áo, thuốc men... ủng hộ đồng bào Nam Bộ.

Vấp phải tinh thần đoàn kết chiến đấu của quân và dân ta, quân Pháp bị chặn đứng ở nhiều nơi, như Nha Trang, Tuy Hòa, Buôn Ma Thuột. Trong khi đó, ở các tỉnh Nam Bộ và ngay trong thành phố Sài Gòn, quân và dân ta vẫn tiến hành chiến tranh du kích, tạo điều kiện cho cả nước có thời gian chuẩn bị tổ chức kháng chiến lâu dài.

?

- *Vì sao cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược xảy ra trước tiên tại Nam Bộ ?*
- *Cuộc kháng chiến đó diễn ra như thế nào ?*

5. Đấu tranh chống bọn Tưởng Giới Thạch và bè lũ phản cách mạng

Trong khi cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra ngày càng ác liệt, nhân dân ta còn phải lo đối phó với âm mưu và hành động chống phá của 20 vạn quân Tưởng cùng bè lũ tay sai.

Thực hiện chủ trương hết sức tránh trường hợp một mình phải đối phó với nhiều kẻ thù trong cùng một lúc, nhà nước ta thực hiện sách lược hòa hoãn, tránh xung đột, giao thiệp thân thiện và lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị với quân Tưởng một cách khôn khéo. Các cuộc mít tinh, biểu tình được tổ chức, tập hợp hàng nghìn người mang theo

thuongmaitr

băng cờ, khẩu hiệu : "Nước Việt Nam của người Việt Nam !" "Ủng hộ Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa !" "Ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh !" v.v..

Quân Tưởng không dám ra mặt công khai, mà dùng bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách để phá ta từ bên trong. Dựa vào quân Tưởng, bọn cầm đầu trong các tổ chức Việt Quốc, Việt Cách đòi ta phải cải tổ Chính phủ, để cho chúng một số ghế trong Quốc hội không phải thông qua bầu cử, phải gạt những đảng viên cộng sản ra khỏi Chính phủ lâm thời....

Nhằm hạn chế sự phá hoại của quân Tưởng và tay sai, tại phiên họp đầu tiên, Quốc hội khóa I đồng ý cho bọn tay sai của Tưởng 70 ghế trong Quốc hội và 4 ghế bộ trưởng trong Chính phủ liên hiệp chính thức (ngoại giao, kinh tế, canh nông và xã hội). Đồng thời nhân nhượng cho Tưởng một số quyền lợi về kinh tế, như cung cấp một phần lương thực, thực phẩm, nhận tiêu tiền "quan kim" và "quốc tệ".

Đối với các tổ chức phản cách mạng, tay sai của Tưởng (Việt Quốc, Việt Cách), chính quyền cách mạng dựa vào quần chúng kiên quyết vạch trần âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại của chúng. Những kẻ phá hoại có đủ bằng chứng đều bị trừng trị theo pháp luật. Chính phủ còn ban hành một số sắc lệnh nhằm trấn áp bọn phản cách mạng : ngày 5-9-1945 sắc lệnh giải tán "Đại Việt quốc gia xã hội đảng" và "Đại Việt quốc dân đảng" là những đảng phản động, tay sai của phát xít Nhật ; sắc lệnh ngày 12-9-1945 cho an trí những người nguy hiểm cho nền dân chủ cộng hòa Việt Nam ; sắc lệnh lập tòa án quân sự trừng trị bọn phản cách mạng ...

?

- *Nêu rõ sách lược đấu tranh của ta đối với quân Tưởng và bọn tay sai ?*
- *Vì sao ta thực hiện sách lược đó ?*

6. Hiệp định sơ bộ (6-3) và Tạm ước Việt - Pháp (14-9-1946)

Sau khi chiếm đóng các đô thị ở Nam Bộ và cực nam Trung Bộ, thực dân Pháp chuẩn bị tiến quân ra miền Bắc để thôn tính cả nước ta. Nhưng với lực lượng hiện có (3,5 vạn) trong khi chưa bình định xong Nam Bộ, nếu đưa quân ra miền Bắc, chúng thấy không thể đạt

ruongxua.vn

được mục đích và chắc chắn sẽ vấp phải lực lượng kháng chiến lớn mạnh gấp bội của nhân dân Việt Nam. Hơn nữa, sự có mặt của quân Tưởng ở miền Bắc cũng là một trở ngại cho Pháp khi chúng đưa quân ra. Tình hình đó buộc bọn Pháp phải dùng thủ đoạn chính trị : điều đình với chính phủ Tưởng Giới Thạch để được thay thế quân Tưởng chiếm đóng ở miền Bắc Việt Nam.

Trong khi đó, bọn Tưởng Giới Thạch và đế quốc Mĩ thấy cần phải tập trung lực lượng đối phó với phong trào cách mạng của nhân dân Trung Quốc do Đảng Cộng sản lãnh đạo đang lên cao. Vì thế, Tưởng và Pháp thỏa hiệp với nhau, đi đến kí kết bản Hiệp ước ngày 28-2-1946. Theo hiệp ước Hoa – Pháp, Tưởng được Pháp trả lại một số quyền lợi ở đất Trung Quốc[1] và được vận chuyển hàng hóa qua cảng Hải Phòng vào Hoa Nam không phải đóng thuế. Ngược lại, Pháp được đưa quân ra miền Bắc thay thế quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật.

Hiệp ước Hoa – Pháp buộc nhân dân Việt Nam phải chọn một trong hai con đường : hoặc là cầm vũ khí chống lại thực dân Pháp ngay từ khi chúng đưa quân ra miền Bắc ; hoặc là chủ động đàm phán ngay với Pháp, tạm hòa hoãn với chúng để nhanh chóng gạt 20 vạn quân Tưởng về nước và tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng để bước vào cuộc chiến tranh với Pháp sau này.

Quyết định chọn giải pháp thứ hai, ngày 6-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa kí với đại diện chính phủ Pháp là Xanhtơni (Sainteny) bản Hiệp định sơ bộ. Theo hiệp định này, chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp, Chính phủ Việt Nam thỏa thuận cho 15000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật, số quân này sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm ; hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ, tạo không khí thuận lợi cho việc mở cuộc đàm phán chính thức ở Pari (Paris).

Tranh thủ thời gian hòa bình do kết quả cuộc đàm phán tạo ra, nhân dân ta ra sức củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng về mọi mặt. Tháng 5-1946, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp

(1) Pháp nhận trả một số tô giới của Pháp trên đất Trung Quốc và đường xe lửa Vân Nam.

quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) được thành lập nhằm đoàn kết rộng rãi các tổ chức, các đảng phái và cá nhân chưa tham gia mặt trận Việt Minh. Cùng thời gian này, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Đảng xã hội Việt Nam... cũng ra đời.

Trên mặt trận văn hóa, với ngọn cờ dân tộc và dân chủ, lực lượng văn hóa yêu nước được thống nhất thành một khối chặt chẽ, dập tan mọi hành động và luận điệu phản cách mạng của bọn Tơrốtxkít.

Để chuẩn bị kháng chiến chống chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang được nhà nước cách mạng rất quan tâm. Từ những đoàn thể cứu quốc thu hút các thành phần cơ bản trong nhân dân, nhà nước tổ chức các đơn vị tự vệ và tự vệ chiến đấu ở tất cả các khu phố, thôn, xã. Trên cơ sở đó, nhà nước tuyển lựa những chiến sĩ có giác ngộ chính trị, có tinh thần chiến đấu vào trong các đơn vị bộ đội tập trung. Ngày 22-5-1946, Chính phủ ra sắc lệnh quy định Vệ quốc quân chính thức trở thành quân đội quốc gia của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Về phía thực dân Pháp, sau khi kí Hiệp định sơ bộ, chúng vẫn tiếp tục gây xung đột vũ trang ở Nam Bộ. Mặt khác, chúng thành lập chính phủ Nam Kì tự trị, do Nguyễn Văn Thinh cầm đầu, âm mưu tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam. Tuy nhiên, do sự đấu tranh kiên quyết của ta, cuộc đàm phán chính thức giữa hai chính phủ được tổ chức tại Phôngtennơblô (Pháp). Cuộc đàm phán kéo dài hơn hai tháng, cuối cùng đã thất bại. Trong khi đó, tại Đông Dương, quân Pháp tăng cường hoạt động khiêu khích. Quan hệ Việt-Pháp ngày càng căng thẳng và có nguy cơ xảy ra chiến tranh.

ruongxua.vn

Trước tình hình trên, nhằm kéo dài thêm thời gian hòa hoãn để củng cố, xây dựng lực lượng và tỏ rõ thiện chí của ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí với chính phủ Pháp bản Tạm ước ngày 14-9-1946, tiếp tục nhượng bộ cho Pháp một số quyền lợi kinh tế - văn hóa ở Việt Nam.

Bằng việc kí Hiệp định sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14-9-1946, chúng ta đã đập tan âm mưu của đế quốc Pháp trong việc câu kết với Tưởng để chống lại ta. Không còn lí do ở lại Việt Nam, 20 vạn quân Tưởng phải rút về nước. Bọn tay sai mất chỗ dựa cũng phải chạy theo quân Tưởng. Điều quan trọng là nhân dân ta có thời gian hòa bình để xây dựng và củng cố lực lượng, chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp.

Có được thắng lợi kì diệu đó là do toàn thể nhân dân Việt Nam đã đoàn kết chặt chẽ, kiên quyết chiến đấu dưới sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

?

1. Sách lược của Đảng và Chính phủ đối với Pháp và Tưởng trong hai thời kì trước và sau 6-3-1946 có gì khác nhau ? Tại sao lại khác nhau như vậy ?

2. Vì sao Chính phủ ta kí Hiệp định sơ bộ với Pháp ? Tác dụng của việc kí Hiệp định sơ bộ (6-3) và Tạm ước 14-9-1946 ?

Chương IV

CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC VÀ CAN THIỆP MĨ (1946 - 1954)

Bài 9

NHỮNG NĂM ĐẦU TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN (1946 - 1950)

I - CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC BÙNG NỔ

1. Thực dân Pháp bội ước và kháng chiến toàn quốc bắt đầu

Sau ngày kí Hiệp định sơ bộ (6-3) và Tạm ước 14-9-1946, chấp hành chủ trương của Chính phủ, nhân dân ta kiên trì đấu tranh chính trị hòa bình, đồng thời tích cực chuẩn bị lực lượng, đề phòng tình thế bất trắc do thực dân Pháp gây ra. Tháng 10 - 1946, Quốc hội họp phiên thứ 2, thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, khẳng định ý chí của toàn dân ta đoàn kết xung quanh Chính phủ

thuongmaitr

và Chủ tịch Hồ Chí Minh, kiên quyết đấu tranh giành cho được một nước Việt Nam độc lập, thống nhất và dân chủ.

Trong khi đó, thực dân Pháp tăng cường hành động khiêu khích. Sau khi có thêm viện binh, ngày 20-11-1946, quân Pháp giành quyền thu thuế quan với ta ở cảng Hải Phòng, rồi gây xung đột với lực lượng vũ trang của ta. Ngày 24-11-1946, chúng cho quân bắn đại bác vào các khu phố ở Hải Phòng. Tiếp đó, ngày 27-11, quân Pháp chiếm đóng Hải Phòng. Bằng những hành động này, trên thực tế thực dân Pháp đã chính thức gây ra cuộc chiến tranh xâm lược miền Bắc nước ta.

Tại Hà Nội, từ đầu tháng 12–1946, quân Pháp liên tiếp gây xung đột với công an và tự vệ của ta. Ngày 17–12, chúng cho quân bắn đại bác và súng cối vào khu phố Hàng Bún, chiếm trụ sở Bộ Tài chính và một số cơ quan khác của ta. Ngày 18–12, chúng láo xược gửi tối hậu thư buộc Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.

Trước hành động xâm lược của thực dân Pháp, nhân dân ta chỉ có một con đường : cầm vũ khí kháng chiến để bảo vệ độc lập, tự do. Ngày 18 và 19–12–1946, hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định phát động toàn quốc kháng chiến và đề ra những vấn đề cơ bản về đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện và lâu dài để chỉ đạo cuộc chiến đấu của nhân dân ta. Ngay trong đêm 19–12–1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng bào cả nước kháng chiến. Sáng 20–12, lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền đi khắp đất nước : "Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

Không ! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ !"(1)

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tiếng gọi của non sông đất nước, là mệnh lệnh cách mạng tiến công, giục giã và soi đường, chỉ lối cho mọi người Việt Nam đứng dậy cứu nước.

Khoảng 20h ngày 19–12, công nhân nhà máy điện Yên Phụ phá máy. Cả thành phố Hà Nội tắt điện. Đó là hiệu lệnh chiến đấu trong toàn

---

(1) *Hồ Chí Minh Toàn tập*. Tập IV. Sđd. tr. 202

thành. Pháo của ta ở các pháo đài Láng, Xuân Canh, nổ súng bắn vào khu thành.

Tiếng súng kháng chiến của Hà Nội trong đêm 19–12 đồng thời là hiệu lệnh kháng chiến toàn quốc. Trong những ngày 20, 21 và 22–12, quân dân ta vẫn vây hãm địch trong thành phố.

Ngày 22–12–1946, Ban Thường Vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "Toàn dân kháng chiến". Bản chỉ thị nêu lên một cách khái quát những nội dung cơ bản về đường lối của cuộc kháng chiến như : mục đích, tính chất, chính sách, cách đánh, chương trình kháng chiến...

Tháng 3–1947, Tổng bí thư Đảng Trường Chinh viết một loạt bài đăng trên báo "Sự thật" để giải thích rõ đường lối kháng chiến của Đảng như : Chúng ta đánh ai ? Đánh để làm gì ? Tính chất của cuộc kháng chiến. Kháng chiến về mặt quân sự. Kháng chiến về mặt chính trị. Kháng chiến về mặt kinh tế. Kháng chiến về mặt văn hóa...[1].

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bản chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của Trường Chinh là những văn kiện quan trọng nêu lên đường lối kháng chiến. Đó là đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh. Đường lối đó là ngọn cờ cổ vũ, dẫn dắt quân và dân ta tiến lên trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mĩ.

? *– Vì sao Đảng và Chính phủ phát động cuộc kháng chiến toàn quốc vào ngày 19–12–1946 ?*

2. Cuộc chiến đấu trong các đô thị

Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tổng chỉ huy, quân và dân các thành phố, thị xã ở bắc vĩ tuyến 16 có quân Pháp chiếm đóng đồng loạt nổ súng.

Tại thị xã Hải Dương, trong đêm đầu nổ súng, quân ta tiến công nhanh chóng tiêu diệt địch ở trường nữ học và cầu Phú Lương. Nhưng sau đó quân địch tổ chức phản kích chiếm lại cầu, kiểm soát việc đi lại.

(1) Trong dịp kỉ niệm lần thứ hai ngày Nam Bộ kháng chiến, những bài viết đó được tập hợp lại và in thành sách, lấy tên là "Kháng chiến nhất định thắng lợi".

thuongmaitr

Ở Hải Phòng, ngày 20–12, quân Pháp bắt đầu mở cuộc tiến công chiếm đường 5 để khai thông việc vận chuyển tiếp tế cho Hà Nội. Nhân dân hai bên đường phá cầu, dựng chướng ngại vật, chôn mìn, chặn đánh địch. Ba ngày sau, quân Pháp mới tiến được đến Hải Dương. Bộ đội chủ lực phối hợp với tự vệ, du kích, dựa vào làng mạc ven đường, thường xuyên hoạt động quấy rối, phục kích địch trên toàn tuyến, buộc chúng phải rải quân đóng chốt để bảo vệ đường.

Tại Bắc Giang, Bắc Ninh, trước sức tiến công mạnh mẽ của quân ta, địch phải rút chạy về Hà Nội.

Cuộc chiến đấu quyết liệt, dài ngày diễn ra ở Hà Nội, Nam Định, Huế và Đà Nẵng.

Tờ mờ sáng ngày 20–12–1946, bộ đội ta nổ súng tấn công 650 quân Pháp tại Nam Định. Nông dân từ ngoại thành kéo vào, từ Hà Nam

Hình 14 – Lực lượng vũ trang Thủ đô anh dũng chiến đấu

xuống, từ Ninh Bình ra tiếp sức cho vệ quốc quân và tự vệ đánh địch. Quân ta bao vây, liên tục tập kích địch, diệt hàng trăm tên. Đến những ngày đầu tháng 3-1947, địch giải vây được một số nơi và tăng viện. Theo kế hoạch đã định, lực lượng vũ trang của ta rút ra ngoài, tiến hành chiến tranh du kích và thường xuyên bí mật vào nội thành đánh phá.

Ở Huế, cùng thời gian đó quân ta nổ súng tấn công vào các vị trí đóng quân của địch, buộc chúng phải co về cố thủ ở trường Dòng, viện dân biểu, khách sạn Morin... Sau 50 ngày đêm chiến đấu anh dũng, ta tiêu diệt gần 200 địch, hạ 1 máy bay và phá hủy 3 xe bọc thép. Ngày 8-2-1947, quân ta rút ra ngoại thành.

Tại Đà Nẵng, cho đến giữa tháng 12 - 1946, tổng số quân địch là 6500 tên. Sáng 20-12, địch tổ chức tấn công nhằm đánh bật lực lượng ta ra khỏi thành phố. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt. Do tương quan lực lượng quá chênh lệch, vệ quốc quân và tự vệ lùi dần ra ngoài, phối hợp với nhân dân các huyện Hòa Vang, Đại Lộc, Điện Bàn... dựa vào đồi núi lập thành vành đai bao vây Đà Nẵng.

Tiêu biểu cho cả nước là cuộc chiến đấu oanh liệt trong 60 ngày đêm ở thủ đô Hà Nội, bảo vệ các cơ quan đầu não của Đảng và Nhà nước. Tính đến tháng 12-1946, ở Hà Nội có 6500 sĩ quan và binh lính Pháp ; ngoài ra còn 13000 Pháp kiều, trong đó số đông được trang bị vũ khí. Lực lượng vũ trang của ta có 5 tiểu đoàn bộ binh, 8 trung đội công an xung phong, một lực lượng tự vệ nội, ngoại thành gồm 28500 người và các tầng lớp nhân dân sẵn sàng tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Các chiến sĩ vệ quốc quân và tự vệ chiến đấu nêu cao tinh thần "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh !", chiến đấu dũng cảm, kiên cường, giành nhau với địch từng căn nhà, góc phố. Có những trận đánh nổi tiếng như ở Bắc Bộ phủ, khu chợ Đồng Xuân, nhà bưu điện, diệt hơn 500 địch, phá hủy 30 xe cơ giới. Nhân dân quăng bàn, ghế, cánh cửa, sập gụ, kiện hàng, bao cát... ra đường phố. Công nhân đẩy toa tầu chặn các ngã tư, ngã năm. Cây cối, cột điện được ngả xuống ngang đường. Vật cản và chiến lũy mọc lên khắp nơi. Nhân dân vừa tham gia đánh địch, vừa phục vụ chiến đấu.

Đến ngày 17-2-1947, sau gần 2 tháng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu hao sinh lực địch, giam chân địch trong thành phố, các chiến sĩ

trung đoàn thủ đô được lệnh rút ra khỏi thành phố, trở về hậu phương để kháng chiến lâu dài.

Nhìn chung, đến khoảng tháng 2-1947, khi địch được tăng viện và đánh rộng ra, cuộc chiến đấu của ta trong các thành phố, thị xã tạm thời kết thúc để chuyển sang một giai đoạn chiến đấu mới.

? – *Cuộc chiến đấu của quân và dân ta trong các đô thị diễn ra như thế nào ?*
– *Kết quả của cuộc chiến đấu đó ?*

II - TỪ NGÀY TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN ĐẾN CHIẾN DỊCH VIỆT BẮC THU - ĐÔNG 1947

1. Đẩy mạnh chuẩn bị kháng chiến lâu dài

Thực hiện đường lối kháng chiến của Đảng và Chính phủ, đi đôi với cuộc chiến đấu nhằm tiêu hao và giam chân địch trong các đô thị, quân và dân ta tranh thủ triển khai một khối lượng lớn công việc : di chuyển các cơ quan, kho tàng, tổ chức nhân dân tản cư, chuyển cả nước vào thời chiến và xây dựng thế trận kháng chiến lâu dài.

uongxua.vn

Trong lúc cuộc chiến đấu đang diễn ra quyết liệt ở các thành phố, thị xã, quân và dân ta khẩn trương vận chuyển hàng vạn tấn máy móc, nguyên liệu, gạo, muối, vải từ những vùng địch có thể đánh chiếm về các khu an toàn để xây dựng cơ sở vật chất của kháng chiến. Chỉ trong vòng 3 tháng đầu kháng chiến toàn quốc, ta đã đưa được gần 40 000 tấn máy móc, nguyên vật liệu ra vùng căn cứ. Riêng ở Bắc Bộ, gần 2/3 số máy móc các xí nghiệp được chuyển lên căn cứ. Nhờ đó, ta đã xây dựng được 57 cơ sở sản xuất, đáp ứng một phần nhu cầu kinh tế và quốc phòng.

Cùng với việc di chuyển, ngay từ những ngày đầu kháng chiến Đảng và Chính phủ đã chủ trương phá hoại để kháng chiến lâu dài. Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không lợi dụng được", trong những ngày đầu kháng chiến, nhân dân ta đã tự tay mình phá hoại 1 060 kilômét đường sắt, 5 640 kilômét đường ôtô, 30 500 cầu cống, 59 100 nhà cửa, 84 đầu máy và 868 toa xe lửa.

Các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Mặt trận... trong quá trình Hà Nội chiến đấu, chuyển dần về phía Hà Đông, Sơn Tây và đến đầu tháng 3-1947 đã lần lượt lên tới căn cứ địa Việt Bắc. Việt Bắc, căn cứ địa của Cách mạng tháng Tám trước đây, nay trở thành căn cứ địa thần thánh của cuộc kháng chiến.

Trong hoàn cảnh chiến tranh mở rộng, song song với việc cấp tốc di chuyển máy móc, nguyên vật liệu, phá hoại đường sá, tiêu thổ kháng chiến, tổ chức đồng bào tản cư, Chính phủ chủ trương bằng mọi cách phải duy trì sản xuất, không để sản xuất đình đốn nhằm bảo đảm trước hết nhu cầu ăn, mặc cho lực lượng vũ trang nhân dân, từng bước xây dựng tiềm lực kinh tế cho kháng chiến.

Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách về nông nghiệp để duy trì và phát triển sản xuất, gắn việc động viên với giải quyết chính sách cụ thể về ruộng đất, nhân công, bảo vệ sản xuất... Một trong những chính sách lớn có ý nghĩa chiến lược là động viên, tổ chức toàn dân tăng gia sản xuất. Mọi giới, mọi ngành, từ nông dân, công nhân, bộ đội, cho đến nhân viên cơ quan, giáo viên, học sinh, đồng bào tản cư, ai cũng có nghĩa vụ sản xuất lương thực, theo khẩu hiệu : "thực túc binh cường", "ăn no đánh thắng". Phong trào tăng gia sản xuất diễn ra rầm rộ ở khắp nơi, thiết thực góp phần nâng cao tiềm lực kinh tế kháng chiến.

Chính sách giảm tô 25% do Nhà nước ban hành từ tháng 11-1945 là cơ sở pháp lí đầu tiên để nông dân đấu tranh với địa chủ phong kiến, đã mang lại những kết quả bước đầu. Ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian được giao cho nông dân cày cấy. Các hình thức tổ đổi công, hợp công, vần công ra đời, đã góp phần giải quyết khó khăn về thiếu nhân công, bảo đảm thời vụ sản xuất.

Trong chiến tranh, việc bảo vệ sản xuất được đặc biệt chú ý. Nhân dân ta vừa chống thiên tai, vừa chống địch họa. Bộ đội và dân quân du kích nhiều nơi có biện pháp đánh địch để nhân dân nhanh chóng thu hoạch mùa màng, cất giấu thóc gạo.

Các ngành sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp được chú ý phát triển, nhằm cung cấp những mặt hàng tối cần thiết cho đời sống của nhân dân như : vải, giấy, xà phòng, muối, diêm v.v.. Nhân dân trong các vùng tự do, với tinh thần đoàn kết "lá lành đùm lá rách" đã thành lập các ban đón tiếp đồng bào tản cư, tìm cách sắp xếp

thuongmaitr

nơi ăn, chốn ở và việc làm cho đồng bào. Tính đến đầu tháng 6–1947, gần 200 trại sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp thu hút 40000 người được thành lập ở Trung du, Việt Bắc, Tây Bắc, Đông Bắc, Thanh Hóa...

Phong trào Bình dân học vụ, thanh toán nạn mù chữ tiếp tục được duy trì và phát triển. Các trường lớp tiểu học được xây dựng, thu hút con em nhân dân lao động vào học. Việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân, cũng như việc xây dựng đời sống mới được chú trọng.

? *– Vì sao ta phải kháng chiến lâu dài ?*

– Quân và dân ta đã làm gì để tổ chức kháng chiến lâu dài ?

2. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947

Sau khi quân ta rút ra khỏi các đô thị, thực dân Pháp đánh chiếm thêm được một số thành phố, thị trấn và kiểm soát được một số đường giao thông quan trọng. Nhưng thực dân Pháp không thực hiện được âm mưu đánh nhanh thắng nhanh. Cuộc chiến tranh vẫn kéo dài. Hơn nữa, càng mở rộng phạm vi chiếm đóng, chúng càng thiếu quân vì phải dàn mỏng lực lượng. Trong khi đó, nước Pháp đang gặp nhiều khó khăn về các mặt : kinh tế, tài chính, chính trị – xã hội...

Tháng 3–1947, Đácgiăngliơ bị triệu hồi. Bôlaec (Bolaert) được cử sang làm cao ủy Pháp ở Đông Dương, tiếp tục theo đuổi dã tâm xâm lược và nuôi ảo tưởng khuất phục nhân dân ta bằng vũ lực. Một mặt, chúng tập hợp bọn Việt gian làm tay sai và xúc tiến âm mưu chuẩn bị thành lập Chính phủ bù nhìn trung ương do Bảo Đại cầm đầu(1). Mặt khác, chúng tích cực chuẩn bị mở cuộc tấn công quy mô lớn vào căn cứ địa Việt Bắc nhằm phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt phần lớn bộ đội chủ lực của ta, rồi dùng thắng lợi quân sự để thúc đẩy việc thành lập chính quyền bù nhìn toàn quốc, và nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Đánh lên Việt Bắc, địch còn nhằm khóa chặt biên giới Việt – Trung, ngăn chặn liên lạc giữa ta với quốc tế.

(1) Lợi dụng việc được chính phủ cách mạng phái đi sang Trung Quốc điều đình ngoại giao, cố vấn chính phủ Vĩnh Thụy (tức Bảo Đại) đã ở lại nước ngoài và hợp tác với Pháp.

Từ 7-10-1947, thực dân Pháp huy động 12 000 quân, mở cuộc tấn công lên Việt Bắc. Sáng sớm ngày 7-10, địch tung một bộ phận quân dù nhảy xuống thị xã Bắc Cạn, chợ Mới. Cùng ngày, một binh đoàn bộ binh từ Lạng Sơn tiến lên Cao Bằng, rồi một bộ phận theo đường số 3 xuống Bắc Cạn, tạo thành một gọng kìm kẹp toàn bộ mặt sau Việt Bắc. Ngày 9-10, binh đoàn hỗn hợp bộ binh và lính thủy đánh bộ từ Hà Nội ngược sông Hồng, sông Lô lên Tuyên Quang, bao vây Việt Bắc từ phía tây. Chúng dự định hai gọng kìm này sẽ khép lại ở Đài Thị (đông bắc Chiêm Hóa).

Ngày 15-10-1947, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị : "Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp", phân tích chỗ mạnh, chỗ

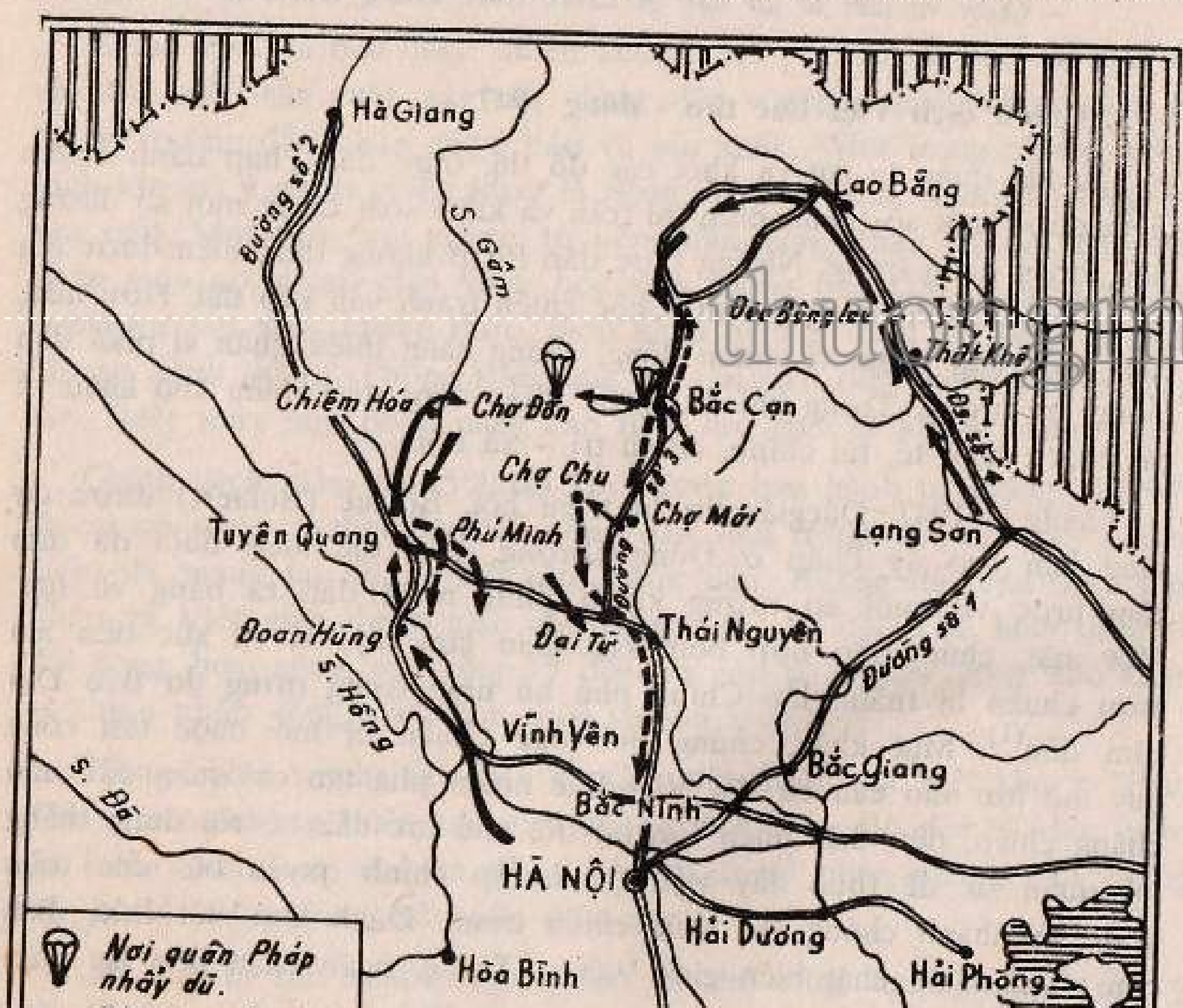

Hình 15 – Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947

yếu của địch, đồng thời vạch rõ phương hướng hành động cụ thể cho quân và dân ta.

Ở Bắc Cạn, quân địch vừa nhảy dù xuống thị xã đã bị quân dân ta bao vây, tập kích.

Trên sông Lô, quân và dân ta phục kích tại Khoan Bộ, Đoan Hùng, Khe Lau... bắn chìm nhiều tàu chiến, ca nô địch.

Trên mặt trận đường 4, quân dân ta cũng hoạt động mạnh, tiêu biểu là trận đèo Bông Lau (30-10-1947), phá hủy 27 xe, diệt và bắt 240 tên địch, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng. Đường 4 bị quân ta uy hiếp mạnh, trở thành "con đường chết" của giặc Pháp.

Cùng với Việt Bắc, quân và dân cả nước chiến đấu anh dũng, đập tan âm mưu địch. Ở Hà Nội, Sài Gòn, những tên Việt gian đầu sỏ như Trương Đình Tri, Nguyễn Văn Sâm lăm le lập chính phủ bù nhìn, bị bắn chết ngay giữa thành phố. Quân và dân Nam Bộ liên tiếp diệt gọn từng tốp lính địch tại nhiều nơi... Thực dân Pháp lâm vào tình thế nguy khốn.

Tình hình trên buộc địch phải rút lui khỏi Việt Bắc. Nhưng cả khối quân rút lui và toán quân ứng cứu đều bị đánh. Tiếng súng diệt địch của quân và dân ta vang lên khắp nơi.

ruongxua.vn

Ngày 19-12-1947, đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc, đánh dấu một thất bại chiến lược quan trọng đầu tiên trong cuộc chiến tranh xâm lược của chúng. Trải qua 75 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, quân và dân ta đã biến Việt Bắc thành mồ chôn giặc Pháp. Hơn 6 000 tên địch bị loại khỏi vòng chiến đấu ; 16 máy bay bị hạ ; 11 tàu chiến và ca nô bị đánh chìm ; hàng trăm xe bị phá ; hơn 100 khẩu pháo và hàng ngàn súng các loại rơi vào tay quân ta.

Tuy vẫn kiểm soát được tuyến biên giới Lạng Sơn – Cao Bằng, Bắc Cạn và chiếm đóng một số nơi, phá hủy một số kho tàng, làng bản của ta, nhưng thực dân Pháp không đạt được những mục tiêu chiến lược đề ra cho cuộc tấn công. Cơ quan đầu não kháng chiến của ta được bảo vệ an toàn. Bộ đội chủ lực ta không những không bị tiêu diệt, mà còn trưởng thành trong chiến đấu và được trang bị thêm nhiều vũ khí.

Với chiến thắng Việt Bắc, quân và dân ta đã đánh bại hoàn toàn chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

? – *Thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc nhằm thực hiện những mưu đồ gì ?*
– *Chúng đã bị quân và dân ta đánh trả và đã thất bại như thế nào ?*

III - TOÀN QUÂN VÀ TOÀN DÂN THI ĐUA ĐẨY MẠNH KHÁNG CHIẾN TOÀN DIỆN

1. Đẩy mạnh chiến tranh du kích vùng sau lưng địch

Buộc phải chuyển sang đánh lâu dài, từ sau thất bại ở Việt Bắc, địch tăng cường thực hiện chính sách "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh". Thực hiện chính sách này, chúng rải quân đóng đồn bốt ở nhiều nơi, tiến hành những cuộc càn quét ở vùng tạm chiếm và ra sức bắt người, cướp của để cung cấp cho chiến tranh. Đồng thời, chúng cố gắng tập trung lực lượng để mở rộng địa bàn chiếm đóng ra một số vùng đông dân, nhiều của ở trung du và đồng bằng. Mặt khác, chúng xúc tiến thực hiện âm mưu sử dụng bọn Việt gian bù nhìn làm công cụ chính trị lừa bịp và che đậy một phần bộ mặt xâm lược của chúng. Bằng mọi thủ đoạn thâm độc và tàn bạo, trong nửa đầu năm 1948, giặc Pháp đã bình định có kết quả, phong trào chiến tranh du kích một số địa phương giảm sút, cán bộ, du kích mất dân, mất đất...

Trước tình hình trên, Đảng và Chính phủ chủ trương phát động chiến tranh du kích rộng rãi ở các vùng tạm bị chiếm. Hàng nghìn cán bộ đã qua thử thách và có kinh nghiệm được tăng cường cho các vùng bị địch kiểm soát. Từ liên khu V trở ra, 1/3 bộ đội chủ lực được phân tán thành các đơn vị nhỏ (gọi là đại đội độc lập). Những đơn vị này có nhiệm vụ đi vào các vùng sau lưng địch, kết hợp tác chiến với vận động nhân dân, dìu dắt lực lượng vũ trang và nửa vũ trang, xây dựng và bảo vệ cơ sở kháng chiến. Lăn lộn với phong trào, cán bộ, chiến sĩ hoạt động ở vùng sau lưng địch đã nêu cao tấm gương "dũng cảm, tận tụy, bất kì gian lao nguy hiểm thế nào vẫn cứ đi sát với dân, vẫn cứ bám lấy công việc, không nhút nhát, không than phiền, hi sinh cả tính mạng cũng không tiếc".

Nhờ đó, tình hình bước đầu có những chuyển biến. Cơ sở cách mạng và phong trào kháng chiến được phát động trong vùng sau lưng địch. Ở nông thôn, các phong trào chống thu thóc, chống nộp thuế, chống đi

phu, đi lính.... diễn ra sôi nổi. Nhân dân cùng lực lượng vũ trang địa phương đẩy mạnh các hoạt động trừ gian, diệt ác, vận động ngụy binh, bao vây đồn địch.... Ngay giữa chợ, dân quân Tú Hộ (Hưng Yên) dùng dao, cuốc diệt địch. Ở Hải Dương, phụ nữ Cẩm Giàng dùng đòn gánh đánh Tây. Ở Thừa Thiên, dân quân Phú Vinh tay không dùng mẹo bắt sống địch, cướp súng v.v.. Trên các đường giao thông quan trọng, như Hà Nội – Hải Phòng, Huế – Đà Nẵng, Sài Gòn – Buôn Ma Thuột v.v. thường diễn ra các trận phục kích của quân và dân ta, tiêu biểu là trận La Ngà (3–1948) diệt cả 1 đoàn 60 xe quân sự và 150 tên địch.

Dân quân du kích còn ra sức chống càn, bảo vệ làng mạc. Quần chúng nhân dân phát huy nhiều sáng kiến đánh địch : đào hầm bí mật, giao thông hào, hầm chông, rào làng, đặt bẫy, xây dựng làng chiến đấu. Nhiều đội du kích dựa vào làng chiến đấu đã chống được những trận càn lớn của địch, như làng Cự Nẫm, Cảnh Dương (Quảng Bình), làng Vật Lại (Sơn Tây), đội du kích Lê Hồng Phong (Bình – Trị – Thiên), đội du kích Cao Phạ (Tây Bắc), đội du kích Xitơ (Tây Nguyên) v.v..

Kết hợp với đấu tranh vũ trang, từ tháng 1–1948, thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, nhiều địa phương tiến hành phá tề có kết quả. Cuối năm đó, phong trào tổng phá tề nổi lên rầm rộ ở nhiều nơi, nhất là ở Bắc Bộ. Tổng phá tề thực chất là cuộc nổi dậy đồng loạt của nhân dân vùng sau lưng địch, có lực lượng vũ trang hỗ trợ và phối hợp, dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất của cấp ủy Đảng, làm thất bại âm mưu bình định của địch. Kết quả phá tề tại các vùng địch tạm chiếm làm cho nhân dân ta càng vững tin vào sức mạnh của kháng chiến, tạo điều kiện cho chiến tranh du kích phát triển.

Cùng với việc đẩy mạnh chiến tranh du kích, bộ đội chủ lực tích cực tập đánh vận động. Ngày 18–3–1948 mở chiến dịch Nghĩa Lộ (Tây Bắc), giải phóng thị trấn Nghĩa Lộ, bức địch rút 7 vị trí khác, 163 địch ra hàng. Ngày 1–6–1948, mở chiến dịch Yên Bình, tiêu diệt vị trí Phố Ràng và hơn 300 địch. Từ 1949 – 1950, quân ta lại mở một loạt chiến dịch tiến công địch : chiến dịch Lao – Hà (cuối tháng 2 – 1949) tiêu diệt vị trí Phố Lu và Bản Lầu, bức địch rút 22 vị trí, giải phóng 22 789 km^2 ; chiến dịch Đông Bắc (từ tháng 3 đến tháng 5–1949) phá hủy 53 xe quân sự của địch ở Lũng Phầy.

Phối hợp với các hoạt động quân sự, phong trào đấu tranh của quần chúng ở các thành phố và các khu công nghiệp cũng phát triển. Tại các thành phố lớn như : Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn – Chợ Lớn v.v., nhiều cuộc đấu tranh của công nhân và quần chúng lao động đòi tăng lương, giảm giờ làm, chống khủng bố... liên tục diễn ra. Từ năm 1950 trở đi, phong trào đấu tranh chính trị trong các thành phố bùng lên mạnh mẽ, tiêu biểu là cuộc biểu tình của hơn 2 000 học sinh, sinh viên Sài Gòn – Chợ Lớn trong ngày 9-1-1950 và cuộc biểu tình khổng lồ của 300 000 đồng bào Sài Gòn ngày 19-3-1950.

? *– Chiến tranh du kích ở các vùng sau lưng địch đã thu được kết quả ra sao ?*
– Ý nghĩa của việc đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch ?

2. Củng cố chính quyền, xây dựng kinh tế kháng chiến, phát triển văn hóa, giáo dục, xã hội

Trong kháng chiến, Đảng và Chính phủ đặc biệt chú trọng tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chính quyền dân chủ nhân dân từ Trung ương đến cơ sở, kiên quyết đấu tranh chống âm mưu thành lập chính phủ bù nhìn Bảo Đại.

thuongmaitu

Tại Nam Bộ, năm 1948, lần đầu tiên ta tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã đến cấp tỉnh. Ở Bắc Bộ và Trung Bộ, Hội đồng nhân dân một số địa phương (Vĩnh Yên, Phú Thọ, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh ...) được chấn chỉnh và đi vào hoạt động có nền nếp. Vượt qua mọi thủ đoạn khủng bố, phá hoại của địch, chính quyền kháng chiến trong các vùng tạm chiếm vẫn được củng cố và phát triển, ngay cả những nơi bị giặc đánh phá dữ dội (như Nam Bộ, Tây Nguyên, Bình – Trị – Thiên, Tây Bắc...).

Từ năm 1950, nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, Đảng và Chính phủ tiếp tục kiện toàn nhà nước dân chủ nhân dân, làm cho nó trở nên "mạnh mẽ, nhanh chóng, quyết đoán, thống nhất, tập trung", đảm đương được nhiệm vụ "điều khiển chiến tranh và kiến thiết chế độ dân chủ nhân dân". Ở nhiều nơi, Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp (nhất là cấp xã) được củng cố và kiện toàn, thu hút được nhiều thành phần cơ bản trong nhân dân lao động.

Củng cố và mở rộng khối đoàn kết toàn dân là một nhiệm vụ quan trọng được Đảng hết sức quan tâm. Đến năm 1948, cả hai mặt trận Việt Minh và Liên Việt đều thu hút đông đảo quần chúng. Tuy nhiên, hiện tượng chồng chéo, dẫm chân lên nhau giữa hai tổ chức mặt trận đã xảy ra ở một số địa phương. Để khắc phục tình trạng ấy, Đảng và Chính phủ chủ trương thống nhất Việt Minh và Liên Việt. Đầu năm 1950, các địa phương từ xã đến huyện, tỉnh đã cơ bản hoàn thành việc thống nhất hai hình thức mặt trận trên.

Công tác vận động đồng bào miền núi, đồng bào công giáo, bà con người Hoa, quần chúng trong vùng địch tạm chiếm, công tác vận động ngụy binh... được Đảng coi trọng. Đối với Nam Bộ, Trung ương Đảng chỉ thị phải mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất trong đồng bào các tôn giáo, các dân tộc ít người. Nhiều tổ chức, đoàn thể quần chúng (Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, thanh niên, phụ nữ...) được kiện toàn, làm tăng thêm sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân. Ở ngoài nước, các tổ chức Cứu quốc của Việt kiều cũng phát triển và hoạt động sôi nổi. Hướng về Tổ quốc thân yêu, bà con Việt kiều quyên góp tiền của ủng hộ kháng chiến, tích cực tuyên truyền làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ và đồng tình với sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta.

uongxua.vn

Mặt trận dân tộc thống nhất đã thật sự là "một trong những trụ cột của nhà nước dân chủ nhân dân, là sức mạnh của cuộc kháng chiến và kiến quốc, là cơ sở quần chúng rộng rãi làm thành một áo giáp vững bền của Đảng", góp phần đập tan âm mưu chính trị thâm độc của thực dân Pháp.

Trên mặt trận kinh tế, một mặt ta tăng cường đấu tranh với địch (bảo vệ mùa màng, thóc gạo ; kiểm soát chặt chẽ việc giao lưu hàng hóa giữa vùng tự do và vùng địch tạm chiếm...), mặt khác ra sức xây dựng nền kinh tế dân chủ nhân dân, có khả năng tự cấp tự túc. Từ tháng 3-1948, với phong trào thi đua ái quốc, việc đẩy mạnh sản xuất, thực hiện khẩu hiệu kinh tế tự cấp, tự túc trở thành phong trào sôi nổi trong cả nước.

Nhằm tạo điều kiện cho nông dân phấn khởi sản xuất, Đảng và Chính phủ tiếp tục thực hiện chính sách ruộng đất. Năm 1949, Chính phủ ra sắc lệnh giảm tô 25%, sắc lệnh quy định việc chia lại ruộng đất công, tạm cấp ruộng đất của thực dân Pháp, Việt gian và ruộng đất "vắng

chủ" cho nông dân. Năm 1950, có sắc lệnh giảm tức, xóa nợ và hoãn nợ của nông dân vay địa chủ ; ban hành quy chế lĩnh canh để bảo vệ quyền lợi của tá điền.

Giai cấp nông dân không những phải khắc phục thiên tai, mà còn phải đấu tranh chống địch họa diễn ra rất gay gắt. Trong vùng tạm chiếm, giặc Pháp mở những "trận phá lúa" , thực hiện triệt để chính sách "đốt sạch, phá sạch, cướp sạch"(1). Ở vùng tự do, giặc cho máy bay ném bom bắn phá đê đập, giết hại người và trâu bò...

Thực hiện khẩu hiệu : "bảo vệ mùa màng để chiến thắng", lực lượng vũ trang các địa phương tích cực chống càn, phá "chiến dịch lúa gạo" của giặc. Dân quân du kích canh gác cho đồng bào cày cấy, gặt hái. Ở những nơi không làm được ban ngày, nhân dân ta chuyển sang làm đêm. Nhờ đó, nhìn chung diện tích và sản lượng nông nghiệp đều tăng. Riêng trong năm 1950, tính từ Liên khu IV trở ra, tổng sản lượng lúa ở các vùng tự do và căn cứ du kích là 2 414 830 tấn.

Các cơ sở công nghiệp quốc phòng được xây dựng khá nhiều, với quy mô vừa và nhỏ ở khắp các vùng tự do và chiến khu. Đến năm 1949, cả nước có 130 xưởng sản xuất vũ khí, 21 cơ sở quân dược, 20 cơ sở sản xuất quân nhu cung cấp một phần nhu cầu về đạn dược, thuốc men, quần áo cho bộ đội. Cán bộ và công nhân vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn, nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, sản xuất được các loại vũ khí lớn như : SKZ, ống phóng bom, súng cối 60 li và 120 li v.v.. Các ngành tiểu công nghệ như dệt vải, nấu xà phòng, làm giấy, thuộc da, bào chế thuốc... cũng phát triển, đáp ứng một phần nhu cầu về đời sống cho nhân dân.

Trên mặt trận văn hóa, song song với việc xóa bỏ nền văn hóa nô dịch, ngu dân của thực dân Pháp, nền văn hóa mới được xây dựng theo phương châm : dân tộc – khoa học – đại chúng. Năm 1948, Hội nghị văn hóa toàn quốc được triệu tập và thông qua bản báo cáo quan trọng của Tổng bí thư Đảng Trường Chinh : "Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam". Từ đó, các ngành văn học, nghệ thuật ngày càng nảy nở, bám sát nhu cầu kháng chiến, lấy đối tượng phục vụ là quần chúng công, nông, binh. Những ảnh hưởng của quan điểm nghệ thuật tư sản

---

(1) Ở Liên khu III, chỉ trong 6 tháng đầu năm 1950, địch đã đốt cháy hàng chục vạn nóc nhà và giết rất nhiều trâu bò. Có tỉnh như Hưng Yên, số trâu bò gần như bị địch giết hết. Ở Thái Bình, giặc cướp hàng vạn tấn thóc : không mang đi được thì đổ xuống sông, xuống ao ...

được đấu tranh và khắc phục. Đông đảo văn nghệ sĩ đã hòa nhập vào cuộc sống sôi động của dân tộc, thực sự trở thành những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa. Hoạt động và thưởng thức văn nghệ trở thành một nhu cầu trong đời sống kháng chiến, phát triển thành một phong trào quần chúng rộng khắp. Nếp sống vui tươi, lành mạnh, có văn hóa được xây dựng và phát triển. Các tệ nạn xã hội từng bước được thanh toán.

Phong trào chống nạn mù chữ tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Nhiều địa phương lập các hội bảo trợ Bình dân học vụ, quỹ giúp học bổng cho học sinh. Đến cuối năm 1950, có 7 500 thôn của 1 500 xã ở 84 huyện thuộc 10 tỉnh đã hoàn thành việc xóa nạn mù chữ. Ngành giáo dục phổ thông không ngừng được mở rộng(1). Chương trình giáo dục phổ thông bước đầu được cải tiến theo nội dung dân tộc, dân chủ nhân dân và phù hợp với hoàn cảnh kháng chiến. Các trường trung học chuyên nghiệp và đại học được mở ở các vùng tự do và chiến khu Việt Bắc (Đại học Sư phạm và Đại học Y – Dược).

Chính quyền các cấp và ngành chuyên môn có nhiều cố gắng trong công tác phát triển y tế, thực hiện vệ sinh phòng bệnh và chăm lo sức khỏe cho nhân dân. Với phương châm phòng bệnh là chính, cuộc vận động thực hiện "ba sạch" (ăn sạch, uống sạch, ở sạch) được đẩy mạnh và trở thành phong trào rộng rãi ở các địa phương. Ở các liên khu, hệ thống cơ sở y tế từ tỉnh đến xã được xây dựng, đáp ứng một phần nhu cầu chữa bệnh của nhân dân.

? – *Các thành tựu về kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục trong những năm 1948–1950 và tác dụng của nó đối với sự nghiệp kháng chiến ra sao ?*

IV - CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI THU - ĐÔNG 1950

1. Hoàn cảnh lịch sử trước khi ta mở chiến dịch

Giữa lúc toàn quân và toàn dân ta đang đẩy mạnh kháng chiến và giành thắng lợi to lớn trên mọi lĩnh vực thì tình hình thế giới cũng có những chuyển biến quan trọng.

(1) Đến cuối năm 1950, Liên khu Việt Bắc có 901 trường tiểu học và 16 trường trung học. Ở Liên khu V, phần lớn các huyện có trường cấp II và tỉnh có trường cấp III. Ở Nam Bộ, tình hình có khó khăn hơn : các tỉnh mới lập được trường tiểu học, toàn miền mới có 2 trường trung học.

Ngày 1 – 10 – 1949, cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc kháng chiến của ta có quan hệ trực tiếp với các nước xã hội chủ nghĩa. Tiếp đó, từ tháng 1–1950, các nước xã hội chủ nghĩa lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta, góp phần nâng cao địa vị và uy tín của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trên trường quốc tế. Cùng thời gian này, cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và Campuchia đang có những bước phát triển mới. Tháng 6–1950, Ủy ban dân tộc giải phóng Campuchia thành lập. Tháng 8 – 1950, Chính phủ kháng chiến Pathét Lào ra đời cùng với Mặt trận Neo Lào – Ítxala lãnh đạo nhân dân đoàn kết chống thực dân Pháp và bè lũ tay sai. Trong khi đó, phong trào nhân dân Pháp và nhân dân các nước thuộc địa của Pháp phản đối chiến tranh xâm lược Việt Nam ngày càng dâng cao, dưới nhiều hình thức phong phú, như lấy chữ kí, đưa đơn kiến nghị đòi hòa bình ở Việt Nam. Tình hình này càng khoét sâu thêm những khó khăn về kinh tế, tài chính của nước Pháp.

Lợi dụng lúc Pháp đang gặp phải khó khăn, lúng túng, đế quốc Mĩ ngày càng can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Nhờ sự giúp sức của đế quốc Mĩ, thông qua kế hoạch Rove (Revers), thực dân Pháp thực hiện được âm mưu "khóa chặt biên giới Việt – Trung" bằng cách tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4 ; đồng thời thiết lập được "hành lang Đông Tây" (Hải Phòng – Hà Nội – Hòa Bình – Sơn La) nhằm cắt đứt sự liên lạc giữa căn cứ địa Việt Bắc với đồng bằng Liên khu III và Liên khu IV. Với hai hệ thống phòng ngự ấy, thực dân Pháp nuôi dưỡng âm mưu tiến hành một bước phiêu lưu quân sự mới là tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai để nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh.

? – *Hoàn cảnh thế giới và trong nước cuối năm 1949 đầu năm 1950 có ảnh hưởng như thế nào đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta ?*

2. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, kết quả và ý nghĩa lịch sử

Để tranh thủ những điều kiện thuận lợi, khắc phục tình trạng bị bao vây từ bên trong, đẩy mạnh cuộc kháng chiến phát triển sang một giai đoạn mới, tháng 6 – 1950, Đảng, Chính phủ và Bộ Tổng tư lệnh quyết định mở chiến dịch Biên giới. Chiến dịch được mở hướng Cao Bằng – Lạng Sơn, nhằm 3 mục đích : tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh

lực địch ; khai thông biên giới Việt – Trung để mở rộng đường liên lạc quốc tế của ta với các nước xã hội chủ nghĩa ; củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc.

Thường vụ Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp nghiên cứu tình hình, phê chuẩn kế hoạch tác chiến, chỉ đạo các ngành ở trung ương và địa phương đem hết sức mình phục vụ tiền tuyến và thực hiện sự phối hợp chiến trường toàn quốc để bảo đảm chiến dịch toàn thắng.

Liên khu Việt Bắc là địa phương chính động viên sức người, sức của phục vụ chiến dịch. Với khẩu hiệu : "Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng !", Đảng bộ và chính quyền Liên khu tập trung phần lớn cán bộ, đảng viên chỉ đạo công tác dân công. Khoảng 121 700 dân công thuộc các dân tộc Việt Bắc đã tham gia phục vụ tiền tuyến với 1 716 000 ngày công. Đến trung tuần tháng 9-1950, gần 4 000 tấn lương thực, súng đạn được chuyển từ xa đến, bảo đảm cho gần 3 vạn quân có đủ những thứ cần thiết để đánh thắng.

Sáng sớm 16-9-1950, quân ta nổ súng đánh cụm cứ điểm Đông Khê, mở màn chiến dịch[1]. Sau 54 giờ chiến đấu, sáng 18-9, bộ đội ta đã tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm Đông Khê, đẩy quân địch vào tình thế nguy khốn : Thất Khê bị uy hiếp, thị xã Cao Bằng bị cô lập ; thế phòng thủ đường 4 bị lung lay.

Sau khi mất Đông Khê, quân Pháp được lệnh rút khỏi Cao Bằng theo đường 4. Kế hoạch được thực hiện bằng cuộc "hành quân kép" bao gồm : một cuộc hành quân đánh lên Thái Nguyên, nhằm thu hút chủ lực ta về, đỡ đòn cho đồng bọn ở mặt trận biên giới, và một cuộc hành quân khác từ Thất Khê tiến lên chiếm lại Đông Khê để đón cánh quân từ Cao Bằng rút về.

Đoán trước được ý định của địch, quân ta mai phục, kiên nhẫn chờ đánh quân tiếp viện. Từ 1-10 trở đi, quân ta liên tục chặn đánh địch, khiến cho 2 cánh quân (từ Cao Bằng về và từ Thất Khê lên) không liên lạc được với nhau.

---

(1) Trong trận này, chiến sĩ bộc phá La Văn Cầu nhờ đồng đội chặt đứt cánh tay bị thương rồi tiếp tục xông lên phá lô cốt địch, nêu cao lá cờ đầu trong phong trào thi đua giết giặc lập công. Đại đội trưởng Trần Cừ lấy thân mình lấp lỗ châu mai, mở đường cho đơn vị xông lên diệt địch. Các chiến sĩ dân công Đinh Thị Dậu, Triệu Thị Soi, nhiều lần lăn mình vào lửa đạn, cứu thương binh, tiếp đạn cho bộ đội.

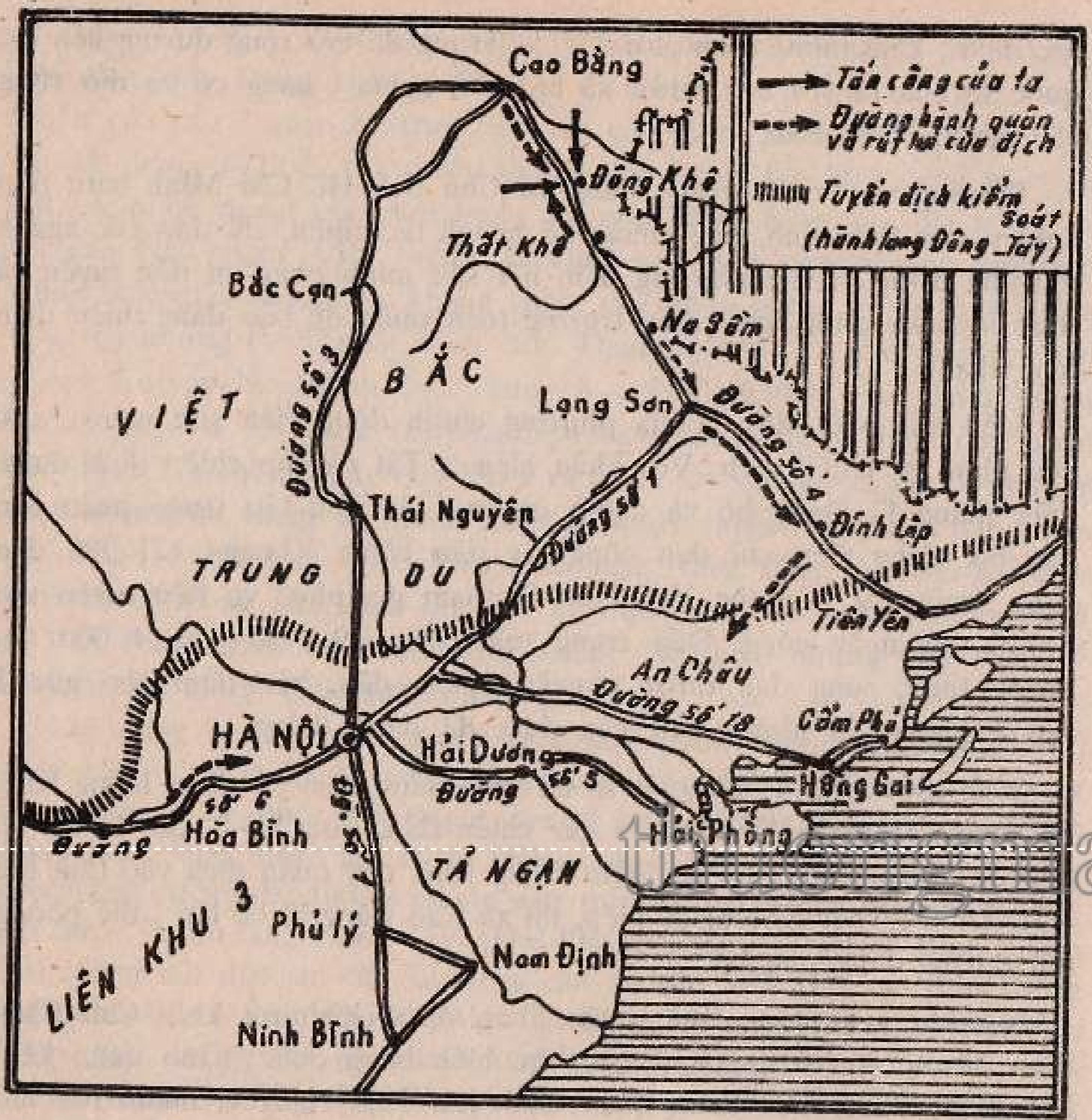

Hình 16 – Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950

Sau 8 ngày chiến đấu ác liệt (từ 1 đến 8-10), quân ta tiêu diệt gọn 2 binh đoàn gồm 7 tiểu đoàn địch, đánh tan 1 tiểu đoàn khác, làm sụp đổ hoàn toàn kế hoạch rút quân của chúng. Từ 10 đến 22-10, địch hoảng loạn rút chạy khỏi Thất Khê, Na Sầm, Đồng Đăng, Lạng Sơn, Lộc Bình, Đình Lập, An Châu. Ta truy kích, tiêu diệt và làm tan rã thêm một số. Trong khi đó, cuộc tiến công lên Thái Nguyên của 6 tiểu đoàn địch cũng bị đập tan. Tại các chiến trường khác (đồng bằng Bắc Bộ, Bình – Trị – Thiên, Liên khu V, Nam Bộ), quân và dân ta đều ra sức thi đua giết giặc lập công, kìm chế địch, không cho chúng tiếp viện mặt trận Cao – Bắc – Lạng.

Chiến dịch Biên giới đã kết thúc thắng lợi rực rỡ. Quân dân ta đã tiêu diệt và bắt 8 300 tên địch, gồm 8 tiểu đoàn Âu – Phi và 2 tiểu đoàn ngụy ; thu trên 3 000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh ; giải phóng dải biên giới Việt Trung với chiều dài 750 km từ Cao Bằng đến Đình Lập, cùng với 35 vạn dân. Tính chung cả nước, trong cuộc tấn công thu – đông 1950, quân và dân ta tiêu diệt gần 12 000 địch ; hạ và bức rút 217 vị trí, trong đó có những thị xã quan trọng như Lạng Sơn, Cao Bằng, Hòa Bình, Thái Nguyên, giải phóng một vùng đất rộng khoảng 4 000km^2 và 40 vạn dân. "Hành lang Đông – Tây" bị chọc thủng. Thế bao vây của địch cả trong lẫn ngoài đối với căn cứ địa Việt Bắc bị phá vỡ.

Với chiến thắng Biên giới, quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ) đã về tay chúng ta. Từ đó về sau, bộ đội ta liên tục mở những chiến dịch tiến công, đánh tiêu diệt với quy mô ngày càng lớn.

?

1. Tại sao cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược diễn ra trước tiên ở các đô thị ? Tác dụng của các cuộc chiến đấu trong các đô thị ?

2. Tại sao lại khẳng định từ chiến thắng Việt Bắc thu – đông 1947 đến chiến thắng Biên giới thu – đông 1950 là một bước phát triển của cuộc kháng chiến ?

uongxua.vn

3. Kết quả và ý nghĩa lịch sử của chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 ?

Bài 10

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TRONG NHỮNG NĂM 1951 - 1953

1. Những âm mưu, kế hoạch của đế quốc Pháp - Mĩ

Sau thất bại nặng nề ở mặt trận Biên giới thu – đông 1950, thực dân Pháp lâm vào một tình thế vô cùng khó khăn, lúng túng. Vì vậy, dù mâu thuẫn với Mĩ, chúng vẫn phải dựa vào Mĩ, cầu xin viện trợ để tiếp tục chiến tranh xâm lược.

Về phía đế quốc Mĩ, chúng vẫn có dã tâm chiếm Đông Dương làm thuộc địa kiểu mới, lập thành một phòng tuyến chống cộng và ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc. Bởi thế, Mĩ cũng tích cực giúp Pháp nhằm ràng buộc và từng bước hất cẳng Pháp để độc chiếm Đông Dương.

Tháng 12–1950, chính phủ Pháp cử đại tướng Đờ Lát đơ Tátxinhi (De Lattre de Tassigny) sang làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh, kiêm chức Cao ủy Pháp ở Đông Dương. Đờ Lát đề ra một kế hoạch mới, bao gồm 4 điểm chính : 1 – Gấp rút tập trung quân Âu – Phi xây dựng một lực lượng cơ động chiến lược mạnh và ra sức phát triển ngụy quân ; 2 – Lập tuyến phòng thủ "boong ke" (công sự xi măng cốt sắt) và một "vành đai trắng"(1) bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ ; 3 – Tiến hành chiến tranh tổng lực, bình định cho được vùng tạm chiếm ; 4 – Đánh phá ác liệt căn cứ và hậu phương ta, chuẩn bị tiến công ra vùng tự do để gây thanh thế và giành lại quyền chủ động chiến lược.

Thực hiện kế hoạch trên, ngay trong tháng 12 – 1950, bằng thủ đoạn ráo riết bắt lính và tập trung quân cơ động chiến thuật, địch xây dựng được 7 binh đoàn cơ động chiến lược và 4 tiểu đoàn dù. Đến cuối năm 1951, chúng đã đưa tổng số quân ở Đông Dương từ 239 500 tên (cuối 1950) lên 338 000 tên. Địch cũng xúc tiến xây dựng phòng tuyến "boong ke" ở Bắc Bộ với 113 vị trí (gồm 1 300 lô cốt) chạy từ Hòn Gai, Đông Triều, Lục Nam, Bắc Giang, Bắc Ninh qua Vĩnh Phúc, Sơn Tây, Hà Đông đến Ninh Bình, do 20 tiểu đoàn Âu – Phi chiếm đóng. Ở vòng ngoài, chúng mở các cuộc càn quét triệt hạ làng mạc, dồn dân vào vùng chúng kiểm soát. Mặt khác, chúng bắt lính, lập "hương dũng", "hương đồn" ở nông thôn, chuyển lực lượng vũ trang của bọn phản động nằm trong Thiên chúa giáo, Cao Đài, Hòa Hảo thành quân chính quy. Ngoài ra, địch tăng cường tuyên truyền chống cộng, nói xấu chính phủ kháng chiến, đề cao "độc lập", "quốc gia" giả hiệu và dùng nhiều thủ đoạn chính trị lừa bịp khác. Chúng còn cho xe bọc thép nghiền nát hoa màu, đốt thóc lúa, bắn chết trâu bò, phá các công trình thủy lợi.... nhằm triệt phá kinh tế của ta.

---

(1) Vùng bị địch tàn phá, triệt hạ, tạo thành nơi không làng mạc, nhà cửa, không người ở, nhằm ngăn chặn bộ đội chủ lực ta đánh vào vùng chúng kiểm soát và ngăn chặn nhân lực, vật lực đưa ra vùng tự do.

? – *Từ sau chiến dịch Biên giới, đế quốc Pháp – Mĩ có âm mưu và những hành động gì ?*

– *Ảnh hưởng của âm mưu và các hành động đó đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta ?*

2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2 - 1951)

Chiến thắng Biên giới đã đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ta chuyển sang thời kì mới – thời kì giữ vững và phát huy quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ). Nhưng cũng trong thời gian trên, thực dân Pháp đang có những cố gắng mới để giành lại quyền chủ động. Cuộc chiến tranh trở nên gay go, quyết liệt. Trong tình hình đó, việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, là một nhiệm vụ hết sức quan trọng.

Để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp kháng chiến, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được triệu tập. Đại hội họp tại Chiêm Hóa (Tuyên Quang), từ ngày 11 đến 19-2-1951, có 158 đại biểu chính thức và 53 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho hơn 766 000 đảng viên.

Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày, báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam" do Tổng bí thư Đảng Trường Chinh trình bày và thông qua Tuyên ngôn, Chính cương và Điều lệ mới của Đảng.

"Báo cáo chính trị" của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu bật những thành tựu quan trọng của cách mạng thế giới trong nửa đầu thế kỉ XX, đồng thời tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của Đảng qua các chặng đường lịch sử từ khi Đảng ra đời. Bản báo cáo cũng vạch rõ những khuyết điểm, phê phán những tư tưởng sai lầm đã nảy nở trong quá trình kháng chiến như : bi quan, thiếu tin tưởng, hoặc chủ quan nóng vội. Sau khi vạch trần âm mưu của đế quốc Mĩ can thiệp vào Đông Dương, bản báo cáo nêu rõ nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc này là : "Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mĩ, giành thống nhất, độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới". Để hoàn thành nhiệm vụ chủ yếu đó, phải đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang và các đoàn thể quần chúng, phát triển tinh thần yêu nước, đẩy mạnh thi đua ái quốc, thực hiện chính sách ruộng đất, thành lập mặt trận thống nhất Việt Nam – Lào – Campuchia, tăng cường đoàn kết quốc tế...

luongxua.vn

Trong báo cáo *"Bàn về cách mạng Việt Nam"*, Trường Chinh trình bày về toàn bộ đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về chính sách của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ, và về Đảng Lao động Việt Nam. Xuất phát từ sự phân tích tính chất xã hội và cơ cấu giai cấp của xã hội Việt Nam, bản báo cáo xác định đối tượng của cách mạng Việt Nam là chủ nghĩa đế quốc xâm lược (thực dân Pháp và can thiệp Mĩ) và bọn bù nhìn Việt gian phản nước, đại biểu cho quyền lợi của đại địa chủ và tư sản mại bản.

Căn cứ vào thái độ chính trị của các giai cấp trong xã hội, đại hội nêu rõ lực lượng cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân gồm 4 giai cấp là : công nhân, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc. Ngoài ra, còn có những nhân sĩ dân chủ và những thân sĩ yêu nước. Động lực của cách mạng là giai cấp công nhân, nông dân và tiểu tư sản. Lực lượng lãnh đạo là giai cấp công nhân.

Đại hội quyết định, trong điều kiện lịch sử mới, Đảng phải ra hoạt động công khai với tên mới là *Đảng Lao động Việt Nam* ; hai nước Lào và Campuchia phải xây dựng ở mỗi nước một đảng cách mạng thích hợp với hoàn cảnh cụ thể để lãnh đạo cuộc kháng chiến của từng nước đến thắng lợi hoàn toàn.

thuongmait

Đại hội còn thảo luận và quyết định nhiều chính sách cơ bản về các công tác xây dựng và củng cố chính quyền, quân đội, mặt trận thống nhất dân tộc, về công tác tài chính v.v., nhằm đẩy mạnh cuộc kháng chiến về mọi mặt. Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành Trung ương mới, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Trường Chinh làm Tổng bí thư.

Đại hội lần II của Đảng đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta. Việc Đảng ra công khai với cương lĩnh chính trị đúng đắn đã tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng, tăng cường niềm tin của quần chúng đối với Đảng, có tác dụng thúc đẩy kháng chiến tiến lên giành những thắng lợi ngày một lớn hơn.

? – *Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần II ?*

3. Củng cố hậu phương và phát triển kháng chiến (1951 - 1953)

Sau chiến thắng Biên giới thu – đông 1950, cuộc kháng chiến của nhân dân ta có điều kiện phát triển mạnh mẽ. Nhu cầu cung cấp về nhân, tài, vật lực cho tiền tuyến ngày càng cao, đòi hỏi không ngừng tăng cường sức mạnh của hậu phương kháng chiến.

Thực hiện nghị quyết Đại hội toàn quốc lần II của Đảng, ngày 3-3-1951, đại hội thống nhất mặt trận Việt Minh và Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) được tổ chức để thành lập một mặt trận duy nhất, lấy tên là Mặt trận Liên Việt. Khối đoàn kết toàn dân được củng cố và tăng cường rõ rệt. Bên cạnh đó, chính quyền dân chủ nhân dân các cấp được kiện toàn, trở thành một công cụ sắc bén, có đủ sức mạnh động viên toàn dân tham gia kháng chiến – kiến quốc.

Năm 1952, cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm được phát động đã thực sự trở thành một phong trào quần chúng sôi nổi, lôi cuốn mọi ngành, mọi giới tham gia. Trong nông nghiệp, phong trào tổ đổi công, hợp tác phát triển ở khắp vùng tự do cũng như vùng căn cứ du kích. Trên cả nước, đâu đâu cũng có phong trào thâm canh, tăng vụ, khai hoang ; vừa tích cực trồng lúa, vừa phát triển hoa màu, chăn nuôi và các ngành nghề thủ công. Nông dân các vùng sau lưng địch kiên quyết đấu tranh chống địch để sản xuất và bảo vệ sản xuất. Nhiều cuộc đấu tranh chính trị của đồng bào ta chống giặc bắn đại bác ra đồng và cho xe lội nước nghiền nát lúa... diễn ra ở các nơi. Trong các vùng tự do, các cơ quan, đơn vị bộ đội, bệnh viện, trường học đều có vườn tăng gia và tự đặt cho mình nhiệm vụ giúp dân chống hạn, trừ sâu, cày cấy, gặt hái cho kịp thời vụ.

Phong trào thi đua yêu nước ngày càng ăn sâu, lan rộng trong tất cả các ngành, các giới, làm nảy nở nhiều đơn vị và cá nhân ưu tú. Ngày 1–5–1952, Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần I họp đã tổng kết và biểu dương những thành tích rực rỡ của phong trào thi đua ái quốc trong những năm qua và chọn được 7 anh hùng (Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên, Ngô Gia Khảm, Trần Đại Nghĩa, Hoàng Hanh).

Để thiết thực bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân, năm 1953 Đảng và Chính phủ chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và cải cách ruộng đất[1]. Cho đến năm 1953,

---

(1) Từ tháng 4–1953 đến tháng 7–1954, đã tiến hành 5 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất.

tính từ Liên khu IV trở ra, ta đã tạm cấp cho nông dân 184 434 ha ruộng đất của thực dân và địa chủ, ruộng "vắng chủ", ruộng bỏ hoang... Hơn 50% diện tích ruộng đất do địa chủ chiếm hữu đã được chia cho nông dân thiếu ruộng. Những kết quả bước đầu của việc thực hiện chủ trương này ở một số địa phương càng làm cho nông dân thêm phấn khởi sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến. Năm 1953, chỉ tính từ Liên khu IV trở ra, sản xuất lương thực ở vùng tự do và vùng căn cứ du kích đạt được 2 757 700 tấn thóc và 650 850 tấn hoa màu.

Trong công nghiệp, ngành công nghiệp quốc phòng vẫn giữ vững và đẩy mạnh được tốc độ sản xuất. Năm 1953, ta sản xuất được 3552 tấn vũ khí, đạn dược. Kế hoạch sản xuất thuốc men, quân trang, quân dụng cũng được bảo đảm.

Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, Đảng và Chính phủ còn chấn chỉnh chế độ thuế khóa, tài chính, xây dựng các ngành thương nghiệp, ngân hàng. Năm 1951, Chính phủ ban hành sắc lệnh về thuế nông nghiệp, nhằm tập trung một khối lượng lương thực cần thiết, bảo đảm cung cấp cho tiền tuyến và thực hiện sự đóng góp công bằng, hợp lí của các tầng lớp nhân dân. Tháng 6–1951, Ngân hàng quốc gia Việt Nam được thành lập và phát hành đồng bạc Việt Nam mới. Sau đó, mậu dịch quốc doanh – mầm mống đầu tiên của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa ra đời. Nhờ vậy, từ năm 1951 trở đi, tình hình tài chính của nước ta đã tiến bộ rõ rệt. Nhà nước căn bản thăng bằng được thu – chi.

Bên cạnh nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng nền kinh tế kháng chiến tự cung tự cấp, công tác đấu tranh kinh tế với địch lúc này được chú trọng, nhằm đánh bại chính sách "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của địch. Ở các vùng sau lưng địch, cuộc chiến đấu chống địch càn quét, phá hoại mùa màng, cướp bóc lúa gạo diễn ra quyết liệt. Ở các vùng tự do, nhân dân ta vừa chiến đấu chống máy bay địch ném bom bắn phá đê điều, kho tàng..., vừa đấu tranh chống sự xâm nhập kinh tế của địch.

Sự nghiệp văn hóa – giáo dục – y tế được chú ý phát triển. Với công cuộc cải cách giáo dục thực hiện từ năm 1950, giáo dục nhà trường đã gắn liền với đời sống xã hội ; sinh hoạt nhà trường cũng dần dần được dân chủ hóa. Đội ngũ giáo viên và học sinh không ngừng tăng lên. Tính

đến năm 1952, chỉ riêng các liên khu Việt Bắc, III, IV và V, đã có trên 1 triệu học sinh phổ thông. Phong trào Bình dân học vụ và Bổ túc văn hóa tiếp tục phát triển. Công tác vận động vệ sinh phòng bệnh, thực hiện đời sống mới, bài trừ mê tín dị đoan... ngày càng lan rộng và ăn sâu trong nhân dân.

? – *Trong kháng chiến chống Pháp, hậu phương kháng chiến đã được quan tâm xây dựng như thế nào ?*

– *Tác dụng của hậu phương đối với cuộc kháng chiến ?*

4. Quân ta giữ vững và phát triển thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính (1951 - 1953)

Những cuộc càn quét quy mô lớn của địch đã gây nhiều thiệt hại cho nhân dân và khó khăn cho kháng chiến. Để đối phó lại, Bộ Tổng tư lệnh xác định rõ phương châm tác chiến cho từng chiến trường. Trên chiến trường chính (Bắc Bộ), phải đẩy mạnh vận động chiến. Ở các chiến trường khác, phải giữ vững và phát triển chiến tranh du kích để kiềm chế địch và phối hợp với chiến trường chính. Phải biến những vùng tạm bị chiếm thành những cơ sở mạnh để đánh địch ; giành với địch những vùng đông dân, nhiều của, làm thất bại âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt" của chúng.

Chấp hành chủ trương của Trung ương, lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân đều tích cực tổ chức đánh địch. Cùng với việc phát triển chiến tranh du kích, quân ta đẩy mạnh đánh vận động. Từ cuối năm 1950 đến giữa năm 1951, quân ta liên tiếp mở các chiến dịch đánh vào phòng tuyến địch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

Mở đầu là chiến dịch Trung du (Trần Hưng Đạo) từ 25 – 12 – 1950 đến 17–1–1951, quân ta đánh mạnh vào hệ thống phòng ngự của địch ở Vĩnh Yên, Phúc Yên, diệt nhiều cứ điểm quan trọng. Bằng chiến dịch này, ta ngăn cản được một phần kế hoạch củng cố đồng bằng của giặc Pháp, nhưng vẫn không thu hẹp được phạm vi kiểm soát của chúng ở trung du.

Chiến dịch đường số 18 (Hoàng Hoa Thám) được mở từ 20–3 đến 7–4–1951. Quân ta tiến công trên khu vực từ Phả Lại đến Uông Bí, tiêu diệt 14 vị trí địch, buộc chúng phải rút khỏi Uông Bí – một thị trấn quan trọng ở vùng mỏ Đông Bắc.

Từ ngày 28-5 đến 20-6-1951, quân ta mở chiến dịch Quang Trung, tiến công địch tại khu vực phía nam Liên khu III, thuộc địa phận Hà Nam – Nam Định – Ninh Bình, một miền đông dân nhiều của. Những chiến dịch trên được mở ở chiến trường không có lợi cho ta, phần nào đó bộc lộ tư tưởng nóng vội, chủ quan khinh địch, nên hiệu suất tiêu diệt địch không cao. Thiếu sót đó được kịp thời khắc phục trong những năm sau.

Phối hợp với các cuộc tiến công của bộ đội chủ lực, trên các chiến trường cả nước, ở vùng sau lưng địch, nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương cũng tiến hành cuộc chiến đấu quyết liệt, chống âm mưu bình định của địch.

Về phía địch, sau một năm ra sức củng cố thế phòng ngự, tích cực bình định, tăng cường lực lượng và thu được một số kết quả, Đờ Lát cho rằng đã đến lúc có thể phản công đối phương để giành lại quyền chủ động về chiến lược. Với một lực lượng gồm 20 tiểu đoàn bộ binh, có đủ cơ giới, pháo binh, máy bay yểm trợ, từ thượng tuần tháng 11-1951 địch mở cuộc hành quân đánh ra Hòa Bình. Mục đích của chúng là thực hiện âm mưu nối lại "hành lang đông – tây", chia cắt căn cứ địa Việt Bắc với Liên khu III và IV. Thông qua đó, chúng hi vọng củng cố tinh thần đang hoang mang của quân lính, gây được tiếng vang lớn và tranh thủ thêm viện trợ Mĩ. Ngày 10-11, địch cho quân nhảy dù xuống Chợ Bến, Xuân Mai ; đồng thời cho hai cánh quân thủy, bộ, có máy bay yểm trợ, tiến theo sông Đà và đường 6 vào thị xã Hòa Bình.

Nhận thấy đây là một cơ hội tốt để tiêu diệt địch, Bộ chỉ huy ta quyết định mở chiến dịch Hòa Bình, tiến hành vây, hãm và tiêu diệt một bộ phận quân cơ động của địch ; cùng lúc đẩy mạnh hoạt động đánh phá thủ đoạn bình định của địch và phát triển chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ.

Chỉ sau mấy ngày kể từ khi địch chiếm đóng, thị xã Hòa Bình bị vây chặt trong một vòng đai lửa của quân ta, khiến cho chúng phải núp kín dưới hầm. Trên sông Đà, nhiều tàu chiến địch bị đánh đắm ; các vị trí Ba Vì, Đá Chông, Tu Vũ lần lượt bị tiêu diệt. Mọi sự liên lạc bằng đường thủy, đường bộ và đường không của địch đều bị cắt đứt.

Phối hợp với mặt trận Hòa Bình, tại đồng bằng Bắc Bộ, một bộ phận chủ lực của ta phối hợp với bộ đội địa phương và dân quân du

kích liên tiếp đột nhập thị xã Nam Định, Phát Diệm, Hưng Yên, Thái Bình, diệt hàng trăm đồn bốt địch, giải tán hàng nghìn hội tề.

Ngày 23-2-1952, địch phải rút chạy khỏi Hòa Bình, bị bộ đội ta truy kích, tiêu diệt thêm một bộ phận. Tính chung cả hai mặt trận (chính diện và sau lưng địch), ta đã tiêu diệt 22 000 địch ; tiêu diệt, bức hàng và bức rút hơn 1 000 đồn bốt, tháp canh. Các căn cứ du kích của ta được mở rộng và nối liền với nhau thành thế liên hoàn vững chắc.

Phát huy đà thắng lợi trên, bước vào thu – đông 1952, từ ngày 14-10 quân ta mở chiến dịch Tây Bắc, nhằm tiêu diệt một bộ phận lực lượng địch, giải phóng nhân dân và một phần đất quan trọng của Tổ quốc. Quân ta đã nhanh chóng tiêu diệt căn cứ quan trọng của địch ở Nghĩa Lộ, giải phóng một vùng rộng lớn ở hữu ngạn sông Thao. Quân địch ở vùng tả ngạn sông Đà hoảng sợ bỏ chạy, bị quân ta truy kích, tiêu diệt một phần lớn. Phòng tuyến sông Đà bị phá vỡ, tỉnh lị Sơn La được giải phóng. Đầu tháng 12 – 1952, chiến dịch kết thúc. Quân ta tiêu diệt 6 000 địch, giải phóng một vùng rộng lớn khoảng 28 500 km^2 và 25 vạn dân, gồm toàn tỉnh Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La và một phần tỉnh Lai Châu.

Tháng 4-1953, bộ đội ta phối hợp với bộ đội Pa thét Lào mở chiến dịch Thượng Lào. Trải qua gần một tháng chiến đấu, liên quân Việt – Lào đã giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phong Xa Lì, với trên 300 000 dân ; diệt 2 800 địch. Căn cứ kháng chiến Thượng Lào mở rộng và nối liền với Tây Bắc Việt Nam, tạo thành một thế uy hiếp mới đối với giặc Pháp.

?

1. *Từ sau chiến thắng Biên giới thu – đông 1950, quân ta đã luôn luôn giữ vững và phát triển thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính như thế nào ?*
2. *Vì sao nói giặc Pháp đánh ra Hòa Bình là một cơ hội tốt để cho ta tiêu diệt địch ? Kết quả và ý nghĩa lịch sử của chiến dịch Hòa Bình ?*

Bài 11

CUỘC KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI

I - CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG - XUÂN 1953 - 1954 VÀ CHIẾN DỊCH LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ

1. Kế hoạch Nava (Navarre) và chiến lược của ta trong đông - xuân 1953 - 1954

Sau 8 năm tiến hành chiến tranh xâm lược, lực lượng thực dân Pháp trên chiến trường Đông Dương đến năm 1953 bị suy yếu rõ rệt : bị thiệt hại gần 390000 tên ; vùng chiếm đóng của chúng bị thu hẹp ; mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán ngày càng sâu sắc. Những khó khăn, bế tắc về kinh tế – xã hội ở nước Pháp cũng ngày càng tăng lên.

Mặc dù vậy, thực dân Pháp chủ trương tranh thủ thêm viện trợ của Mĩ, tập trung mọi cố gắng đẩy mạnh chiến tranh, hòng tìm ra một "lối thoát danh dự", nghĩa là "lối thoát trong thắng lợi". Vào lúc này, sau chiến tranh Triều Tiên, đế quốc Mĩ tăng cường can thiệp vào chiến tranh Đông Dương, thúc đẩy thực dân Pháp kéo dài và mở rộng chiến tranh, phục vụ cho chiến lược toàn cầu của chúng.

thuongmaitu

Ngày 7–5–1953, với sự thỏa thuận của Mĩ, chính phủ Pháp cử tướng Nava sang làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Tháng 7–1953, Hội đồng chính phủ và Hội đồng quốc phòng Pháp thông qua kế hoạch quân sự mới.

Về tác chiến, kế hoạch Nava chia thành hai bước :

Bước I (thu – đông 1953 và xuân 1954) : giữ thế phòng ngự chiến lược ở chiến trường miền Bắc, tránh giao chiến với chủ lực của ta, thực hiện tiến công chiến lược ở chiến trường miền Nam ; đồng thời ra sức mở rộng ngụy quân, tập trung binh lực xây dựng một lực lượng cơ động mạnh.

Bước II (từ mùa thu 1954) : chuyển lực lượng ra chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược, cố giành thắng lợi quyết định, buộc ta phải đàm phán theo những điều kiện có lợi cho chúng.

Cả Pháp và Mĩ đều hi vọng với kế hoạch Nava, trong 18 tháng, chúng sẽ "chuyển bại thành thắng" !

Thực hiện kế hoạch Nava, thực dân Pháp tăng viện cho quân viễn chinh 12 tiểu đoàn rút từ Pháp, Bắc Phi và Triều Tiên, đưa lực lượng cơ động chiến lược trên toàn chiến trường Đông Dương lên 84 tiểu đoàn ; đồng thời chuyển quân từ các chiến trường khác về tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ 44 tiểu đoàn cơ động.

Có thêm quân, suốt mùa hè và mùa thu 1953, địch mở hàng chục cuộc càn quét lớn, nhỏ ở Bắc Bộ, Bình – Trị – Thiên, Nam Bộ, ráo riết bình định và bắt lính. Chúng uy hiếp vùng tự do của ta, thả hàng ngàn thổ phỉ xuống vùng rừng núi Lào Cai, Lai Châu, Sơn La. Tháng 7–1953, chúng cho quân nhảy dù tập kích Lạng Sơn v.v..

Trước âm mưu và hành động mới của địch, từ tháng 9 – 1953 phương hướng chiến lược của ta trong đông – xuân 1953 – 1954 là : "Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực của địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa điểm xung yếu mà chúng không thể bỏ, do phải phân tán binh lực mà tạo ra cho ta những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực của chúng"(1).

uongxua.vn

Phương châm chung cần được quán triệt trong toàn bộ cuộc tiến công là : tích cực, chủ động, cơ động và linh hoạt ; đánh ăn chắc, tiến ăn chắc, chắc thắng thì đánh cho kì thắng, không chắc thắng thì kiên quyết không đánh.

? *– Kế hoạch quân sự Nava ra đời trong hoàn cảnh nào ?*

– Mục đích và nội dung của kế hoạch đó ?

2. Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi

Giữa tháng 11 – 1953, bộ đội chủ lực ta bắt đầu tiến quân theo hướng đã chọn : Tây Bắc và Trung Lào. Phát hiện sự di chuyển của quân ta, từ 20 – 11 – 1953, Nava cho 6 tiểu đoàn Âu – Phi tinh nhuệ nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, nhằm bảo vệ Tây Bắc, Thượng Lào và để phá cuộc tiến công đông – xuân của ta. Không đạt được âm mưu

(1) Võ Nguyên Giáp. *Điện Biên Phủ.* NXB QĐND. H.N. 1964, tr. 47.

trên, ngày 3 – 12 – 1953, Nava quyết định xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh, chấp nhận cuộc quyết chiến chiến lược tại đây, sẵn sàng "nghiền nát" bộ đội chủ lực của ta. Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của kế hoạch Nava.

Trong khi đó, bộ đội ta tiếp tục triển khai kế hoạch tiến công đông–xuân. Ngày 10 – 12 – 1953, quân ta tiến công địch ở thị xã Lai Châu; đồng thời một bộ phận gấp rút bao vây địch ở Điện Biên Phủ. Trải qua 10 ngày chiến đấu, quân ta giải phóng toàn bộ khu vực địch còn chiếm đóng ở Lai Châu, tiêu diệt 24 đại đội địch. Nava buộc phải rút bớt 6 tiểu đoàn cơ động từ đồng bằng Bắc Bộ lên tăng cường cho Điện Biên Phủ. Như vậy, ngoài đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ trở thành nơi tập trung quân thứ 2 của địch.

Cũng đầu tháng 12 – 1953, phối hợp với bộ đội Pathét Lào, quân ta mở cuộc tiến công địch ở Trung Lào, giải phóng thị xã Thà Khẹt và toàn bộ tỉnh Khăm Muộn, uy hiếp Sênô. Trước tình hình đó, Nava buộc phải điều thêm lực lượng từ Bắc Bộ sang Trung Lào, cùng lực lượng tại chỗ thành lập một tập đoàn cứ điểm ở Sênô.

Đầu năm 1954, trong lúc địch mở chiến dịch đánh vào vùng tự do Liên khu V, ta mở chiến dịch Tây Nguyên. Ngày 5 – 2 – 1954, ta giải phóng thị xã Kon Tum, quét sạch quân địch ở Bắc Tây Nguyên. Một vùng rộng lớn 16 000 km^2 với 20 vạn dân được giải phóng. Bộ chỉ huy Pháp buộc phải ngừng cuộc tiến công ở đồng bằng Liên khu V, vội vã điều lực lượng từ Nam Bộ và Bình – Trị – Thiên lên Tây Nguyên, tổ chức thành 2 tập đoàn cứ điểm An Khê, Plâycu và một số cứ điểm ở nam Tây Nguyên.

Cùng thời gian trên, bộ đội ta tiến sang Thượng Lào, phối hợp với các đơn vị bạn, mở chiến dịch tiến công vào phòng tuyến địch ở lưu vực sông Nậm Hu. Địch hoảng sợ bỏ chạy, quân ta truy kích đến sát Luông Phabang. Một bộ phận quân ta tiến lên phía bắc, giải phóng hoàn toàn tỉnh Phongxalì. Căn cứ kháng chiến của Lào mở rộng thêm gần 1 vạn km^2. Khu giải phóng Sầm Nưa của bạn nối liền với khu Tây Bắc của ta. Địch phải gấp rút tăng cường lực lượng cho Luông Phabang và Mường Sài, biến thành nơi tập trung binh lực lớn của địch.

Phối hợp với các cuộc tiến công liên tiếp của bộ đội chủ lực, ở các chiến trường sau lưng địch, ta đều phát triển chiến tranh du kích, mở

rộng các khu du kích và căn cứ du kích. Trong khi đó, toàn quân và toàn dân ta gấp rút chuẩn bị chiến dịch Điện Biên Phủ theo tinh thần : "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng !" 261 464 dân công với trên 10301570 ngày công đã tham gia phục vụ chiến dịch. 27 400 tấn gạo được huy động cung cấp cho mặt trận Điện Biên Phủ. Hàng vạn thanh niên xung phong phối hợp với bộ đội công binh mở đường ra mặt trận dưới bom đạn địch. Chỉ trong một thời gian ngắn, hàng ngàn km đường được xây dựng, sửa chữa, phục vụ chiến dịch.

Quân địch cũng tập trung mọi cố gắng, tăng cường phòng thủ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Cho đến thượng tuần tháng 3 – 1954, lực lượng địch ở Điện Biên Phủ là 16200 tên, gồm những đơn vị bộ binh, pháo binh, công binh, xe tăng, không quân vào loại tinh nhuệ nhất ở Đông Dương. Lực lượng địch được bố trí thành một hệ thống phòng ngự mạnh, gồm 49 cứ điểm, chia thành 3 phân khu. Ngoài những vũ khí thông thường, ở Điện Biên Phủ còn được trang bị thêm súng phun lửa, súng đại liên nhiều nòng, mìn, napan, máy hồng ngoại để quan sát và bắn đêm v.v..

Với một hệ thống phòng ngự kiên cố, cả Pháp và Mĩ đều coi Điện Biên Phủ là một "pháo đài không thể công phá", nếu chủ lực Việt Minh tấn công thì sẽ không tránh khỏi thất bại.

uongxua.vn

Ngày 13 – 3 – 1954, quân ta bắt đầu nổ súng tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Chiến dịch diễn ra 3 đợt.

Đợt 1 (13 đến 17 – 3 – 1954) : Quân ta tiêu diệt cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc (gồm cứ điểm Độc Lập và Bản Kéo) ; 2000 địch bị diệt và bị bắt ; 26 máy bay bị phá hủy.

Đợt 2 (30 – 3 đến 26 – 4) : Quân ta đồng loạt tấn công các cứ điểm phía đông của phân khu trung tâm (E1, D1, C1, C2, A1 ...). Ngay trong đêm 30 – 3, ta chiếm được các đồi E1, D1, C1. Riêng đồi A1, hai bên giành nhau từng tấc đất. Cho đến 4 – 4, ta và địch mỗi bên chiếm giữ một nửa quả đồi. Sáng 9-4, địch phản kích đánh chiếm lại C1. Sau 4 ngày chiến đấu, mỗi bên chiếm một nửa quả đồi. Trong khi đó, quân ta khép chặt vòng vây xung quanh khu trung tâm bằng một hệ thống giao thông hào, tiến sát sân bay Mường Thanh , cắt đứt con đường tiếp tế duy nhất bằng đường không của địch. Đế quốc Mĩ tăng viện gấp cho Pháp gần 100 máy bay oanh tạc, chiến đấu và gần 50 máy bay vận tải ; đồng thời tổ chức diễn tập "đổ bộ ào at vào Đông Dương".

Đợt 3 (1 – 5 đến 7 – 5) : Quân ta đánh chiếm các cao điểm còn lại ở phía đông. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, địch định tổ chức thành 3 cánh quân, phá vòng vây tháo chạy sang Lào vào đêm 7 – 5. Nhưng chúng chưa kịp thực hiện thì vào lúc 18h45 phút ngày 6 – 5, tiếng nổ của khối bộc phá 1000 kg đặt trong lòng quả đồi A1 là hiệu lệnh tổng công kích của quân ta. 17h30 phút ngày 7 – 5, tướng Đờ Cát (De Castries) và toàn bộ tham mưu tập đoàn cứ điểm bị bắt. Gần một vạn quân địch ra hàng.

Như vậy, sau 56 ngày đêm liên tục chiến đấu, quân ta tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ : 16200 tên, bao gồm 17 tiểu đoàn bộ binh và quân nhảy dù, 3 tiểu đoàn pháo binh và súng cối hạng nặng ; 1 thiếu tướng, 16 đại tá và trung tá, 1749 sĩ quan và hạ sĩ quan ; hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí, cơ sở vật chất kĩ thuật.

? – *Tại sao ta quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ ?*

– *Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra và thắng lợi như thế nào ?*

II - HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ NĂM 1954 VỀ VIỆC LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở ĐÔNG DƯƠNG

thuongmaitr

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ lập trường trước sau như một của nhân dân ta là sẵn sàng thương lượng để giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam trên cơ sở độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Nhưng thực dân Pháp vẫn ngoan cố tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược. Cho đến cuối năm 1953 đầu 1954, do bị thất bại nặng nề và gặp nhiều khó khăn, chúng mới chịu thay đổi thái độ.

Tháng 1 – 1954, hội nghị ngoại trưởng 4 nước (Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp) tại Béclin đã thỏa thuận triệu tập cuộc hội nghị quốc tế tại Giơnevơ (Thụy Sĩ) để giải quyết vấn đề Triều Tiên và lập lại hòa bình ở Đông Dương. Ngày 26 – 4 – 1954, giữa lúc quân ta chuẩn bị mở đợt tấn công thứ 3 để quyết định số phận quân viễn chinh Pháp ở Điện Biên Phủ thì hội nghị Giơnevơ về Đông Dương khai mạc.

Ngày 8 – 5, phái đoàn chính phủ ta do ông Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn bước vào bàn hội nghị với tư thế đại biểu cho một dân tộc chiến thắng.

Trong quá trình hội nghị, chúng ta kiên trì đấu tranh chống âm mưu phá hoại của đế quốc Pháp – Mĩ và các thế lực phản động quốc tế. Đến 21 – 7 – 1954, hiệp định Giơnevơ được kí kết, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây :

a) Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia, không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước đó.

b) Để chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam, hai bên cùng thực hiện ngừng bắn, tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực ; lấy vĩ tuyến 17 (dọc sông Bến Hải) làm giới tuyến quân sự tạm thời cùng với một khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến. "Giới tuyến quân sự chỉ có tính chất tạm thời, hoàn toàn không thể coi là ranh giới về chính trị và lãnh thổ" (Bản Tuyên bố cuối cùng).

– Hiệp định cấm việc đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào 3 nước Đông Dương. Các nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự ở Đông Dương. Các nước Đông Dương không được gia nhập những khối liên minh quân sự và không được để các nước khác dùng lãnh thổ của mình để gây lại chiến tranh hoặc để phục vụ mục đích xâm lược.

uongxua.vn

c) Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước. Cuộc tổng tuyển cử sẽ tổ chức vào tháng 7 – 1956 dưới sự kiểm soát của một Ủy ban quốc tế (gồm Ấn Độ, Ba Lan, Canađa, do Ấn Độ làm chủ tịch).

d) Trách nhiệm thi hành hiệp định Giơnevơ thuộc về những người kí hiệp định và những người kế tiếp nhiệm vụ của họ. Hiệp định Giơnevơ còn có những hạn chế : Việt Nam mới được giải phóng một nửa nước từ vĩ tuyến 17 ra Bắc ; Lào chỉ có hai tỉnh (Sầm Nưa và Phongxalì) được giải phóng ; ở Campuchia lực lượng kháng chiến không có vùng tập kết nên phải giải ngũ.

Mặc dù có những hạn chế, nhưng Hiệp định Giơnevơ cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp có Mĩ giúp sức ở Đông Dương. Pháp phải rút quân viễn chinh về nước. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

? – *Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của hiệp định Giơnevơ ?*

III - NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

Trong 9 năm tiến hành chiến tranh xâm lược, thực dân Pháp được Mĩ ra sức giúp đỡ, đã tung vào chiến trường Đông Dương mọi lực lượng và phương tiện chiến tranh có thể huy động được. Ở vào thời điểm huy động lớn nhất (3 – 1954), thực dân Pháp đã sử dụng 191 tiểu đoàn, 550 máy bay, 26 tiểu đoàn pháo binh, 10 trung đoàn xe tăng và xe bọc thép, 390 tầu chiến và canô ; tiêu phí gần 3000 tỉ phơrăng (tương đương 7 tỉ đôla)...

Song cuộc chiến tranh xâm lược của chúng đã bị cuộc kháng chiến vô cùng anh dũng của nhân dân Việt Nam đánh bại.

Nhân dân ta giành được thắng lợi vì cuộc kháng chiến có một đường lối chính trị, quân sự đúng đắn. Vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, đường lối cách mạng dân tộc, dân chủ, tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản đã được xác định. Với đường lối đúng đắn giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lực lượng của toàn dân, của cả nước đã được động viên đến mức cao nhất vào cuộc chiến đấu ; đồng thời thống nhất được cuộc chiến đấu của nhân dân ta với thế tiến công của phong trào cách mạng thế giới.

Nắm vững quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chiến tranh cách mạng, ngay từ đầu đường lối kháng chiến được xác định đúng đắn. Đó là đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh, trong đó nội dung cốt yếu nhất, cơ bản nhất là chiến lược toàn dân kháng chiến. Với chiến lược này, Đảng ta đã tổ chức cả nước thành một mặt trận, tạo nên thế trận "cả nước đánh giặc", "trăm họ ai cũng là binh", "mỗi quốc dân là một chiến sĩ, mỗi làng xóm là một pháo đài".

Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi là do toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm chiến đấu vì độc lập tự do, theo tinh thần : "thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước,

thuongmait

nhất định không chịu làm nô lệ !". Với tinh thần đó, toàn quân và toàn dân ta đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, không quản ngại hi sinh, nêu cao truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi là vì chúng ta có hậu phương vững chắc. Quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin coi hậu phương là một trong những nhân tố thắng lợi thường xuyên của chiến tranh, Đảng và Chính phủ đã ra sức xây dựng hậu phương về mọi mặt, củng cố chế độ dân chủ nhân dân. Nhờ đó, đã cho phép động viên cao nhất, nhiều nhất sức người, sức của cho cuộc kháng chiến.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp còn là thắng lợi của tình đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Đông Dương, của sự giúp đỡ to lớn của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, cũng như sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ toàn thế giới.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta thắng lợi đã buộc thực dân Pháp phải thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương. Âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương của đế quốc Pháp – Mĩ bị thất bại hoàn toàn.

uongxua.vn

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp đã bảo vệ và phát triển những thành quả của Cách mạng tháng Tám, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ ; đồng thời tạo điều kiện để hoàn thành triệt để cách mạng ruộng đất, xóa bỏ vĩnh viễn chế độ bóc lột của giai cấp địa chủ phong kiến.

Tiếp theo Cách mạng tháng Tám, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi là một đòn giáng mạnh mẽ vào hệ thống thực dân, mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ ; đồng thời đập tan âm mưu của đế quốc Mĩ muốn thay chân Pháp nô dịch nhân dân các nước trên bán đảo Đông Dương, ngăn chặn sự phát triển của phong trào cách mạng ở Đông Nam Á. Thắng lợi đó đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, trước hết là ở châu Á, châu Phi, góp phần thu hẹp trận địa của chủ nghĩa đế quốc. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói : "Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới "[1].

---

(1) Hồ Chí Minh *Tuyển tập*, NXB Sự thật, H.N. 1960, tr.771.

Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp làm sáng tỏ một chân lí : trong điều kiện thế giới ngày nay, một dân tộc đất không rộng, người không đông, nếu quyết tâm chiến đấu vì độc lập tự do, có đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, được sự ủng hộ quốc tế, thì hoàn toàn có khả năng đánh bại mọi thế lực đế quốc hung bạo.

?

1. Âm mưu của Pháp – Mĩ trong việc chiếm đóng, xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ ?

2. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ?

Chương V

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN Ở MIỀN NAM, ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954 - 1975)

thuongmaitr

Bài 12

TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ 1954 VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG TRONG THỜI KÌ MỚI (1954 - 1975)

1. Đặc điểm tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ 1954

Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương được kí kết đã kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp có đế quốc Mĩ giúp sức đối với ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Chúng ta đã thực hiện nghiêm chỉnh những điều khoản quy định về đình chiến, tập kết chuyển quân và chuyển giao khu vực. Nhưng phía Pháp chỉ thực hiện khi có đấu tranh mạnh và kiên quyết của nhân dân ta.

Ngày 10 – 10 – 1954, quân Pháp rút khỏi Hà Nội. Cùng ngày, quân ta tiến vào tiếp quản. Thủ đô giải phóng rợp cờ, hoa, biểu ngữ, vang dậy tiếng hoan hô của đồng bào đón mừng đoàn quân chiến thắng trở về.

Ngày 1 – 1 – 1955, tại quảng trường Ba Đình lịch sử diễn ra cuộc mít tinh trọng thể của hàng chục vạn nhân dân Hà Nội chào mừng Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh về Thủ đô.

Ngày 16 – 5 – 1955, toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hải Phòng, và đến ngày 22 – 5 – 1955 thì rút khỏi đảo Cát Bà. Miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng.

Khi rút quân, Pháp mang theo hoặc trước đó đã phá hỏng nhiều máy móc, thiết bị, tài sản để gây khó khăn cho ta. Pháp còn cùng với Mĩ và Ngô Đình Diệm(1) chỉ đạo bọn phản động tiến hành dụ dỗ, cưỡng ép nhiều đồng bào công giáo vào Nam để thực hiện ý đồ chống phá cách mạng về sau.

uongxua.vn

Trong khi đó, ở miền Nam, thực dân Pháp cũng có những hành động phá hoại Hiệp định mới được kí kết.

Ngày 14 – 5 – 1956, Chính phủ Pháp gửi cho hai Chủ tịch Hội nghị Giơnevơ 1954 về Đông Dương bản Thông điệp thông báo về việc quân viễn chinh ở miền Nam rút hết về nước.

Quân Pháp rút toàn bộ khỏi miền Nam Việt Nam khi còn nhiều điều khoản Hiệp định có liên quan đến trách nhiệm của họ chưa được thi hành, trong đó có điều khoản về việc tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử ở hai miền Bắc – Nam Việt Nam. Pháp trút bỏ trách nhiệm thi hành những điều khoản còn lại của Hiệp định cho Mĩ – Diệm, kế tục chúng ở miền Nam, là những lực lượng hết sức ngoan cố và trắng trợn trong âm mưu phá hoại Hiệp định Giơnevơ.

---

(1) Ngô Đình Diệm vốn là quan lại cũ của triều đình Huế thời thuộc Pháp. Có thời kì làm tay sai cho Nhật. Sau được cục tình báo trung ương Mĩ (CIA) huấn luyện rồi đưa lên nắm chính quyền ở miền Nam Việt Nam.

Đế quốc Mĩ ra sức thực hiện ý đồ đã vạch ra từ trước nhằm độc chiếm miền Nam Việt Nam, tiến tới độc chiếm toàn Đông Dương. Ngày 25 – 6 – 1954, một tháng trước khi Hiệp định Giơnevơ được chính thức kí kết, Mĩ đã ép được Pháp đưa Ngô Đình Diệm (người của Mĩ) thay Bửu Lộc (người của Pháp) lên làm thủ tướng chính phủ bù nhìn ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 23 – 7 – 1954, vài ngày sau khi kí Hiệp định Giơnevơ, ngoại trưởng Mĩ Đalét (Dulles) tuyên bố : "Từ nay về sau, vấn đề bức thiết không phải là than tiếc dĩ vãng, mà là lợi dụng thời cơ để việc thất thủ miền Bắc Việt Nam không mở đường cho chủ nghĩa cộng sản bành trướng ở Đông Nam Á và Tây Nam Thái Bình Dương".

Tháng 9 – 1954, Mĩ lôi kéo được một số nước đồng minh như Pháp, Anh ... và một số nước ở Đông Nam Á lập ra khối "Liên minh quân sự Đông Nam Á" (SEATO) và ngang nhiên đặt miền Nam Việt Nam dưới sự bảo trợ của khối này.

Đưa được tay sai lên nắm chính quyền ở miền Nam Việt Nam, gạt hết quân Pháp và tay sai của chúng ra khỏi miền Nam, Mĩ đã thực hiện được bước đầu ý đồ độc chiếm miền Nam Việt Nam.

thuongmaitr

Chính quyền Ngô Đình Diệm, với sự giúp đỡ và có sự chỉ đạo của Mĩ, ra sức phá hoại Hiệp định Giơnevơ, từ chối hiệp thương với Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa về việc tổ chức tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất Việt Nam trong thời hạn 2 năm theo điều khoản của hiệp định.

Đến hạn 2 năm, tháng 7 – 1956, Diệm tuyên bố : "Không có hiệp thương tổng tuyển cử. Chúng ta không kí Hiệp định Giơnevơ, bất cứ phương diện nào chúng ta cũng không bị ràng buộc bởi hiệp định đó". Bằng một loạt hành động trái với pháp lí hiệp định, như bày trò "trưng cầu dân ý" để phế truất Bảo Đại rồi suy tôn Ngô Đình Diệm làm tổng thống (10 – 1955), tổ chức bầu cử riêng rẽ, lập quốc hội lập hiến (5 – 1956), ban hành hiến pháp của cái gọi là "Việt Nam cộng hòa" (10 – 1956), Diệm đã trắng trợn từ chối và phá hoại việc thống nhất Việt Nam.

Cùng với sự giúp đỡ dưới hình thức "viện trợ" quân sự, chính trị, kinh tế, miền Nam Việt Nam được xây dựng thành căn cứ quân sự, thành cơ sở kinh tế thực dân kiểu mới của Mĩ.

Tất cả việc làm trên của Mĩ – Diệm không ngoài mục đích tách hẳn một phần lãnh thổ của Việt Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào để lập ra một quốc gia riêng biệt, thậm chí là một phần lãnh thổ của nước Mĩ. Tháng 5 – 1957, Ngô Đình Diệm tuyên bố tại Oasintơn (Washington) "Biên giới Hoa Kì kéo dài đến vĩ tuyến 17".

? *– Mĩ – Diệm đã có những âm mưu và hành động phá hoại Hiệp định Giơnevơ như thế nào ?*

2. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong thời kì mới

Trong tình hình đất nước tạm thời bị các thế lực đế quốc bên ngoài (Mĩ) câu kết với bọn phản động trong nước (Diệm) chia cắt làm hai miền, Đảng và Chính phủ đã đề ra cho cách mạng mỗi miền những nhiệm vụ chiến lược phù hợp với đặc điểm tình hình và yêu cầu của cách mạng từng miền, nhằm chấm dứt tình trạng đất nước bị chia cắt.

Ở miền Bắc, sau khi kháng chiến chống Pháp kết thúc, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân căn bản hoàn thành, Đảng chủ trương chuyển sang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trước khi bắt đầu những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Bắc phải trải qua giai đoạn hoàn thành cải cách ruộng đất, đấu tranh để tiếp quản miền Bắc, hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế. Trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, có giai đoạn Mĩ mở rộng hoạt động ném bom bắn phá, nên miền Bắc phải kết hợp cả với cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại nhằm bảo vệ miền Bắc và phối hợp với cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam. Cách mạng xã hội chủ nghĩa còn nhằm xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa cách mạng của cả nước và hậu phương của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc.

Ở miền Nam, do vẫn còn dưới ách thống trị của đế quốc (từ đế quốc Pháp chuyển sang đế quốc Mĩ) và tay sai (từ tay sai của Pháp chuyển sang tay sai của Mĩ), Đảng và Chính phủ chủ trương tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Mở đầu thời kì, ta đấu tranh đòi Mĩ – Diệm thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ 1954 về Việt Nam. Trong quá trình diễn biến, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân phát triển thành cuộc chiến tranh nhân dân, chiến tranh

giải phóng chống chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ, nhằm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, phối hợp với cuộc chiến đấu của nhân dân hai nước Lào và Campuchia.

Nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng mỗi miền, xét cho cùng cũng là nhiệm vụ, mục tiêu chung của cách mạng cả nước, là đều phải đánh Mĩ và tay sai của chúng, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất Tổ quốc, tạo điều kiện để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nhiệm vụ thiêng liêng của cả nước – nhiệm vụ *chống Mĩ cứu nước.* Cách mạng nước ta còn nhằm góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Trong việc thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu chung, cách mạng mỗi miền có vị trí và vai trò khác nhau. Miền Bắc là hậu phương nên cách mạng có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng cả nước, đối với sự nghiệp thống nhất đất nước. Miền Nam là tiền tuyến nên cách mạng có vai trò quyết định trực tiếp trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và tay sai của chúng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

thuongmaitr

Hậu phương và tiền tuyến, cách mạng hai miền Bắc Nam do đó có quan hệ gắn bó với nhau, phối hợp với nhau, tác động qua lại và thúc đẩy lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển. Thắng lợi giành được ở mỗi miền là thắng lợi chung của cách mạng hai miền, của sự nghiệp chống Mĩ cứu nước của toàn dân tộc.

?

1. *Cách mạng từng miền Bắc – Nam có yêu cầu, nhiệm vụ gì ? Giữa cách mạng hai miền có mối quan hệ như thế nào ?*
2. *Tại sao Đảng chủ trương tiến hành đồng thời ở hai miền Bắc – Nam hai chiến lược cách mạng khác nhau trong thời kì 1954 – 1975 ? Nội dung và ý nghĩa của chủ trương đó là gì ?*

Bài 13

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN Ở MIỀN NAM (1954 - 1965)

I - MIỀN BẮC HOÀN THÀNH CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT VÀ KHÔI PHỤC KINH TẾ, CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1954 - 1960)

1. Thực trạng kinh tế - xã hội miền Bắc sau 1954

Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, nhưng phải chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh và chế độ thực dân phong kiến. Kinh tế miền Bắc vốn đã lạc hậu bị chiến tranh tàn phá nên càng tiêu điều.

Trong các vùng nông thôn mới giải phóng, do hậu quả của những cuộc càn quét, dồn dân lập vành đai trắng của địch, nhiều ruộng đất bị bỏ hoang hóa, đê đập bị phá hoại, trâu bò bị giết hại. Tình trạng chung ở nông thôn là nhân công, sức kéo, nông cụ thiếu nghiêm trọng, kĩ thuật canh tác hết sức lạc hậu, đời sống nhân dân thấp kém.

uongxua.vn

Trong các thành phố, thị xã vốn trước đây là nơi tập trung đông thương nhân, mang tính chất thành phố, thị xã tiêu thụ là chủ yếu, sản xuất chỉ chiếm vị trí thứ yếu và hết sức ít ỏi, cơ sở kinh tế nhỏ bé. Nhiều cơ sở công nghiệp, nhiều nhà máy, xí nghiệp (như mỏ than Hòn Gai, nhà máy xi măng Hải Phòng, dệt Nam Định, điện Hà Nội ...) bị địch tháo gỡ hoặc phá hoại khi rút đi, nên không hoạt động được nữa hoặc chỉ hoạt động cầm chừng. Tình hình đó đã làm cho nhiều công nhân thất nghiệp, đời sống gặp khó khăn.

Tại các vùng tự do cũ, tuy nông nghiệp và công nghiệp được chú ý phát triển, nhưng quy mô vẫn rất nhỏ bé, kĩ thuật còn lạc hậu.

Cuộc cải cách ruộng đất bắt đầu từ cuối 1953 cũng chỉ mới tiến hành ở một số địa phương thuộc vùng tự do. Chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến vẫn còn phổ biến.

Trong tình hình đó, Đảng và Nhà nước chủ trương đẩy mạnh cuộc vận động cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, nhằm củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc sang giai đoạn cách mạng mới.

?

– Trong những năm đầu sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, cách mạng miền Bắc có những khó khăn gì ?

2. Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế (1954 - 1957)

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh cuộc vận động cải cách ruộng đất, trong hơn 2 năm (1954 – 1956), miền Bắc tiến hành tiếp 4 đợt còn lại (từ đợt 2 đến đợt 5), tổng cộng 3653 xã.

Tính chung toàn bộ 5 đợt cải cách ruộng đất (kể cả đợt 1 trong kháng chiến), cách mạng đã lấy từ tay địa chủ hơn 81 vạn hécta ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 2 triệu nông cụ đem chia cho nông dân nghèo, thực hiện triệt để khẩu hiệu "Người cày có ruộng". Thắng lợi quan trọng là ta đã đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ phong kiến, giải phóng hoàn toàn giai cấp nông dân khỏi ách áp bức bóc lột của chúng, đưa nông dân lên địa vị người chủ ở nông thôn.

Trong quá trình thực hiện cải cách ruộng đất, chúng ta cũng đã phạm một số sai lầm, như đấu tố cả những địa chủ kháng chiến, những người thuộc tầng lớp trên có công với cách mạng, quy nhầm thành địa chủ một số nông dân, cán bộ, bộ đội, đảng viên... Sai lầm còn thể hiện trong phương pháp là đấu tố tràn lan thô bạo, thiếu phân biệt đối xử.

Nhưng những sai lầm khuyết điểm đó được Đảng và Chính phủ phát hiện và có chủ trương, biện pháp khắc phục, sửa chữa ngay khi kết thúc cải cách. Công tác sửa sai được tiến hành trong cả năm 1957. Nhờ đó mà hậu quả của sai lầm, khuyết điểm vốn rất lớn, rất nghiêm trọng thuộc "tả khuynh" đã được hạn chế nhiều và ý nghĩa thắng lợi của cuộc cải cách ruộng đất vẫn hết sức to lớn. Bộ mặt nông thôn miền Bắc sau cải cách và sửa sai đã thay đổi hẳn, khối công nông liên minh được củng cố vững chắc, góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế.

Công cuộc khôi phục kinh tế đã được toàn dân tích cực tham gia hưởng ứng và triển khai trong tất cả các ngành.

Trong nông nghiệp, nông dân hăng hái khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, bảo đảm cày cấy hết ruộng đất của đồng bào bị cưỡng ép di cư vào Nam, tăng thêm đàn trâu bò, sắm thêm nông cụ. Nhiều đập nước (như các đập Bái Thượng, Đô Lương, Thác Huống...), nhiều đoạn đê điều bị địch phá trong kháng chiến được sửa chữa. Nhờ những cố gắng đó,

đến cuối 1957, sản lượng nông nghiệp tăng vượt mức trước chiến tranh. Nạn đói có tính chất kinh niên ở miền Bắc căn bản được giải quyết.

Hình 17 – Nông dân hăng hái sản xuất

Trong công nghiệp, giai cấp công nhân với tinh thần dựa vào sức mình là chính, kết hợp với sử dụng có hiệu quả viện trợ của các nước anh em đã nhanh chóng khôi phục và mở rộng hầu hết các cơ sở công nghiệp, các nhà máy, xí nghiệp quan trọng (như mỏ than Hòn Gai, nhà máy xi măng Hải Phòng, dệt Nam Định, điện Hà Nội...), xây dựng thêm một số nhà máy (cơ khí Hà Nội, diêm Thống Nhất, gỗ Cầu Đuống, thuốc lá Thăng Long, cá hộp Hải Phòng, chè Phú Thọ...). Đến cuối 1957, miền Bắc có tất cả 97 nhà máy, xí nghiệp do Nhà nước quản lí.

Trong giao thông vận tải, đã khôi phục gần 700 kilômét đường sắt, quan trọng nhất là tuyến đường sắt Hà Nội – Lạng Sơn ; sửa chữa và làm mới hàng nghìn kilômét đường ôtô ; xây dựng lại và mở rộng thêm nhiều bến cảng (Hải Phòng, Hòn Gai, Cẩm Phả, Bến Thủy...) Đường hàng không dân dụng quốc tế được khai thông.

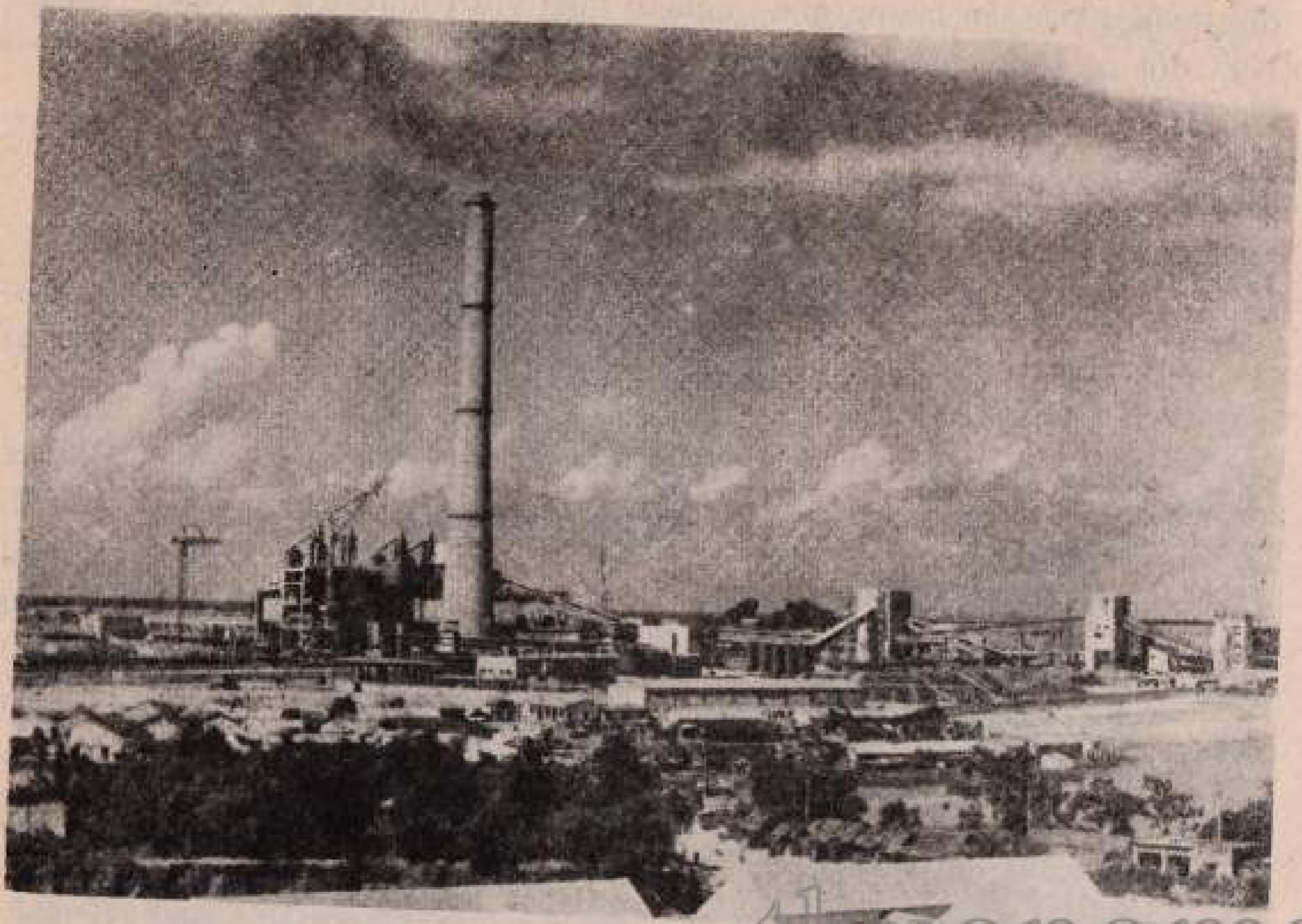

Hình 18 – Nhà máy, xí nghiệp được xây dựng

thuongmaitr

Các ngành thủ công nghiệp, thương nghiệp cũng được nhanh chóng phục hồi.

Ngoài ra, Đảng và Nhà nước còn có những chủ trương, biện pháp nhằm củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, tăng cường khả năng phòng thủ đất nước, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, mở rộng quan hệ ngoại giao.

?

– *Trong cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế, miền Bắc đã đạt được những thành tựu chủ yếu gì ?*

– *Sai lầm trong cải cách ruộng đất thể hiện như thế nào và được sửa chữa ra sao ?*

3. Cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa (1958 - 1960)

Sau 3 năm hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, kinh tế miền Bắc căn bản vẫn là nền kinh tế nông nghiệp phân tán, lạc hậu, công nghiệp nhỏ bé, tồn tại nhiều thành phần.

Trong 3 năm tiếp (1958 – 1960), Đảng và Chính phủ đề ra chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ, công thương nghiệp tư bản tư doanh, khâu chính là hợp tác hóa nông nghiệp. Đồng thời với nhiệm vụ cải tạo, lại có chủ trương phát triển thành phần kinh tế quốc doanh làm lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Chủ trương của Đảng và Chính phủ được cụ thể hóa trong "Kế hoạch 3 năm cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa" (1958 – 1960).

Thực hiện kế hoạch, khắp nơi từ nông thôn đến thành thị trên miền Bắc đều sôi nổi phong trào thi đua, vận động xây dựng hợp tác xã. Kết quả là đến cuối 1960, miền Bắc có hơn 85% hộ nông dân với 68% ruộng đất vào hợp tác xã nông nghiệp, có 87,9% số thợ thủ công và 45% số người buôn bán nhỏ vào hợp tác xã. Một bộ phận thương nhân được chuyển sang sản xuất hoặc chuyển thành mậu dịch viên.

Đối với giai cấp tư sản dân tộc, Đảng và Nhà nước chủ trương cải tạo họ bằng phương pháp hòa bình, nhằm sử dụng mặt tích cực của họ vào phục vụ nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Đến cuối 1960, có hơn 97% số hộ tư sản vào công tư hợp doanh.

Kết quả của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa có tác dụng tích cực là đã xóa bỏ về cơ bản chế độ người bóc lột người, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển ; nhất là trong điều kiện chiến tranh, hợp tác xã sản xuất đã bảo đảm những điều kiện vật chất, tinh thần, chính trị cho bộ phận tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Nhưng trong cải tạo, chúng ta đã phạm một số sai lầm như đã đồng nhất cải tạo với xóa bỏ tư hữu các thành phần kinh tế cá thể, đó là do không nắm vững các quy luật kinh tế của thời kì quá độ ; còn thể hiện tư tưởng chủ quan, nóng vội, muốn xóa bỏ nhanh chóng, dứt điểm theo kiểu "chiến dịch" nên dẫn đến vi phạm nguyên tắc tự nguyện, đã không phát huy đầy đủ tính chủ động sáng tạo của quần chúng, không tạo ra được một động lực thật mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển năng động của nền kinh tế xã hội.

Đồng thời với nhiệm vụ cải tạo là nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế, phát triển văn hóa. Trong phát triển kinh tế, mà trọng tâm là

uongxua.vn

phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, miền Bắc đạt được một số thành tựu đáng kể. Từ 97 xí nghiệp công nghiệp quốc doanh trong năm 1957, đến năm 1960, đã có 172 xí nghiệp do trung ương quản lí và trên 500 cơ sở do địa phương quản lí. Sản lượng công nghiệp quốc doanh năm 1955 chỉ chiếm 10,8% tổng sản lượng công nghiệp, nhưng đến 1960 tỉ lệ đó đã tăng lên 89,9%.

Những tiến bộ về mặt kinh tế đã tạo điều kiện cho sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế phát triển. Đến cuối 1960, chúng ta đã căn bản xóa xong nạn mù chữ ở miền xuôi cho những người dưới 50 tuổi. Hệ thống giáo dục phổ thông được hoàn chỉnh và mở rộng với số học sinh tăng 80% so với năm 1957. Toàn miền Bắc có 9 trường đại học với trên 11 000 sinh viên (gấp 2 lần so với năm 1957). Cơ sở y tế (gồm bệnh viện, bệnh xá, trạm y tế, hộ sinh xã) năm 1960 tăng hơn 11 lần so với năm 1955 (từ 316 tăng lên 3673). Đời sống văn hóa, trình độ hiểu biết của các tầng lớp nhân dân cũng được nâng lên.

Những thành tựu đạt được trong thực hiện kế hoạch 3 năm cùng với những thay đổi lớn của miền Bắc sau hai kế hoạch 3 năm (1954 – 1960) được phản ánh tập trung trong bản Hiến pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa công bố ngày 1 – 1 – 1960.

thuongmait

?

- *Chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có mặt tích cực và hạn chế gì ? Nguyên nhân của những hạn chế ?*
- *Sau khi thực hiện hai kế hoạch 3 năm (1954 – 1960) : hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa, bộ mặt xã hội miền Bắc đã có những thay đổi như thế nào ?*

II - MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG CHẾ ĐỘ MĨ-DIỆM, CỦNG CỐ HÒA BÌNH TIẾN TỚI CUỘC "ĐỒNG KHỞI" (1954 - 1960)

1. Chế độ Mĩ - Diệm ở miền Nam Việt Nam

Sau thất bại của quân Pháp ở Điện Biên Phủ, khi thấy trước không thực hiện được âm mưu kéo dài, mở rộng và quốc tế hóa cuộc chiến tranh Đông Dương, không ngăn được việc kí kết Hiệp định Giơnevơ

về Đông Dương, đế quốc Mĩ dưới thời Aixenhao ra sức thực hiện "lấp chỗ trống" ở miền Nam Việt Nam.

Tướng Côlin được cử làm đại sứ ở miền Nam Việt Nam, tháng 11 – 1954, mang theo kế hoạch được vạch ra ở Oasintơn gồm 6 điểm chủ yếu :

– Hất cẳng Pháp và các lực lượng thân Pháp để độc chiếm miền Nam Việt Nam.

– Tiêu diệt lực lượng cách mạng, phá hoại Hiệp định Giơnevơ, chia cắt Việt Nam.

– Giúp Diệm xây dựng chính quyền hợp pháp, hợp hiến đứng được trên thế ba chân chính trị, kinh tế, quân sự.

– Giúp Diệm xây dựng quân đội quốc gia gồm cả về trang bị và huấn luyện.

– Thực hiện nhiều cải cách kinh tế nhằm biến miền Nam Việt Nam thành thị trường tiêu thụ.

– Dành ưu tiên cho hàng hóa và vốn đầu tư của Mĩ vào phát triển kinh tế miền Nam.

uongxua.vn

Thông qua chính quyền và quân đội tay sai, đế quốc Mĩ thực hiện ý đồ biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, rồi dùng miền Nam Việt Nam làm bàn đạp tiến công miền Bắc, ngăn chặn làn sóng cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa tại khu vực Đông Nam Á.

Về phía Diệm, vừa lên nắm quyền, y liền tập hợp tay chân dựng lên một chính quyền độc tài, gia đình trị, thân đế quốc Mĩ, đối lập với nhân dân, chống lại cách mạng.

Giữa năm 1954, Diệm lập ra "Đảng cần lao nhân vị" là đảng cầm quyền do em trai là Ngô Đình Nhu đứng đầu. Cuối năm 1954, chúng tổ chức "Phong trào cách mạng quốc gia" do Trần Chánh Thành đứng đầu, nêu "chương trình cách mạng" với nội dung nhằm "chống cộng", "đả thực", "bài phong". "Chống cộng" thực chất là chống các lực lượng cách mạng, chống nhân dân miền Nam ; "đả thực" là gạt hết quân Pháp để Mĩ giữ quyền độc chiếm miền Nam Việt Nam ; "bài phong" là phế truất Bảo Đại để Diệm thay làm tổng thống thâu tóm mọi quyền lực ở miền Nam Việt Nam.

Từ năm 1955, khi đã đứng được ở miền Nam Việt Nam, thấy rõ cộng sản là một hiểm họa đối với chúng, tập đoàn Ngô Đình Diệm mở chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" trên toàn miền Nam và coi đây là một "quốc sách". Chúng tổ chức hàng loạt cuộc vây bắt, tàn sát, bỏ tù những người kháng chiến cũ, những người đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước và cả những người không ăn cánh với chúng. Với phương châm "tiêu diệt cộng sản không thương tiếc", "thà giết nhầm còn hơn bỏ sót", Mĩ – Diệm dùng những hình thức giết người man rợ thời trung cổ, như thiêu hoặc chôn sống, thả trôi sông, mổ bụng, moi gan ..., kết hợp với những phương pháp cực hình hiện đại, hòng làm nhụt ý chí đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam.

Mĩ – Diệm còn thực hiện chương trình "cải cách điền địa" nhằm lấy lại ruộng đất mà cách mạng đã giao cho nông dân, lập ra các "khu dinh điền", "khu trù mật" vừa là tổ chức mang tính chất kinh tế nhằm bóc lột nông dân, vừa là tổ chức chính trị – quân sự để kìm kẹp, khống chế nông dân nhằm tách họ khỏi cách mạng.

Bản chất của chính quyền Mĩ – Diệm còn lộ rõ trong một loạt hành động chống nhân dân. Tiêu biểu có vụ tàn sát ở Chợ Được (Quảng Nam) làm 39 người chết, 37 người bị thương ngày 4 – 9 – 1954 ; vụ trả thù những người kháng chiến cũ ở xã Vĩnh Trinh (huyện Duy Xuyên, Quảng Nam) ngày 21 – 1 – 1955 ; vụ triệt hạ ở Hướng Điền (Quảng Trị) tháng 7 – 1955 ; vụ đầu độc một lúc 6000 người yêu nước, làm chết hơn 1000 người ở nhà giam Phú Lợi (Sài Gòn) ngày 1 – 12 – 1958.

thuongmait

Hành động tội ác của Mĩ – Diệm ngày càng tăng làm cho nhân dân ta ở miền Nam không chịu được nữa, phải đứng lên đấu tranh.

? *– Mĩ – Diệm đã có âm mưu và hành động gì để phá hoại Hiệp định Giơnevơ, tiến hành xâm lược miền Nam Việt Nam ?*

2. Đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, củng cố hòa bình

Ngay từ năm 1954, do nhận rõ : "Đế quốc Mĩ là trở lực chính ngăn cản việc lập lại hòa bình ở Đông Dương", và chúng "hiện đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương"(1), Trung ương Đảng

(1) Nghị quyết Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ 6 (Khóa II) họp từ ngày 15 đến ngày 17 – 7 – 1954.

đề ra cho cách mạng miền Nam nhiệm vụ chuyển cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp trước đó sang đấu tranh chính trị chống Mĩ – Diệm, đòi chúng thi hành Hiệp định Giơnevơ 1954 để củng cố hòa bình, giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng.

Trong tháng 8– 1954, "Phong trào hòa bình" của trí thức và các tầng lớp nhân dân ra đời tại Sài Gòn – Chợ Lớn. Phong trào tổ chức nhiều cuộc mít tinh, hội họp để chào mừng ngày hội đất nước và đưa yêu cầu đòi chính quyền thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ.

"Phong trào hòa bình" Sài Gòn – Chợ Lớn chẳng bao lâu sau đó bị kẻ địch khủng bố, đàn áp. Nhưng chúng không thể ngăn cản được, mà ngược lại, phong trào đấu tranh vì mục tiêu hòa bình của các tầng lớp nhân dân tiếp tục dâng cao, lan rộng từ thành thị đến nông thôn, tiêu biểu là ở các thành phố lớn Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng... chuẩn bị cho cao trào cách mạng mới.

Mục tiêu phong trào được mở rộng, hình thức đấu tranh có những thay đổi cho phù hợp với tình hình mới do Mĩ – Diệm gây ra. Đấu tranh vừa đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước, chống trò hề "trưng cầu dân ý", "bầu cử quốc hội"... của Diệm, vừa chống địch khủng bố đàn áp, chống chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" của chúng, đòi các quyền tự do, dân sinh dân chủ. Đấu tranh giữ gìn kết hợp với xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng. Hình thức đấu tranh từ đấu tranh chính trị, hòa bình chuyển sang đấu tranh vũ trang tự vệ, rồi dùng bạo lực cách mạng.

? – *Phong trào đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm của nhân dân miền Nam trong những năm đầu sau Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương đã diễn ra như thế nào ?*

3. Phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960)

Việc Mĩ – Diệm trong những năm 1957 – 1959 mở rộng chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", tăng cường khủng bố, đàn áp, ra sắc lệnh đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật, ra đạo luật 10–59 (tháng 5–1959) lê máy chém khắp miền Nam giết hại những người vô tội... chứng tỏ chúng không mạnh, ngược lại chỉ chứng tỏ sự suy yếu, cô lập của chúng. Phong trào đấu tranh của quần chúng bị kẻ địch khủng bố,

đàn áp dữ dội, cách mạng bị tổn thất nặng nề. Nhiều cơ sở cách mạng bị vỡ lở. Nhiều cán bộ đảng viên, quần chúng bị bắt bớ, giam cầm, giết hại. Nhưng không sức mạnh nào có thể dập tắt được phong trào đấu tranh của quần chúng, không thủ đoạn gì có thể làm nhụt ý chí cách mạng của họ. Trái lại, chính những chính sách tàn bạo, độc tài, phát xít, thân đế quốc Mĩ của Ngô Đình Diệm, đã làm nảy sinh phong trào quần chúng, làm cho phong trào trở thành những cơn bão táp cách mạng.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 (đầu 1959), trên cơ sở nhận định tình hình miền Nam dưới chế độ Mĩ – Diệm đã xác định con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.

Hình 19 – Nhân dân xã Phú Mĩ Hưng (Củ Chi) vùng lên diệt tề, phá thế kìm kẹp

Có nghị quyết của Đảng soi sáng, phong trào nổi dậy của quần chúng từ chỗ lẻ tẻ ở từng địa phương, như cuộc nổi dậy Bác Ái (2 – 1959), Trà Bồng (8 – 1959) ở Quảng Ngãi đã lan rộng ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng với cuộc "Đồng khởi", tiêu biểu có phong trào nổi dậy ở Bến Tre.

Ngày 17 – 1 – 1960, dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy Bến Tre, nhân dân các xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh thuộc huyện Mỏ Cày, với gậy gộc, giáo mác, súng ống đủ loại, đồng loạt nổi dậy đánh đồn bốt, diệt ác ôn, giải tán chính quyền địch, tạo thế uy hiếp chúng. Từ ba xã điểm, cuộc nổi dậy lan nhanh ra toàn huyện Mỏ Cày và tỉnh Bến Tre. Quân khởi nghĩa đã phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị và hệ thống kìm kẹp của địch ở thôn xã. Ở những nơi đó, ủy ban nhân dân tự quản được thành lập, lực lượng vũ trang nhân dân hình thành và phát triển, ruộng đất của bọn địa chủ cường hào bị tịch thu đem chia cho dân cày nghèo.

Từ Bến Tre, phong trào "Đồng khởi" như nước vỡ bờ lan khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi miền Trung Trung Bộ. Tính đến cuối 1960, tại các tỉnh Nam Bộ, cách mạng đã làm chủ 600 trong tổng số 1298 xã, trong đó có 116 xã hoàn toàn giải phóng. Ở các tỉnh đồng bằng ven biển Trung Bộ, có 904 trong tổng số 3829 thôn được giải phóng. Còn ở Tây Nguyên thì có tới 3200 trong tổng số 5721 thôn không còn chính quyền ngụy.

Cuộc "Đồng khởi" đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, đã tác động mạnh mẽ làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

Đối với ta, "Đồng khởi" thắng lợi đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Từ trong khí thế đó, ngày 20-12-1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời. Mặt trận chủ trương : đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mĩ xâm lược và tay sai Ngô Đình Diệm, thành lập chính quyền liên minh dân tộc dân chủ rộng rãi ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, giữ vững hòa bình, thi hành chính sách trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

xuongxua.vn

?

– Cuộc "Đồng khởi" (1959 – 1960) nổ ra trong điều kiện lịch sử nào, và thắng lợi của "Đồng khởi" có ý nghĩa gì ?

– Tại sao lại nói từ sau phong trào "Đồng khởi", chế độ Mĩ – Diệm lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy yếu, kế hoạch bình định hoàn toàn miền Nam và tiến công xâm chiếm miền Bắc của chúng không thực hiện được ?

III - ĐẠI HỘI TOÀN QUỐC LẦN THỨ III CỦA ĐẢNG, MIỀN BẮC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961 - 1965)

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam.

Giữa lúc cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giành thắng lợi to lớn trong việc thực hiện nhiệm vụ cải tạo và phát triển kinh tế,

Hình 20 – Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III Đảng LĐVN

thuongmaitr

cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có bước chuyển biến nhảy vọt từ "Đồng khởi" cuối 1959 đầu 1960, Đảng Lao động Việt Nam họp Đại hội toàn quốc lần thứ III tại thủ đô Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 12 – 9 – 1960. Tham gia đại hội gồm 525 đại biểu chính thức, 51 đại biểu dự khuyết thay mặt hơn 50 vạn đảng viên trong cả nước. Hồ Chí Minh được bầu lại làm chủ tịch Đảng và Lê Duẩn được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Trong lời khai mạc Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ Đại hội lần này là "Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà".

Phân tích đặc điểm tình hình đất nước ta tạm thời bị chia cắt làm hai miền dưới hai chế độ chính trị, xã hội khác nhau, Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng xác định nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước trong giai đoạn hiện tại là : "Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới"(1).

Đảng đồng thời xác định nhiệm vụ của cách mạng từng miền Bắc – Nam. Nhiệm vụ cách mạng miền Bắc thuộc *chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa*. Nhiệm vụ cách mạng miền Nam thuộc *chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*. Song cách mạng hai miền đều có mục tiêu chung là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, và đều nhằm giải quyết mâu thuẫn tồn tại trong phạm vi cả nước là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với đế quốc Mĩ xâm lược cùng bè lũ tay sai của chúng.

Trong việc thực hiện mục tiêu chung và giải quyết mâu thuẫn chung đó, nhiệm vụ cách mạng mỗi miền có vai trò, vị trí riêng. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có "nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà". Còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam

---

(1) Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng LĐVN (12 – 9 – 1960).

có "tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mĩ và bè lũ tay sai"(1).

Đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và những đặc điểm của xã hội miền Bắc, mà đặc điểm lớn nhất là từ một nền sản xuất nhỏ, kinh tế nông nghiệp lạc hậu không qua tư bản chủ nghĩa, Đại hội đề ra đường lối chung của cả thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đường lối chung cũng đã được Đại hội cụ thể hóa trong kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), kế hoạch nhằm "thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa"(2).

?

– Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng họp trong hoàn cảnh lịch sử như thế nào ?

– Nội dung và ý nghĩa của Đại hội đó ?

2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất

Phương hướng, nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất là ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động, củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự an ninh xã hội.

Đó là kế hoạch nhằm tiến công vào nghèo nàn, lạc hậu, nên có tác dụng cổ vũ toàn đảng, toàn dân ta hăng hái lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội, ra sức củng cố quốc phòng, làm nghĩa vụ hậu phương. Trong các ngành, các giới dấy lên phong trào thi đua yêu nước, phấn đấu đạt và vượt các lá cờ đầu. Trong nông nghiệp có phong trào thi đua "Đại Phong" ; công nghiệp có "Duyên Hải" ; thủ công nghiệp có "Thành Công" ; quân đội có "Ba nhất" ; giáo dục có "Hai tốt" ; chung cho các ngành các giới có phong trào thi đua đạt danh hiệu tổ, đội "lao động xã hội chủ nghĩa".

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965), do Đảng chủ trương chuyển sang lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm,

---

(1) *Các Đại hội Đảng ta* (1930 – 1986). NXB Sự thật, H.N. 1991, tr. 63 – 64.

(2) *Các Đại hội Đảng ta*, Sđd, tr. 65.

thuongmaitr

nên Nhà nước đã tăng đầu tư vốn cho xây dựng kinh tế gấp ba lần so với thời kì khôi phục kinh tế, chiếm 61,2% trong tổng số chi ngân sách Nhà nước.

Nông nghiệp được coi là cơ sở của công nghiệp. Nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng và phát triển nông trường, lâm trường quốc doanh, trại thí nghiệm nghiên cứu cây trồng và chăn nuôi v.v.. Người nông dân mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học, kĩ thuật. Tỉ lệ sử dụng cơ khí trong nông nghiệp tăng lên. Diện tích nước tưới mở rộng nhờ hệ thống thủy nông vừa và nhỏ phát triển. Về năng suất lúa, có nhiều hợp tác xã đạt 5 tấn trên 1 hécta, bình quân một vụ đạt 18,23 tạ trên 1 hécta (năm 1960 đạt 17,56 tạ). Trên 90% hộ nông dân vào hợp tác xã, trong đó 50% lên bậc cao.

Hình 21 – Máy cày thay thế sức trâu

Công nghiệp được Nhà nước ưu tiên đầu tư vốn để phát triển. Với nhiệt tình lao động hăng say, cần cù sáng tạo của giai cấp công nhân, có sự giúp đỡ to lớn về vốn, kĩ thuật của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, chúng ta đã đẩy mạnh tốc độ xây dựng hoặc xây dựng mới nhiều cơ sở công nghiệp, để đưa vào hoạt

động. Trong công nghiệp nặng có khu gang thép Thái Nguyên, có các nhà máy nhiệt điện Uông Bí, thủy điện Thác Bà, phân đạm Bắc Giang, Văn Điển, súp pe phốt phát Lâm Thao... Trong công nghiệp nhẹ có các khu công nghiệp nhẹ Việt Trì, Thượng Đình (Hà Nội), các nhà máy đường Vạn Điểm, Sông Lam, sứ Hải Dương, pin Văn Điển, dệt 8–3, dệt kim Đông Xuân... Công nghiệp quốc doanh chiếm tỉ trọng 93,1% trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp toàn miền Bắc, giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Ở các địa phương, có hàng trăm xí nghiệp công nghiệp cũng được xây dựng để hỗ trợ cho công nghiệp trung ương và giải quyết nhu cầu tại chỗ.

Trong thương nghiệp, thương nghiệp quốc doanh được Nhà nước ưu tiên phát triển nên đã chiếm lĩnh được thị trường, góp phần vào việc phát triển kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.

Trong giao thông vận tải, các mạng lưới đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển được củng cố, xây dựng hoàn chỉnh, đã phục vụ đắc lực cho yêu cầu giao lưu kinh tế và củng cố quốc phòng.

Các ngành văn hóa, giáo dục, y tế đều có bước phát triển và tiến bộ đáng kể. Đồng thời với nâng cao đời sống vật chất, ta từng bước nâng cao đời sống tinh thần, văn hóa của nhân dân. Chúng ta hết sức đề cao và chủ trương xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa nhằm phục vụ cuộc sống, phục vụ sản xuất và chiến đấu. Về giáo dục, năm học 1964 – 1965 so với năm học 1960 – 1961, số học sinh phổ thông tăng từ 1 899 000 lên 2 676 000, sinh viên đại học tăng từ 16700 lên 27000. Ngành y tế mở rộng mạng lưới đến tận huyện, xã. Ngành vừa phục vụ chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân, vừa bảo đảm yêu cầu đào tạo cán bộ y tế cho chiến trường và sẵn sàng chuyển mạng lưới y tế phù hợp với điều kiện thời chiến.

Quân đội nhân dân Việt Nam đã được xây dựng một bước thành quân đội chính quy và bước đầu được trang bị hiện đại, đủ sức bảo vệ vững chắc miền Bắc và đáp ứng yêu cầu của cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam.

Miền Bắc còn ra sức làm nghĩa vụ hậu phương chi viện cho miền Nam. Trong 5 năm (1961 – 1965), một khối lượng lớn vật chất bao gồm vũ khí, đạn dược, thuốc men... được chuyển vào các chiến trường. Ngày

càng có nhiều đơn vị vũ trang, có nhiều cán bộ quân sự, chính trị, văn hóa, y tế, giáo dục được huấn luyện rồi lần lượt đưa vào chiến trường tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, tham gia xây dựng vùng giải phóng.

Tại Hội nghị Chính trị đặc biệt (3-1964), Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Trong 10 năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới".

Trong quá trình thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất, chúng ta đã phạm một số sai lầm do tư tưởng giáo điều, chủ quan, nóng vội gây ra. Sai lầm về tư tưởng thể hiện trong việc đề ra phương châm tiến lên chủ nghĩa xã hội nhanh, mạnh, vững chắc ; đề ra nhiệm vụ ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, hiện đại hóa nền kinh tế vốn nhỏ bé, lạc hậu của ta, trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn, chưa có những tiền đề cần thiết ; trong việc đề ra mục tiêu, chỉ tiêu quá lớn và cao so với điều kiện hiện tại và với khả năng thực tế của ta. Sai lầm đó chậm được khắc phục, sửa chữa.

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đang thực hiện có kết quả thì bị gián đoạn bởi cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ bắt đầu ngày 5-8-1964 và mở rộng quy mô từ ngày 7 - 2 - 1965. Miền Bắc phải chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế cho phù hợp với điều kiện chiến tranh.

?

– *Trong thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, miền Bắc đã đạt được những thành tựu và có những hạn chế gì ?*

– *Miền Bắc trong hơn 10 năm (1954 – 1965) được củng cố có tác động như thế nào đến cuộc đấu tranh ở miền Nam ?*

IV - MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA MĨ (1961 - 1965)

1. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam

Sau "Đồng khởi" (1959 – 1960) ở miền Nam, quần chúng tiếp tục cuộc nổi dậy kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang chống Mĩ – ngụy. Trong khi đó, trên thế giới phong trào giải phóng dân tộc dấy lên mạnh mẽ, trực tiếp đe dọa hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa

đế quốc. Để đối phó lại, Kennơđi vừa lên nắm chính quyền ở Oasintơn (đầu 1961) đã đề ra chiến lược toàn cầu *"phản ứng linh hoạt"* và tiến hành chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam. Mĩ thực hiện thí điểm ở miền Nam chiến lược toàn cầu mới, đề ra chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

"Chiến tranh đặc biệt" là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống "cố vấn" quân sự Mĩ và dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta. Âm mưu cơ bản của "Chiến tranh đặc biệt" là "dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam".

Thực hiện kế hoạch chiến lược trên, Mĩ tăng nhanh viện trợ quân sự cho Diệm, đưa vào miền Nam số lượng ngày càng lớn "cố vấn" quân sự và lực lượng hỗ trợ chiến đấu. Số lượng đó tăng lên hàng năm : cuối 1960 có 1100 ; cuối 1962 có 11000 ; cuối 1964 có 26 000. Bộ chỉ huy quân sự Mĩ (MACV) được thành lập tại Sài Gòn ngày 8-2-1962 thay cho Đoàn cố vấn viện trợ quân sự (MAAG) thành lập năm 1950.

Về phía ngụy, chúng ra sức bắt lính, tăng nhanh lực lượng quân ngụy, từ 170000 (giữa 1961) lên 560000 (cuối 1964). Quân ngụy được trang bị hiện đại, sử dụng phổ biến các chiến thuật mới, như "trực thăng vận", "thiết xa vận".

Được sự hỗ trợ chiến đấu và chỉ huy của cố vấn Mĩ, quân ngụy liên tiếp mở nhiều cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, tiến hành nhiều hoạt động phá hoại miền Bắc, hoạt động kiểm soát, phong tỏa biên giới, vùng biển nhằm ngăn chặn sự thâm nhập của cộng sản vào miền Nam.

Dựa vào lực lượng quân sự và bằng những cuộc hành quân càn quét, Mĩ – ngụy ráo riết dồn dân, lập "Ấp chiến lược" (sau đó đổi là "Ấp tân sinh"). Chúng dự định dồn 10 triệu nông dân vào 16000 ấp trong tổng số 17000 ấp toàn miền Nam bằng những thủ đoạn cưỡng bức trắng trợn. Ấp lập đến đâu, địch giăng đồn bốt, bảo an, dân vệ, chính quyền đến đó để kìm kẹp. Nhân dân trong các "Ấp chiến lược" bị kiểm soát gắt gao, ngột ngạt như trong các trại tập trung. Mĩ – ngụy coi "Ấp chiến lược" là một "quốc sách" và lập "Ấp chiến lược" như một cuộc chiến tranh tổng lực nhằm đẩy lực lượng cách mạng ra khỏi các xã, ấp, tách dân khỏi cách mạng, tiến tới nắm dân, thực hiện chương trình "bình định"" miền Nam.

Mĩ – ngụy dự định thực hiện những mục tiêu của "Chiến tranh đặc biệt", trọng tâm là mục tiêu "bình định" trong vòng 18 tháng bắt đầu từ giữa 1961 bằng *kế hoạch Stalây-Taylo*. Đến đầu 1964, khi 18 tháng đã qua, miền Nam vẫn chưa được "bình định", Mĩ đặt yêu cầu khiêm tốn : "bình định" miền Nam có trọng điểm trong thời hạn 2 năm bằng *kế hoạch Giônxơn - Mác Namara*.

? – *"Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ – ngụy ở miền Nam nhằm mục tiêu gì và đã diễn ra như thế nào ?*

2. Miền Nam chiến đấu chống "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ

Đáp ứng yêu cầu của cách mạng từ khởi nghĩa từng phần phát triển lên chiến tranh cách mạng chống "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ – ngụy, ngày 15 – 2 – 1961, các lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất thành Quân giải phóng miền Nam Việt Nam. Đây là sự kiện quan trọng tiếp sau sự kiện Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20 – 12 – 1960) và Trung ương Cục miền Nam Việt Nam thành lập (1 – 1961) thay cho xứ ủy Nam Bộ cũ.

uongxua.vn

Dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận do Đảng lãnh đạo, quân giải phóng miền Nam cùng với nhân dân đẩy mạnh đấu tranh chống Mĩ và tay sai, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, nổi dậy với tiến công trên cả ba vùng chiến lược, tiến công địch bằng cả ba mũi chính trị, quân sự và binh vận.

Năm 1962, quân giải phóng cùng với nhân dân liên tiếp đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của quân ngụy vào chiến khu D, căn cứ U Minh, Tây Ninh ... vào phía bắc và tây bắc Sài Gòn.

Trên mặt trận chống phá "bình định", cuộc đấu tranh giữa địch và ta diễn ra dai dẳng, giằng co nhau quyết liệt giữa lập và phá "Ấp chiến lược". Đến cuối 1962, mặc dầu Mĩ – ngụy đã huy động gần như toàn bộ quân vào nhiệm vụ càn quét, dồn dân, lập "Ấp chiến lược", chúng cũng chỉ thực hiện được một phần của kế hoạch bình định... Trên nửa tổng số ấp (8000) với gần 70% nông dân (6,5 triệu) toàn miền Nam vẫn còn do cách mạng kiểm soát.

Bước vào năm thứ ba của cuộc chiến đấu chống "Chiến tranh đặc biệt", quân dân miền Nam giành được thắng lợi vang dội trong trận Ấp

Bắc (Mĩ Tho) ngày 2-1-1963. Tại đây, lần đầu tiên với số quân ít hơn địch 10 lần, các chiến sĩ quân giải phóng cùng với nhân dân đánh bại cuộc hành quân càn quét của trên 2000 ngụy có cố vấn Mĩ chỉ huy, được pháo binh, máy bay lên thẳng, xe tăng, xe bọc thép yểm trợ. Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 450 địch (có 19 cố vấn Mĩ), bắn rơi 8 máy bay, bắn cháy 3 xe bọc thép M.113. Chiến thắng Ấp Bắc chứng minh khả năng quân dân miền Nam có thể đánh bại hoàn toàn "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ - ngụy. Sau trận Ấp Bắc, trên khắp miền Nam dấy lên phong trào "thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công".

Cuộc đấu tranh không chỉ diễn ra ở vùng rừng núi, nông thôn, đồng bằng, mà lan vào cả các đô thị lớn. Ngày 8-5-1963, hai vạn tăng ni, Phật tử Huế biểu tình phản đối việc chính quyền ngụy cấm treo cờ Phật. Diệm ra lệnh đàn áp làm hàng chục Phật tử chết và bị thương. Một làn sóng ủng hộ phong trào Phật tử Huế lan nhanh ra cả nước, mạnh nhất là ở Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn. Ngày 11-6-1963, tại một ngã tư đường phố Sài Gòn, Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối Diệm, đã gây xúc động mạnh trong nhân dân các đô thị. Ngày 16-6-1963, một cuộc biểu tình lớn của 70 vạn quần chúng Sài Gòn làm rung chuyển chế độ ngụy. Chính quyền Kennơđi thấy đó là một nguy cơ và ép Diệm dàn xếp. Nhưng chính quyền Diệm vẫn cứ gia tăng các cuộc đàn áp. Tình thế đã buộc Mĩ phải thay Diệm. Ngày 1-11-1963, Mĩ giật dây bọn tướng lĩnh ngụy do Dương Văn Minh cầm đầu làm đảo chính lật đổ anh em Diệm - Nhu với hi vọng ổn định tình hình để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược.

Đầu 1964, lên nắm chính quyền ở Oasintơn thay Kennơđi (bị ám sát ngày 22-11-1963), Giônxơn chuẩn y kế hoạch mới của Mác Namara (Bộ trưởng Quốc phòng Mĩ), kế hoạch đẩy mạnh hơn nữa "Chiến tranh đặc biệt", tăng hơn nữa vai trò của Mĩ trên chiến trường nhằm bình định miền Nam có trọng điểm trong thời hạn 2 năm (1964 - 1965).

Lợi dụng sự suy yếu và khủng hoảng của chế độ Mĩ - ngụy sau đảo chính Diệm - Nhu, quân dân miền Nam đẩy mạnh đấu tranh chống kế hoạch bình định mới của địch. Trong năm 1964 và đầu năm 1965, từng mảng lớn "ấp chiến lược" do địch lập nên bị phá và có

thuongmaitr

nhiều ấp sau đó đã trở thành làng chiến đấu. Nếu ở thời điểm giữa 1963, địch đạt tới đỉnh cao số "ấp chiến lược" lập được là 7512 và kiểm soát 9 triệu dân, thì cuối 1964 chúng chỉ còn 3300 ấp, và đến tháng 6–1965 tụt xuống mức thấp nhất là 2200 ấp với số dân không tới 5,5 triệu. Trong khi đó, vùng do Mặt trận kiểm soát ngày càng mở rộng, trở thành hậu phương trực tiếp và vững chắc của cách mạng. Tại vùng giải phóng, chính quyền cách mạng các cấp được thành lập, ruộng đất của bọn Việt gian bị tịch thu đem chia cho nông dân thiếu ruộng.

Phong trào đấu tranh chính trị trong các đô thị, nhất là trong các đô thị lớn Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế lên cao, càng làm rối loạn thêm hậu phương của địch. Phong trào càng dâng cao, càng thu hút nhiều người tham gia khi người thay Dương Văn Minh đứng đầu chính quyền là Nguyễn Khánh, ra những sắc lệnh phát xít mới, nhất là khi chính quyền nguỵ xử bắn người chiến sĩ biệt động thành Nguyễn Văn Trỗi (15–10–1964).

uongxua.vn

Phối hợp với đấu tranh chính trị, quân dân miền Đông Nam Bộ mở chiến dịch tiến công đông – xuân 1964 – 1965 với trận đánh mở màn vào ấp Bình Giã (Bà Rịa) ngày 2–12–1964. Kết thúc chiến dịch (sau gần 3 tháng) trên 1700 địch (có 60 cố vấn Mĩ) bị loại khỏi vòng chiến nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh bị phá hủy.

Với chiến thắng Bình Giã, quân dân miền Nam đã làm phá sản về cơ bản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ. Thừa thắng sau Bình Giã, quân dân miền Nam đẩy mạnh tiến công xuân – hè 1965 và đã giành thắng lợi trong nhiều chiến dịch : An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Biên Hòa).

?

1. Quân dân miền Nam đã chiến đấu chống cuộc "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ – nguỵ như thế nào ?

2. Cuộc đấu tranh của quân dân miền Nam nhằm chống lại âm mưu và hành động của Mĩ – nguỵ từ 1954 đến 1965 đã có tác động như thế nào đến việc bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa ?

Bài 14

NHÂN DÂN HAI MIỀN NAM BẮC TRỰC TIẾP ĐƯƠNG ĐẦU VỚI ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC (1965 - 1973)

I - MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA MĨ (1965 - 1968)

1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam

Từ tháng 3 – 1965, đứng trước nguy cơ phá sản hoàn toàn của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ ồ ạt đưa quân viễn chinh và quân chư hầu cùng với vũ khí, phương tiện chiến tranh vào miền Nam nhằm đẩy mạnh chiến tranh xâm lược, chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và mở rộng "Chiến tranh phá hoại" miền Bắc.

"Chiến tranh cục bộ" chính thức bắt đầu từ giữa 1965 là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới được tiến hành bằng lực lượng của quân viễn chinh Mĩ, quân chư hầu(1) và quân ngụy tay sai ở miền Nam, trong đó quân Mĩ giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

Lính Mĩ có mặt ở miền Nam cuối 1964 là 26000 tên, cuối 1965 tăng lên 200 000, đến cuối 1967, lên tới 537 000 tên. Đó là chưa kể 70000 hải quân và không quân trên các căn cứ Mĩ ở Guam, Philippin, Thái Lan và hạm đội 7 cũng sẵn sàng tham chiến ở miền Nam.

Ỷ vào ưu thế quân sự với quân đông, vũ khí hiện đại, hỏa lực mạnh, cơ động nhanh, Mĩ vừa mới vào miền Nam đã cho quân viễn chinh mở ngay cuộc hành quân "tìm diệt" mang tên "Ánh sáng sao" vào căn cứ của quân giải phóng ở Vạn Tường. Tiếp đó, Mĩ mở liền hai cuộc phản công chiến lược trong hai mùa khô(2) 1965 – 1966 và 1966 – 1967 bằng hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" vào "Đất thánh Việt cộng"(3).

---

(1) Chư hầu của Mĩ trong chiến tranh xâm lược miền Nam gồm 5 nước : Nam Triều Tiên (Hàn Quốc), Thái Lan, Philippin, Tân Tây Lan (Niu Dilân), Ôtxtrâylia.

(2) Khí hậu miền Nam có hai mùa trong năm : mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 ; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau (theo dương lịch)

(3) Tên bọn Mĩ và tay sai gọi vùng đất do cách mạng nắm giữ.

thuongmaitu

? – *Giữa hai chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ trong hai thời kì chiến tranh ở miền Nam có gì khác nhau và giống nhau ?*

2. Miền Nam chiến đấu chống "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ

Miền Nam chiến đấu chống "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ là chiến đấu chống lại một cuộc chiến tranh xâm lược được tăng cường và mở rộng với lực lượng quân đội mạnh, lúc cao nhất (năm 1968) lên hơn 1 triệu, gồm Mĩ, chư hầu và ngụy với vũ khí hiện đại.

Nhưng với ý chí không gì lay chuyển "quyết chiến, quyết thắng giặc Mĩ xâm lược", được sự phối hợp chiến đấu và chi viện ngày càng lớn của miền Bắc, quân dân ta ở miền Nam đã anh dũng chiến đấu và liên tiếp giành thắng lợi, với thắng lợi mở đầu ở Vạn Tường.

Mờ sáng 18 – 8 – 1965, sau khi chiếm đóng vùng Chu Lai (Quảng Nam), Mĩ huy động gần 9 000 quân, gồm phần lớn lính thủy đánh bộ, sử dụng cả hải, lục, không quân, với 6 tầu đổ bộ, 105 xe tăng và xe thiết giáp, 100 máy bay lên thẳng và 70 máy bay chiến đấu, mở cuộc hành quân vào thôn Vạn Tường (Quảng Ngãi) nhằm tìm kiếm một thắng lợi quân sự để gây thanh thế cho lính thủy đánh bộ Mĩ.

uongxua.vn

Sau một ngày chiến đấu, một trung đoàn chủ lực của ta lúc đó đang đóng ở Vạn Tường, cùng với quân du kích và nhân dân địa phương đã đẩy lùi cuộc hành quân của địch, diệt hơn 900 tên, bắn cháy 22 xe tăng và xe bọc thép, hạ 13 máy bay.

Vạn Tường được coi là "Ấp Bắc" đối với quân đội Mĩ, đã mở đầu cho cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, tìm ngụy mà diệt" trên khắp miền Nam.

Khả năng thắng Mĩ trong "Chiến tranh cục bộ" của quân dân ta được chứng minh trong chiến thắng Vạn Tường đã trở thành hiện thực trong hai mùa khô.

Bước vào mùa khô 1965 – 1966 khi trong tay có hơn 720000 quân, trong đó quân viễn chinh và quân chư hầu gần 220000, Mĩ mở cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất. Cuộc phản công bắt đầu từ tháng 1 – 1966 và kéo dài trong 4 tháng, với tất cả 450 cuộc hành quân lớn nhỏ, trong đó có 5 cuộc hành quân "tìm diệt" then chốt, nhằm vào hai hướng chiến lược chính là đồng bằng khu V và miền Đông Nam Bộ,

với mục tiêu là đánh bại chủ lực quân giải phóng, thực hiện cái gọi là "bẻ gãy xương sống Việt cộng", giành lại thế chủ động trên chiến trường.

Quân dân ta với thế trận chiến tranh nhân dân, với nhiều phương thức tác chiến khác nhau, đã chặn đánh địch trên mọi hướng, tiến công chúng khắp mọi nơi.

Trong mùa khô thứ nhất, quân dân ta loại khỏi vòng chiến đấu 67 000 địch, trong đó có 3,5 vạn quân Mĩ và chư hầu, bắn rơi và phá hủy 940 máy bay, phá hủy 600 xe tăng và xe bọc thép, 1310 ô tô.

Bước vào mùa khô 1966 – 1967, với lực lượng được tăng lên hơn 980 000 quân, trong đó Mĩ và chư hầu hơn 440 000, Mĩ mở cuộc hành quân chiến lược lần thứ hai, với tất cả 895 cuộc hành quân lớn nhỏ, trong đó có ba cuộc hành quân then chốt nhằm vào hướng chiến lược chính là miền Đông Nam Bộ. Cuộc hành quân Attonboro đánh vào chiến khu Dương Minh Châu (từ đầu tháng 11–1966 đến 24–11–1966). Cuộc hành quân Xêđaphôn đánh vào Trảng Bàng, Bến Súc, Củ Chi (từ 8 đến 26 – 1 – 1967). Cuộc hành quân Gianxơn Xity đánh vào chiến khu Dương Minh Châu (từ tháng 2 đến 19 – 4 – 1967). Ba cuộc hành quân trên, lớn nhất là cuộc hành quân Gianxơn Xity, nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta, tạo bước ngoặt trong chiến tranh.

Cùng với những cuộc chủ động tiến công địch trên chiến trường Trị – Thiên, đường 9 và các chiến trường khác, quân dân ta mở hàng loạt trận phản công đánh bại các cuộc hành quân của chúng. Ba cuộc hành quân lớn "tìm diệt" và "bình định" của Mĩ đều bị đánh tan.

Tổng hợp trong mùa khô thứ hai, trên toàn miền quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 175 000 địch trong đó có 76 000 tên Mĩ và chư hầu, bắn rơi và phá hủy 1800 máy bay, phá hủy 1627 xe tăng và xe bọc thép, 2 107 ôtô.

Ngoài ra, ở hầu khắp các vùng nông thôn, quần chúng nông dân, được sự hỗ trợ của các lực lượng vũ trang đã vùng lên đấu tranh chống ách kìm kẹp của địch, trừng trị bọn ác ôn, phá từng mảng lớn "Ấp chiến lược". Trong hầu hết các thành thị miền Nam, giai cấp công nhân, các tầng lớp lao động khác, học sinh, sinh viên, Phật tử, các binh sĩ ngụy đều nổi dậy đấu tranh đòi Mĩ rút về nước, đòi tự do dân chủ.

Vùng giải phóng vì vậy được mở rộng, uy tín của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế. Đến cuối 1967, Mặt trận có cơ quan thường trực ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa và ở một số nước thế giới thứ 3. Cương lĩnh của Mặt trận được 41 nước, 12 tổ chức quốc tế và 5 tổ chức có tính chất khu vực lên tiếng ủng hộ.

?

- *Trong trận Vạn Tường (8 – 1965) và trong hai mùa khô (1965 – 1966) và (1966 – 1967), quân dân ta đã giành được thắng lợi ra sao ?*
- *Ý nghĩa của từng thắng lợi ?*

3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt tết Mậu thân (1968)

Bước vào mùa xuân 1968, xuất phát từ nhận định so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô, đồng thời mong muốn lợi dụng mâu thuẫn ở Mĩ trong năm bầu cử tổng thống (1968), ta chủ trương mở một cuộc "tổng công kích, tổng khởi nghĩa" trên toàn miền Nam, chủ yếu vào các đô thị, nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân viễn chinh Mĩ, đánh sập ngụy quân, ngụy quyền, giành chính quyền về tay nhân dân, buộc Mĩ phải đàm phán để rút hết quân về nước.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy được mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược của quân chủ lực ta vào hầu khắp các đô thị trong đêm 30 rạng 31 – 1 (đêm giao thừa tết Mậu thân), là lúc địch có nhiều sơ hở và chủ quan nhất, đã diễn ra trong ba đợt : 30 tháng 1 – 25 tháng 2 ; 4 tháng 5 – 18 tháng 6 ; 17 tháng 8 – 23 tháng 9.

Quân dân ta trên khắp miền Nam đồng loạt tiến công và nổi dậy ở 37 trong tổng số 44 thị xã, 5 trong số 6 thành phố, hàng trăm thị trấn, quận lị và ở hầu khắp các "Ấp chiến lược", các vùng nông thôn.

Tại Sài Gòn, quân giải phóng tiến công tận các vị trí đầu não của địch, như tòa đại sứ Mĩ, dinh "Độc lập", Bộ tổng tham mưu ngụy, Bộ tư lệnh biệt khu thủ đô, Tổng nha cảnh sát, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất.

Trong đợt 1, không đầy hai tháng, quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 150 000 địch, trong đó có 43 000 Mĩ, phá hủy một khối lượng lớn vật chất và phương tiện chiến tranh của chúng.

Đó là đòn bất ngờ làm cho địch choáng váng. Nhưng do lực lượng địch còn đông (hơn nửa triệu Mĩ, gần 1 triệu ngụy), cơ sở ở thành thị mạnh, chúng nhanh chóng tổ chức được lực lượng phản công lại quân ta ở cả thành thị lẫn nông thôn. Vì vậy, trong đợt 2 và 3 của cuộc tổng tiến công và nổi dậy, lực lượng của ta gặp không ít khó khăn và tổn thất. Quân cách mạng vào chiếm giữ trong đợt 1 bị đẩy khỏi thành phố. Những người dân có cảm tình với cách mạng và ủng hộ quân giải phóng trước đó bị bắt, bị giết hại. Nhiều vùng nông thôn của ta trước đây, nay bị địch chiếm. Mục tiêu của cuộc tổng tiến công và nổi dậy không đạt được đầy đủ.

Có hạn chế đó là do ta chủ quan trong việc đánh giá cao lực lượng mình, đánh giá thấp lực lượng địch, do tư tưởng nóng vội muốn giành thắng lợi lớn, kết thúc chiến tranh nhanh ; chỉ đạo lại không chủ động, kịp thời điều chỉnh kế hoạch rút khỏi thành phố sau đợt 1 về giữ vùng nông thôn của ta để bảo toàn và củng cố lực lượng.

Mặc dầu vậy, ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy vẫn hết sức to lớn ; đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, làm lung lay ý chí xâm lược của quân viễn chinh Mĩ, buộc chúng phải tuyên bố "phi Mĩ hóa" chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của chiến tranh cục bộ), chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chịu đến hội nghị Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh xâm lược.

thuongmaitr

?

- *Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu thân (1968) của quân dân ta ở miền Nam đã diễn ra trong điều kiện lịch sử nào ? Thắng lợi và hạn chế ?*
- *Sau kết thúc cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu thân (1968) của quân dân ta, Mĩ bắt đầu xuống thang chiến tranh ở Việt Nam như thế nào ?*

II - MIỀN BẮC CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA MĨ, TIẾP TỤC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ LÀM NGHĨA VỤ HẬU PHƯƠNG LỚN (1965 - 1968)

1. Mĩ mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất

Cuối 1964 đầu 1965, đồng thời với đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam, Mĩ mở rộng chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc.

Ngày 5-8-1964, dựng lên "sự kiện vịnh Bắc Bộ", Mĩ cho máy bay ném bom, bắn phá một số nơi ở miền Bắc, như cửa sông Gianh, Vinh – Bến Thủy, Lạch Trường, thị xã Hòn Gai.

Ngày 7-2-1965, lấy cớ "trả đũa" việc quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại quân Mĩ ở Plâycu, Mĩ cho máy bay ném bom, bắn phá thị xã Đồng Hới, đảo Cồn Cỏ..., chính thức gây ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân lần thứ nhất đối với miền Bắc.

Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, Mĩ âm mưu : Phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc ; ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam ; uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mĩ của nhân dân ta ở cả hai miền đất nước.

Mĩ đã huy động một lực lượng không quân và hải quân rất lớn, gồm hàng ngàn máy bay tối tân thuộc 50 loại khác nhau, kể cả những loại mới nhất, như F111, B52, và với các loại vũ khí hiện đại.

Không quân và hải quân Mĩ tập trung đánh vào các mục tiêu quân sự, các đầu mối giao thông, các nhà máy, xí nghiệp hầm mỏ, các công trình thủy lợi, khu đông dân. Dã man hơn, chúng đánh cả trường học, nhà trẻ, bệnh viện, khu an dưỡng, đền, chùa, nhà thờ.

uongxua.vn

Máy bay, tàu chiến Mĩ ném bom, bắn phá liên tục, khắp mọi nơi, mọi lúc, trong mọi thời tiết, với cường độ ngày càng tăng. Trung bình mỗi ngày có 300 lần chiếc máy bay đi gây tội ác, với 1600 tấn bom đạn trút xuống các làng mạc, phố xá. Bom đạn của chúng đã cướp đi biết bao sinh mạng và gây thương tích cho bao nhiêu người khác. Bom đạn của chúng cũng đã tàn phá biết bao của cải, bao cơ sở kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải), bao công trình văn hóa, giáo dục, y tế mà nhân dân ta đã tạo nên trong hơn 10 năm trước đó(1). Mĩ đã gây ra ở miền Bắc nước ta biết bao tội ác mà "Trời không dung, đất không tha, người người đều căm giận".

? *– Mĩ đánh phá miền Bắc nước ta bằng những thủ đoạn nào ? Và nhằm những mục đích gì ?*

---

(1) 6 thành phố lớn (Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thái Nguyên, Việt Trì, Vinh) : 25 trong tổng số 30 thị xã của miền Bắc bị đánh phá nhiều lần, trong đó có 6 thị xã bị hủy diệt : Đồng Hới, Ninh Bình, Phủ Lí, Bắc Giang, Yên Bái, Sơn La. Có những thị trấn bị phá trụi, như Hà Tu (Quảng Ninh) và Hồ Xá (Vĩnh Linh).

2. Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, vừa chiến đấu vừa sản xuất

Ngay từ ngày đầu Mĩ mở rộng chiến tranh phá hoại, miền Bắc đã kịp thời chuyển mọi hoạt động cho phù hợp với hoàn cảnh mới, thực hiện quân sự hóa toàn dân, đào đắp công sự chiến đấu, hầm hào phòng tránh, tiến hành triệt để sơ tán, phân tán người và của khỏi những vùng trọng điểm, những nơi đông dân, để tránh thiệt hại lớn, bảo đảm đời sống ổn định.

Chống lại những hành động phá hoại của địch là nhiệm vụ của các lực lượng phòng không, không quân, của lực lượng hải quân, với vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại, và của cả lực lượng tự vệ, dân quân, của toàn dân, bất cứ trẻ già, trai gái, với vũ khí thông thường. Hễ địch đến là đánh. Ai không trực tiếp chiến đấu thì phục vụ chiến đấu. Khi bình thường thì toàn dân sản xuất.

Trong sản xuất, xây dựng kinh tế, ta chủ trương đẩy mạnh kinh tế địa phương, bao gồm công, nông nghiệp, giao thông vận tải, trong đó đặc biệt chú trọng phát triển nông nghiệp, là mặt trận ta có nhiều tiềm năng. Xây dựng kinh tế thời chiến theo hướng đó sẽ hạn chế được sự tàn phá của chiến tranh và tăng khả năng đảm bảo cho nhu cầu của cuộc chiến đấu tại chỗ và đời sống nhân dân từng địa phương.

Các mặt hoạt động khác của đời sống xã hội (như văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, văn học, nghệ thuật) cũng được chú trọng phát triển.

Trong chiến đấu và sản xuất, phong trào thi đua yêu nước chống Mĩ cứu nước dâng cao, thể hiện sáng ngời chân lí : "Không có gì quý hơn độc lập tự do". Các lực lượng vũ trang nhân dân nêu cao khẩu hiệu "Nhằm thẳng quân thù mà bắn", "Quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ xâm lược". Giai cấp công nhân nêu quyết tâm "Chắc tay súng, vững tay búa", phấn đấu đạt "3 điểm cao". Nông dân tập thể nêu quyết tâm "Chắc tay súng, vững tay cày", phấn đấu đạt "3 mục tiêu". Thanh niên có phong trào "Ba sẵn sàng", phụ nữ có phong trào "Ba đảm đang", giáo viên và học sinh có phong trào thi đua "Hai tốt", thiếu niên nhi đồng có phong trào "Làm nghìn việc tốt".

Qua phong trào thi đua yêu nước, quân dân ta ở miền Bắc đã tỏ rõ sức mạnh của một dân tộc có truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tỏ rõ tinh thần lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm và chủ

thuongmaitr

nghĩa anh hùng cách mạng, đã lập nên những chiến công hiển hách trong chiến đấu, sản xuất.

Trong hơn 4 năm (5 – 8 – 1964 đến 1 – 11 – 1968), quân dân miền Bắc đã bắn rơi, phá hủy 3234 máy bay, trong đó có 6 B52, 3 F111 ; diệt và bắt sống hàng nghìn giặc lái ; bắn cháy, bắn bị thương 143 tàu chiến, tàu biệt kích của chúng. Do bị thất bại nặng ở cả hai miền, đến 1 – 11 – 1968, Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom, bắn phá miền Bắc.

Trong khi đó, sản xuất tiếp tục được đẩy mạnh với tinh thần "làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm". Trong công nghiệp, năng lực sản xuất ở một số ngành được giữ vững. Riêng công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc phòng có tăng lên so với trước chiến tranh. Trong

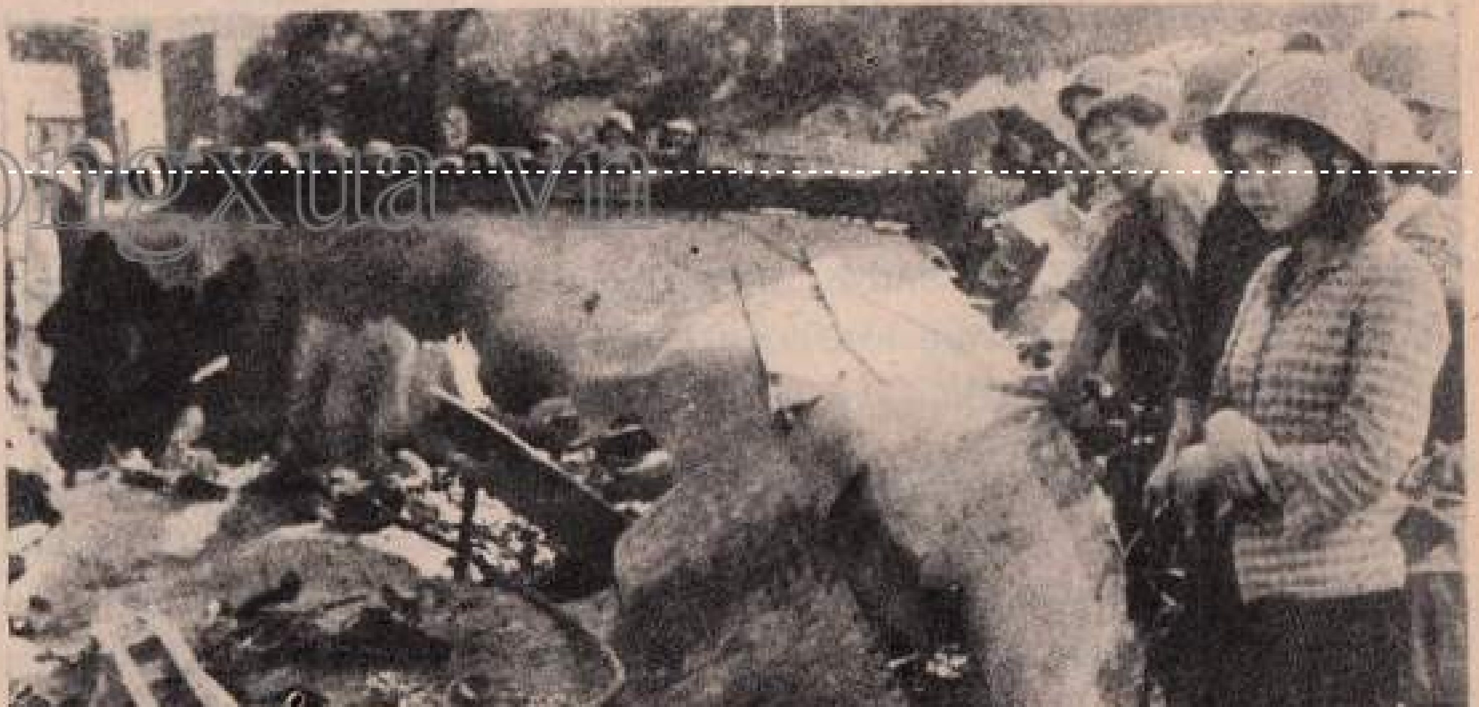

Hình 22 – Quân dân miền Bắc bắn rơi máy bay Mĩ

nông nghiệp, diện tích canh tác được mở rộng, năng suất lao động không ngừng tăng lên, ngày càng có nhiều hợp tác xã, nhiều địa phương đạt 3 mục tiêu : 5 tấn thóc, 2 đầu lợn, 1 lao động trên 1 hécta diện tích gieo trồng trong một năm.

Nhờ những nỗ lực phi thường trong sản xuất, trong chiến đấu bảo vệ sản xuất của giai cấp công nhân, nông dân tập thể, của toàn dân, cùng với sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa, và loài người tiến bộ, những nhu cầu của cuộc chiến đấu tại chỗ và ở miền Nam, cùng với những nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân đã được đáp ứng.

Trên mặt trận giao thông vận tải, là một trong những trọng điểm bắn phá của địch, ta bảo đảm thường xuyên thông suốt. Văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, văn học, nghệ thuật cũng được phát triển mạnh, đã phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ chính trị và cho đời sống nhân dân.

? *– Chiến đấu và sản xuất của quân dân ta ở miền Bắc nhằm mục đích gì và đáp ứng những yêu cầu gì của cách mạng cả nước ?*

thuongmaitr

3. Miền Bắc làm nghĩa vụ hậu phương lớn

Trong chống Mĩ cứu nước, miền Bắc là hậu phương lớn có nghĩa vụ chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam. Miền Bắc đã làm tròn nghĩa vụ đó một cách xuất sắc.

Ngay cả trong điều kiện chiến tranh ác liệt, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, miền Bắc vẫn hướng về miền Nam. Vì tiền tuyến kêu gọi, hậu phương sẵn sàng đáp lại "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người". Vì miền Nam ruột thịt, miền Bắc phấn đấu "Mỗi người làm việc bằng hai".

Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam mang tên Hồ Chí Minh trên bộ dọc theo dãy Trường Sơn, và trên biển dọc theo bờ biển Việt Nam bắt đầu khai thông từ tháng 5-1959, dài hàng nghìn kilômét đã nối liền hậu phương – tiền tuyến, thắt chặt tình cảm ruột thịt Bắc – Nam.

Qua hai tuyến đường vận chuyển chiến lược đó, chủ yếu trên đường Trường Sơn, trong 4 năm (1965 – 1968), miền Bắc đã đưa hơn 300 000

cán bộ, bộ đội vào Nam tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, tham gia các nhiệm vụ xây dựng kinh tế, văn hóa tại các vùng giải phóng, và cũng đã gửi vào Nam hàng chục vạn tấn vật chất, gồm vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, lương thực, thực phẩm, thuốc men và nhiều vật dùng khác. Tính chung sức người, sức của từ Bắc chuyển vào Nam trong 4 năm đã tăng gấp 10 lần so với thời kì trước. Đó là chưa kể hàng vạn chiến sĩ lái xe, lái tầu, công binh, thanh niên xung phong, giao liên làm nhiệm vụ đưa đón trên tuyến đường Trường Sơn.

Nguồn lực chi viện trên cùng với thắng lợi của quân dân miền Bắc giành được trong chiến đấu và sản xuất, có tác dụng to lớn. Nó đã góp phần quyết định vào thắng lợi của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến tranh cục bộ của Mĩ – ngụy.

?

– *Hậu phương miền Bắc đã chi viện những gì và bằng cách nào cho tiền tuyến miền Nam đánh Mĩ ?*

– *Tìm hiểu và nêu một số dẫn chứng về tội ác của giặc Mĩ và về gương chiến đấu, sản xuất của quân dân ta ở miền Bắc.*

uongxua.vn

III - MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG "VIỆT NAM HÓA" CHIẾN TRANH, PHỐI HỢP VỚI LÀO VÀ CAMPUCHIA CHỐNG "ĐÔNG DƯƠNG HÓA" CHIẾN TRANH CỦA MĨ (1969- 1973)

1. Chiến lược "Việt Nam hóa" và "Đông Dương hóa" chiến tranh của Mĩ

Đầu 1969, vừa trúng cử tổng thống và chính thức bước vào Nhà trắng, Níchxơn cho ra đời học thuyết mang tên mình – "Học thuyết Níchxơn", đề ra chiến lược toàn cầu "Ngăn đe thực tế". Mĩ thực hiện thí điểm ở miền Nam và Đông Dương chiến lược toàn cầu mới, đề ra chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh, "Lào hóa" chiến tranh, "Khơ me hóa" chiến tranh.

"Việt Nam hóa" chiến tranh là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ được tiến hành bằng quân đội tay sai là chủ yếu, có sự phối hợp của một bộ phận đáng kể lực lượng chiến đấu Mĩ và vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn quân sự, cung cấp đôla, vũ khí kĩ thuật, phương tiện chiến tranh, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

Phù hợp với chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh, quân viễn chinh Mĩ và quân chư hầu rút dần khỏi chiến tranh để giảm xương máu người Mĩ trên chiến trường, đồng thời với quá trình tăng lên của quân đội tay sai nhằm tận dụng triệt để xương máu người Việt Nam vì mục đích lợi ích thực dân mới của Mĩ trong chiến tranh. Thực chất đó là sự tiếp tục thực hiện âm mưu "dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam".

Nhưng trong thời kì đầu của "Việt Nam hóa" chiến tranh, quân Mĩ còn quan trọng, cùng với quân ngụy là hai lực lượng chiến lược. Quân Mĩ và chư hầu trong năm đầu (1969) đạt đến con số cao nhất (gần 60 vạn Mĩ, 7 vạn chư hầu) là chỗ dựa của quân ngụy và của "Việt Nam hóa" chiến tranh.

Thực hiện chương trình "Việt Nam hóa", Mĩ áp dụng một loạt biện pháp như :

– Tăng viện trợ quân sự, giúp quân đội tay sai tăng số lượng và trang bị hiện đại, để có thể "tự đứng vững", "tự gánh vác lấy chiến tranh".

– Tăng viện trợ kinh tế, giúp quân ngụy đẩy mạnh thực hiện quốc sách "bình định" nhằm chiếm đất, giành dân với cách mạng.

– Tăng đầu tư vốn, kĩ thuật phát triển kinh tế miền Nam vừa để lừa bịp, vừa để bóc lột nhiều hơn và giảm gánh nặng cho Mĩ.

– Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, tăng cường và mở rộng chiến tranh xâm lược Lào, Campuchia nhằm hỗ trợ cho chiến tranh "Việt Nam hóa".

– Bắt tay câu kết với các nước lớn xã hội chủ nghĩa nhằm cô lập cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.

Quân đội tay sai miền Nam còn được Mĩ sử dụng như lực lượng xung kích ở Đông Dương trong các cuộc hành quân mở rộng xâm lược Campuchia (1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (1971) nhằm thực hiện âm mưu "dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương".

? – *Mĩ có âm mưu và dùng thủ đoạn gì trong quá trình thực hiện chương trình "Việt Nam hóa" chiến tranh ?*

thuongmaitr

2. Miền Nam chiến đấu chống "Việt Nam hóa" và "Đông Dương hóa" chiến tranh của Mĩ

Miền Nam chiến đấu chống "Việt Nam hóa" chiến tranh của Mĩ là chiến đấu chống lại một cuộc chiến tranh xâm lược toàn diện được tăng cường với lực lượng địch lúc cao nhất trên 1,5 triệu ngụy, Mĩ, chư hầu (1971), và mở rộng ra toàn Đông Dương, vừa chiến đấu chống địch trên chiến trường, vừa đấu tranh với chúng trên bàn đàm phán.

Trong năm đầu chống "Việt Nam hóa" chiến tranh, lực lượng cách mạng có những tổn thất và khó khăn to lớn, một mặt do địch gây ra, mặt khác cũng do ta chủ quan trong việc đánh giá âm mưu mới của địch, chậm trễ trong việc đề ra chủ trương, biện pháp đối phó hữu hiệu.

Nhưng các khó khăn của ta từng bước được khắc phục, các thuận lợi của ta sớm được phát huy, đã tạo điều kiện cho cách mạng tiếp tục giành thắng lợi.

Thắng lợi chính trị mở đầu giai đoạn chống "Việt Nam hóa" chiến tranh là sự ra đời của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam ngày 6-6-1969. Đó là chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam Việt Nam. Vừa ra đời, Chính phủ cách mạng lâm thời đã được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.

uongxua.vn

Thực hiện lời chúc Tết đầu năm 1969 của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Vì độc lập, vì tự do, đánh cho Mĩ cút đánh cho ngụy nhào", và Di chúc thiêng liêng của Người để lại trước khi qua đời (2 – 9 – 1969), quân dân miền Nam cùng với quân dân miền Bắc ra sức đẩy mạnh kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Trong hai năm 1970 – 1971, quân dân ta ở miền Nam cùng với quân dân hai nước bạn Lào và Campuchia giành những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trên mặt trận quân sự, chính trị.

Trong hai ngày 24 và 25-4-1970, để đối phó lại việc Mĩ giật dây bọn tay sai làm đảo chính quân sự xóa bỏ nền trung lập của Campuchia (18-3-1970) chuẩn bị cho bước phiêu lưu quân sự mới, ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia họp Hội nghị cấp cao để biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.

Từ 30-4 đến 30-6-1970, quân giải phóng miền Nam, có sự hỗ trợ và phối hợp chiến đấu của quân dân Campuchia, với tinh thần "cứu bạn

như cứu mình", đã chiến đấu dũng cảm, đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn quân Mĩ và nguỵ Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 17 000 Mĩ nguỵ, giải phóng hoàn toàn 5 tỉnh thuộc Đông Bắc Campuchia và phần lớn nông thôn của 10 tỉnh khác, hình thành một vùng giải phóng rộng lớn với 4,5 triệu dân.

Trong cùng thời gian (nửa đầu năm 1970), quân tình nguyện của ta ở Lào đã cùng với quân dân bạn lập chiến công, đập tan cuộc hành quân lấn chiếm Cánh đồng Chum, Xiêng Khoảng (Đông – Xuân 1969–1970), giải phóng các thị xã Atôpơ, Saravan (4 – 6 – 1970), giải phóng vùng rộng lớn ở Nam Lào.

Từ 12–2 đến 21–3–1971, quân dân ta có sự hỗ trợ và phối hợp chiến đấu của quân dân Lào, đã đập tan cuộc hành quân chiếm giữ đường 9 – Nam Lào của 4, 5 vạn Mĩ – nguỵ Sài Gòn mang tên "Lam Sơn – 719", nhằm cắt đôi chiến trường Đông Dương, cắt tuyến chi viện chiến lược của ta. Ta loại khỏi vòng chiến 22 000 Mĩ – nguỵ, quét hết quân địch còn lại khỏi đường 9 Nam Lào, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.

Thắng lợi trên mặt trận quân sự đã hỗ trợ và thúc đẩy các cuộc đấu tranh trên mặt trận chống bình định của địch cũng như các cuộc đấu tranh chính trị ở nông thôn và thành thị.

Ở khắp các đô thị miền Nam, phong trào của các tầng lớp nhân dân nổ ra liên tục, rầm rộ. Đặc biệt ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, phong trào học sinh, sinh viên rầm rộ đã thu hút đông đảo giới trẻ tham gia. Phong trào tuổi trẻ, học sinh, sinh viên thời kì này có vai trò quan trọng, thường là "phong trào châm ngòi nổ" cho phong trào chung của các tầng lớp nhân dân thành thị. Trong đấu tranh, họ hiên ngang cất cao tiếng hát "Xuống đường... ", "Dậy mà đi... ", và đã đi vào từng đường phố, ra từng cánh đồng nơi bà con đang sản xuất để "nói với đồng bào" những thủ đoạn lừa bịp của Mĩ – nguỵ và để "nghe đồng bào nói" những tội ác của chúng đối với đồng bào. Qua thực tế đấu tranh, nhiều học sinh, sinh viên "xếp bút nghiên", ra mặt trận tham gia chiến đấu chống quân xâm lược.

Tại các vùng nông thôn, đồng bằng, rừng núi, ven thị, nơi nơi đều có phong trào quần chúng nổi dậy phá "ấp chiến lược", chống chương trình "bình định nông thôn" của địch. Đến đầu 1971, cách mạng giành

được quyền làm chủ thêm 3600 ấp với 3 triệu dân. Chính quyền cách mạng cũng đã cấp cho nông dân trên 1,6 triệu héc ta ruộng đất. Trong vùng giải phóng, các hoạt động sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp được đẩy mạnh. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế đạt được những kết quả quan trọng.

? – *Nêu những thắng lợi chung trên các mặt trận chính trị, quân sự của ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia đoàn kết chống Mĩ.*

3. Cuộc tiến công chiến lược 1972

Bước vào 1972, sau một loạt thắng lợi giành được trong hai năm 1970 – 1971 về quân sự, trên mặt trận chống bình định, trên bàn đàm phán ở Pari, cách mạng miền Nam đã có những điều kiện và thời cơ thuận lợi cho một cuộc tiến công chiến lược mới.

Ngày 30 – 3 – 1972, lợi dụng lúc địch chủ quan sơ hở do phán đoán sai thời gian, quy mô và hướng tiến công của ta, quân ta thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị tháng 5 – 1971 bắt đầu cuộc tiến công chiến lược theo đúng kế hoạch của Quân ủy Trung ương. Mở đầu cuộc tiến công, quân ta đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển rộng ra khắp chiến trường miền Nam và kéo dài trong năm 1972.

Quân ta tiến công địch với cường độ mạnh, quy mô rộng lớn, trên hầu hết các địa bàn chiến lược quan trọng và trong thời gian ngắn chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch, là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

Kết quả là sau gần 3 tháng chiến đấu (đến cuối tháng 6–1972), ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20 vạn quân ngụy, giải phóng những vùng đất đai rộng lớn với hơn 1 triệu dân.

Sau đòn mở đầu bất ngờ, choáng váng của quân ta, quân ngụy có sự yểm trợ tối đa của hỏa lực, không quân và hải quân Mĩ, đã phản công mạnh quân ta, gây cho ta nhiều thiệt hại. Phối hợp với ngụy, Mĩ gây trở lại chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Mặc dù vậy, ý nghĩa của cuộc tiến công chiến lược 1972 vẫn hết sức to lớn : đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ,

tuongxua.vn

giáng đòn mạnh mẽ vào quân ngụy (công cụ chủ yếu) và quốc sách "bình định" (xương sống) của chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh, buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh).

?

– *Cuộc tiến công chiến lược của quân ta ở miền Nam diễn ra trong điều kiện lịch sử như thế nào ?*

Kết quả và ý nghĩa lịch sử ?

– *Mĩ đã dùng những thủ đoạn gì nhằm phá vỡ liên minh đoàn kết chiến đấu ba dân tộc Việt Nam – Lào – Campuchia ? Kết quả ra sao ?*

IV - MIỀN BẮC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ 2 CỦA MĨ, TIẾP TỤC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CHI VIỆN CHO MIỀN NAM (1969 - 1973)

1. Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế

Trong thời kì mới, Đảng và Chính phủ chủ trương khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, ra sức chi viện cho tiền tuyến, chăm lo đời sống nhân dân, đồng thời bước đầu khắc phục sai lầm khuyết điểm trong chỉ đạo, quản lí kinh tế – xã hội.

thuongmaitr

Thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ và Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ cuối 1969, ba cuộc vận động chính trị lớn đã được phát động : *Lao động sản xuất ; Phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên ở nông thôn ; Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh.*

Hưởng ứng ba cuộc vận động chính trị lớn của Đảng và Chính phủ, nhân dân ta ở miền Bắc sôi nổi đẩy mạnh thi đua học tập, công tác, lao động sản xuất, nhằm khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa.

Trong khôi phục và phát triển kinh tế, ta chủ trương khôi phục và phát triển trước hết trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp, giao

thông vận tải. Trong nông nghiệp, ta có một số chủ trương khuyến khích sản xuất, chăn nuôi. Chăn nuôi được đưa dần lên thành ngành chính. Các hợp tác xã tích cực áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật, áp dụng nhiều biện pháp kĩ thuật thâm canh tăng vụ. Nhiều giống lúa mới được đưa vào trồng trên diện tích rộng. Nhờ đó, nhiều hợp tác xã đạt được mục tiêu 5 tấn thóc trên 1 hécta. Một số hợp tác xã đạt 6 – 7 tấn. Sản lượng lương thực năm 1970 tăng hơn 60 vạn tấn so với năm 1968. Năm 1971, mặc dầu bị trận lụt gây thiệt hại nặng, sản lượng lương thực tuy thấp hơn năm 1970, nhưng vẫn tăng hơn năm 1968 gần 30 vạn tấn. Việc cải tiến quản lí hợp tác xã có bước tiến đáng kể.

Trong công nghiệp, nhiều cơ sở công nghiệp trung ương và địa phương bị tàn phá được khôi phục nhanh chóng. Những công trình đang làm dở được ưu tiên đầu tư xây dựng tiếp và đưa vào hoạt động. Nhà máy thủy điện Thác Bà (Yên Bái) là nhà máy thủy điện đầu tiên của ta được gấp rút hoàn thành và bắt đầu phát điện từ tháng 10 – 1971. Một số ngành công nghiệp quan trọng như điện, than, cơ khí, vật liệu xây dựng... đều có bước phát triển. Giá trị sản lượng công nghiệp năm 1971 tăng 142% so với năm 1968.

Hệ thống giao thông vận tải bị phá hoại nặng nề được khẩn trương khôi phục, nhất là các tuyến giao thông chiến lược.

uongxua.vn

Văn hóa, giáo dục, y tế cũng nhanh chóng được khôi phục và phát triển. Đời sống nhân dân được ổn định. Một số khó khăn do sai lầm khuyết điểm của ta trong chỉ đạo, quản lí kinh tế xã hội bước đầu được khắc phục.

Cùng với những hoạt động kinh tế, văn hóa, miền Bắc đặc biệt chăm lo củng cố quốc phòng, sẵn sàng đối phó với âm mưu thủ đoạn mới của địch.

?

– Trong thực hiện nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, miền Bắc đạt được những thành tựu gì ?

2. Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai, vừa chiến đấu vừa sản xuất

Từ ngày 6-4-1972, một tuần sau khi quân dân ta ở miền Nam bắt đầu cuộc tiến công chiến lược (30-3-1972), Mĩ cho không quân và hải quân đánh phá một số nơi thuộc khu IV cũ. Ngày 16-4-1972, Ních xơn

tuyên bố chính thức cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ 2 chống miền Bắc. Đến ngày 9-5-1972, Níchxơn lại tuyên bố tăng cường, mở rộng quy mô đánh phá và phong tỏa cảng Hải Phòng cùng các cửa sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.

Cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ 2 của Níchxơn đã vượt xa cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ 1 của Giônxơn cả về quy mô, tốc độ, cường độ đánh phá, nhất là đã sử dụng một cách phổ biến, tập trung các loại máy bay hiện đại nhất, như B52, F.111. Ý đồ của tập đoàn Níchxơn là để cứu nguy cho chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh và tạo thế mạnh trên bàn đàm phán ở Pari.

Nhờ được chuẩn bị trước và với tư thế luôn luôn sẵn sàng chiến đấu,quân dân ta ở miền Bắc đã có thể chủ động, kịp thời chống trả địch ngay từ trận đầu. Với cách đánh mưu trí, dũng cảm, vận dụng và phát triển sáng tạo những kinh nghiệm tác chiến của chiến tranh nhân dân trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ 1 (1965 -1968), các lực lượng vũ trang phòng không, không quân và phòng thủ vùng biển của ta đã đánh thắng giòn giã. Chỉ tính trong 7 tháng đầu của cuộc chiến đấu (4 đến 10 - 1972), quân dân ta đã bắn rơi 651 máy bay, bắn cháy và bắn bị thương 80 tầu chiến Mĩ, bắt sống hàng trăm giặc lái.

thuongmaitr

Trong điều kiện của cuộc chiến đấu ác liệt lại có kinh nghiệm kết hợp chiến đấu và sản xuất của lần trước, kinh tế miền Bắc một lần nữa chuyển hướng, các hoạt động sản xuất và xây dựng không bị ngừng trệ, giao thông vận tải bảo đảm thông suốt, các mặt hoạt động khác của đời sống xã hội, như văn hóa, giáo dục, y tế vẫn được duy trì và phát triển. Nhân dân sơ tán, nhưng đời sống vẫn bảo đảm để tiếp tục sản xuất và chiến đấu thắng lợi.

Không đạt được mục tiêu mong muốn, cuối 1972, Mĩ tăng cường hơn nữa hoạt động chiến tranh chống miền Bắc. Ngày 14-12-1972, gần 2 tháng sau khi tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra để hỗ trợ cho mưu đồ chính trị, ngoại giao mới, chính quyền Níchxơn phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tập kích bằng không quân chiến lược vào Hà Nội, Hải Phòng. Cuộc tập kích 24 trên 24 giờ trong ngày bằng máy bay chiến lược B52 vào thủ đô Hà Nội và thành phố cảng Hải Phòng bắt đầu từ chiều tối 18-12-1972 đến hết 29-12-1972.

Trong 12 ngày đêm liên tục, Mĩ sử dụng trên 700 lần chiếc máy bay B52, gần 4000 lần chiếc máy bay chiến thuật chiến đấu, rải xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số mục tiêu phía Bắc vĩ tuyến 20 một khối lượng bom đạn 10 vạn tấn (riêng Hà Nội 4 vạn tấn), với sức công phá bằng 5 quả bom nguyên tử mà Mĩ ném xuống Nhật Bản năm 1945[1].

Nhờ chuẩn bị tốt cả về tư tưởng và tổ chức, lực lượng và phương tiện, quân dân miền Bắc đã đánh trả địch những đòn đích đáng từ trận đầu và đã đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B52 của Mĩ, làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không". Trong 12 ngày đêm, 81 máy bay (trong đó có 34 máy bay B52, 5 máy bay F.111) bị bắn rơi ; 44 giặc lái bị bắt sống. Riêng ở Hà Nội có 30 máy bay (trong đó có 23 B52, 2 F.111) bị bắn rơi.

Ngày 30-12-1972, chính phủ Mĩ tuyên bố ngừng mọi hoạt động chống phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, và đến ngày 15-1-1973 thì tuyên bố ngừng hoàn toàn các hoạt động chống phá miền Bắc để kí với Chính phủ ta Hiệp định Pari.

Tính chung, trong cả cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ 2 (từ 6-4-1972 đến 15-1-1973), miền Bắc đã bắn rơi 735 máy bay Mĩ (trong đó có 61 máy bay B52, 10 F.111), bắn cháy và bắn bị thương 125 tàu chiến, tàu biệt kích, diệt và bắt sống hàng trăm giặc lái.

? – *Cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B52 của Mĩ vào Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối 1972 nhằm mục đích gì ?*

– *Thắng lợi của quân dân ta giành được trong trận chiến đấu chống cuộc tập kích của Mĩ như thế nào ? Ý nghĩa của thắng lợi ?*

---

(1) Thiệt hại của miền Bắc trong hai lần Mĩ bắn phá rất nặng nề. Gần như toàn bộ các thành phố, thị xã đều bị đánh phá, trong đó 12 thị xã, 51 thị trấn bị phá hủy hoàn toàn ; 4000 trong tổng số 5788 xã bị đánh phá, trong đó 30 xã bị phá hủy hoàn toàn. Tất cả các khu công nghiệp bị đánh phá, nhiều khu bị đánh với mức độ hủy diệt, các nhà máy điện đều bị đánh hỏng nặng, 5 triệu mét vuông nhà ở (chưa kể ở nông thôn) bị phá hủy. Tất cả các tuyến đường sắt, 100% cầu, toàn bộ hệ thống bến cảng, đường biển, đường sông và kho tàng đều bị đánh phá. Địch gây tổn thất cho 1600 công trình thủy lợi, hầu hết các nông trường và hàng trăm nghìn hécta ruộng vườn ; giết hại 40000 trâu, bò. Đế quốc Mĩ đã đánh phá 3 000 trường học, 350 bệnh viện, trong đó 10 bệnh viện bị san bằng. (xem : Báo cáo chính trị của Đảng CS Việt Nam tại đại hội IV, NXB Sự thật, H.N. 1977, tr. 38).

3. Miền Bắc chi viện cho miền Nam

Sau kết thúc chiến tranh phá hoại lần thứ 1, ở miền Bắc tuy khó khăn vẫn còn nhiều, nhưng đã có những điều kiện mới để tăng tiềm lực của hậu phương, do đó có khả năng tăng chi viện cho tiền tuyến. Cuộc chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh ở miền Nam cũng đòi hỏi sự chi viện lớn của hậu phương miền Bắc. Trong 3 năm (1969 – 1971), hàng chục vạn thanh niên miền Bắc được gọi nhập ngũ, có 60% trong số đó lên đường bổ sung cho các chiến trường ở miền Nam và cả ở Lào, Campuchia. Khối lượng vật chất đưa vào các chiến trường trong 3 năm tăng gấp 1,6 lần so với 3 năm trước đó.

Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần này, mặc dầu đã tăng đến mức cao về quy mô, tốc độ, cường độ bắn phá, dùng nhiều biện pháp mạnh mẽ để phong tỏa hải cảng, bờ biển, cửa sông, Mĩ vẫn không ngăn được miền Bắc làm nghĩa vụ hậu phương.

Miền Bắc đã tập trung lớn khả năng về lực lượng, phương tiện để khắc phục tại chỗ và kịp thời hậu quả của những cuộc đánh phá ác liệt của địch, nhất là để vượt qua những cuộc bao vây phong tỏa gắt gao của chúng, bảo đảm tiếp nhận tốt hàng viện trợ từ bên ngoài và chi viện theo yêu cầu của tiền tuyến miền Nam và cho cả chiến trường Lào, Campuchia. Nhờ đó, khối lượng vật chất đưa vào các chiến trường trong năm 1972 vẫn tăng 1,7 lần so với năm 1971. Trong năm 1972, miền Bắc đã động viên trên 22 vạn thanh niên bổ sung cho lực lượng vũ trang và đưa vào chiến trường ba nước ở Đông Dương nhiều đơn vị bộ đội được huấn luyện và trang bị đầy đủ. Cuối tháng 8 năm 1972, trong báo cáo gửi Níchxơn, cơ quan tình báo Mĩ đã phải thú nhận : "Mặc dầu ném bom rất ác liệt vẫn không giảm đi một cách có ý nghĩa việc đưa người và trang bị vào miền Nam Việt Nam".

?

– *Sự chi viện của miền Bắc cho các chiến trường ở Đông Dương thời kì này có khó khăn và thuận lợi gì hơn so với thời kì 1965 – 1968 ? Kết quả ra sao ?*

– *Cuộc chiến đấu của quân dân ta ở miền Bắc trong hai lần chống chiến tranh phá hoại của Mĩ đã tác động như thế nào đến cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và chiến tranh giải phóng miền Nam ?*

V - ĐẤU TRANH VỚI MĨ TRÊN MẶT TRẬN NGOẠI GIAO, HIỆP ĐỊNH PARI VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM

1. Đấu tranh đòi Mĩ xuống thang, chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, đến bàn thương lượng bốn bên

Năm 1965, đồng thời với hành động tăng cường chiến tranh xâm lược miền Nam dưới hình thức chiến tranh cục bộ và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, chính quyền Giônxơn nói nhiều đến hòa bình thương lượng. Nhưng đó chỉ là luận điệu ngoại giao lừa bịp, một thủ đoạn chính trị nhằm phối hợp với hoạt động quân sự của chúng.

Đầu 1967, sau thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trong hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967, ta chủ trương đồng thời với mũi tiến công địch trên các mặt trận quân sự, chính trị cần mở thêm mặt trận tiến công ngoại giao nhằm tố cáo tội ác của bọn xâm lược Mĩ, vạch trần luận điệu hòa bình lừa bịp của chúng, nêu tính chất chính nghĩa, lập trường đúng đắn của ta, tranh thủ rộng rãi sự đồng tình ủng hộ của dư luận quốc tế.

uongxua.vn

Mục tiêu đấu tranh ngoại giao trước mắt của ta là đòi Mĩ chấm dứt không điều kiện các cuộc ném bom bắn phá và mọi hoạt động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, coi đó là điều kiện tiên quyết để đi đến cuộc thương lượng ở bàn hội nghị.

Ngày 31–3–1968, sau đòn bất ngờ, mạnh mẽ của cuộc tập kích chiến lược tết Mậu thân cùng với việc ra lệnh ngừng các cuộc ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, Giônxơn bắt đầu nói đến thương lượng với Việt Nam.

Ngày 13–5–1968, cuộc thương lượng chính thức hai bên giữa đại diện Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và đại diện Chính phủ Hoa Kì ở Pari họp phiên đầu tiên. Phái đoàn Mĩ do Hariman đứng đầu. Bộ trưởng Xuân Thủy trưởng đoàn Việt Nam dân chủ cộng hòa phát biểu trước, khẳng định lập trường không thay đổi của Việt Nam : trước tiên phải chấm dứt các cuộc ném bom bắn phá và mọi hoạt động chiến tranh khác một cách không điều kiện và trên toàn bộ miền Bắc, rồi mới bàn đến các vấn đề có liên quan đến hai bên.

Hội nghị hai bên ở Pari sau nhiều phiên họp trong năm 1968 vẫn chưa giải quyết được vấn đề gì cơ bản, nhưng đã mở đầu cho một thời kì ta tiến công địch trực tiếp về ngoại giao trên bàn hội nghị.

Ngày 1-11-1968, Giônxơn ra lệnh ngừng tất cả các cuộc ném bom bắn phá trên toàn bộ miền Bắc. Sau sự kiện này, cuộc đấu tranh giữa ta và Mĩ xoay quanh vấn đề chủ yếu về hình thức, thành phần hội nghị và đã đi đến thống nhất về hình thức hội nghị bốn bên giữa Việt Nam dân chủ cộng hòa, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam (sau đó là Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam[1], Hoa Kì và Việt Nam cộng hòa (chính quyền ngụy)

? – *Mĩ xuống thang chiến tranh để đến bàn thương lượng ở Pari như thế nào ?*

2. Đấu tranh đòi Mĩ chấm dứt chiến tranh xâm lược miền Nam tại bàn thương lượng ở Pari

Sau cuộc họp trù bị ngày 18-1-1969, Hội nghị bốn bên về Việt Nam chính thức họp phiên đầu tiên ngày 25-1-1969 tại Pari. Ngoài trưởng đoàn Việt Nam dân chủ cộng hòa và trưởng đoàn Mĩ, tham gia Hội nghị còn có trưởng đoàn của hai bên ở miền Nam Việt Nam là Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Việt Nam cộng hòa.

Từ phiên họp đầu tiên đến khi đạt được dự thảo Hiệp định Pari về Việt Nam (10-1972), Hội nghị bốn bên ở Pari trải qua nhiều phiên họp chung công khai và nhiều cuộc tiếp xúc riêng[2]. Lập trường bốn bên mà thực chất là của hai bên Việt Nam và Mĩ rất xa nhau, mâu thuẫn nhau, khiến cho cuộc đấu tranh diễn ra gay gắt trên bàn thương lượng đến mức nhiều lúc phải gián đoạn cuộc thương lượng.

Trong các phiên họp chung công khai cũng như trong các cuộc tiếp xúc riêng, phía Việt Nam không bỏ qua bất cứ vấn đề quan trọng nào có liên quan đến cuộc chiến tranh ở Đông Dương, nhưng tập trung mũi nhọn đấu tranh vào hai vấn đề mấu chốt nhất là đòi Mĩ rút hết quân viễn chinh cùng quân chư hầu khỏi miền Nam, và đòi họ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam. Phía Mĩ trước sau nêu quan điểm "có đi có lại", đòi hai bên (cả

(1) Trưởng đoàn Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam thời kì đầu là ông Trần Bửu Kiếm, sau là bà Nguyễn Thị Bình.

(2) Tổng cộng tất cả 202 phiên họp chung công khai. 24 cuộc tiếp xúc riêng trong thời gian 4 năm 9 tháng.

quân miền Bắc có mặt ở miền Nam) "cùng rút quân". Họ đã đặt ngang hàng kẻ đi xâm lược và người chống xâm lược.

? – *Các quan điểm mấu chốt của ta và của Mĩ nêu ra trong các cuộc thương lượng ở Pari.*

3. Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam

Do liên tiếp bị thất bại nặng nề ở cả hai miền nước ta, lại muốn qua được cuộc tranh cử tổng thống vào đầu tháng 11 – 1972, Níchxơn dùng thủ đoạn lùi bước trong thương lượng với ta ở Pari và xuống thang chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Đầu tháng 10–1972, phái đoàn Mĩ đến Pari để nối lại cuộc đàm phán đã bị gián đoạn từ tháng 3–1972. Trong cuộc tiếp xúc riêng với đại diện

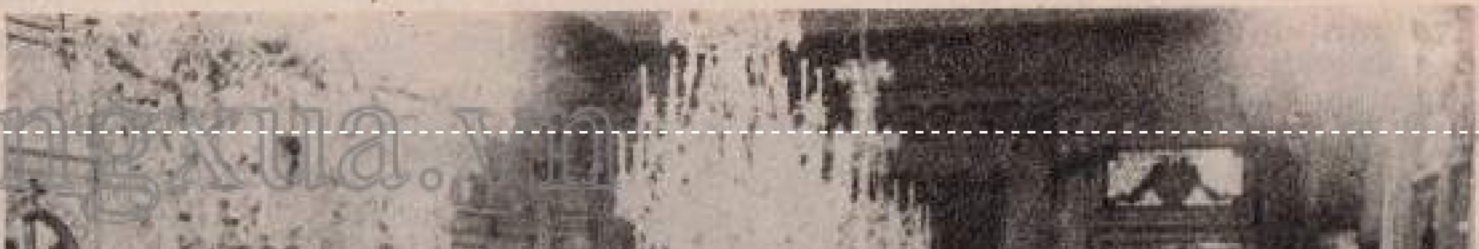

uongxua.vn

Hình 23 – Quang cảnh phòng họp tại Trung tâm các hội nghị quốc tế ở Pari trong lễ kí kết Hiệp định Pari (27–1–1973)

Mĩ ngày 8-10-1972 tại Pari, ta đưa ra dự thảo "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam" và đề nghị thảo luận để đi đến kí kết. Ngày 17-10-1972, văn bản Hiệp định được hoàn tất và hai bên thỏa thuận ngày kí chính thức. Để đi đến kí chính thức Hiệp định, ngày 22-10-1972, Ních xơn tuyên bố ngừng mọi hoạt động chống phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra.

Nhưng sau khi đã trúng cử lại tổng thống (8-11-1972), tập đoàn Ních xơn trở mặt, đòi xét lại văn bản Hiệp định đã được thỏa thuận đòi ta nhân nhượng.

Để ép ta nhân nhượng, kí một hiệp định do Mĩ đưa ra, Ních xơn âm mưu giành một thắng lợi quyết định. Cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B52 vào Hà Nội và Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối 1972 là nhằm mục đích đó. Nhưng cuộc tập kích đã bị phá sản hoàn toàn. Thất bại của Mĩ trên chiến trường đã quyết định thất bại của chúng trên bàn thương lượng.

Sau khi buộc phải chấm dứt hoàn toàn các cuộc ném bom bắn phá và mọi hoạt động chiến tranh khác chống miền Bắc, Mĩ cử đại diện

Hình 24 - Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam dân chủ cộng hòa Nguyễn Duy Trinh kí Hiệp định Pari

đến Pari để nối lại cuộc đàm phán. Đứng trên tư thế người chiến thắng, phái đoàn ta tại cuộc đàm phán kiên trì đấu tranh giữ nội dung cơ bản của dự thảo Hiệp định đã được thỏa thuận ngày 22–10–1972. Qua nhiều cuộc trao đổi, đến ngày 13–1–1973, bản dự thảo Hiệp định về cơ bản được thỏa thuận.

Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được kí tắt ngày 23–1–1973 giữa đại diện hai chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và Hoa Kì và được kí chính thức ngày 27–1–1973 giữa 4 bộ trưởng đại diện các chính phủ tham dự hội nghị, tại Trung tâm các Hội nghị quốc tế phố Clêbe (Kléber) ở Pari. Hiệp định bắt đầu có hiệu lực từ 7 giờ sáng ngày 28–1–1973.

Nội dung Hiệp định ghi rõ :

– Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Hình 25 – Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Nguyễn Thị Bình kí hiệp định Pari

– Hoa Kì rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu, phá hết các căn cứ quân sự Mĩ, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

– Các bên để cho nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do.

– Các bên công nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

– Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả cho nhau tù binh và dân thường bị bắt.

Ngày 2-3-1973, Hội nghị quốc tế về Việt Nam được triệu tập tại Pari, gồm đại biểu của các nước : Liên Xô, Trung Quốc, Anh, Pháp, bốn bên tham gia kí Hiệp định Pari và bốn nước trong Ủy ban giám sát và kiểm soát quốc tế (Ba Lan, Canađa, Hunggari, Inđônêxia), với sự có mặt của ông Tổng thư kí Liên hiệp quốc. Tất cả các nước tham gia Hội nghị đã kí vào bản Định ước ghi nhận và bảo đảm Hiệp định Pari về Việt Nam và các Nghị định thư kèm theo được thi hành nghiêm chỉnh.

thuongmaitr

Hiệp định Pari về Việt Nam là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân ta trên cả 2 miền đất nước, đã mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.

"Mĩ cút" theo Hiệp định Pari, nhưng ngụy vẫn chưa nhào, mục đích cuối cùng của sự nghiệp chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta vẫn chưa đạt được. Mặc dù vậy, đó là thắng lợi lịch sử quan trọng tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "ngụy nhào".

?

1. Hiệp định Pari 1973 về Việt Nam được kí trong hoàn cảnh nào ? Nội dung cơ bản, ý nghĩa lịch sử.

2. Trình bày quá trình diễn biến Hội nghị Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam (từ 5–1968 đến 1–1973).

Bài 15

CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH TOÀN VẸN LÃNH THỔ THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC ĐI ĐẾN THẮNG LỢI HOÀN TOÀN (1973 - 1975)

I - HAI MIỀN BẮC - NAM SAU HIỆP ĐỊNH PARI 1973

1. Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh sản xuất, ra sức chi viện cho tiền tuyến

Hai lần chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ ở miền Bắc kéo dài gần 5 năm "đã phá hủy hầu hết những cái mà nhân dân đã tốn biết bao công sức để xây dựng nên, làm cho quá trình tiến lên sản xuất lớn bị chậm lại đến vài ba kế hoạch 5 năm và làm đảo lộn cả nền nếp quản lí kinh tế"[1].

Nhưng sau Hiệp định Pari 1973, trong hoàn cảnh miền Bắc trở lại hòa bình, bọn xâm lược buộc phải rút khỏi nước ta làm cho so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng, miền Bắc có thêm những điều kiện thuận lợi để khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh sản xuất, ra sức chi viện cho tiền tuyến.

Phấn khởi trước thắng lợi vừa giành được và với quyết tâm giành thắng lợi hoàn toàn trong chống Mĩ cứu nước, nhân dân miền Bắc hăng hái lao động và công tác nhằm nhanh chóng khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, khôi phục *kinh tế*. Đến cuối tháng 6 – 1973, ta đã căn bản hoàn thành tháo gỡ thủy lôi, bom mìn trên biển, trên sông, bảo đảm việc đi lại bình thường. Sau 2 năm (1973 – 1974), về cơ bản ta khôi phục xong các cơ sở kinh tế, các hệ thống thủy nông, các mạng lưới giao thông, các công trình văn hóa, giáo dục, y tế. Kinh tế có bước phát triển. Đến cuối 1974, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trên một số mặt quan trọng đạt và vượt mức năm 1964 và 1971 là hai năm đạt mức cao nhất trong 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Đời sống nhân dân vì vậy được ổn định.

Thực hiện nghĩa vụ hậu phương, trong hai năm 1973 – 1974, miền Bắc đưa vào chiến trường miền Nam, Campuchia, Lào gần 20 vạn bộ

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. Báo cáo Chính trị của BCHTƯ Đảng tại Đại hội ĐBTQ lần thứ IV, NXB Sự thật, H.N. 1977 tr. 37 – 38.

đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ chuyên môn, nhân viên kĩ thuật. Đột xuất trong hai tháng đầu năm 1975, miền Bắc gấp rút đưa vào miền Nam 57 000 bộ đội (trong tổng số 108000 bộ đội của kế hoạch động viên 1975). Miền Bắc cũng đã đưa vào chiến trường hàng chục vạn tấn vật chất, gồm vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, thuốc men, lương thực, thực phẩm ... Sự chi viện về sức người, sức của của miền Bắc cho miền Nam thời kì này ngoài yêu cầu phục vụ chiến đấu với trọng tâm là tiến tới cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, còn phục vụ yêu cầu nhiệm vụ xây dựng vùng giải phóng trên tất cả các mặt : quốc phòng, kinh tế, giao thông vận tải, văn hóa, giáo dục, y tế và chuẩn bị cho nhiệm vụ tiếp quản vùng giải phóng sau khi chiến tranh kết thúc.

Để cho người và hàng vào chiến trường thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, trong hai năm 1973 – 1974, ta mở rộng, nâng cấp tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam. Đến đầu 1975, tuyến đường được nâng cấp và mở rộng dài hơn 16 000 kilômét, gồm 6 đường trục dọc theo sườn Đông và Tây Trường Sơn, 25 đường trục ngang vắt qua núi, một hệ thống đường nhánh tỏa ra các chiến trường. Ta cũng đã xây dựng được một hệ thống đường ống dẫn dầu dài 5000 kilômét vươn tới Lộc Ninh và một hệ thống đường thông tin liên lạc hữu tuyến đến tận các chiến trường.

thuongmaitr

? – *Vai trò hậu phương miền Bắc sau Hiệp định Pari được thể hiện như thế nào trong quá trình chuẩn bị tiến tới cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 ở miền Nam ?*

2. Miền Nam đấu tranh chống địch "bình định, lấn chiếm", tạo thế và lực tiến tới cuộc tổng tiến công và nổi dậy

Với Hiệp định Pari về Việt Nam, ta đã "đánh cho Mĩ cút" mà vẫn chưa "đánh cho ngụy nhào". Ngày 29 – 3 – 1973, toán lính Mĩ cuối cùng rời khỏi nước ta. Nhưng do ngụy chưa nhào, Mĩ còn duy trì được chính quyền tay sai ở miền Nam, nên chúng vẫn giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự đội lốt dân sự, lập ra bộ chỉ huy quân sự trá hình, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho ngụy.

Tiếp tục được cố vấn Mĩ chỉ huy và nhận viện trợ của Mĩ tuy không bằng trước, chính quyền ngụy ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pa ri. Chúng huy động hầu như toàn bộ lực lượng tiến hành chiến dịch "tràn

ngập lãnh thổ", liên tiếp mở những cuộc hành quân "bình định lấn chiếm" vùng giải phóng, xóa bỏ hình thái "da báo" hình thành sau Hiệp định. Thực chất đó là hành động tiếp tục chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta ở miền Nam.

Về phía cách mạng, chúng ta thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định. Nhưng do phía địch phá hoại trắng trợn, có hệ thống, chúng ta buộc phải đấu tranh kiên quyết để bảo vệ Hiệp định, bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được, tiếp tục đưa sự nghiệp chống Mĩ cứu nước đến thắng lợi.

Trong cuộc đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm trong những tháng đầu sau hiệp định, ta đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, do ta quá nhấn mạnh đến hòa bình, hòa hợp, do ở nhiều địa phương ta mất cảnh giác, không đánh giá hết âm mưu phá hoại hiệp định của địch, buông lỏng vũ khí tư tưởng cách mạng bạo lực, chiến lược tiến công ..., nên trên một số địa bàn quan trọng ta bị mất đất, mất dân.

Nắm bắt tình hình trên, trong tháng 7 – 1973, Đảng họp Hội nghị Trung ương lần thứ 21, Hội nghị nhấn mạnh : bất kể trong tình huống nào, con đường giành thắng lợi của cách mạng Việt Nam cũng là con đường bạo lực, do đó phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao nhằm tiến lên thực hành phản công để giành toàn thắng,.

Thực hiện nghị quyết của Đảng, ngày 15 – 10 – 1973, Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam ra mệnh lệnh cho quân dân miền Nam kiên quyết đánh trả những hành động chiến tranh của địch.

Chấp hành mệnh lệnh của Bộ chỉ huy, từ cuối 1973, quân dân ta ở miền Nam chẳng những đã kiên quyết giáng trả địch trong các cuộc hành quân bình định lấn chiếm nhằm bảo vệ vùng giải phóng, mà còn chủ động mở cuộc tiến công chúng tại những căn cứ xuất phát các cuộc hành quân của chúng, mở rộng vùng giải phóng.

Trên cơ sở thắng lợi giành được, đồng thời để kịp đón thời cơ chiến lược, từ cuối 1973 đến đầu 1975, khối chủ lực của ta từ đơn vị sư đoàn được hợp thành đơn vị lớn quân đoàn : quân đoàn 1 đứng trấn ở miền Bắc, tháng 10 – 1973, quân đoàn 2 ở Trị – Thiên tháng 5 – 1974 ; quân đoàn 4 ở Đông Nam Bộ tháng 7 – 1974 ; quân đoàn 3 ở Tây Nguyên tháng 3 – 1975.

Cuối 1974 – đầu 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông Xuân vào hướng Nam Bộ, trọng tâm là đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Quân ta đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch đánh đường 14 – Phước Long. Trong chiến dịch này (từ 12 – 12 – 1974 đến 6 – 1 – 1975), ta loại khỏi vòng chiến hơn 3 000 địch, giải phóng đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long với 50 000 dân. Sau chiến thắng này của ta, quân ngụy phản ứng mạnh và đưa quân để chiếm lại vùng mới giải phóng nhưng đã thất bại. Còn Mĩ chỉ phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực từ xa và đe dọa. Diễn biến đó của tình hình càng khẳng định rõ thêm nhận định của Đảng về sự lớn mạnh và khả năng chiến thắng lớn của quân ta, về sự suy yếu và bất lực của quân ngụy, về khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự rất hạn chế của Mĩ.

Đồng thời với tiến công quân sự, nhân dân ta ở miền Nam còn đẩy mạnh tiến công địch trên các mặt trận chính trị, ngoại giao. Đấu tranh chính trị của ta nhằm vào mục tiêu đòi Mĩ – ngụy thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Pari, đòi chúng thực hiện các quyền tự do dân chủ, đòi lật đổ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Đấu tranh ngoại giao của ta nhằm tố cáo hành động của Mĩ – ngụy vi phạm hiệp định, phá hoại hòa bình, hòa hợp dân tộc và nêu cao tính chất chính nghĩa cuộc đấu tranh của nhân dân ta.

Trong khi đó, tại các vùng giải phóng, đồng thời với cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương, nhân dân ta ra sức khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống và tăng nguồn dự trữ chiến lược. Năm 1973, diện tích gieo trồng ở các vùng giải phóng đồng bằng sông Cửu Long tăng 20 % so với năm 1972. Nhờ sản xuất phát triển, mức đóng góp của nhân dân cho cách mạng cũng ngày càng tăng. Năm 1973, nhân dân khu 9 (miền Tây Nam Bộ) đóng góp 1,7 triệu giạ lúa (bằng 34 000 tấn), 6 tháng đầu năm 1974 đóng góp 2,4 triệu giạ (bằng 48 000 tấn)... Các ngành sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, các mặt hoạt động văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế cũng được đẩy mạnh.

?

– *Quân dân miền Nam giành thêm những thắng lợi quan trọng gì, và các thắng lợi đó tác động như thế nào đến quá trình chuẩn bị tiến tới cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm 1975 ?*

– *Sau Hiệp định Pari, cách mạng ở hai miền Bắc – Nam có thêm những điều kiện thuận lợi và khó khăn gì ?*

II - CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975 Ở MIỀN NAM

1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam

Cuối 1974 đầu 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, Đảng họp Hội nghị Bộ Chính trị (từ 30 – 9 đến 7 – 10 – 1974) và Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (từ 18 – 12 – 1974 đến 8 – 1 – 1975) đề bàn kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng đang họp bàn thì nhận được tin quân dân ta giải phóng đường 14 và toàn tỉnh Phước Long (6 – 1 –1975).

Thắng lợi Phước Long và tình hình chiến sự sau Phước Long giúp Bộ Chính trị củng cố thêm quyết tâm chiến lược, bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch 2 năm (1975 – 1976) hoàn thành giải phóng miền Nam đề ra từ Hội nghị tháng 10 – 1974. Cụ thể là năm 1975 tranh thủ thời cơ bất ngờ tiến công địch trên quy mô lớn, rộng khắp, tạo điều kiện để đến năm 1976 tiến hành tổng công kích – tổng khởi nghĩa giải phóng hoàn toàn miền Nam

Bộ Chính trị tuy đề ra kế hoạch 2 năm, nhưng lại nhận định cả năm 1975 là thời cơ, và chỉ rõ : "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975". Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải tranh thủ thời cơ thực hiện cuộc tổng công kích – tổng khởi nghĩa, phải đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hóa..., giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

? – *Căn cứ vào điều kiện lịch sử nào Đảng đề ra kế hoạch 2 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam ?*

– *Nội dung kế hoạch đó là gì ?*

2. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975

Chiến dịch Tây Nguyên

Tây Nguyên là một địa bàn chiến lược hết sức quan trọng, cả ta và địch đều chú ý và cố gắng nắm giữ. Nhưng hiện tại, do nhận định sai hướng tiến công của quân ta, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng, bố phòng có nhiều sơ hở. Căn cứ vào đó, Hội nghị Bộ Chính trị tháng

10 – 1974, quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975.

Thực hiện chủ trương trên, ta tập trung lực lượng chủ lực mạnh với binh khí kĩ thuật hiện đại, mở chiến dịch quy mô lớn ở Tây Nguyên với trận then chốt mở màn Buôn Ma Thuột.

Đầu tháng 3 – 1975, quân ta tiến công địch nhiều nơi ở Tây Nguyên, và ngày 4 – 3 – 1975 đánh nghi binh ở Plâycu, Kontum nhằm thu hút quân địch vào hướng đó. Ngày 10 – 3 – 1975, với lực lượng mạnh hơn địch, quân ta được lệnh tiến công thị xã Buôn Ma Thuột, đánh các cơ quan đầu não của địch. Sau 2 ngày chiến đấu, ta tiêu diệt toàn bộ quân địch ở đây và hoàn toàn làm chủ thị xã.

Ngày 12 – 3 – 1975, quân địch tập trung lực lượng mở cuộc phản công nhằm chiếm lại Buôn Ma Thuột. Nhưng tất cả các cuộc phản công của chúng đều bị đánh tan.

Sau hai đòn đau (ngày 10 và 12) ở Buôn Ma Thuột, toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển, quân địch mất tinh thần, hàng ngũ chúng rối loạn, từ đó làm nảy sinh những sai lầm lớn về chiến lược.

Ngày 14 – 3, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút khỏi Plâycu, Kon Tum và toàn bộ Tây Nguyên về giữ vùng duyên hải Nam Trung Bộ, rồi tập trung lực lượng tái chiếm Buôn Ma Thuột. Ngày 16 – 3, quân ta được lệnh đánh chặn và truy kích địch trên đường chúng rút khỏi Tây Nguyên. Đến ngày 24 – 3, toàn bộ quân địch rút chạy bị quân ta tiêu diệt. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc. Ta diệt toàn bộ quân đoàn 2 trấn giữ ở đây, giải phóng toàn bộ Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân.

Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới : từ cuộc tiến công chiến lược phát triển thành cuộc tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

Chiến dịch Huế - Đà Nẵng

Thấy được thời cơ chiến lược đến nhanh, hết sức thuận lợi, Bộ Chính trị có quyết định kịp thời về kế hoạch giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam ngay khi chiến dịch Tây Nguyên còn tiếp diễn.

Muốn hoàn thành nhiệm vụ cơ bản đó, nhiệm vụ chiến lược trước mắt là tiến hành chiến dịch giải phóng Huế – Đà Nẵng.

thuongmaitr

Phối hợp với Tây Nguyên, quân ta ở Quảng Trị đẩy mạnh tiến công và ngày 19 – 3 giải phóng toàn tỉnh. Địch lo sợ, bỏ chạy về giữ Huế và Đà Nẵng. Phát hiện địch co cụm ở Huế, ngày 21 – 3, quân ta thọc sâu vào căn cứ địch, chặn các đường rút chạy của chúng, hình thành thế bao vây địch trong thành phố.

Trưa ngày 25–3, quân ta tiến vào giải phóng cố đô Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên. Trong cùng thời gian, quân ta tiến vào giải phóng thị xã Tam Kì (24–3), Quảng Ngãi (25–3), Chu Lai (26–3) tạo thêm một hướng uy hiếp Đà Nẵng từ phía Nam.

Đà Nẵng, thành phố lớn thứ hai ở miền Nam, một căn cứ quân sự liên hợp lớn nhất của Mĩ – ngụy, rơi vào thế cô lập. Quân ta từ ba phía Bắc, Tây, Nam tiến nhanh áp sát thành phố. Hơn 10 vạn địch bị dồn ứ về đây trở nên hỗn loạn, mất hết khả năng chiến đấu. Chúng phải dùng máy bay di tản cố vấn Mĩ và một phần lực lượng ngụy. Sáng 29–3, quân ta từ các hướng tiến thẳng vào thành phố, đến 3 giờ chiều thì chiếm toàn bộ thành phố.

uongxua.vn

Hình 26 – Quân ta giải phóng cố đô Huế.

Trong cùng thời gian với chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế – Đà Nẵng, từ cuối tháng 3 đầu tháng 4 – 1975, nhân dân các tỉnh còn lại ven biển miền Trung, phía Nam Tây Nguyên và một số tỉnh ở Nam Bộ, có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang địa phương và của quân chủ lực, đã nổi dậy đánh địch giành quyền làm chủ. Các đảo biển miền Trung cũng lần lượt được giải phóng. Từ 14 đến 29 – 4 – 1975, các đảo thuộc quần đảo Trường Sa do quân ngụy Sài Gòn chiếm giữ được giải phóng hoàn toàn.

Chiến dịch Hồ Chí Minh

Sau một tháng tiến công và nổi dậy, quân dân ta đã giành toàn thắng trong hai chiến dịch Tây Nguyên và Huế – Đà Nẵng, giải phóng hơn nửa đất đai và nửa số dân toàn miền Nam, chiếm giữ một khối lượng lớn vật chất, trang bị, phương tiện chiến tranh. Các lực lượng vũ trang của ta trưởng thành nhanh chóng.

Trong khi đó, lực lượng mọi mặt của địch giảm sút nghiêm trọng, chúng phải lùi về phòng thủ từ Phan Rang trở vào. Mĩ cũng đã hết sức giúp ngụy kéo dài cơn hấp hối bằng cách lập cầu hàng không viện trợ khẩn cấp cho chúng.

thuongmaitr

Về phía ta, như Nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 25–3–1975 đã nêu rõ "Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam ... Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kĩ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa". (trước tháng 5–1975). Chiến dịch giải phóng Sài Gòn cũng được Bộ Chính trị quyết định mang tên "Chiến dịch Hồ Chí Minh".

Từ đầu tháng 4, trên mọi miền đất nước, nhân dân sống những ngày giờ hết sức sôi động và hào hùng. Cả dân tộc ta ra quân trong mùa Xuân lịch sử với tinh thần "đi nhanh đến, đánh nhanh thắng" và với khí thế "thần tốc, bất ngờ, táo bạo, chắc thắng".

Ngày 9 – 4, quân ta tiến công Xuân Lộc, một căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch bảo vệ Sài Gòn từ phía đông. Tại đây diễn ra những trận chiến đấu ác liệt. Ngày 16–4, quân ta phá vỡ tuyến phòng thủ của địch ở Phan Rang. Ngày 21–4, toàn bộ quân địch ở Xuân Lộc tháo chạy.

Trước việc tuyến phòng thủ Phan Rang, Xuân Lộc bị chọc thủng, và việc thủ đô Phnôm Pênh mất vào tay quân giải phóng Campuchia (17–4), nội bộ Mĩ – ngụy càng thêm hoảng loạn.

Ngày 18–4, tổng thống Mĩ ra lệnh di tản hết người Mĩ khỏi Sài Gòn. Ngày 21–4, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức tổng thống.

17 giờ ngày 26–4, quân ta được lệnh nổ súng mở đầu chiến dịch. Tất cả 5 cánh quân từ các hướng vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào Sài Gòn.

Ngày 28 – 4, các trận địa pháo của ta đồng loạt nã đạn vào sân bay Tân Sơn Nhất, và chiều hôm đó phi công ta dùng 5 máy bay chiến đấu phản lực A37 thu được của địch mở đợt tập kích vào khu vực chứa máy bay của chúng.

Đêm 28 rạng sáng 29 – 4, tất cả các cánh quân của ta, được lệnh đồng loạt tổng công kích vào trung tâm thành phố, đánh chiếm tất cả các cơ quan đầu não của địch.

uongxua.vn

Hình 27 – Xe tăng tiến vào dinh Độc lập.
(Ảnh của bà François de Mulder)

9 giờ 30 phút, ngày 30 – 4, Dương Văn Minh vừa lên làm tổng thống ngụy hôm 28–4 kêu gọi "ngừng bắn để điều đình giao chính quyền" nhằm cứu quân ngụy khỏi sụp đổ.

10 giờ 45 phút ngày 30–4, xe tăng của ta tiến thẳng vào dinh "Độc lập" ngụy, bắt sống toàn bộ ngụy quyền trung ương, Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện. 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Phủ tổng thống ngụy, báo hiệu sự toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Thừa thắng, sau giải phóng Sài Gòn, lực lượng vũ trang và nhân dân các tỉnh còn lại ở Nam Bộ nhất tề đứng lên tiến công và nổi dậy theo phương thức xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh. Đến ngày 2–5–1975, Nam Bộ và miền Nam nước ta hoàn toàn giải phóng. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 với trận mở đầu Buôn Ma Thuột và chiến dịch Tây Nguyên, tiếp đó là chiến dịch Huế – Đà Nẵng cuối cùng là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đã kết thúc hoàn toàn thắng lợi sau gần 2 tháng liên tục và kiên cường chiến đấu (4–3 đến 2–5–1975). Thắng lợi đó chẳng những đã mở ra bước ngoặt của lịch sử dân tộc, mà còn tạo thời cơ lớn cho nhân dân Lào và Campuchia hoàn thành giải phóng đất nước.

thuongmait

?

– *Trình bày sơ lược diễn biến các chiến dịch Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng, và chiến dịch Hồ Chí Minh. Vị trí, ý nghĩa lịch sử của từng chiến dịch.*

– *Những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược mà quân dân ta ở hai miền đất nước giành được trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 – 1975) ?*

III - KẾT QUẢ, Ý NGHĨA LỊCH SỬ, NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC

1. Kết quả, ý nghĩa lịch sử

Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta đã kết thúc bằng chiến dịch đại thắng mùa Xuân 1975 : chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Đó là cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại, cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc tiêu biểu của nhân dân ta. Cuộc chiến tranh đã kéo dài hơn hai thập niên, (7–1954 đến 4–1975), dài hơn bất cứ cuộc

chiến tranh nào trong lịch sử và phải chống lại một đế quốc lớn mạnh nhất là đế quốc Mĩ.

Năm đời tổng thống Mĩ nối chân nhau điều hành qua 4 kế hoạch chiến lược thực dân mới và chiến tranh xâm lược của Mĩ. Chúng đã chi trực tiếp cho cuộc chiến tranh ở Việt Nam tới 676 tỉ đôla (so với 341 tỉ trong Chiến tranh thế giới thứ hai và 54 tỉ trong chiến tranh Triều Tiên), và nếu tính cả chi phí gián tiếp thì lên tới 920 tỉ[1]. Chúng huy động lúc cao nhất 55 vạn quân viễn chinh, lôi kéo 5 nước chư hầu với số quân lúc cao nhất hơn 7 vạn vào cuộc chiến, trực tiếp chiến đấu và làm nòng cốt cho hơn 1 triệu quân nguỵ tay sai ở miền Nam. Chúng đã dội xuống hai miền đất nước ta hơn 7, 8 triệu tấn bom đạn, một khối lượng bom đạn lớn hơn lượng bom đạn mà chúng đã sử dụng trong bất cứ cuộc chiến tranh nào trước đó.

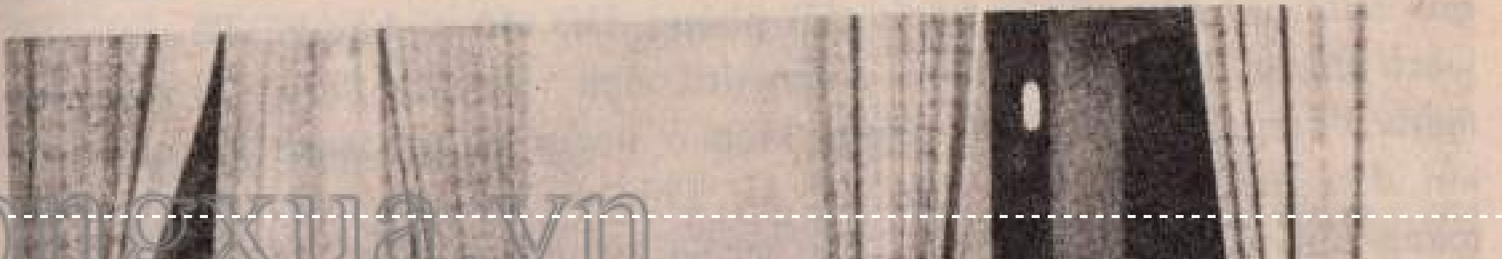
uongxua.vn

Hình 28 – Chính quyền nguỵ trung ương bị bắt

(1) VIỆT NAM, con số và sự kiện (1945 – 1989) NXB Sự thật, H.N . 1990, tr. 77. Sức mạnh Việt Nam, NXB QĐNDVN, H.N. 1976, tr. 121.

Miền Bắc xã hội chủ nghĩa được bảo vệ vững chắc, được xây dựng củng cố và tăng lên không ngừng tiềm lực kinh tế, quốc phòng, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn, đáp ứng ngày càng lớn yêu cầu chi viện cho miền Nam. Miền Bắc đã đưa vào chiến trường hàng triệu thanh niên bổ sung cho lực lượng chiến đấu. Nhịp độ bổ sung quân tăng hàng năm, từ chỗ chỉ chiếm 20 % trong tổng số quân tham gia chiến đấu ở chiến trường trong những năm đầu đã tăng lên 80% trong những năm cuối chiến tranh. Trên tuyến đường Trường Sơn nối liền hậu phương tiền tuyến, miền Bắc đã chuyển vào Nam hàng triệu tấn vật chất phục vụ cho chiến đấu. Tuyến đường Trường Sơn vừa là tuyến đường vận tải chiến lược, vừa là chiến trường chiến đấu. Những chiến sĩ vận tải từ miền Bắc vào cũng là những chiến sĩ trên mặt trận chiến đấu mặt giáp mặt với quân thù để bảo đảm cho tuyến đường thông suốt.

Mối quan hệ gắn bó nhân dân ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia đã có từ lâu trong lịch sử và được thử thách trong ngọn lửa cách mạng chống kẻ thù chung. Tình đoàn kết và liên minh chiến đấu giữa ba dân tộc trong một chiến lược chung và trên một chiến trường Đông Dương thống nhất đã tạo ra sức mạnh to lớn cho các lực lượng cách mạng chung Đông Dương và cho lực lượng cách mạng từng nước ở Đông Dương. Đó cũng là một nguyên nhân cơ bản nữa đã góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta (và cả của nhân dân hai nước Lào và Campuchia).

Cuối cùng, cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta tiến hành trong điều kiện quốc tế có nhiều thuận lợi. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta được sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, lại được sự đồng tình và ủng hộ mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc, các lực lượng cách mạng, dân chủ, hòa bình và của loài người tiến bộ, trong đó có nhân dân Mĩ. Tình đoàn kết của quốc tế đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân ta đấu tranh chống Mĩ, góp phần đáng kể vào việc tăng cường sức mạnh kinh tế và khả năng phòng thủ đất nước ta.

Đó là toàn bộ những nhân tố tạo sức mạnh, bảo đảm cho cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta đi đến thắng lợi hoàn toàn, trong đó nhân tố bao trùm là sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam – đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam.

? *1. Trong các nguyên nhân tạo nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, nguyên nhân nào quan trọng hơn cả ?*

2. Tại sao khẳng định như vậy ?

Chương VI

CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975 - 1991)

Bài 16

HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC, ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1979)

tuongxua.vn

I. HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC, MỞ RỘNG QUAN HỆ QUỐC TẾ

1. Hoàn thành thống nhất đất nước

Sau đại thắng mùa Xuân 1975, đồng thời với nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định tình hình chính trị – xã hội miền Nam, là nhiệm vụ hoàn thành thống nhất về mặt nhà nước, một bước quan trọng trong quá trình thống nhất toàn diện đất nước, cũng được khẩn trương thực hiện.

Từ 15 đến 21 tháng 11 –1975, đại biểu hai miền Bắc – Nam họp Hội nghị hiệp thương tại Sài Gòn đã hoàn toàn nhất trí chủ trương của Đảng tại Hội nghị Ban chấp hành trung ương lần thứ 24 (8 – 1975) hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Ngày 25 – 4 – 1976, cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tổ chức trong cả nước. Đây là lần thứ hai cuộc tổng tuyển cử được tổ chức trong cả nước sau lần đầu tổ chức ngày 6 – 1 – 1946. Hơn 23 triệu cử tri (98,8% tổng số cử tri) đi bầu.

Cuối tháng 6 đầu tháng 7 – 1976, Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất với 492 đại biểu, được gọi là Quốc hội khóa VI với ý nghĩa kế tục sự nghiệp của 5 khóa Quốc hội trước kể từ Cách mạng tháng Tám 1945, họp tại Hà Nội. Quốc hội quyết định lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ 2 – 7 – 1976, chọn Hà Nội là thủ đô của nước Việt Nam thống nhất, đổi tên thành phố Sài Gòn – Gia Định là thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội cũng đã bầu các cơ quan, các chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước Việt Nam thống nhất. Tôn Đức Thắng được bầu làm Chủ tịch nước, Trường Chinh làm Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội, Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ.

Với kết quả của kì họp thứ I Quốc hội khóa VI, công việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành. Từ đây, việc tiếp tục hoàn thành thống nhất đất nước trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội sẽ gắn liền làm một với việc thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước.

thuongmaitr

Ngày 31 – 1 –1977, tại thành phố Hồ Chí Minh, Đại hội đại biểu các mặt trận dân tộc ở hai miền Bắc – Nam họp để thống nhất thành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ngày 18–12–1980, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua. Hiến pháp mới đã kế thừa và phát triển Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1960. Đây là Hiến pháp đầu tiên của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước.

2. Mở rộng quan hệ quốc tế

Việt Nam hòa bình, thống nhất đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng quan hệ với các nước. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vừa tuyên bố thành lập (2–7–1976) đã có 94 nước chính thức đặt quan hệ ngoại giao (so với 75 nước đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và 76 nước với Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tính đến 31 – 4 – 1975), và đến 31 –12 – 1980 là 106 nước, đến 31 – 12 – 1989 là 114 nước và

76 nước có quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trở thành hội viên thứ 149 của Liên Hợp Quốc (từ 20 – 9 –1977) và là thành viên của hơn 20 tổ chức quốc tế khác.

Nhưng nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngay khi mới ra đời đã đứng trước những khó khăn và thử thách mới do chính sách cấm vận của Mĩ và những hoạt động khống chế, phá hoại khác của các lực lượng thù địch chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên thế giới và trong khu vực gây ra.

? – *Kì họp thứ I Quốc hội khóa VI đã quyết định những công việc gì ?*

– *Tại sao nói với kết quả kì họp đó, công việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành ?*

II. ĐẤU TRANH BẢO VỆ TOÀN VẸN LÃNH THỔ TỔ QUỐC

Sau 30 năm chiến tranh liên miên, khi đất nước đã độc lập tự do, có lẽ nhân dân ta không mong muốn gì hơn là được sống yên ổn, đem tài năng và sức lực xây dựng đất nước phồn vinh, cuộc sống văn minh, hạnh phúc, được chung sống hòa bình, hữu nghị với các nước, các quốc gia trên thế giới. Nhưng thực hiện những mong muốn chính đáng đó đâu có dễ dàng.

Do có sẵn âm mưu từ trước, tập đoàn Pôn Pốt – Iêng Xari – Khiêu Xamphon đại diện cho phái "Khơme đỏ" ở Campuchia, lên nắm quyền sau thắng lợi trong chống Mĩ đã quay ngay súng bắn vào lưng nhân dân ta, những người bạn chiến đấu thân thiết, thủy chung vừa góp phần xương máu làm nên chiến thắng ngày 17 – 4 – 1975 của nhân dân Campuchia, sau đó mở những cuộc hành quân khiêu khích, lấn chiếm lãnh thổ nước ta.

Ngày 3 – 5 – 1975, tập đoàn Pôn Pốt cho quân đổ bộ đánh chiếm đảo Phú Quốc, rồi trong những ngày tiếp xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ của ta dọc biên giới từ Hà Tiên đến Tây Ninh. Ngày 10 – 5 – 1975, chúng đánh chiếm đảo Thổ Chu. Nhưng tất cả những cuộc tấn công của chúng đều bị đánh bại.

Từ tháng 4 – 1977, song song với việc đẩy mạnh thực hiện chính sách diệt chủng, tàn sát nhân dân, thanh trừng nội bộ, tập đoàn Pôn Pốt

tăng cường những cuộc hành quân lấn chiếm lãnh thổ nước ta, và từ những cuộc xung đột vũ trang lẻ tẻ chúng mở rộng dần thành cuộc chiến tranh lớn trên toàn tuyến biên giới Tây – Nam nước ta.

Ngày 22 – 12 – 1978, tập đoàn Pôn Pốt huy động 19 trong tổng số 23 sư đoàn bộ binh, cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng... đến biên giới phía Đông, tiến vào khu vực Bến Sỏi thuộc tỉnh Tây Ninh bắt đầu cuộc tiến công quy mô lớn với ý đồ đánh chiếm thị xã Tây Ninh, mở đường tiến sâu vào lãnh thổ nước ta.

Thực hiện quyền tự vệ chính đáng của mình, quân ta với lực lượng lớn tổ chức cuộc phản công và tiến công mạnh, tiêu diệt toàn bộ cánh quân xâm lược vừa tiến vào đất ta. Tiếp đó, quân ta thừa thắng phát triển cuộc tiến công tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận quân chủ lực địch tại nơi xuất phát.

Cuộc tiến công quy mô lớn của tập đoàn Pôn Pốt hoàn toàn bị đập tan. Toàn bộ quân xâm lược bị quét sạch khỏi bờ cõi nước ta, hòa bình lập lại trên biên giới Tây – Nam Tổ quốc.

Chiến thắng biên giới Tây – Nam của quân dân ta đã tạo thời cơ lớn, hết sức thuận lợi cho cách mạng Campuchia giành thắng lợi. Ngày 7–1–1979, thủ đô Phnôm Pênh hoàn toàn giải phóng, nước Cộng hòa nhân dân Campuchia và Hội đồng nhân dân cách mạng Campuchia tuyên bố thành lập.

Hành động chống Việt Nam trên của tập đoàn Pôn Pốt được đế quốc Mĩ và một số nước khác cổ vũ. Trung Quốc là nước láng giềng thân thiết của Việt Nam, trong quá trình đấu tranh cách mạng, nhân dân hai nước đã từng gắn bó mật thiết, đoàn kết giúp đỡ nhau ; nhưng trong việc tập đoàn Pôn Pốt có hành động thù địch chống Việt Nam, một số người trong giới lãnh đạo Trung Quốc lúc đó lại đồng tình ủng hộ. Trung Quốc còn có những hành động làm tổn hại đến tình cảm giữa nhân dân hai nước như : cho quân khiêu khích quân sự dọc biên giới phía Bắc nước ta, cắt viện trợ, rút chuyên gia, vận động Liên Hợp Quốc và các nước trên thế giới cũng làm như vậy, nhằm gây khó khăn cho Việt Nam. Nghiêm trọng hơn từ sáng 17–2–1979, Trung Quốc còn cho quân đội tiến công nước ta dọc theo biên giới phía Bắc từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu) dài hơn 1400 km.

thuongmaitr

Để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, nhân dân ta trực tiếp là quân dân 6 tỉnh biên giới phía Bắc đã đứng lên chiến đấu. Trước cuộc chiến đấu của quân dân ta và sự phản đối của dư luận ở trong nước và trên thế giới, Trung Quốc tuyên bố rút quân khỏi nước ta bắt đầu từ ngày 5 – 3 – 1979, và đến ngày 18 – 3 – 1979 thì rút hết.

Cuộc xung đột biên giới phía Bắc và Tây – Nam nước ta được chấm dứt, đưa lại hòa bình, bảo đảm sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, khôi phục tình cảm láng giềng thân thiết, tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác vốn có từ lâu giữa Việt Nam – Trung Quốc, Việt Nam – Campuchia, với tinh thần : "Cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hướng tới tương lai".

?

1. Cuộc đấu tranh bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc của nhân dân ta đã diễn ra như thế nào ?

2. Điều kiện quốc tế của cách mạng nước ta sau 1975 có thuận lợi và khó khăn gì ?

Bài 17

uongxua.vn

VIỆT NAM TRÊN CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1976 - 1991)

I - BƯỚC ĐẦU ĐI LÊN ĐẦY THỬ THÁCH (1976 - 1986)

1. 1976 - 1980

Sau thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp chống Mĩ cứu nước, cách mạng nước ta chuyển giai đoạn : cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ 14 đến 20 – 12 – 1976 tại Hà Nội, vạch ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước. Đại hội nêu rõ sự tất yếu và tầm quan trọng của việc đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội : "Có chủ nghĩa xã hội, Tổ quốc ta mới có kinh tế hiện đại, văn hóa khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, do đó bảo đảm cho đất nước ta vĩnh viễn độc lập tự do và ngày càng phát triển phồn vinh"(1)

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam – Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng tại ĐHĐBTQ lần thứ IV. NXB Sự thật, H.N. 1977, tr. 41.

Đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế ở nước ta trong thời kì quá độ được Đại hội đề ra dựa trên cơ sở kinh nghiệm của cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc trong 21 năm (1954 – 1975), nhất là xuất phát từ đặc điểm tình hình đất nước và thế giới trong giai đoạn cách mạng mới. Đại hội nêu 3 đặc điểm lớn, mà đặc điểm lớn nhất là "nước ta vẫn đang trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa"(1). Đặc điểm này quy định cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, sâu sắc và triệt để, đồng thời cũng quy định tính chất lâu dài, khó khăn và phức tạp trong quá trình đó.

Đại hội còn quyết định phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch nhà nước 5 năm (1976 – 1980) nhằm hai mục tiêu cơ bản là :

Hình 29 – Đoàn tàu thống nhất

(1) Sách đã dẫn trên, tr. 47

xây dựng một bước cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công – nông nghiệp, và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.

Trong 5 năm thực hiện kế hoạch (1976 – 1980), nhân dân ta đạt được những thành tựu đáng kể :

– Khôi phục và phát triển kinh tế

Các cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải bị địch bắn phá về cơ bản đã được phục hồi và bước đầu phát triển. Năng lực sản xuất của các ngành kinh tế được nâng lên. Trong nông nghiệp, nhờ tăng cường nhiều biện pháp khai hoang, tăng vụ mà diện tích gieo trồng tăng thêm gần 2 triệu hécta.

Trong công nghiệp, có nhiều nhà máy được gấp rút xây dựng, như các nhà máy xi măng, điện, cơ khí động lực, đường, giấy, kéo sợi ... Ngành giao thông vận tải được khôi phục và xây dựng mới, như đường sắt, đường ôtô, cầu cống, bến cảng. Tuyến đường sắt thống nhất từ Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh sau 30 năm bị gián đoạn đã hoạt động trở lại.

uongxua.vn

- Cải tạo quan hệ sản xuất

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh với tốc độ nhanh trong các vùng mới giải phóng ở miền Nam. Giai cấp tư sản mại bản bị xóa bỏ. 15000 xí nghiệp tư bản hạng lớn và vừa được cải tạo chuyển thành xí nghiệp quốc doanh hoặc công tư hợp doanh. Thủ công nghiệp và thương nghiệp được sắp xếp và tổ chức lại. Đại bộ phận nông dân miền Nam đi vào con đường làm ăn tập thể, tham gia những hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, như tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất, hợp tác xã sản xuất...

- Văn hóa, giáo dục, y tế

Trong những vùng mới giải phóng ở miền Nam, phong trào Bình dân học vụ được xây dựng và thu hút ngày càng nhiều người tham gia. Tính chung số người đi học thuộc các đối tượng trong cả nước năm học 1979–1980 là 15 triệu (bằng 1/3 số dân), tăng hơn năm học 1976–1977 là 2 triệu. Trong ngành y tế, các cơ sở phòng bệnh, chữa bệnh, số giường bệnh sau 5 năm tăng hơn 11%.

Bên cạnh tiến bộ, thành tựu đạt được, chúng ta có không ít khó khăn, yếu kém, nhất là trong lĩnh vực kinh tế – xã hội. Kinh tế của ta còn mất cân đối lớn, sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân, năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Trong xã hội nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực.

Tình trạng đó có nhiều nguyên nhân, phần do nền kinh tế vốn nghèo nàn lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề gây ra, phần do chính sách cấm vận của Mĩ làm cản trở quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước. Nhưng quan trọng hơn là do lãnh đạo của Đảng và Nhà nước có sai lầm trong việc đề ra chủ trương cải tạo, xây dựng kinh tế thể hiện tư tưởng chủ quan, nóng vội, duy ý chí ; trong việc đề ra biện pháp tổ chức và chỉ đạo thực hiện, quản lí kinh tế – xã hội thể hiện tư tưởng bảo thủ, trì trệ..(1)

Sai lầm, khuyết điểm của ta "trên những mặt nhất định là nguyên nhân chủ yếu gây ra hoặc làm trầm trọng thêm tình hình khủng hoảng về kinh tế và xã hội"(2).

?

– *Trong thực hiện kế hoạch 5 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội (1976–1980), nước ta đạt được những thành tựu và có những khó khăn yếu kém gì ?*

– *Nguyên nhân của những kết quả đó là gì ?*

2. 1981 - 1985

Để tiếp tục đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh mới với những sự kiện lịch sử quan trọng và "những kinh nghiệm rất bổ ích tích lũy được", Đảng cần có sự điều chỉnh trong đường lối.

Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ 27 đến 31–3–1982 tại Hà Nội, đề ra nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, trong đó xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ hàng đầu. Đại hội khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa đã vạch ra từ Đại hội

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ V*. Tập I. NXB Sự thật. H.N. 1982. tr.38.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. Sách đã dẫn trên. tr.36 –37.

IV. Tuy nhiên, đến Đại hội V đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội bắt đầu có sự điều chỉnh, được bổ sung và cụ thể hóa cho từng chặng đường, từng giai đoạn phù hợp với những điều kiện lịch sử cụ thể.

Đại hội xác định thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trải qua nhiều chặng. Chặng đường trước mắt (chặng đường đầu) gồm 5 năm (1981–1985) và những năm còn lại của thập niên 80, Đại hội nêu nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế – xã hội chung cho cả chặng đường đầu 10 năm (1981 – 1990) và cho 5 năm đầu.

Trong 5 năm (1981 – 1985), Đảng chủ trương đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển thêm một bước và sắp xếp lại cơ cấu nền kinh tế quốc dân, nhằm đạt được sự ổn định về cơ bản tình hình kinh tế – xã hội, đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất của đời sống nhân dân, giảm nhẹ những chỗ mất cân đối nghiêm trọng nhất của nền kinh tế.

Thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1981–1985), nhân dân ta đã đạt được những thành tựu quan trọng.

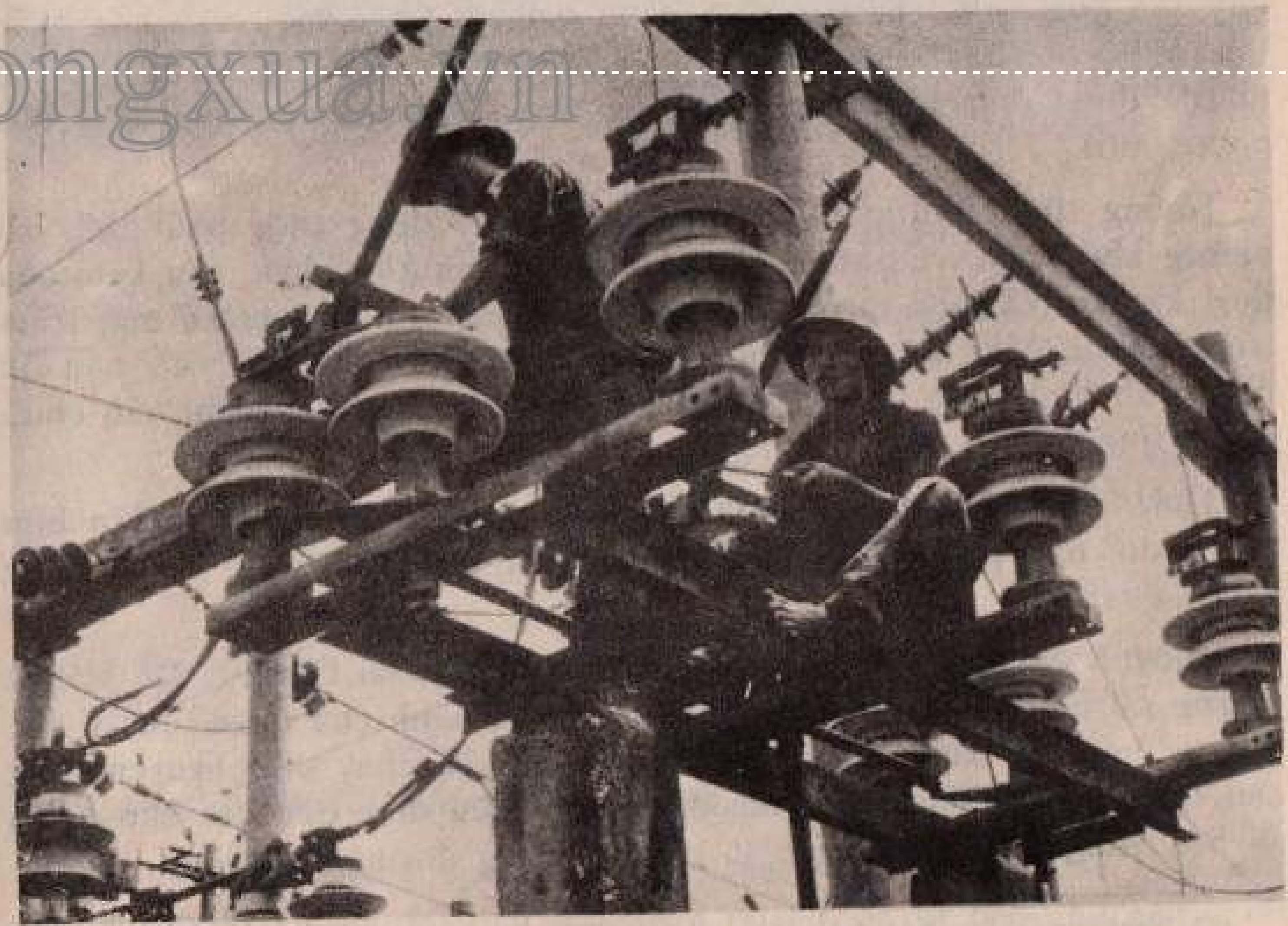

Hình 30 – Công nghiệp điện phát triển

Trong nông nghiệp và công nghiệp đã chặn được đà giảm sút của những năm 1976 – 1980. Nông nghiệp tăng bình quân hàng năm 4,9%, so với 1,9% hàng năm của thời kì 1976 – 1980. Sản xuất lương thực có bước phát triển quan trọng, mức bình quân hàng năm từ 13,4 triệu tấn trong thời kì 1976 – 1980, tăng lên 17 triệu tấn trong thời kì 1981 – 1985. Sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 9,5% so với 0,6% hàng năm trong thời kì 1976 – 1980. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm 6,4% so với 0,4% trong 5 năm trước.

Điểm mới trong nông nghiệp thời kì này là việc thực hiện rộng rãi phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, tuy chưa hoàn thiện và còn nhiều thiếu sót, nhưng đã góp một phần quan trọng tạo nên bước phát triển nông nghiệp, mở ra phương hướng đúng đắn cho việc củng cố quan hệ kinh tế tập thể ở nông thôn.

Về xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật, trong 5 năm chúng ta đã hoàn thành hàng trăm công trình tương đối lớn, hàng ngàn công trình vừa và nhỏ, trong đó có một số cơ sở về điện, dầu khí, xi măng, cơ khí, dệt, đường, thủy lợi, giao thông...

Các hoạt động khoa học – kĩ thuật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục – thể thao, văn hóa – nghệ thuật... phát triển và có những đóng góp nhất định vào việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới.

Khẳng định những thành tựu đạt được, đồng thời phải thấy rõ những khó khăn, yếu kém, cũng vẫn là những khó khăn, yếu kém của thời kì trước không được hạn chế, khắc phục, thậm chí có mặt trầm trọng thêm. Mục tiêu cơ bản do Đại hội V đề ra là "về cơ bản ổn định tình hình kinh tế – xã hội, ổn định đời sống nhân dân "vẫn chưa được thực hiện.

Tình hình đó có nguyên nhân khách quan rất lớn, nhưng lớn hơn hết là do" những sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo, quản lí của Đảng và Nhà nước"(1).

Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm ấy, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, vẫn là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan, muốn thực hiện nhanh chóng nhiều mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện nước ta mới ở chặng đường đầu tiên.

---

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng CSVN. (Tạp chí cộng sản số 1 – 1987, tr . 117).

thuongmaitr

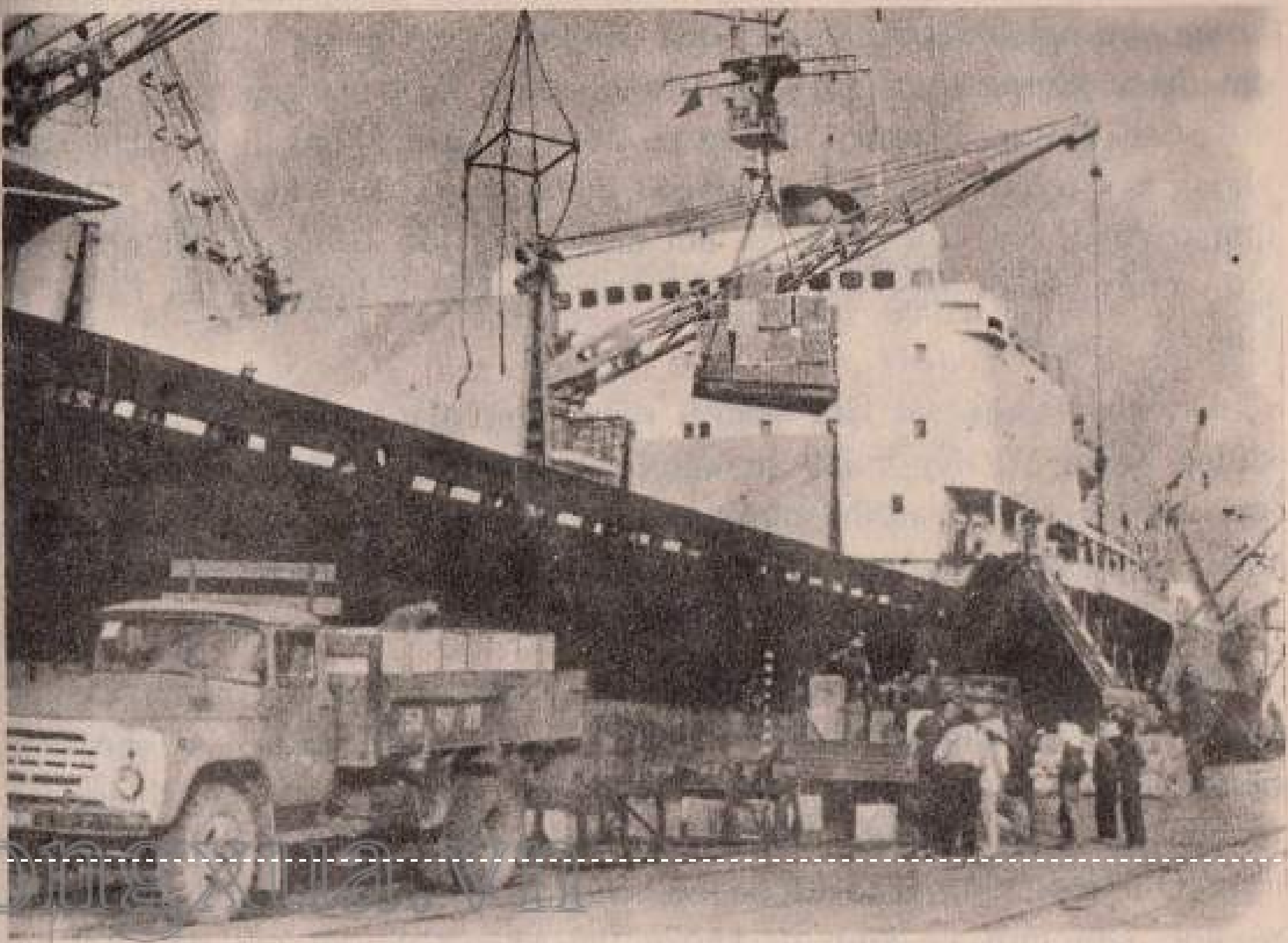

Hình 31 – Bến cảng được khôi phục và phát triển

?

– *Trong từng kế hoạch 5 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội (1976 – 1980 và 1981 – 1985), Đảng và Nhà nước ta đã đề ra những nhiệm vụ và mục tiêu kinh tế – xã hội gì ?*

– *Trong 5 năm (1981 – 1985) thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa, nước ta có những tiến bộ và khó khăn, yếu kém gì hơn so với 5 năm trước (1976 – 1980) ?*

II - ĐẤT NƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI (1986 - 1991)

1. Đường lối đổi mới xây dựng đất nước trong thời kì quá độ

Từ một nước nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ còn phổ biến tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đó là con đường mới mẻ, đầy khó khăn, thử thách.

Trong hơn một thập kỉ, trải qua 2 nhiệm kì Đại hội IV và V (1976 – 1986), Đảng và nhân dân ta vừa làm, vừa tìm tòi, thể nghiệm con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình đó, cách mạng xã hội chủ nghĩa đạt được những thành tựu và tiến bộ đáng kể trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhưng cách mạng cũng đã gặp không ít khó khăn, có không ít yếu kém do sai lầm, khuyết điểm gây ra. Khó khăn của ta trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng lớn làm cho đất nước từ giữa những năm 1980 lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế – xã hội.

Để khắc phục sai lầm khuyết điểm, đưa đất nước vượt qua cuộc khủng hoảng và đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên, đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải đổi mới. Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp từ 15 đến 18–12–1986 tại Hà Nội là cái mốc quan trọng đánh dấu bước chuyển sang thời kì đổi mới.

Đây là đổi mới đất nước trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, với những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp. Đổi mới toàn diện, đồng bộ từ kinh tế, chính trị đến tư tưởng, xã hội. Đổi mới về kinh tế không thể không đi đôi với đổi mới về chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới về kinh tế. Đổi mới về chính trị phải tích cực, nhưng vững chắc, mang lại kết quả thực tế, không gây mất ổn định về chính trị, không làm phương hại đến toàn bộ công cuộc đổi mới.

- Về kinh tế

Trên cơ sở nâng cao nhận thức về đặc điểm thời kì quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là cả một quá trình lịch sử lâu dài, khó khăn, trải qua nhiều chặng, Đại hội VI của Đảng đề ra "nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát" của chặng đường đầu tiên là "ổn định mọi mặt tình hình kinh tế – xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa trong chặng đường tiếp theo"[1].

Muốn thực hiện những mục tiêu tổng quát của chặng đường đầu tiên (phải trong vài ba kế hoạch 5 năm) thì trong 5 năm trước mắt

(1) Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội toàn quốc lần thứ VI (Tạp chí cộng sản số 1–1987, tr .35).

(1986 – 1990) cần tập trung sức người sức của thực hiện bằng được những mục tiêu của *Ba chương trình kinh tế* : lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Nội dung ba chương trình kinh tế là sự cụ thể hóa nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên.

Nền kinh tế quốc dân của ta phải bao gồm nhiều ngành, nghề, nhiều quy mô, trình độ công nghệ, và gồm 2 bộ phận chủ yếu công – nông nghiệp kết hợp chặt chẽ với nhau. Trong công nghiệp, đẩy mạnh công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu ; xây dựng công nghiệp nặng với bước đi thích hợp, trước hết là các ngành trực tiếp phục vụ nông nghiệp. Trong nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp toàn diện ; phát triển nông – lâm – ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến ; trước hết bảo đảm lương thực và thực phẩm là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế – xã hội.

Yêu cầu cải tạo quan hệ sản xuất, các thành phần kinh tế lạc hậu kìm hãm sự phát triển ; cải tạo đi đôi với sử dụng phải được coi là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kì quá độ. Cải tạo nhằm làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, có tác dụng thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Thành phần kinh tế tập thể ở nông thôn phải được củng cố bằng việc không ngừng hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động.

Trên cơ sở thừa nhận sự tồn tại lâu dài của các thành phần kinh tế còn tác dụng thúc đẩy sản xuất, của các hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, Đảng và Nhà nước ta chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa và vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước, lấy kinh tế quốc doanh và tập thể làm nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Các thành phần kinh tế, mọi người lao động được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp, và đều hướng tới mục tiêu "dân giàu nước mạnh".

Xóa bỏ cơ chế quản lí tập trung quan liêu bao cấp, hình thành cơ chế thị trường, kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh. Quản lí kinh tế không bằng mệnh lệnh hành chính mà bằng biện pháp kinh tế, lấy khuyến khích lợi ích vật chất làm động lực chủ yếu để phát

triển sản xuất, lấy kết quả lao động và hiệu quả kinh tế làm nguyên tắc cao nhất để phân phối sản phẩm xã hội cho người lao động.

Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, sự phân công lao động và hợp tác kinh tế quốc tế.

– Về chính trị

Đại hội VI của Đảng nhấn mạnh đến vấn đề dân chủ hóa xã hội, đến quan điểm "Lấy dân làm gốc", đến việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm , dân kiểm tra", coi đó là nền nếp hàng ngày của xã hội mới, thể hiện chế độ nhân dân lao động tự quản lí lấy nhà nước của mình.

? *– Từ Đại hội VI (12 – 1986), Đảng và Nhà nước ta có chủ trương và quan điểm đổi mới về phát triển kinh tế và chính trị như thế nào trong chặng đường đầu thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ?*

2. Thành tựu và hạn chế trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới

thuongmait

Thành tựu đầu tiên là trên lĩnh vực kinh tế, đạt được trong việc thực hiện các mục tiêu *Ba chương trình kinh tế* :

Về *lương thực - thực phẩm,* từ chỗ thiếu ăn triền miên, năm 1988 còn phải nhập hơn 45 vạn tấn gạo, đến năm 1990 chúng ta đã vươn lên đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân và thay đổi cán cân xuất – nhập khẩu. Sản xuất lương thực năm 1988 đạt 19,50 triệu tấn, vượt năm 1987 hơn 2 triệu tấn, và năm 1989 đạt 21,40 triệu tấn.

Hàng hóa trên thị trường, nhất là hàng tiêu dùng, dồi dào, đa dạng, và lưu thông tương đối thuận lợi, trong đó nguồn hàng sản xuất trong nước tuy chưa đạt kế hoạch vẫn tăng hơn trước và có tiến bộ về mẫu mã, chất lượng. Các cơ sở sản xuất gắn chặt với nhu cầu thị trường. Phần bao cấp của Nhà nước về vốn, giá, vật tư, tiền lương ... giảm đáng kể.

Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức và góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội. Từ 1986 đến 1990, hàng xuất khẩu tăng gần 3 lần (từ 439

triệu rúp và 384 triệu đôla lên 1019 triệu rúp và 1170 triệu đôla). Từ 1989 tăng thêm các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn như gạo, dầu thô và một số mặt hàng mới khác. Năm 1989 ta xuất 1,5 triệu tấn gạo. Nhập khẩu giảm đáng kể, tiến gần đến mức cân bằng giữa xuất và nhập.

Một thành tựu quan trọng nữa là đã kiềm chế được một bước đà lạm phát. Nếu chỉ số tăng giá bình quân hàng tháng trên thị trường năm 1986 là 20%, năm 1987 là 10%, năm 1988 là 14% thì năm 1989 là 2,5 % và năm 1990 là 4,4%. Nhờ kiềm chế được lạm phát, các cơ sở kinh tế có điều kiện thuận lợi hơn để hạch toán kinh doanh, đời sống nhân dân giảm bớt khó khăn(1).

Nhưng thắng lợi cơ bản có ý nghĩa chiến lược lâu dài bước đầu được khẳng định sau quá trình thực hiện chủ trương đổi mới của Đại hội VI là chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước, đã được sự hưởng ứng rộng rãi của dư luận xã hội, của quần chúng và nhanh chóng đi vào cuộc sống. Chính sách ấy đã thực sự phát huy quyền làm chủ kinh tế của nhân dân, khơi dậy được tiềm năng và sức sáng tạo của quần chúng để phát triển sản xuất và dịch vụ, tạo thêm việc làm cho người lao động và tăng sản phẩm cho xã hội.

uongxua.vn

Những thành tựu và ưu điểm nói trên chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp.

Nhưng công cuộc đổi mới như một cuộc cách mạng, có thành tựu, ưu điểm, đồng thời có khó khăn, yếu kém. Ưu điểm, thành tựu đạt được trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới là rất quan trọng. Nhưng khó khăn yếu kém cũng rất lớn. Đất nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, công cuộc đổi mới còn nhiều mặt hạn chế, nhiều vấn đề kinh tế – xã hội nóng bỏng vẫn chưa được giải quyết :

– Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát ở mức cao, lao động thiếu việc làm tăng, hiệu quả kinh tế thấp, nhiều cơ sở sản xuất đình đốn kéo dài, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

– Chế độ tiền lương bất hợp lí, đời sống của những người sống chủ yếu bằng tiền lương hoặc trợ cấp xã hội và của một bộ phận nông dân bị giảm sút. Tốc độ tăng dân số còn cao.

---

(1) Đảng CSVN. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII. NXB Sự thật, H.N 1991. tr. 17 – 27.

– Sự nghiệp văn hóa có những mặt tiếp tục xuống cấp. Tình trạng tham nhũng, ăn hối lộ, mất dân chủ, bất công xã hội, vi phạm pháp luật, kỉ luật, kỉ cương và nhiều hiện tượng tiêu cực khác còn nặng nề và phổ biến(1).

? *1. Trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nước ta đã đạt những thành tựu và có những hạn chế gì về kinh tế – xã hội ?*

2. Em có suy nghĩ gì về triển vọng kinh tế đất nước thực hiện theo đường lối đổi mới bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng ?

Bài 18

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN NAY (1919 - 1991)

thuongmait

I - CÁC GIAI ĐOẠN CHÍNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ

1. Giai đoạn 1919 - 1930

Đợt khai thác Việt Nam sau chiến tranh trên quy mô lớn với tốc độ nhanh, có hệ thống hơn so với đợt khai thác trước chiến tranh của đế quốc Pháp đã đưa xã hội Việt Nam từ một xã hội phong kiến, nông nghiệp lạc hậu thật sự trở thành một xã hội thuộc địa.

Trong hoàn cảnh đó, sự phân hóa giai cấp ngày càng sâu sắc hơn. Một mặt là sự phá sản nhanh chóng của đại đa số nông dân và sự bần cùng hóa trầm trọng của toàn thể nhân dân. Mặt khác là sự trưởng thành nhanh chóng của giai cấp công nhân về cả hai mặt số lượng và chất lượng. Hai giai cấp tư sản và tiểu tư sản cũng nối tiếp nhau ra đời. Các giai cấp và tầng lớp xã hội có địa vị và quyền lợi khác nhau nên cũng có thái độ chính trị khác nhau trong cuộc đấu tranh dân tộc, và đấu tranh giai cấp đang ngày càng phát triển.

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam – Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII. Sđd, tr. 50 – 51.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3-2-1930 (đến tháng 10-1930 đổi tên là Đảng Cộng sản Đông Dương) là sản phẩm tất yếu của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin, với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam và với phong trào yêu nước sục sôi của dân tộc ta vào cuối những năm 20 của thế kỉ này. Từ đó, chấm dứt tình trạng khủng hoảng lãnh đạo trong phong trào cách mạng Việt Nam và cách mạng Việt Nam đã bước vào một giai đoạn phát triển mới.

2. Giai đoạn 1930 - 1945

Ngay từ khi mới ra đời với hai khẩu hiệu chiến lược "Dân tộc độc lập" và "Người cày có ruộng", Đảng đã tập hợp được giai cấp nông dân (lực lượng đông đảo nhất trong cách mạng dân tộc dân chủ) cùng với giai cấp công nhân trong cao trào cách mạng những năm 1930 – 1931. Kẻ thù đã dìm phong trào trong máu lửa. Nhưng nhờ bắt rễ sâu trong quần chúng nhân dân, Đảng đã vượt qua cơn khủng bố trắng trong những năm 1931 – 1933 để trưởng thành về chính trị, phát triển về tổ chức, trở thành một lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam. Đó là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

Đến cuộc vận động dân chủ (1936 – 1939), đó thực sự là một cao trào cách mạng dân tộc và dân chủ rộng rãi. Qua phong trào, Đảng đã động viên, giáo dục và xây dựng được một đội quân chính trị quần chúng gồm hàng triệu người ở cả thành thị và nông thôn, đồng thời đã bồi dưỡng được một đội ngũ cán bộ cách mạng. Đó là cuộc diễn tập thứ hai của Cách mạng tháng Tám.

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9–1939), phát xít Nhật kéo vào Đông Dương (1940). Đảng nhận định thời kì cách mạng của các dân tộc Đông Dương, đánh đổ ách đế quốc chủ nghĩa đã tới và ráo riết chuẩn bị các mặt để hành động khi có thời cơ. Nhật hất cẳng Pháp (9–3–1945), Đảng đã chuyển hướng mau lẹ, đẩy tới cao trào kháng Nhật, cứu nước. Rồi Đồng minh đánh bại phát xít Nhật (8–1945), Đảng đã kịp thời lãnh đạo toàn dân nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.

uongxua.vn

3. Giai đoạn 1945 - 1954

Cách mạng vừa thành công thì Đảng và nhân dân ta đã phải đương đầu với những thử thách cực kì nghiêm trọng. Thù trong và giặc ngoài vào hùa với nhau để tấn công chính quyền cách mạng non trẻ.

Căn cứ vào tình hình so sánh lực lượng cụ thể và những thuận lợi, khó khăn trước mắt cũng như lâu dài của ta và địch, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đường lối đúng đắn cho cuộc kháng chiến toàn quốc, khẳng định đây là một cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và nhất định thắng lợi. Chiến thắng Điện Biên Phủ (7-5-1954) kết thúc chín năm chống Pháp đã chứng minh một chân lí của thời đại ngày nay : một dân tộc đất không rộng, người không đông, nếu biết đoàn kết chiến đấu theo một đường lối cách mạng đúng đắn thì có thể chiến thắng bất kì tên đế quốc to lớn nào.

4. Giai đoạn 1954 - 1975

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi đã mở ra cho cách mạng nước ta một thời kì phát triển mới. Cách mạng nước ta đứng trước tình hình mới, đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị, xã hội khác nhau.

Trước bước ngoặt quan trọng của cách mạng, Đảng Lao động Việt Nam đã đề ra và lãnh đạo nhân dân cả nước thực hiện đường lối : Kết hợp giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta tới thắng lợi vẻ vang.

Sau hơn 20 năm kiên cường, anh dũng chiến đấu, bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy vĩ đại mùa Xuân 1975, sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta đã giành được thắng lợi. Một kỉ nguyên mới trong lịch sử nước ta, kỉ nguyên của một nước Việt Nam độc lập, thống nhất xã hội chủ nghĩa rộng mở.

5. Giai đoạn 1975 - 1991

Sau đại thắng mùa xuân 1975, nước Việt Nam độc lập và thống nhất đã tạo những điều kiện cơ bản để chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng Lao động Việt Nam (từ nay Đảng khôi phục tên cũ là Đảng Cộng sản Việt Nam) họp tại Hà Nội

thuongmaitr

(từ 14 đến 20 – 12 – 1976) đã tổng kết quá trình 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà và nêu rõ sự tất yếu và tầm quan trọng của việc cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội sau khi kháng chiến chống Mĩ kết thúc thắng lợi. Bên cạnh những tiến bộ và thành tựu to lớn đạt được, cũng có không ít khó khăn và yếu kém nhất là trong lĩnh vực kinh tế – xã hội. Nguyên nhân quan trọng là do có sai lầm trong lãnh đạo, khuyết điểm trong chủ trương cải tạo và xây dựng kinh tế, trong tổ chức và chỉ đạo thực hiện, trong quản lí kinh tế, quản lí Nhà nước v.v..

Từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ VI (12–1986), trên cơ sở nhất trí cao trong Đảng và trong toàn xã hội về yêu cầu đổi mới đất nước, đổi mới con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về quan điểm đổi mới, và trên cơ sở nhận thức và nắm vững đặc điểm thời kì quá độ ở nước ta, Đảng đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp đổi mới đúng đắn và sáng tạo. Vì vậy đã đạt được những thành tựu đáng phấn khởi về các mặt, chủ yếu là về kinh tế.

Khó khăn còn lớn, tồn tại còn nhiều, nhưng vấn đề là đã chọn đúng con đường đi và có những biện pháp thích hợp.

uongxua.vn

II - NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM, PHƯƠNG HƯỚNG ĐI LÊN

Nhìn lại lịch sử đấu tranh hơn 70 năm qua (1919 – 1991), cách mạng Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn, phải đối đầu với nhiều kẻ thù xâm lược khác nhau vào loại hùng mạnh nhất thế giới.

Nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, lại trải qua nhiều năm chiến tranh, cho nên trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội, đã và đang đương đầu với những khó khăn to lớn và thử thách nghiêm trọng.

Từ năm 1975 lại đây, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã và đang diễn ra trong bối cảnh quốc tế phức tạp, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế không từ bỏ âm mưu chống phá cách mạng nước ta và cách mạng thế giới, nhất là hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa.

Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn. Cách mạng Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội

chủ nghĩa. Nhưng cũng có những tồn tại và vấp váp, trong đó về mặt chủ quan có sai lầm trong sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng. Vì vậy phấn đấu để khắc phục tình trạng khủng hoảng kinh tế – xã hội, đưa nước ta thoát khỏi cảnh nghèo nàn lạc hậu, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc là nhiệm vụ lịch sử trọng đại của toàn Đảng và toàn dân trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Đường lối đổi mới do Đại hội toàn quốc lần thứ VI khởi xướng đáp ứng yêu cầu cấp bách của dân tộc.

Kiên trì, tiếp tục thực hiện sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VII là yêu cầu đối với mọi người dân hiện nay.

Qua quá trình đấu tranh hơn 70 năm, một số bài học lịch sử quý báu đã được tổng kết và nêu ra trong Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII. Đó là :

– Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, một bài học xuyên suốt trong quá trình cách mạng của nước ta và là cội nguồn thắng lợi của cách mạng nước ta từ trước đến nay.

– Củng cố và tăng cường khối đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế, *một nhân tố quan trọng,* quyết định thành công của cách mạng nước ta.

– Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, *nhân tố hàng đầu* đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Luôn luôn củng cố và tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân là một yêu cầu quan trọng trong nhiệm vụ đổi mới của Đảng. Để thực hiện yêu cầu này, bên cạnh việc xác định chủ trương, đường lối đúng đắn, cần thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và các cơ quan dân cử..., thực hiện đúng tinh thần mà Đại hội VI đề ra là xây dựng chủ nghĩa xã hội do nhân dân làm chủ, Nhà nước là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chỉnh đốn đổi mới Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, ngang tầm với nhiệm vụ lịch sử, đó là yêu cầu và nhiệm vụ hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng hiện nay để đảm bảo những bước tiến vững chắc và đúng đắn cho cách mạng Việt Nam trước mắt cũng như lâu dài về sau.

thuongmaitr

MỤC LỤC

trang

Chương I

VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Bài 1 – Những biến chuyển về kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam từ 1919 đến 1930 — 3

Bài 2 – Phong trào cách mạng Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất — 9

Bài 3 – Phong trào cách mạng Việt Nam trong những năm trước thành lập Đảng (1925 – 1930) — 14

- I – Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và Tân Việt cách mạng đảng ra đời — 14
- II – Việt Nam quốc dân đảng và khởi nghĩa Yên Bái — 18
- III – Ba tổ chức cộng sản nối tiếp ra đời trong năm 1929 — 21

Chương II

CUỘC CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM (1930 - 1945)

Bài 4 – Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời — 23

Bài 5 – Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và cuộc đấu tranh phục hồi lực lượng cách mạng — 29

- I – Việt Nam trong thời kì khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) — 29

ruongxua.vn

II – Phong trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ – Tĩnh 31

III – Sự hồi phục lực lượng cách mạng sau khủng bố trắng của đế quốc Pháp 36

Bài 6 – Cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 38

Bài 7 – Cuộc vận động Cách mạng tháng Tám (1939 – 1945) 43

I – Tình hình Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ hai 43

II – Chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (11 – 1939) 45

III – Những phát súng đầu tiên báo hiệu thời kì đấu tranh mới 46

IV – Nhật nhảy vào Đông Dương (9 – 1940) 49

V – Mặt trận Việt Minh ra đời và lãnh đạo đấu tranh 53

VI – Cao trào kháng Nhật cứu nước tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 57

VII – Cách mạng tháng Tám thành công trong cả nước 62

Chương III

CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 - 1946)

Bài 8 – Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945 – 1946) 69

Chương IV

CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC VÀ CAN THIỆP MĨ (1946 - 1954)

Bài 9 – Những năm đầu toàn quốc kháng chiến (1946 – 1950) 80

I – Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ 80

II – Từ ngày toàn quốc kháng chiến đến chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947 85

III – Toàn quân và toàn dân thi đua đẩy mạnh kháng chiến toàn diện 90

IV – Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 95

thuongmaitr

Bài 10 – Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến trong những năm 1951 – 1953 99

Bài 11 – Cuộc kháng chiến thắng lợi

I – Cuộc tiến công chiến lược đông – xuân 1953 – 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 108

II – Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương 112

III – Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp. 114

Chương V

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN Ở MIỀN NAM, ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954 - 1975)

Bài 12 – Tình hình Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ 1954 và nhiệm vụ cách mạng trong thời kì mới (1954 – 1975) 116

Bài 13 – Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam (1954 – 1965) 121

I – Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa (1954 – 1960)

II – Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, củng cố hòa bình, tiến tới cuộc "Đồng khởi" (1954 – 1960) 126

III – Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng, miền Bắc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) 132

IV – Miền Nam chiến đấu chống "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ (1961 – 1965) 137

Bài 14 – Nhân dân hai miền Nam Bắc trực tiếp đương đầu với đế quốc Mĩ xâm lược (1965 – 1973)

I – Miền Nam chiến đấu chống "chiến tranh cục bộ" của Mĩ (1965 – 1968) 142

II – Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm nghĩa vụ hậu phương lớn (1965 – 1968) 146

III – Miền Nam chiến đấu chống "Việt Nam hóa" chiến tranh, phối hợp với Lào và Campuchia chống "Đông Dương hóa" chiến tranh của Mĩ (1969 – 1973) 151

IV – Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, chống chiến tranh phá hoại lần thứ 2 của Mĩ, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội và chi viện cho miền Nam (1969 – 1973) 156

V – Đấu tranh với Mĩ trên mặt trận ngoại giao, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam. 161

Bài 15 – Cuộc đấu tranh giành toàn vẹn lãnh thổ thống nhất đất nước đi đến thắng lợi hoàn toàn (1973 – 1975) 167

I – Hai miền Bắc – Nam sau Hiệp định Pari 1973 167

II – Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 ở miền Nam 171

III – Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước 176

Chương VI

CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975 - 1991)

Bài 16 – Hoàn thành thống nhất đất nước, Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1975 – 1979)

I – Hoàn thành thống nhất đất nước, mở rộng quan hệ quốc tế. 181

II – Đấu tranh bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc. 183

Bài 17 – Việt Nam trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội (1976 – 1991) 185

I – Bước đầu đi lên đầy thử thách (1976 – 1986) 185

II – Đất nước trên con đường đổi mới (1986 – 1991) 191

Bài 18 – Tổng kết lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay (1919 – 1991) 196

thuongmaitr

ruongxua.vn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

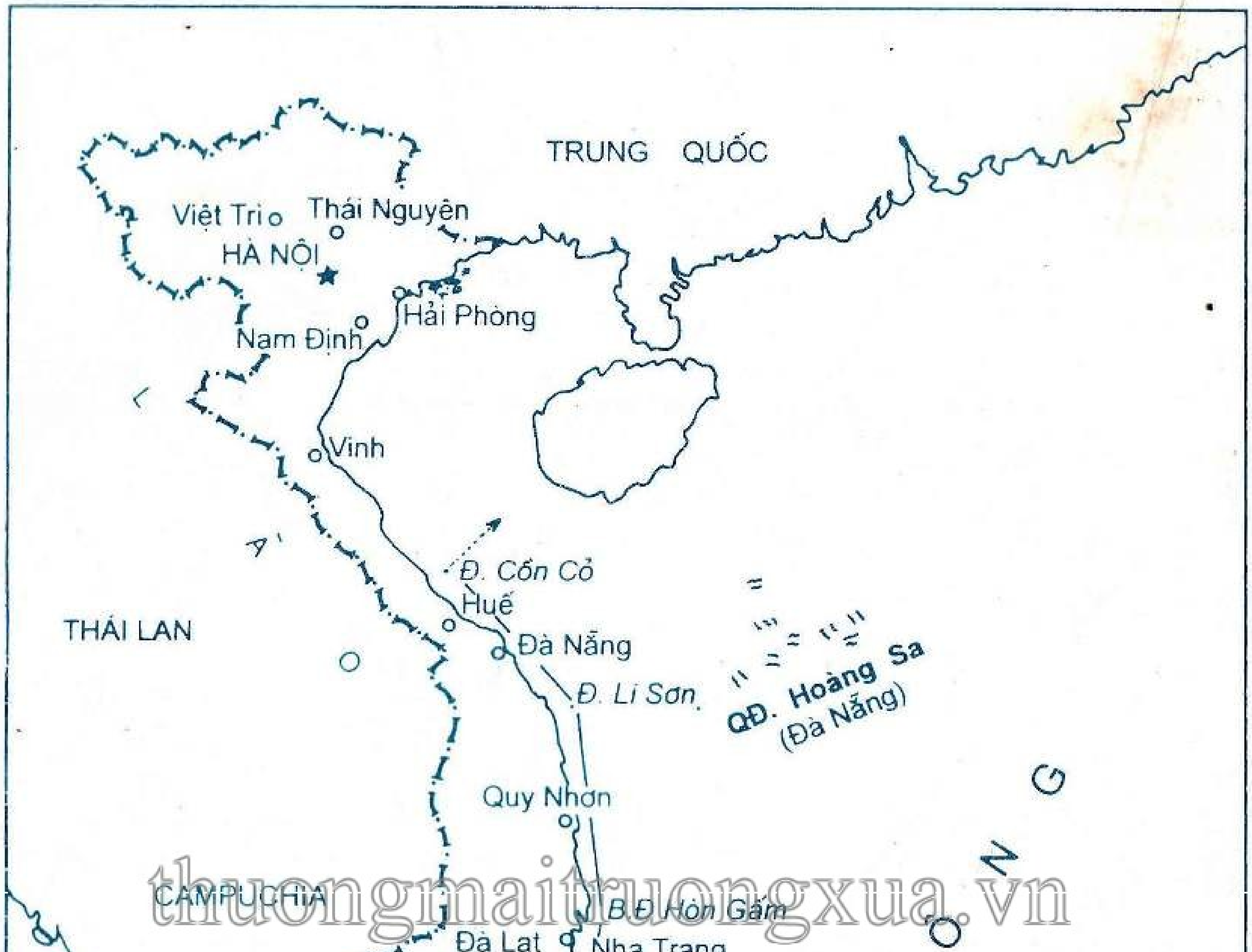

thuongmaitruongxua.vn

Lịch Sử 12 - Tập II

In 50.000 bản ,khổ 14,3 x 20,3cm tại Xí nghiệp in Tân Bình
105 Âu cơ Q.Tân Bình Số in :76 - Số xuất bản : 831/242-99
In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2000

Mã số : 3H209t0 **Giá : 4.400 đ**